



ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN

BÁO CÁO

KHẢO SÁT, ĐÁNH GIÁ NĂNG LỰC CẠNH TRANH
CẤP SỞ, BAN, NGÀNH VÀ UBND CẤP HUYỆN
(DDCI) TỈNH LẠNG SƠN



DDCI
LẠNG SƠN

2024

MỤC LỤC

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT.....	10
LỜI CẢM ƠN.....	11
LỜI MỞ ĐẦU	12
CHƯƠNG 01: TỔNG QUAN VỀ BỘ CHỈ SỐ DDCI LẠNG SƠN 2024	16
1.1. Giới thiệu DDCI Lạng Sơn 2024.....	16
1.1.1. Phương pháp luận DDCI 2024.....	16
1.1.2. Mục tiêu và nguyên tắc xây dựng bộ chỉ số DDCI 2024.....	16
1.2. Tổng quan về các chỉ số thành phần và phương pháp tính chỉ số DDCI Lạng Sơn 2024	18
1.2.1. Chỉ số thành phần trong khảo sát DDCI 2024.....	18
1.2.2. Trọng số của các chỉ số thành phần trong khảo sát DDCI 2024	21
1.2.3. Phương pháp tính chỉ số DDCI Lạng Sơn 2024	22
1.3. Phương pháp khảo sát DDCI Lạng Sơn 2024.....	25
1.3.1. Đối tượng khảo sát.....	25
1.3.2. Phương pháp chọn mẫu.....	25
1.3.3. Phương pháp khảo sát.....	28
1.3.4. Kết quả thu thập dữ liệu khảo sát DDCI 2024	29
1.3.5. Kết quả thu thập góp ý của DN/HTX/HKD trong khảo sát DDCI 2024	35
.....	38
CHƯƠNG 02: HỒ SƠ DDCI KHỐI UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ.....	39
2.1. Tổng quan DDCI khối UBND các huyện, thành phố năm 2024.....	39
2.2. Kết quả đánh giá theo từng chỉ số thành phần của DDCI khối các huyện, thành phố giai đoạn 2021-2024.....	46
2.2.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin cần được cải thiện quyết liệt hơn	49
2.2.2. Tiếp tục rà soát các hoạt động cải cách hành chính để thúc đẩy giảm thiểu chi phí thời gian cho doanh nghiệp.....	54
2.2.3. Các chi phí không chính thức vẫn có dấu hiệu xuất hiện trong các hoạt động và thủ tục hành chính	58
2.2.4. Xu hướng cạnh tranh bình đẳng được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá càng ngày càng tăng rõ rệt.....	62
2.2.5. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp được đánh giá tích cực nhưng chưa toàn diện và thiếu đồng đều.....	65

2.2.6. Tính năng động và hiệu lực của địa phương cần tiếp tục được phát huy	70
2.2.7. Vai trò của lãnh đạo chính quyền địa phương được đánh giá cao trong xuyên suốt nhiệm kỳ.....	74
2.2.8. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự vẫn chưa đạt hiệu quả tối ưu đảm bảo hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh như doanh nghiệp mong đợi	77
2.2.9. Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin một cách tích cực trong quản trị điều hành tại địa phương.....	81
2.2.10. Các thủ tục tiếp cận đất đai và sử dụng đất có dấu hiệu thỏa đáng và ổn định	84
2.3. Tổng hợp một số góp ý của DN/HTX/HKD từ các đơn vị khảo sát DDCI khối UBND huyện, thành phố	89
CHƯƠNG 03: HỒ SƠ DDCI KHỐI SỞ BAN NGÀNH.....	93
3.1. Tổng quan DDCI khối Sở, ban, ngành năm 2024.....	93
3.2. Kết quả đánh giá theo từng chỉ số thành phần của DDCI khối Sở, ban, ngành giai đoạn 2021-2024	102
3.2.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin đang duy trì một nền móng tốt để phát triển vượt bậc.....	103
3.2.2. Cải cách hành chính hiệu quả làm chi phí thời gian của DN giảm đáng kể...108	
3.2.3. Chi phí không chính thức có xu hướng tăng nhẹ.....	112
3.2.4. Sự bình đẳng trong môi trường cạnh tranh có dấu hiệu giảm.....	116
3.2.5. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp có xu hướng phát triển liên tục	119
3.2.6. Tính năng động và hiệu lực cần được tiếp tục phát huy mạnh mẽ	124
3.2.7. Lãnh đạo của sở ban ngành phát huy được vai trò một cách rõ nét và hiệu quả	127
3.2.8. Doanh nghiệp cần thêm các chính sách hỗ trợ về thiết chế pháp lý và an ninh trật tự để an tâm sản xuất kinh doanh	131
3.2.9. Ứng dụng công nghệ làm thông tin thân thiện hơn với cộng đồng doanh nghiệp	134
3.3. Tổng hợp một số góp ý của DN/HTX/HKD từ các đơn vị khảo sát DDCI khối Sở, ban, ngành.....	137
.....	140
CHƯƠNG 04: TỔNG KẾT CÁC XU HƯỚNG VÀ KHUYẾN NGHỊ	141
4.1. Tổng kết các xu hướng.....	141
4.1.1. Hồ sơ DDCI 2024 toàn tỉnh Lạng Sơn	141

4.1.2. Xu hướng của các chỉ số DDCI 2024.....	142
4.1.3. Xu hướng DDCI 2024 và PCI 2023.....	144
4.1.4. Khó khăn chung mà các doanh nghiệp đang gặp phải trong năm 2024.....	147
4.2. Khuyến nghị	148
4.2.1. Khuyến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh	148
4.2.2. Khuyến nghị với các UBND huyện, thành phố và các SBN	150
4.2.3. Khuyến nghị đối với công tác triển khai đánh giá DDCI 2025	152
Phụ lục 1: Hồ sơ DDCI chi tiết của UBND các huyện, thành phố.....	155
Phụ lục 2. Hồ sơ DDCI chi tiết của các Sở Ban Ngành	167
Phụ lục 3: Bảng xếp hạng DDCI khối UBND cấp huyện, thành phố.....	192
Phụ lục 4: Bảng xếp hạng DDCI khối sở, ban, ngành	193

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Bộ chỉ số DDCI Lạng Sơn 2024	18
Bảng 1.2. Trọng số của chỉ số thành phần khối sở, ban, ngành.....	22
Bảng 1.3. Trọng số của chỉ số thành phần khối UBND các huyện, thành phố	22
Bảng 1.4. Ví dụ về chuẩn hoá điểm số theo thang điểm 10	24
Bảng 1.5. Các bước và kết quả xây dựng danh sách chọn mẫu	26
Bảng 1.6. Phân bổ mẫu theo UBND huyện, thành phố.....	27
Bảng 1.7. Phân bổ mẫu theo sở, ban, ngành	28
Bảng 1.8. Tỷ lệ phiếu phản hồi	30
Bảng 1.9: Thống kê cơ cấu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh	30
Bảng 1.10. Tổng hợp số phiếu phát ra, số phiếu thu về hợp lệ và tỷ lệ phản hồi đối với khối UBND huyện, thành phố.....	32
Bảng 1.11. Tổng hợp số phiếu phát ra, số phiếu thu về hợp lệ và tỷ lệ phản hồi đối với khối Sở Ban Ngành	34
Bảng 1.12. Số lượng thành phần DN/HTX/HDK tham gia đóng góp ý kiến	35
Bảng 1.13. Số lượng các loại nội dung đóng góp của DN/HTX/HKD.....	36
Bảng 1.14. Số lượng chi tiết các loại đóng góp đối với SBN, UBND huyện, thành phố cụ thể.....	36
Bảng 2.1. Mức điểm và Xu hướng xếp hạng DDCI 2024 so với 2023	41
Bảng 2.2. Kết quả đánh giá CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin khối UBND các huyện, thành phố	52
Bảng 2.3. Kết quả đánh giá CSTP Chi phí thời gian khối UBND các huyện, thành phố... 57	
Bảng 2.4. Kết quả đánh giá CSTP Chi phí không chính thức khối UBND các huyện, thành phố.....	61
Bảng 2.5. Kết quả đánh giá CSTP Cạnh tranh bình đẳng khối UBND các huyện, thành phố.....	64
Bảng 2.6. Kết quả đánh giá CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp khối UBND các huyện, thành phố	69
Bảng 2.7. Kết quả đánh giá CSTP Tính năng động và hiệu lực của CQĐP khối UBND các huyện, thành phố	73
Bảng 2.8. Kết quả đánh giá CSTP Vai trò người đứng đầu khối UBND các huyện, thành phố.....	76
Bảng 2.9. Kết quả đánh giá CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự khối UBND các huyện, thành phố	80
Bảng 2.10. Kết quả đánh giá CSTP Ứng dụng công nghệ thông tin khối UBND các huyện, thành phố.....	83
Bảng 2.11. Kết quả đánh giá CSTP Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường khối UBND các huyện, thành phố.....	86
Bảng 3.1. Mức điểm và Xu hướng xếp hạng DDCI 2024 so với 2023 của khối Sở, ban, ngành	97

Bảng 3.2. Kết quả đánh giá CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin khối Sở, ban, ngành	107
Bảng 3.3. Kết quả đánh giá CSTP Chi phí thời gian khối UBND các SBN.....	111
Bảng 3.4. Kết quả đánh giá CSTP Chi phí không chính thức khối SBN.....	115
Bảng 3.5. Kết quả đánh giá CSTP Cạnh tranh bình đẳng khối Sở, ban, ngành.....	118
Bảng 3. 6. Kết quả đánh giá CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp khối Sở, ban, ngành	122
Bảng 3.7. Kết quả đánh giá CSTP Tính năng động và hiệu lực của CQĐP khối Sở Ban Ngành	127
Bảng 3.8. Kết quả đánh giá CSTP Vai trò người đứng đầu khối Sở Ban Ngành	130
Bảng 3.9. Kết quả đánh giá CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự khối Sở, ban, ngành	134
Bảng 3. 10.Kết quả đánh giá CSTP Ứng dụng công nghệ thông tin khối UBND các huyện, thành phố.....	136

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình tổng hợp điểm DDCI năm 2024	24
Hình 1.2. Cơ cấu phiếu khảo sát trực tuyến và trực tiếp phát ra.....	29
Hình 1.3. Cơ cấu phiếu khảo sát thu về đối với SBN và UBND huyện, thành phố.....	30
Hình 1.4. Cơ cấu DN/HTX/HKD thực hiện khảo sát.....	31
Hình 1.5. Sổ phiếu thu về và tỷ lệ phản hồi đối với khối UBND huyện, thành phố.....	31
Hình 1.6. Sổ phiếu thu về và tỷ lệ phản hồi đối với khối SBN	33
Hình 2.1. Xếp hạng và điểm số CSTP DDCI 2024 khối các huyện, thành phố	39
Hình 2.2. Mức độ cải thiện điểm số DDCI của UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023	40
Hình 2.3. Xu hướng xếp hạng DDCI khối UBND huyện, thành phố giai đoạn 2020-2024	42
Hình 2.4. Xu hướng điểm số DDCI khối UBND huyện, thành phố giai đoạn 2020-2024 .	43
Hình 2.5. Điểm số 10 chỉ số thành phần DDCI 2024 khối UBND các huyện, thành phố. .	44
Hình 2.6. Mức độ cải thiện điểm số của 10 chỉ số thành phần DDCI khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023	45
Hình 2.7. So sánh điểm trung bình của 10 chỉ số thành phần DDCI khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023	45
Hình 2.8. Điểm số 10 chỉ số thành phần DDCI khối UBND các huyện, thành phố giai đoạn 2021-2024	48
Hình 2.9. Xếp hạng và điểm số CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối UBND các huyện, thành phố.....	49
Hình 2.10. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023.....	50
Hình 2.11. Xếp hạng và điểm số CSTP Chi phí thời gian của khối UBND các huyện, thành phố.....	55
Hình 2.12. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Chi phí thời gian của khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023	56
Hình 2.13. Xếp hạng và điểm số CSTP Chi phí không chính thức của khối UBND các huyện, thành phố	59
Hình 2.14. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Chi phí không chính thức của khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023	60
Hình 2.15. Xếp hạng và điểm số CSTP Cạnh tranh bình đẳng của khối UBND các huyện, thành phố.....	63
Hình 2.16. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Cạnh tranh bình đẳng của khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023	63
Hình 2.17. Xếp hạng và điểm số CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối UBND các huyện, thành phố.....	66
Hình 2.18. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023	67
Hình 2.19. Xếp hạng và điểm số CSTP Tính năng động và hiệu lực của CQĐP của khối UBND các huyện, thành phố.....	71

Hình 2.20. Xếp hạng và điểm số CSTP Vai trò của người đứng đầu của khối UBND các huyện, thành phố	74
Hình 2.21. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Vai trò của người đứng đầu của khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023	75
Hình 2.22 Xếp hạng và điểm số CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối UBND các huyện, thành phố.....	78
Hình 2.23. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023.....	79
Hình 2.24 Xếp hạng và điểm số CSTP Ứng dụng công nghệ thông tin của khối UBND các huyện, thành phố	82
Hình 2.25 Xếp hạng và điểm số CSTP Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường của khối UBND các huyện, thành phố.....	84
Hình 2.26. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường của khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023	85
Hình 3.1. Xếp hạng và điểm số chỉ số DDCI 2024 khối Sở, ban, ngành.....	94
Hình 3.2. Mức độ cải thiện điểm số DDCI của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023 ...	95
Hình 3.3. Xu hướng xếp hạng DDCI khối Sở, ban, ngành giai đoạn 2021-2024	98
Hình 3.4. Xu hướng điểm số DDCI khối UBND huyện, thành phố giai đoạn 2021-2014. 99	
Hình 3.5. Điểm số 09 chỉ số thành phần DDCI 2024 khối SBN.....	100
Hình 3.6. Mức độ cải thiện điểm số của 09 chỉ số thành phần DDCI khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023	101
Hình 3.7. So sánh điểm trung vị của 10 chỉ số thành phần DDCI Sở, ban, ngành 2024 so với 2023.....	101
Hình 3.8. Xu hướng các chỉ số thành phần DDCI khối Sở, ban, ngành giai đoạn 2021-2024	102
Hình 3.9. Xếp hạng và điểm số CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối Sở, ban, ngành.....	104
Hình 3.10. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023.....	105
Hình 3.11. Xếp hạng và điểm số CSTP Chi phí thời gian của khối SBN	109
Hình 3.12. Mức độ cải thiện điểm chỉ số Chi phí thời gian của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023.....	110
Hình 3.13. Xếp hạng và điểm số chỉ số Chi phí không chính thức của khối Sở, ban, ngành	113
Hình 3. 14. Mức độ cải thiện điểm CSTP Chi phí không chính thức của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023	114
Hình 3.15. Xếp hạng và điểm số CSTP Cạnh tranh bình đẳng của khối Sở, ban, ngành	116
Hình 3. 16. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Cạnh tranh bình đẳng của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023	117
Hình 3.17. Xếp hạng và điểm số CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN.....	120
Hình 3.18. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023	121

Hình 3.19. Xếp hạng và điểm số CSTP Tính năng động và hiệu lực của khối SBN	125
Hình 3.20. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Tính năng động và hiệu lực của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023	126
Hình 3. 21. Xếp hạng và điểm số chỉ số Vai trò của người đứng đầu của khối Sở, ban, ngành	128
Hình 3.22. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Vai trò của người đứng đầu của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023	129
Hình 3. 23. Xếp hạng và điểm số CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối Sở, ban, ngành	132
Hình 3.24. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023.....	133
Hình 3. 25. Xếp hạng và điểm số CSTP Ứng dụng công nghệ thông tin của khối Sở, ban, ngành	135

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	KÝ HIỆU CHỮ VIẾT TẮT	CHỮ VIẾT ĐẦY ĐỦ
1	CSTP	Chỉ số thành phần
2	CQĐP	Chính quyền địa phương
3	TTHC	Thủ tục hành chính
4	UBND	Ủy ban nhân dân
5	DN/HTX/HKD	Doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh
6	SBN	Sở ban ngành
7	BQL	Ban quản lý

LỜI CẢM ƠN

Năm 2024, tỉnh Lạng Sơn tiếp tục khẳng định quyết tâm cải thiện môi trường kinh doanh thông qua việc triển khai đánh giá chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và UBND cấp huyện (DDCI) lần thứ tám. Kế hoạch số 36/KH-UBND đã được ban hành để khắc phục những hạn chế của năm 2023 và nâng cao hiệu quả của quá trình đánh giá DDCI 2024. Công ty CP Công nghệ Hải Nam được lựa chọn là đơn vị tư vấn độc lập nhằm đảm bảo tính khách quan và khoa học xuyên suốt quá trình thực hiện khảo sát DDCI Lạng Sơn 2024. Việc triển khai DDCI như một công cụ đánh giá hiệu quả sẽ cung cấp cho tỉnh Lạng Sơn những số liệu thực tế, giúp xác định chính xác những điểm mạnh, điểm yếu trong quá trình điều hành của các cơ quan quản lý. Từ đó, tỉnh có thể xây dựng những giải pháp phù hợp, nâng cao hiệu quả quản lý, cải thiện môi trường đầu tư, thúc đẩy mạnh mẽ sự phát triển kinh tế - xã hội và nâng cao đời sống người dân.

Đơn vị tư vấn xin gửi lời cảm ơn chân thành đến ông Hồ Tiến Thiệu – Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn và ông Đoàn Thanh Sơn – Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn, cùng toàn thể lãnh đạo tỉnh đã luôn đồng hành, chỉ đạo sát sao, đưa ra những quyết định và chủ trương kịp thời, tạo điều kiện thuận lợi cho việc khắc phục các hạn chế của DDCI và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Sự vào cuộc quyết liệt của lãnh đạo tỉnh đã trở thành động lực to lớn, khích lệ tinh thần của cả hệ thống hành chính các cấp.

Chúng tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Bà Dương Thị Hoan - Phó Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cùng toàn thể cán bộ của Sở đã chủ trì, phối hợp chặt chẽ và đồng hành cùng đơn vị tư vấn trong quá trình thực hiện khảo sát và đánh giá DDCI Lạng Sơn năm 2024.

Chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến sự ủng hộ nhiệt tình của Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Lạng Sơn, với sự tham gia tích cực của các ông Đoàn Bá Nhiên, ông Hồ Phi Dũng, ông Đào Trọng Tâm, ông Hà Xuân Quang và các cán bộ của Văn phòng Hiệp hội. Nhờ sự phối hợp chặt chẽ này, chương trình khảo sát đã nhận được sự quan tâm đồng đạo của cộng đồng doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Bên cạnh đó, sự đồng hành của Đài Phát thanh - Truyền hình Lạng Sơn, Báo Lạng Sơn cùng các sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố như một luồng gió mới, góp phần thúc đẩy thành công của công tác truyền thông chương trình khảo sát, giúp thông tin về chương trình đến được với đông đảo người dân và cộng đồng doanh nghiệp.

Cuối cùng, báo cáo DDCI Lạng Sơn 2024 là kết quả của sự đồng hành, đóng góp ý kiến quý báu từ cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Báo cáo không chỉ là một bản đánh giá khách quan mà còn là tiếng nói đại diện sinh động cho cộng đồng doanh nghiệp, phản ánh chân thực những khó khăn, vướng mắc và phản ánh những mong muốn chính đáng từ đó góp phần định hình một môi trường đầu tư ngày càng hấp dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, góp phần xây dựng một Lạng Sơn giàu đẹp, văn minh, phát triển bền vững.

LỜI MỞ ĐẦU

Năm 2024 đánh dấu một giai đoạn chuyển mình mạnh mẽ của tỉnh Lạng Sơn trên hành trình phát triển Kinh tế - Xã hội. Trước bối cảnh kinh tế toàn cầu đầy biến động và những yêu cầu ngày càng cao về đổi mới từ nội tại, Lạng Sơn đã chủ động thích ứng, nắm bắt cơ hội và vượt qua thách thức. Với tinh thần đoàn kết, sáng tạo và quyết tâm cao, Lạng Sơn đang từng bước hiện thực hóa những mục tiêu đã đề ra tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII, hướng tới một tương lai phát triển bền vững thông qua việc cải thiện chất lượng điều hành kinh tế và nâng cao năng lực cạnh tranh trên toàn tỉnh. Bên cạnh đó, để thu hút đầu tư và phát triển kinh tế - xã hội, Lạng Sơn đã và đang tạo lập một môi trường kinh doanh thuận lợi, hiện đại và minh bạch thông qua các nỗ lực cải thiện cơ chế quản lý, đơn giản hóa thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng dịch vụ công và đẩy mạnh chuyển đổi số.

Với chủ đề hành động **"Siết chặt kỷ cương, tăng cường trách nhiệm, quyết liệt hành động, sáng tạo bất phá"**¹, kinh tế - xã hội Lạng Sơn năm 2024 đã đạt được nhiều kết quả tích cực, dự kiến đạt và vượt 15/18 chỉ tiêu kế hoạch², kinh tế phát triển đồng bộ, đời sống nhân dân ổn định, môi trường đầu tư được cải thiện, cụ thể như sau:

Tăng trưởng kinh tế: Tốc độ tăng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) ước đạt 6,01% trong năm 2024. Tổng thu ngân sách Nhà nước ước đạt 9.805,5 tỷ đồng, đạt 131% dự toán, tăng 25,8% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, thu nội địa đạt 3.195,7 tỷ đồng, đạt 128,6% dự toán, tăng 19,6%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu đạt 6.600 tỷ đồng, đạt 132% dự toán, tăng 29,3%; Kinh tế cửa khẩu tiếp tục phát triển với hiệu suất xuất nhập khẩu cao; Tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt 60.728,7 triệu USD, tăng 20% so với cùng kỳ năm 2023.

Sản xuất công nghiệp: Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) ước tăng 0,59% so với năm 2023; Thành lập mới 03 cụm công nghiệp, nâng tổng số lên 10 cụm; Khởi công nhiều dự án năng lượng như Nhiệt điện Na Hang II, Thủy điện Tràng Định 2.

Sản xuất nông nghiệp: đạt kế hoạch; diện tích cây trồng có giá trị kinh tế được mở rộng; Chăn nuôi phát triển ổn định; Trồng rừng đạt 110% kế hoạch, tỷ lệ cho phủ rừng đạt 64,1%; 11 xã đạt chuẩn nông thôn mới.

Thương mại và dịch vụ: Hoạt động thương mại phát triển ổn định theo đúng định hướng; Tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ ước đạt 37.392,2 tỷ đồng, tăng 13% so với cùng kỳ; Du lịch phục hồi với các hoạt động du lịch tiếp tục duy trì đà tăng trưởng, lượng khách quốc tế dần phục hồi và tăng mạnh. Tổ chức thành công các chương trình văn hóa,

¹ Lạng Sơn đạt nhiều kết quả tích cực trong phát triển kinh tế - xã hội (2024). Tạp chí Thương hiệu & Công luận. Nguồn: <https://thuonghieucongluan.com.vn/lang-son-dat-nhieu-ket-qua-tich-cuc-trong-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-a249062.html>

² Báo cáo Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2024; mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch năm 2025; Số 626/BC-UBND Lạng Sơn ngày 06 tháng 12 năm 2024

du lịch như Lễ hội hoa đào Xứ Lạng, thu hút đông đảo khách tham quan, tăng nguồn thu từ du lịch. Tổng lượng khách du lịch và doanh thu tăng khá so với cùng kỳ năm trước: dự kiến cả năm 2024, tổng lượng khách du lịch ước đạt 4,21 triệu lượt, tăng 7,6% so với năm 2023, đạt 103,8% kế hoạch; doanh thu du lịch ước đạt 4.350 tỷ đồng, tăng 38,8% so với năm 2023, đạt 101,2% kế hoạch, đóng góp 5,4% vào GRDP toàn tỉnh; Công viên địa chất Lạng Sơn được UNESCO công nhận là công viên địa chất toàn cầu.

Đầu tư xây dựng: Giải ngân vốn đầu tư công đạt 105% kế hoạch Trung ương giao, đạt 93,2% kế hoạch đại phương triển khai; Khởi công nhiều dự án quan trọng: cao tốc Hữu Nghị - Chi Lăng, cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh, Khu công nghiệp VSIP Lạng Sơn,...

Đầu tư và phát triển doanh nghiệp: ước tính trong năm 2024, tỉnh đã đăng ký thành lập mới 1.200 doanh nghiệp, đạt 200% kế hoạch, tăng 57,5% so với cùng kỳ, với tổng số vốn đăng ký 9.620 tỷ đồng, tăng 58%. Thu hút đầu tư vào các lĩnh vực tiềm năng, đặc biệt là công nghiệp và thương mại biên giới.

Bên cạnh đó, trong năm 2024, tỉnh Lạng Sơn cũng đạt được nhiều giải thưởng cấp quốc gia đáng như chú ý, bao gồm: Lạng Sơn được vinh danh tại Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam 2024³ với các mô hình tiêu biểu như Tổ công nghệ số cộng đồng và chuyển đổi số trong ngành giáo dục; Giải thưởng toàn quốc về thông tin đối ngoại lần thứ X⁴; Giải Tập thể xuất sắc cuộc thi chính luận về bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng lần thứ Tư⁵,... Những thành tựu trên đã làm nổi bật năm 2024 như một cột mốc quan trọng, khẳng định hướng đi đúng đắn của tỉnh Lạng Sơn trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Trước bối cảnh đó, Việc triển khai Bộ Chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, thành phố (DDCI) năm 2024 tại Lạng Sơn không chỉ là một hoạt động thường niên mà còn là một cam kết của Đảng bộ và chính quyền tỉnh nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. DDCI không chỉ là một công cụ quản lý hiện đại mà còn là một cầu nối để doanh nghiệp, người dân cùng tham gia đóng góp ý kiến, cùng nhau xây dựng một môi trường kinh doanh minh bạch, hiệu quả. Qua đó, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh, thu hút đầu tư và cải thiện đời sống người dân.

³ Lạng Sơn được vinh danh tại Giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam 2024.

Nguồn: <https://songv.langson.gov.vn/tin-tuc-su-kien/tin-hoat-dong/lang-son-duoc-vinh-danh-tai-giai-thuong-chuyen-doi-so-viet-nam-2024.html>

⁴ Lạng Sơn có tác phẩm đạt giải thưởng toàn quốc về thông tin đối ngoại lần thứ x năm 2024. Đảng Cộng Sản.

Nguồn: https://dangcongsan.org.vn/tinhuylangson/lists/xaydungdang/view_detail.aspx?caching=reload&itemid=3069

⁵ Trao giải Cuộc thi chính luận lần thứ Tư, năm 2024 Lạng Sơn đạt giải cao. Đảng Cộng Sản.

Nguồn: https://dangcongsan.org.vn/tinhuylangson/lists/xaydungdang/view_detail.aspx?itemid=2920

Năm 2024 đánh dấu là năm thứ 08 tỉnh Lạng Sơn thực hiện đánh giá DDCI. Báo cáo DDCI Lạng Sơn năm 2024 do Công ty CP Công nghệ Hải Nam là đơn vị tư vấn độc lập được lựa chọn thực hiện. Thông qua việc triển khai DDCI như một công cụ đánh giá vô cùng hữu ích, tỉnh Lạng Sơn sẽ được cung cấp những dữ liệu thực tiễn để xác định rõ những điểm mạnh, điểm yếu trong quá trình điều hành của các cơ quan quản lý sở ban ngành và địa phương. từ đó, xây dựng những giải pháp phù hợp, nâng cao hiệu quả quản lý, cải thiện môi trường đầu tư, tạo động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, góp phần nâng cao đời sống người dân.

Báo cáo DDCI Lạng Sơn năm 2024 là kết quả của sự đồng hành, đóng góp ý kiến chân thành, khách quan từ cộng đồng doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Báo cáo không chỉ là một bản đánh giá khách quan về năng lực quản lý của các cơ quan nhà nước mà còn là một tiếng nói đại diện cho cộng đồng doanh nghiệp, phản ánh những khó khăn, vướng mắc và kỳ vọng vào một môi trường kinh doanh ngày càng minh bạch, thuận lợi hơn hướng tới mục tiêu chung nhằm cải thiện môi trường đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển, góp phần xây dựng một Lạng Sơn giàu đẹp, văn minh, phát triển bền vững.

DDCI LẠNG SƠN 2024

CHƯƠNG 1

TỔNG QUAN VỀ BỘ CHỈ SỐ DDCI LẠNG SƠN 2024



CHƯƠNG 01: TỔNG QUAN VỀ BỘ CHỈ SỐ DDCI LẠNG SƠN 2024

1.1. Giới thiệu DDCI Lạng Sơn 2024

DDCI (viết tắt của Department and District Competitiveness Index) là Bộ chỉ số đánh giá năng lực cấp Sở, ban, ngành và Địa phương thuộc Tỉnh. Khảo sát DDCI để nắm bắt được mức độ hài lòng của nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ kinh doanh, hợp tác xã đang đầu tư, hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn Tỉnh trên cơ sở đó nghiên cứu giải pháp nhằm: (i) nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp Tỉnh hàng năm (PCI); (ii) khắc phục những hạn chế, tồn tại của những lĩnh vực được khảo sát; (iii) làm rõ và cải thiện những khác biệt về năng lực cạnh tranh của cấp Sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh. Kết quả khảo sát cho thấy các tỉnh trong top đầu về PCI đều đã triển khai thành công bộ chỉ số DDCI trong nhiều năm qua và góp phần cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng bậc xếp hạng của PCI qua các năm.

1.1.1. Phương pháp luận DDCI 2024

Bộ chỉ số DDCI được xây dựng và vận hành dựa trên các nguyên tắc và phương pháp tương tự Bộ chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp Tỉnh (PCI) do Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) cùng Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID) triển khai. Hầu hết Bộ chỉ số DDCI của các tỉnh bao gồm các chỉ số thành phần cho khối Sở ban ngành và các chỉ số thành phần cho khối UBND các huyện, thành phố, phản ánh các lĩnh vực điều hành kinh tế có tác động đến sự phát triển của khu vực doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh. Phương pháp luận DDCI về cơ bản tương tự như phương pháp luận PCI. Chỉ số DDCI được xây dựng theo quy trình 3 bước, gồm: (i) Thu thập thông tin từ dữ liệu điều tra; (ii) Tính toán các chỉ số thành phần và chuẩn hóa trên thang điểm 10; và (iii) Gán trọng số và tính điểm số DDCI tổng hợp gồm điểm trung bình có trọng số của các chỉ số thành phần trên thang điểm tối đa 100.

1.1.2. Mục tiêu và nguyên tắc xây dựng bộ chỉ số DDCI 2024

Căn cứ vào **Kế hoạch Số 36/KH-UBND** ngày 06/02/2024 của UBND Tỉnh Lạng Sơn về việc "*Khắc phục các hạn chế năm 2023 và thực hiện đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và UBND cấp huyện (DDCI) năm 2024*" và **Báo cáo Số 464/BC-SKHĐT** ngày 14/10/2024 về việc "*Tiến độ triển khai Kế hoạch khắc phục các hạn chế thực hiện đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và UBND cấp huyện (DDCI) năm 2024*", việc triển khai bộ chỉ số DDCI hướng đến mục tiêu chung nhằm (1) tăng cường hiệu quả và rút ngắn khoảng cách trong chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh đến cấp sở, ban, ngành (SBN) và UBND các huyện, thành phố; đồng thời (2) rút ngắn khoảng cách về chất lượng điều hành giữa các đơn vị, lan tỏa các điển hình kinh nghiệm tốt; và (3) tăng cường trách nhiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, phát huy tính chủ động trong việc đổi mới, nâng cao chất lượng điều hành nhằm cải thiện môi trường kinh doanh tỉnh Lạng Sơn. Qua đó, nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) vào các năm tiếp theo và hướng đến các giải pháp nhằm chấn chỉnh, khắc phục những hạn chế, tồn

tại, tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư, sản xuất kinh doanh, nâng cao sự tin tưởng, quan tâm, đồng tình, ủng hộ, tham gia của cộng đồng doanh nghiệp đối với kinh tế - xã hội tỉnh.

Để đảm bảo mục tiêu chung này, **05 mục tiêu** cụ thể của bộ chỉ số DDCI Lạng Sơn 2024, bao gồm:

(1) Tạo động lực cải cách một cách quyết liệt, đồng bộ trong việc nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính liên quan đến nhà đầu tư, doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh; chuyển đổi số; nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

(2) Tạo sự cạnh tranh, thi đua và đánh giá về chất lượng điều hành kinh tế giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện và thành phố;

(3) Nâng cao hiệu quả và rút ngắn khoảng cách trong chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND tỉnh đến các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện và thành phố;

(4) Tạo kênh thông tin tin cậy, rộng rãi và minh bạch để nhà đầu tư, doanh nghiệp được tham gia đóng góp ý kiến xây dựng bộ máy sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện và thành phố;

(5) Trên cơ sở kết quả DDCI 2024, nghiên cứu giải pháp để cải thiện môi trường đầu tư, đồng thời nâng cao chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) những năm tiếp theo.

Việc xây dựng và triển khai bộ chỉ số DDCI Lạng Sơn 2024 phải đảm bảo tuân thủ **05 nguyên tắc** sau:

(1) *Nguyên tắc thực tiễn*: Bộ chỉ số DDCI được xây dựng dựa trên nội dung liên quan trực tiếp tới năng lực điều hành và phản ánh được các chức năng, nhiệm vụ thực tế mà các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện và thành phố đang chịu trách nhiệm đảm nhận;

(2) *Nguyên tắc khả thi*: Bộ chỉ số DDCI phải có khả năng cho thấy những khác biệt về năng lực điều hành kinh tế và hiệu quả cải cách hành chính liên quan đến đầu tư, hoạt động sản xuất kinh doanh của nhà đầu tư, các doanh nghiệp ở các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện. Đồng thời, nội dung của DDCI phải phản ánh được cảm nhận của các đối tượng điều tra về kết quả xử lý các thủ tục hành chính nói riêng, năng lực và thái độ phục vụ của từng sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện và thành phố nói chung;

(3) *Nguyên tắc chính xác*: Bộ chỉ số DDCI phải đảm bảo tính chính xác về kết quả khảo sát DDCI. Phương pháp xây dựng chỉ số, cách thức tiến hành khảo sát và việc phân tích kết quả phải phản ánh trung thực, khách quan cảm nhận của các đối tượng trong mẫu khảo sát. Bên cạnh đó, việc chọn mẫu khảo sát phải khoa học, thể hiện tính đại diện và độ tin cậy phù hợp;

(4) *Nguyên tắc có ý nghĩa*: Kết quả rút ra từ khảo sát bộ chỉ số DDCI phải có ý nghĩa với việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh và nâng cao năng lực điều hành kinh tế cấp sở, ban, ngành và cấp huyện và thành phố bằng việc chỉ ra ưu, nhược điểm, những điểm đã làm tốt và những điểm tồn tại hạn chế để các cơ quan, đơn vị có định hướng cải thiện; đồng thời tạo sự cạnh tranh, thi đua để nâng cao chất lượng điều hành kinh tế giữa các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện và thành phố.

(5) *Nguyên tắc bảo mật*: Mã hóa và lưu trữ phiếu trả lời DDCI theo nguyên tắc bảo mật danh tính của các doanh nghiệp, tổ chức phản hồi khảo sát, thực hiện điều này sẽ giúp tạo dựng lòng tin của người trả lời phiếu khảo sát; đồng thời đáp ứng yêu cầu theo Luật Thống kê. Phải bảo mật thông tin kết quả DDCI đến thời điểm tổ chức công bố nhằm đảm bảo tính khách quan của kết quả đánh giá.

1.2. Tổng quan về các chỉ số thành phần và phương pháp tính chỉ số DDCI Lạng Sơn 2024

1.2.1. Chỉ số thành phần trong khảo sát DDCI 2024

Bảng 1.1. Bộ chỉ số DDCI Lạng Sơn 2024

STT	Mã hóa	Tên chỉ số thành phần	Phạm vi đánh giá	
			Khối SBN	Khối UBND huyện và thành phố
1	(a)	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	✓	✓
2	(b)	Chi phí thời gian	✓	✓
3	(c)	Chi phí không chính thức	✓	✓
4	(d)	Cạnh tranh bình đẳng	✓	✓
5	(e)	Hỗ trợ doanh nghiệp	✓	✓
6	(f)	Tính năng động và hiệu lực	✓	✓
7	(g)	Vai trò của người đứng đầu	✓	✓
8	(h)	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	✓	✓
9	(i)	Ứng dụng công nghệ thông tin	✓	✓
10	(j)	Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường	-	✓

DDCI là khảo sát 2 trong 1, bao gồm hệ thống chỉ số DDCI tính cho khối Sở, ban, ngành và hệ thống chỉ số DDCI tính cho khối UBND huyện, thành phố. Năm 2024, hệ thống chỉ số DDCI tính cho khối sở, ban, ngành gồm 09 chỉ số thành phần, và hệ thống chỉ số DDCI tính cho khối UBND huyện, thành phố có 10 chỉ số thành phần, cụ thể được trình bày trong **Bảng 1.1** ở trên.

Bộ chỉ số DDCI năm 2024 đã tiến hành cập nhật, điều chỉnh và bổ sung tiêu chí đánh giá các chỉ số thành phần (CSTP) DDCI cấp SBN và cấp huyện, thành phố để nâng cao

chất lượng cũng như hiệu quả công tác điều hành, góp phần nâng cao Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) và Chỉ số Xanh cấp tỉnh (PGI), cụ thể như sau:

(1) Bổ sung CSTP Ứng dụng công nghệ thông tin và CSTP Tính năng động và hiệu lực của địa phương vào bộ chỉ số.

(2) Chuẩn hóa và cập nhật tên một số CSTP để đảm bảo tính tương thích cao nhất với PCI, ví dụ: CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp (Tên cũ: Dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp); CSTP Tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất và môi trường (Tên cũ: Tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất).

(3) Bổ sung và cập nhật các tiêu chí đánh giá đối với từng CSTP, đảm bảo cô đọng, không bị lặp lại giữa các câu hỏi đánh giá.

(4) Chỉ số về môi trường và phát triển xanh được thể hiện thông qua CSTP Tiếp cận đất đai và tính ổn định trong sử dụng đất và môi trường dành cho khối UBND huyện, thành phố, nhằm mục đích 2 trong 1, vừa cải thiện CSTP Tiếp cận đất đai đối với đánh giá PCI, vừa cải thiện chỉ số PGI của Tỉnh.

Các CSTP của bộ chỉ số DDCI 2024 và các tiêu chí đánh giá từng CSTP được trình bày chi tiết dưới đây:

(a) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin: đề cập tới khả năng các đối tượng DN/HTX/HKD có thể tìm hiểu, tiếp cận đến những kế hoạch, tài liệu và văn bản pháp lý mang tính chất công khai của huyện, thành phố, sở, ban, ngành cần thiết cho hoạt động sản xuất - kinh doanh của mình. Sự sẵn có của các loại tài liệu, mức độ tiện dụng của việc tìm kiếm và sự dễ dàng trong tiếp cận thông tin là những yêu cầu cần thiết để đảm bảo cho tính minh bạch và tiếp cận thông tin. CSTP này sử dụng để đánh giá cả hai khối sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố. Chỉ số này được đánh giá thông qua 14 câu hỏi với khối SBN và 16 câu hỏi với khối UBND huyện, thành phố.

(b) Chi phí thời gian: đề cập đến thời gian DN/HTX/HKD phải bỏ ra để thực hiện các thủ tục hành chính cũng như mức độ thường xuyên và thời gian doanh nghiệp phải tạm dừng kinh doanh để các cơ quan Nhà nước và đại phương thực hiện thanh tra, kiểm tra. Thời gian giải quyết công việc, thủ tục hành chính là thời gian từ khi đối tượng kinh doanh có đầy đủ thành phần hồ sơ theo quy định được tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả giải quyết công việc, thủ tục hành chính. CSTP này sử dụng để đánh giá cả hai khối sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố. Chỉ số này được đánh giá thông qua 09 câu hỏi với khối SBN và 10 câu hỏi với khối UBND huyện, thành phố.

(c) Chi phí không chính thức: đề cập đến những khoản chi ngoài quy định mà các DN/HTX/HKD phải đưa ra cho các cán bộ nhà nước để có thể thực hiện các công việc của họ một cách dễ dàng hơn và các trở ngại do những chi phí không chính thức này gây ra đối với hoạt động kinh doanh DN/HTX/HKD. CSTP này sử dụng để đánh giá cả hai khối sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố. Chỉ số này được đánh giá bằng thông qua 4 câu hỏi với cả hai khối SBN và UBND huyện, thành phố.

(d) Cạnh tranh bình đẳng: đề cập đến việc đối xử công bằng của các sở, ban, ngành, huyện, thành phố đối với các đối tượng kinh doanh, bao gồm sự công bằng giữa các doanh nghiệp tư nhân với doanh nghiệp nhà nước, FDI, doanh nghiệp sản xuất, doanh nghiệp có liên kết ("thân hữu") cũng như mức độ quan tâm tới doanh nghiệp tư nhân. Việc xây dựng chỉ số cạnh tranh bình đẳng trong chỉ số DDCI sẽ góp phần phản ánh đầy đủ và hoàn thiện các khía cạnh thay đổi mà doanh nghiệp đề cập. Đồng thời thể hiện được các hình thức ưu đãi, gây mất bình đẳng đối với các doanh nghiệp trong sản xuất kinh doanh. Điều này góp phần tăng cường tiếng nói của cộng đồng doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp nhỏ và vừa, vì một nền kinh tế cạnh tranh bình đẳng hơn trong thời gian tới. CSTP này sử dụng để đánh giá cả hai khối sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố. Chỉ số này được đánh giá thông qua 04 câu hỏi với khối SBN và 05 câu hỏi với khối UBND huyện, thành phố.

(e) Hỗ trợ doanh nghiệp: đề cập đến vấn đề hỗ trợ DN/HTX/HKD ở tất cả mọi lĩnh vực thuộc chức năng, nhiệm vụ của từng sở, ban, ngành; các huyện, thành phố dưới nhiều hình thức khác nhau như: hỗ trợ thực hiện các thủ tục hành chính, hệ thống cơ sở hạ tầng giao thông, viễn thông, lao động, các chương trình khuyến công, khuyến nông, chương trình khuyến khích sản xuất lớn, chương trình đào tạo khởi sự doanh nghiệp, chương trình xúc tiến thương mại... Mục đích cuối cùng là tạo điều kiện giúp các doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh phát triển tốt nhất và thu hút đầu tư vào tỉnh. CSTP này sử dụng để đánh giá cả hai khối sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố. Chỉ số này được đánh giá bằng thông qua 11 câu hỏi với cả hai khối SBN và UBND huyện, thành phố.

(f) Tính năng động và hiệu lực: đề cập đến tính sáng tạo và khả năng phản ứng linh động của các phòng ban, bộ phận chuyên môn thuộc sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố trong quá trình thực thi chính sách của tỉnh Lạng Sơn, đồng thời, đề cập đến mức độ chủ động, kịp thời và phù hợp trong việc tham mưu cơ chế, chính sách, quy định, giải pháp cho tỉnh trong mỗi ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của các sở, ban, ngành và UBND huyện. Các sáng kiến tham mưu phải đảm bảo đúng quy định pháp luật và phù hợp với tình hình thực tiễn của tỉnh, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh. CSTP này sử dụng để đánh giá cả hai khối sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố. Chỉ số này được đánh giá bằng thông qua 6 câu hỏi với cả hai khối SBN và UBND huyện, thành phố.

(g) Vai trò của người đứng đầu: đề cập đến tính năng động và tiên phong của lãnh đạo sở, ban, ngành, huyện, thành phố có thể nhìn nhận dựa trên nhiều khía cạnh khác nhau. Lãnh đạo sở, ban, ngành, huyện, thành phố là người đưa ra hoặc tập hợp các sáng kiến về phát triển kinh tế thuộc lĩnh vực, địa phương mình phụ trách thông qua các chương trình, dự án cụ thể. Lãnh đạo cũng có thể vận dụng linh hoạt các chính sách, quy định của Trung ương, của tỉnh trong phạm vi cho phép để tạo điều kiện dễ dàng hơn cho các đối tượng kinh doanh. Mức độ thành công của người lãnh đạo trong việc thực hiện có thể được đánh giá bởi dư luận và bản thân các DN/HTX/HKD. CSTP này sử dụng để đánh giá cả hai khối sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố. Chỉ số này được đánh giá thông qua 08 câu hỏi với khối SBN và 07 câu hỏi với khối UBND huyện, thành phố.

(h) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự: đề cập đến lòng tin của DN/HTX/HKD đối với cơ quan nhà nước trong việc sử dụng các thiết chế pháp lý để xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, giải quyết tranh chấp hoặc là nơi doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh có thể yêu cầu xử lý những hành vi những nhiễu của cán bộ công quyền, tránh các hành vi lợi dụng hoặc không thực hiện đúng theo quy định của pháp luật để gây những nhiễu, khó khăn cho đối tượng kinh doanh khi giải quyết các công việc, thủ tục hành chính. CSTP này sử dụng để đánh giá cả hai khối sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố. Chỉ số này được đánh giá thông qua 04 câu hỏi với khối SBN và 09 câu hỏi với khối UBND huyện, thành phố.

(i) Ứng dụng công nghệ thông tin: đề cập đến mức độ hấp dẫn của cổng thông tin điện tử và mức độ ứng dụng công nghệ thông tin của SBN và UBND huyện, thành phố. Chỉ số này cũng đánh giá sự cập nhật nhanh chóng và đầy đủ các chủ trương, chính sách và các văn bản liên quan tới thủ tục hành chính và pháp luật của SBN và UBND huyện, thành phố; sự tiện dụng khi tra cứu cũng như khả năng phản hồi ý kiến, giải đáp khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp trên cổng thông tin điện tử. CSTP này sử dụng để đánh giá cả hai khối sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố. Chỉ số này được đánh giá thông qua 04 câu hỏi với khối SBN và 05 câu hỏi với khối UBND huyện, thành phố.

(j) Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường: đề cập đến các vấn đề đất đai và cơ sở hạ tầng mà doanh nghiệp phải đối mặt; mức độ thuận lợi, dễ dàng trong việc tiếp cận đất đai, mặt bằng để tiến hành sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tại từng địa phương. Đồng thời, đánh giá về những tác động môi trường ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của DN/HTX/HKD. CSTP này chỉ sử dụng để đánh giá đối với khối UBND huyện, thành phố. Chỉ số này được đánh giá thông qua 19 câu hỏi.

1.2.2. Trọng số của các chỉ số thành phần trong khảo sát DDCI 2024

Chỉ số DDCI được xác định thông qua tính toán các chỉ số thành phần và chuẩn hóa theo thang điểm (điểm tối đa là 100 và điểm tối thiểu là 1); gán trọng số và tính điểm DDCI tổng hợp gồm điểm có trọng số của các chỉ số thành phần. Việc xếp loại DDCI được quy định cụ thể theo phương pháp tính của từng năm tùy theo yêu cầu, mục đích khảo sát, đánh giá của từng năm. Các trọng số được xác định dựa trên việc tham khảo các trọng số của các chỉ số trong PCI và đánh giá chủ quan về thứ tự ưu tiên của các chỉ số trong việc cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh của tỉnh Lạng Sơn. Các trọng số này được làm tròn và chia thành các mức (5%; 10%; 15%). Theo đó những chỉ số thành phần nào có tác động lớn nhất đến việc điều hành, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh được trọng số cao hơn.

Chi tiết về trọng số của các chỉ số thành phần thuộc khối sở, ban, ngành cấp tỉnh Lạng Sơn 2024 được trình bày trong **Bảng 1.2** dưới đây:

Bảng 1.2. Trọng số của chỉ số thành phần khối sở, ban, ngành

STT	Tên chỉ số thành phần	Trọng số (%)
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	15
2	Chi phí thời gian	5
3	Chi phí không chính thức	15
4	Cạnh tranh bình đẳng	10
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	15
6	Tính năng động và hiệu lực	15
7	Vai trò của người đứng đầu	10
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	10
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	5
TỔNG		100

Chi tiết về trọng số của các chỉ số thành phần thuộc khối UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh Lạng Sơn 2024 được trình bày trong **Bảng 1.3** dưới đây:

Bảng 1.3. Trọng số của chỉ số thành phần khối UBND các huyện, thành phố

STT	Tên chỉ số thành phần	Trọng số (%)
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	15
2	Chi phí thời gian	5
3	Chi phí không chính thức	15
4	Cạnh tranh bình đẳng	10
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	15
6	Tính năng động và hiệu lực	10
7	Vai trò của người đứng đầu	10
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	5
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	5
10	Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường	10
TỔNG		100

1.2.3. Phương pháp tính chỉ số DDCI Lạng Sơn 2024

Công thức tính điểm các tiêu chí

Điểm số các chỉ số thành phần được xây dựng dựa trên cơ sở tính toán điểm số các tiêu chí. Theo đó các tiêu chí sau khi thu thập, sẽ được chuẩn hóa theo thang điểm 10 (điểm tối đa là 10 và điểm tối thiểu là 1). Công thức chuẩn hóa điểm số các tiêu chí như sau:

Đối với thang điểm thuận:

$$\text{Điểm của cơ quan/đơn vị } Z = 1 + 9 * \frac{X - \min}{\max - \min}$$

Đối với thang điểm nghịch:

$$\text{Điểm của cơ quan/đơn vị } Z = 10 - 9 * \frac{X - \min}{\max - \min}$$

Trong đó:

- + X là giá trị của đơn vị Z.
- + Min: Điểm thấp nhất trong tổng số đơn vị được đánh giá.
- + Max: Điểm cao nhất trong tổng số đơn vị được đánh giá.

Ví dụ: Tiêu chí % doanh nghiệp hài lòng về thái độ, ứng xử của cán bộ tại bộ phận một cửa. Đây là tiêu chí thuận, giá trị của đơn vị Z là 40%; đơn vị cao nhất tại tiêu chí này đạt 60%; đơn vị thấp nhất là 17%. Theo đó, điểm quy chuẩn của đơn vị Z ở tiêu chí này đạt:

$$1 + 9 * \frac{40 - 17}{60 - 17} = 5,81 \text{ điểm}$$

Đơn vị đạt điểm cao nhất (trong trường hợp này là 60%) được 10 điểm; đơn vị đạt điểm thấp nhất (trong trường hợp này là 17%) chỉ được 1 điểm.

Công thức tính điểm chỉ số thành

Chỉ số thành phần = Trung bình cộng điểm các tiêu chí trong chỉ số thành phần.

Công thức tính điểm DCCI có gán trọng số

Điểm DCCI (có gán trọng số) chuẩn hóa theo thang điểm 100 = Σ (chỉ số thành phần x trọng số %)/ Σ tổng trọng số % x 10

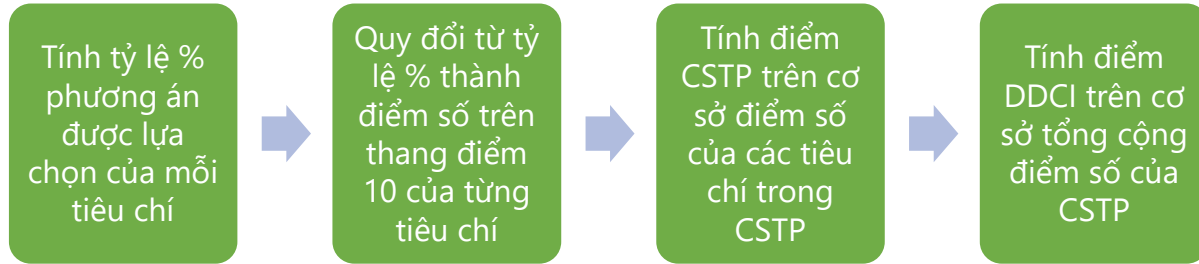
Quy trình tổng hợp và chuẩn hóa điểm số DCCI có gán trọng số

Về cách tính điểm chỉ số DCCI, phương pháp tổng hợp điểm kết quả khảo sát và xếp hạng DCCI được áp dụng theo phương pháp tổng hợp điểm của chỉ số PCI. Phương pháp tính điểm này sẽ giúp tạo sự phân hoá về điểm số rõ nét hơn giữa các đơn vị trong nhóm xếp hạng, qua đó có thể nhìn nhận được những kết quả trong công tác cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh mà mỗi đơn vị đã đạt được, đồng thời cũng chỉ ra được những mặt còn tồn tại, hạn chế cần cải thiện. Chính vì vậy, với cách tính điểm này, khoảng cách điểm số giữa vị trí đầu bảng và cuối bảng có thể chênh lệch lớn.

Điểm số DCCI năm 2024 được tính dựa trên áp dụng công thức quy đổi điểm số các tiêu chí trong mỗi chỉ số thành phần từ tỷ lệ % thành điểm số trên thang điểm 10. Đây là công thức chuẩn đang được Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam sử dụng để tính điểm chỉ số PCI. Công thức quy đổi điểm sẽ đánh giá đối với các đơn vị có tỷ lệ % cao nhất sẽ đạt điểm tuyệt đối (10 điểm); các đơn vị có tỷ lệ % thấp nhất sẽ đạt điểm thấp nhất (1 điểm); các đơn vị khác trong nhóm xếp hạng sẽ được xếp điểm tương ứng với tỷ lệ % từ cao xuống thấp. Mỗi đơn vị khi tham gia khảo sát sẽ được đánh giá

dựa trên chỉ số thành phần tương ứng với các tiêu chí (câu hỏi). Mỗi tiêu chí (câu hỏi) sẽ được thiết kế theo hình thức trả lời trắc nghiệm lựa chọn phương án. Tỷ lệ % lựa chọn phương án của mỗi tiêu chí (câu hỏi) sẽ được dùng để quy thành điểm số trên thang điểm 10 của từng tiêu chí. Các tiêu chí sẽ được tổng hợp điểm thành điểm của chỉ số thành phần. Từ điểm của các chỉ số thành phần tổng cộng thành điểm DDCI của mỗi đơn vị, cụ thể quy trình được trình bày tại **Hình 1.1** như sau:

Hình 1.1. Quy trình tổng hợp điểm DDCI năm 2024



Bảng 1.4 đưa ra ví dụ về tính điểm chỉ số Chi phí thời gian khi giải quyết công việc, thủ tục hành chính của các địa phương như sau:

Bảng 1.4. Ví dụ về chuẩn hoá điểm số theo thang điểm 10

Tên đơn vị	DN/HTX/HKD có thể giải quyết công việc, TTHC qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích theo quy định khi có yêu cầu được không? (A. Luôn luôn; B. Thường xuyên; C. thỉnh thoảng; D. Không bao giờ)	
	Tỷ lệ %	Điểm số
I	93,15	10
II	88,51	8,4
III	89,58	8,77
IV	85,45	7,34
V	84,21	6,91
VI	87,25	7,96
VII	67,11	1
Cao nhất	93,15	10
Thấp nhất	67,11	1

Như vậy có thể hiểu đơn vị I có 93,15% doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh cho rằng công việc, thủ tục hành chính luôn được giải quyết sớm hơn so với giấy hẹn hoặc đúng theo giấy hẹn; 93,15% cho rằng có thể luôn luôn hoặc thường xuyên giải quyết công việc, TTHC qua dịch vụ công trực tuyến hoặc dịch vụ bưu chính công ích. Từ tỷ lệ % phương án của mỗi tiêu chí được lựa chọn, sẽ áp dụng công thức để chuẩn hoá điểm theo hệ số 10 như sau:

$$\text{Điểm chuẩn hoá} = 9 * \frac{\text{Điểm của đơn vị đánh giá} - \text{Điểm nhỏ nhất}}{\text{Điểm lớn nhất} - \text{Điểm nhỏ nhất}} + 1$$

Ví dụ về điểm chuẩn hoá của đơn vị II trong Bảng 1.4 $= 9 * \frac{88,51-67,11}{93,15-67,11} + 1 = 8,4$

Điểm số và mức xếp hạng chỉ số DDCI

Xếp hạng DDCI của các đơn vị căn cứ theo điểm số từ cao xuống thấp. Đơn vị nào có điểm số cao xếp trên, điểm số thấp xếp dưới trong bảng xếp hạng. Điểm số DDCI là cơ sở để xác định mức xếp hạng đối với cơ quan, đơn vị. Mỗi cơ quan, đơn vị chỉ được xếp hạng khi có tối thiểu từ 20 phiếu hợp lệ trả lời về cơ quan, đơn vị. Nếu cơ quan, đơn vị được khảo sát có dưới 20 phiếu hợp lệ trả lời thì không tiến hành xếp hạng cơ quan, đơn vị đó. Trong trường hợp các cơ quan, đơn vị trong nhóm xếp hạng có điểm số DDCI bằng nhau thì sẽ dùng điểm chỉ số thành phần theo thứ tự ưu tiên chỉ số thành phần có trọng số cao hơn để xếp hạng. Các cơ quan, đơn vị điểm chỉ số thành phần có trọng số lớn nhất cao hơn sẽ xếp hạng bên trên.

1.3. Phương pháp khảo sát DDCI Lạng Sơn 2024

1.3.1. Đối tượng khảo sát

Đối tượng đánh giá: Các nhà đầu tư, doanh nghiệp thuộc mọi thành phần kinh tế; hợp tác xã; hộ kinh doanh đang hoạt động sản xuất, kinh doanh, đầu tư trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (sau đây gọi chung là doanh nghiệp). Quy mô tổng số phiếu khảo sát hợp lệ thu về là **2.094 phiếu**.

Đối tượng được đánh giá: 36 đơn vị là các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND các huyện, thành phố thuộc tỉnh Lạng Sơn, bao gồm:

- **Nhóm 01:** Gồm 25 sở, ban, ngành cấp tỉnh: (1) Sở Kế hoạch và Đầu tư, (2) Sở Xây dựng, (3) Sở Công Thương, (4) Sở Tài nguyên và Môi trường, (5) Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, (6) Sở Giao thông vận tải, (7) Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, (8) Sở Thông tin và Truyền thông, (9) Sở Tư pháp, (10) Sở Tài chính, (11) Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, (12) Sở Giáo dục và Đào tạo, (13) Sở Y tế, (14) Sở Khoa học và Công nghệ, (15) Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn, (16) Ngân hàng Nhà nước tỉnh, (17) Cục Thuế, (18) Cục Hải quan, (19) Công an tỉnh, (20) Thanh tra tỉnh, (21) Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn, (22) Sở Nội vụ, (23) Sở Ngoại vụ, (24) Cục Quản lý thị trường, (25) Tòa án nhân dân tỉnh.

- **Nhóm 02:** Gồm 11 UBND huyện, thành phố: (1) thành phố Lạng Sơn, (2) huyện Hữu Lũng, (3) huyện Chi Lăng, (4) huyện Cao Lộc, (5) huyện Lộc Bình, (6) huyện Văn Lãng, (7) huyện Bình Gia, (8) huyện Đình Lập, (9) huyện Tràng Định, (10) huyện Văn Quan, (11) huyện Bắc Sơn.

1.3.2. Phương pháp chọn mẫu

Căn cứ trên **Báo cáo Số 464/BC-SKHĐT** ngày 14/10/2024 về việc "*Tiến độ triển khai Kế hoạch khắc phục các hạn chế thực hiện đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và UBND cấp huyện (DDCI) năm 2024*", tổng hợp số lượng DN/HTX/HKD khối SBN cung cấp năm 2024 là: 23.754 đơn vị; Tổng hợp số lượng DN/HTX/HKD khối Huyện, thành phố cung cấp năm 2024 là: 3.393 đơn vị. Căn cứ trên dữ liệu về thông tin DN/HTX/HKD

có làm việc, tương tác với các đơn vị trong năm 2024, nhóm nghiên cứu tiến hành làm sạch dữ liệu, lọc trùng và xác minh thông tin, từ đó tổng hợp danh sách sau xác minh là **9.157** đơn vị. Sau khi xác minh thông tin, nhóm nghiên cứu tiến hành phân tổ theo tỷ lệ dàn mẫu để thành lập cơ sở chọn mẫu. Danh sách chọn mẫu dự kiến là 5.000 đơn vị (chiếm 54,60% danh sách sau xác minh và chiếm 18,42% danh sách tổng hợp). Nguyên tắc chọn mẫu tuân thủ nghiêm ngặt 03 quy tắc gồm:

- (1) Đảm bảo chọn mẫu ngẫu nhiên;
- (2) Mang tính đại diện;
- (3) Không lựa chọn mẫu theo định hướng chủ quan của các bên liên quan;

Các bước và kết quả xây dựng danh sách chọn mẫu được thể hiện tại **Bảng 1.5** dưới đây:

Bảng 1.5. Các bước và kết quả xây dựng danh sách chọn mẫu

Bước	Thông tin chi tiết	Số lượng DN/HTX/HKD			TỔNG
		DN	HTX	HKD	
1	Danh sách tổng hợp theo Báo cáo số 464/BC-SKHĐT ngày 14/10/2024	9.398	565	17.184	27.147
2	Danh sách DN/HTX/HKD xác minh được để thiết lập cơ sở chọn mẫu	2.848	231	6.078	9.157
3	Danh sách DN chọn mẫu cho từng địa phương và SBN				5.000

Đối với chọn mẫu DN/HTX/HKD đánh giá khối UBND huyện, thành phố:

Phương pháp chọn mẫu DDCI khối UBND huyện, thành phố đã được cân nhắc đến sự khác biệt về địa lý, tình hình kinh tế xã hội, đặc trưng của địa phương. Do đó, phương pháp chọn mẫu dựa trên mẫu ngẫu nhiên nhưng theo cách phân tầng đồng tỷ lệ tại mỗi địa phương để đảm bảo tính đại diện của tất cả các nhóm cơ sở sản xuất kinh doanh (doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh) theo số lượng, ngành nghề sản xuất kinh doanh... Đồng thời để cân đối tỷ lệ phân bổ mẫu, việc chọn mẫu khảo sát cũng giới hạn số lượng mẫu đối với Thành phố Lạng Sơn – địa phương có số lượng DN/HTX/HKD tương tác lớn cho phù hợp.

Lựa chọn **2500 DN/HTX/HKD** theo quy tắc:

- Đối với TP Lạng Sơn: Chọn tối đa 875 mẫu khảo sát.
- Đối với các huyện còn lại, dàn mẫu theo tỷ lệ tương ứng với phân bổ mẫu theo danh sách khối Huyện, thành phố.

Kết quả phân bổ mẫu dự kiến khối UBND huyện, thành phố được thể hiện tại **Bảng 1.6** dưới đây:

Bảng 1.6. Phân bổ mẫu theo UBND huyện, thành phố

STT	UBND huyện, thành phố	Tỷ lệ phân bổ mẫu	Số lượng mẫu
1	Huyện Cao Lộc	10%	250
2	Huyện Lộc Bình	7%	175
3	Thành Phố Lạng Sơn	35%	875
4	Huyện Bình Gia	5%	125
5	Huyện Hữu Lũng	4%	100
6	Huyện Tràng Định	10%	250
7	Huyện Bắc Sơn	5%	125
8	Huyện Văn Lãng	4%	100
9	Huyện Chi Lăng	10%	250
10	Huyện Văn Quan	5%	125
11	Huyện Đình Lập	5%	125
	TỔNG	100%	2.500

Đối với chọn mẫu DN/HTX/HKD đánh giá SBN

Với khối SBN thì phương pháp được sử dụng là phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên và theo tỷ lệ DN/HTX/HKD có tương tác với SBN (theo danh sách mẫu mà các sở, ban, ngành đã cung cấp trước đó; các DN/HTX/HKD có quan tâm, hiểu biết về sở ban ngành và đánh giá từ các Hội, Hiệp hội, chi hội....đại diện cho tiếng nói của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh hội viên có hiểu biết, tương tác với SBN). Đối với một số SBN có ít DN/HTX/HKD tương tác sẽ ưu tiên lấy mẫu trước và lấy mẫu toàn bộ danh sách SBN cung cấp cũng như bổ sung thêm mẫu dựa trên phân loại ngành nghề đặc thù có tương tác và hiểu biết về SBN đó. Đồng thời để cân đối tỷ lệ phân bổ mẫu giữa các SBN, việc chọn mẫu khảo sát cũng giới hạn số lượng mẫu đối với SBN có số lượng DN/HTX/HKD tương tác lớn cho phù hợp.

Lựa chọn **2500 DN/HTX/HKD** theo quy tắc:

- Đối với các SBN có số lượng DN tương tác lớn hơn (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Cục Thuế, Bảo hiểm xã hội tỉnh): chọn tối đa 250 mẫu khảo sát;
- Đối với các SBN còn lại: dàn mẫu theo tỷ lệ tương ứng với phân bổ mẫu theo danh sách khối SBN.

Kết quả phân bổ mẫu dự kiến khối UBND huyện, thành phố được thể hiện tại **Bảng 1.7** dưới đây:

Bảng 1.7. Phân bổ mẫu theo sở, ban, ngành

STT	Sở Ban Ngành	Tỷ lệ phân bổ mẫu	Số lượng mẫu
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	3%	75
2	Sở Thông tin và Truyền thông	3%	75
3	Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn	10%	250
4	Cục Quản lý thị trường	4%	100
5	Cục Thuế	10%	250
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	10%	250
7	Sở Công Thương	3%	75
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	3%	75
9	Sở Y tế	4%	100
10	Sở Tài chính	3%	75
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	4%	100
12	Sở Nội vụ	4%	100
13	Công an tỉnh	5%	125
14	Sở Tư pháp	4%	100
15	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	3%	75
16	Sở Ngoại vụ	3%	75
17	Thanh tra tỉnh	3%	75
18	Sở Xây dựng	3%	75
19	Sở Giao thông vận tải	3%	75
20	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	3%	75
21	Sở Khoa học và Công nghệ	3%	75
22	Cục Hải quan	3%	75
23	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	2%	50
24	BQL Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	2%	50
25	Tòa án nhân dân tỉnh	2%	50
TỔNG		100%	2.500

1.3.3. Phương pháp khảo sát

Khảo sát DDCI Lạng Sơn 2024 được triển khai bằng **02 phương pháp** kết hợp khảo sát trực tiếp truyền thống và khảo sát trực tuyến.

Đối với khảo sát trực tuyến, các khảo sát được thực hiện hoàn toàn tự động trên hệ thống khảo sát trực tuyến: <https://ddci.langson.gov.vn/>, sử dụng các ứng dụng công nghệ thông tin, trí tuệ nhân tạo và nền tảng Internet để hỗ trợ cho việc triển khai khảo sát DDCI. Phiếu khảo sát được đăng tải trên hệ thống để DN/HTX/HKD truy cập và trả lời trực tuyến. DN/HTX/HKD khi được lựa chọn là mẫu khảo sát sẽ được cấp riêng một mã

khảo sát của đơn vị mình và mời tham gia khảo sát thông qua hệ thống tin nhắn, cuộc gọi tự động hoặc Đơn vị tư vấn trực tiếp gọi điện mời và hướng dẫn đối tượng tham gia khảo sát. Có 4.150 DN/HTX/HKD được lựa chọn mời tham gia khảo sát trực tuyến, tương đương với 4.150 số lượng phiếu trực tuyến phát ra. Các câu trả lời trực tuyến được ghi nhận trên hệ thống khảo sát trực tuyến.

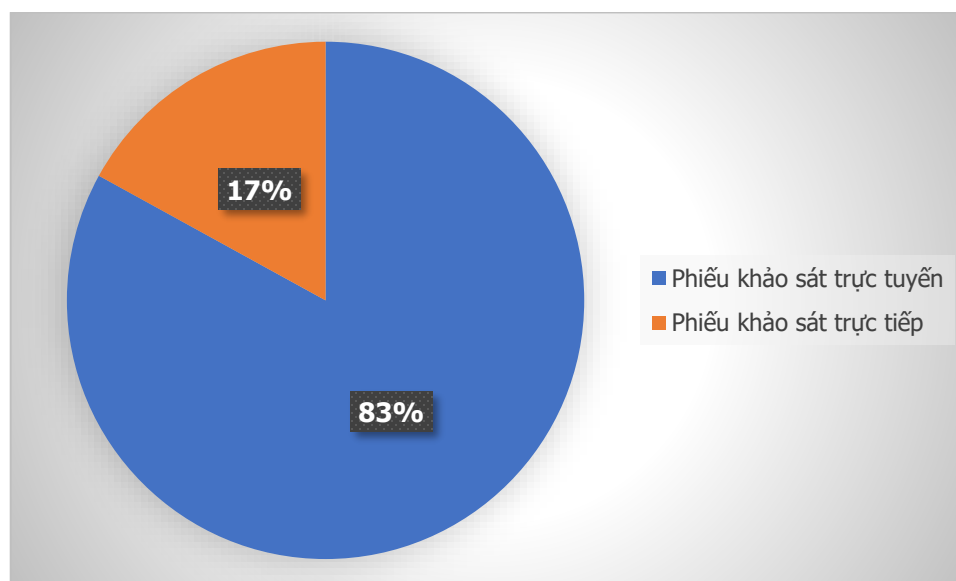
Đối với khảo sát trực tiếp truyền thống, có 850 DN/HTX/HKD được lựa chọn mời tham gia khảo sát trực tiếp, tương đương với 850 phiếu trực tiếp phát ra. Sau khi khảo sát xong, nhóm nghiên cứu tiến hành lọc phiếu hợp lệ, nhập liệu lên hệ thống để chuẩn hóa dữ liệu trên hệ thống khảo sát trực tuyến.

Sau khi khảo sát xong, hệ thống khảo sát trực tuyến tự động tính toán và tổng hợp kết quả khảo sát, không có sự can thiệp của bất kỳ cá nhân, tổ chức nào trong việc tổng hợp kết quả khảo sát. Kết quả khảo sát hoàn toàn được tổng hợp từ chính phiếu khảo sát do các DN/HTX/HKD đã trả lời và gửi trên hệ thống khảo sát trực tuyến. Kết quả khảo sát chỉ số DDCI năm 2024 được kết xuất từ hệ thống khảo sát trực tuyến, qua đó quá trình tổ chức triển khai khảo sát và tổng hợp kết quả khảo sát đảm bảo an toàn, bảo mật, khách quan và chính xác.

1.3.4. Kết quả thu thập dữ liệu khảo sát DDCI 2024

Quy mô khảo sát của DDCI Lạng Sơn 2024 là 5.000 DN/HTX/HKD. Sau thời gian triển khai, số phiếu phát ra là 5.000 phiếu khảo sát, trong đó, có 4.150 phiếu khảo sát trực tuyến (chiếm 83%) và 850 phiếu khảo sát trực tiếp (chiếm 17%), thể hiện tại **Hình 1.2** dưới đây:

Hình 1.2. Cơ cấu phiếu khảo sát trực tuyến và trực tiếp phát ra

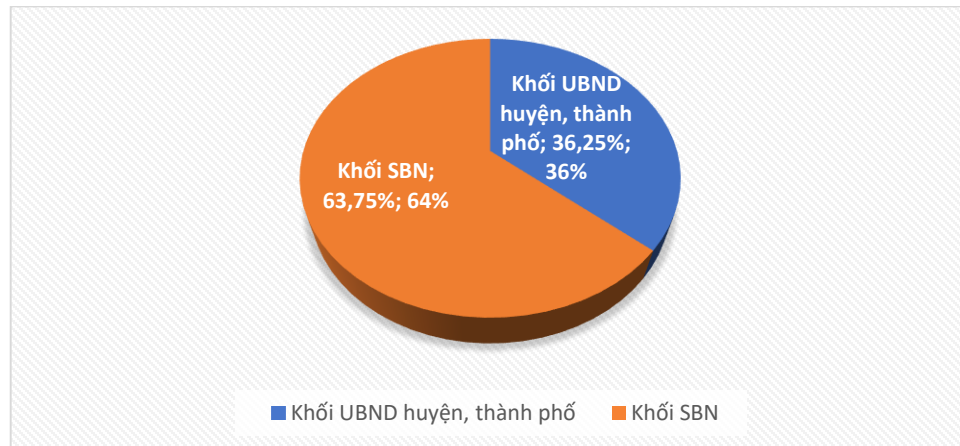


Sau thời gian triển khai, cuộc khảo sát DDCI Lạng Sơn thu được 2.309 phiếu trả lời bằng cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Sau khi loại đi các phiếu không hợp lệ do điền sai thông tin, lựa chọn các đáp án sai quy cách, số lượng và tỷ lệ phiếu phản hồi được thể hiện tại **Bảng 1.8** sau đây:

Bảng 1.8. Tỷ lệ phiếu phản hồi

	Khối UBND huyện, thành phố	Khối SBN	TỔNG	Phiếu trực tuyến	Phiếu trực tiếp
Số phiếu phát ra (a)	2.500	2.500	5.000	4.150	850
Số phiếu thu về	890	1.419	2.309	1.502	807
Số phiếu hợp lệ (b)	759	1.335	2.094	1.502	592
Tỷ lệ hồi đáp (a/b)	30,36%	53.40%	41,88%	36.20%	69,65%

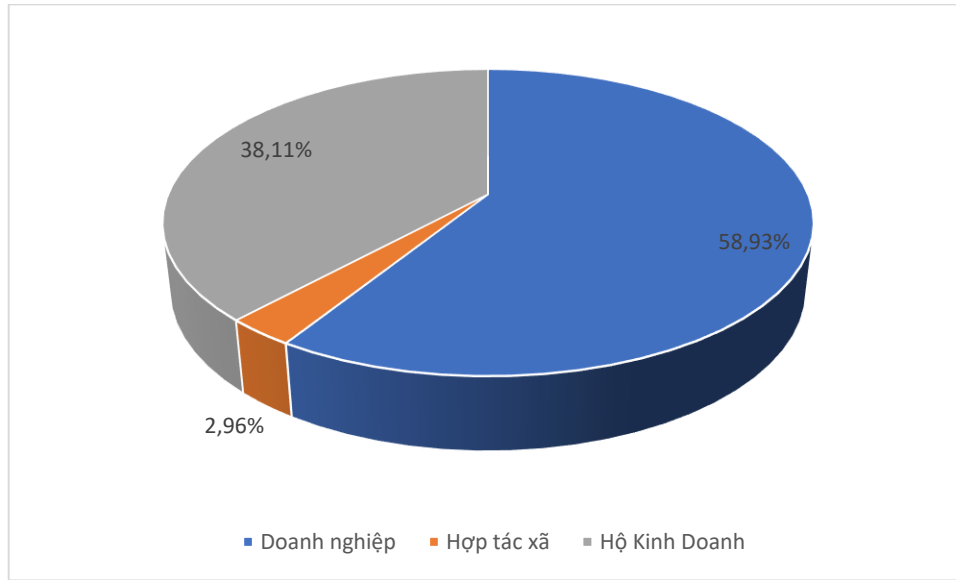
Cuộc khảo sát thu về 2.094 phiếu phản hồi (với tỷ lệ hồi đáp là 41,88%), đây là kết quả tốt, đảm bảo cung cấp đủ dữ liệu cho các phân tích thống kê tiếp theo, trong đó, có 1.335 phiếu đánh giá SBN (chiếm 63,75% tổng số) còn 759 phiếu đánh giá khối UBND huyện, thành phố (chiếm 35,25% tổng số), cơ cấu phiếu đánh giá UBND huyện, thành phố và SBN được thể hiện như **Hình 1.3** sau đây:

Hình 1.3. Cơ cấu phiếu khảo sát thu về đối với SBN và UBND huyện, thành phố

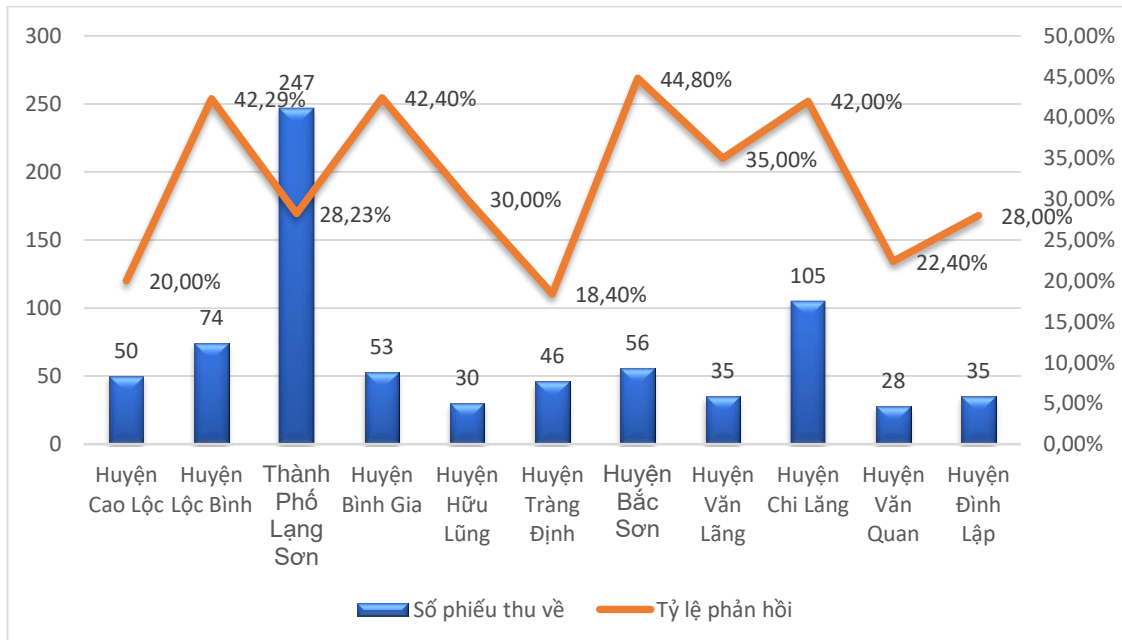
Bảng 1.9 và **Hình 1.4** thể hiện và minh họa cơ cấu DN/HTX/HKD thực hiện khảo sát DDCI Lạng Sơn 2024.

Bảng 1.9: Thống kê cơ cấu doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh tham gia khảo sát DDCI Lạng Sơn 2024

STT	Thành phần	Số lượng	Tỷ lệ
1	Doanh nghiệp	1234	58,93%
2	Hợp tác xã	62	2,96%
3	Hộ Kinh Doanh	798	38,11%
TỔNG		2.094	100,00%

Hình 1.4. Cơ cấu DN/HTX/HKD thực hiện khảo sát**Số lượng, tỷ lệ hồi đáp theo UBND huyện, thành phố và sở ban ngành**

Đối với Khối UBND huyện, thành phố, TP Lạng Sơn là địa phương có số lượt phản hồi cao nhất là 247 phiếu phản hồi, tiếp theo là Huyện Cao Lộc (105 phiếu phản hồi). Các huyện khác thu được lượt đánh giá từ 28-74 phiếu đánh giá. Trong đó, ghi nhận Huyện Hữu Lũng và Huyện Văn Quan thu được số phiếu phản hồi ở nhóm thấp nhất đồng thời tỷ lệ phản hồi nói chung của hai huyện này đều ở mức trung bình (trên 30%), thể hiện tại **Hình 1.5**:

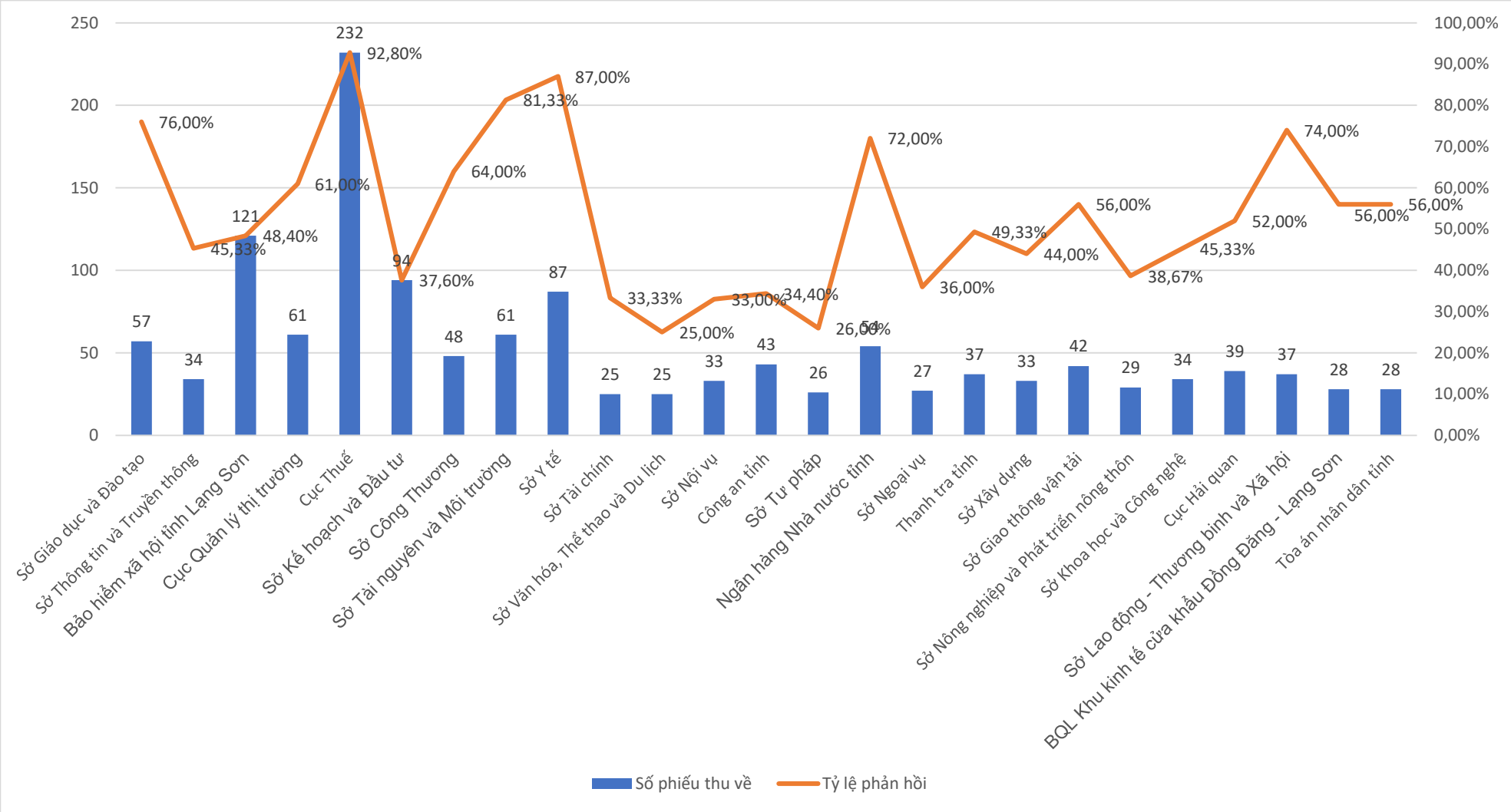
Hình 1.5. Số phiếu thu về và tỷ lệ phản hồi đối với khối UBND huyện, thành phố

Bảng 1.10. Tổng hợp số phiếu phát ra, số phiếu thu về hợp lệ và tỷ lệ phản hồi đối với khối UBND huyện, thành phố

STT	UBND huyện, thành phố	Số phiếu phát ra	Số phiếu thu về	Tỷ lệ phiếu thu về/phiếu phát ra
1	Huyện Cao Lộc	250	50	20.00%
2	Huyện Lộc Bình	175	74	42.29%
3	Thành Phố Lạng Sơn	875	247	28.23%
4	Huyện Bình Gia	125	53	42.40%
5	Huyện Hữu Lũng	100	30	30.00%
6	Huyện Tràng Định	250	46	18.40%
7	Huyện Bắc Sơn	125	56	44.80%
8	Huyện Văn Lãng	100	35	35.00%
9	Huyện Chi Lăng	250	105	42.00%
10	Huyện Văn Quan	125	28	22.40%
11	Huyện Đình Lập	125	35	28.00%
	TỔNG	2.500	759	30.36%

Đối với Khối SBN, Cục Thuế là đơn vị nhận được nhiều lượt phản hồi đánh giá nhất (232 phiếu phản hồi), tiếp theo là Bảo hiểm xã hội tỉnh (121 phiếu phản hồi) và Sở Kế hoạch và Đầu tư (94 phiếu). Các SBN còn lại nhận được số phản hồi từ 25-87 phiếu với tỷ lệ hồi đáp đều từ 25% trở lên, thể hiện tại **Hình 1.6** và **Bảng 1.11**:

Hình 1.6. Số phiếu thu về và tỷ lệ phản hồi đối với khối SBN



Bảng 1.11. Tổng hợp số phiếu phát ra, số phiếu thu về hợp lệ và tỷ lệ phản hồi đối với khối Sở Ban Ngành

STT	Sở Ban Ngành	Số phiếu phát ra	Số phiếu thu về	Tỷ lệ phiếu thu về/phiếu phát ra
1	Sở Giáo dục và Đào tạo	75	57	76.00%
2	Sở Thông tin và Truyền thông	75	34	45.33%
3	Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn	250	121	48.40%
4	Cục Quản lý thị trường	100	61	61.00%
5	Cục Thuế	250	232	92.80%
6	Sở Kế hoạch và Đầu tư	250	94	37.60%
7	Sở Công Thương	75	48	64.00%
8	Sở Tài nguyên và Môi trường	75	61	81.33%
9	Sở Y tế	100	87	87.00%
10	Sở Tài chính	75	25	33.33%
11	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	100	25	25.00%
12	Sở Nội vụ	100	33	33.00%
13	Công an tỉnh	125	43	34.40%
14	Sở Tư pháp	100	26	26.00%
15	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	75	54	72.00%
16	Sở Ngoại vụ	75	27	36.00%
17	Thanh tra tỉnh	75	37	49.33%
18	Sở Xây dựng	75	33	44.00%
19	Sở Giao thông vận tải	75	42	56.00%
20	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	75	29	38.67%
21	Sở Khoa học và Công nghệ	75	34	45.33%
22	Cục Hải quan	75	39	52.00%
23	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	50	37	74.00%
24	Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	50	28	56.00%
25	Tòa án nhân dân tỉnh	50	28	56.00%
	TỔNG	2.500	1.335	53,40%

1.3.5. Kết quả thu thập góp ý của DN/HTX/HKD trong khảo sát DDCI 2024

Căn cứ trên **Kế hoạch số 36/KH-UBND ngày 06/02/2024** của UBND Tỉnh Lạng Sơn về việc khắc phục các hạn chế năm 2023 và thực hiện đánh giá năng lực cạnh tranh cấp sở, ban, ngành và UBND cấp huyện (DDCI) năm 2024, **tại điều (b) mục 1.4** chỉ rõ, cần sử dụng câu hỏi mở để tiếp thu ý kiến đóng góp của DN/HTX/HKD để có căn cứ đưa ra các đề xuất, kiến nghị các giải pháp về cải thiện quy trình và thái độ của các cấp chính quyền thuộc tỉnh trong giải quyết thủ tục hành chính, góp phần thuận lợi hóa môi trường đầu tư và kinh doanh trên địa bàn tỉnh. Thông qua khảo sát DDCI Lạng Sơn 2024, các DN/HTX/HKD được khuyến khích tự nguyện trả lời các câu hỏi mở để đưa ra các góp ý, đề xuất đối với SBN (Câu 41 – Phiếu khảo sát dành cho SBN năm 2024) và UBND huyện, thành phố (câu 55 – Phiếu khảo sát dành cho UBND huyện, thành phố năm 2024). Nội dung sau đây sẽ trình bày sơ bộ về kết quả phân tích các ý kiến của DN/HTX/HKD tham gia khảo sát DDCI Lạng Sơn 2024.

Tính đến ngày 18/12/2024, cuộc khảo sát thu về **2.094** phiếu khảo sát bao gồm cả phiếu trực tuyến và phiếu trực tiếp, trong số đó, ghi nhận **725** phiếu khảo sát có nội dung đóng góp tại các câu hỏi mở (chiếm 34,62%), đây là một kết quả tích cực đối với nhóm câu hỏi mở, không bắt buộc trả lời, cho thấy DN/HTX/HKD trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn có hiểu biết về ý nghĩa của việc tham gia khảo sát DDCI và có dành sự quan tâm đến việc đóng góp các ý kiến tích cực dưới góc nhìn của cộng đồng doanh nghiệp nhằm hỗ trợ việc hoàn thiện môi trường đầu tư và kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Bảng 1.12 cho thấy số lượng thành phần DN/HTX/HKD tham gia đóng góp ý kiến, trong đó, có 484 doanh nghiệp (chiếm 66,76%), 222 hộ kinh doanh cá thể (chiếm 30,62%) và 19 hợp tác xã (chiếm 2,62%).

Bảng 1.12. Số lượng thành phần DN/HTX/HKD tham gia đóng góp ý kiến

STT	Thành phần	Số lượng	Tỷ lệ
1	Doanh nghiệp	484	66,76%
2	Hộ kinh doanh	222	30.62%
3	Hợp tác xã	19	2,62%
TỔNG		725	100%

Các đóng góp tại câu hỏi mở được chia thành **03 loại**:

(01) Loại 01: Nội dung đóng góp xác nhận việc không có ý kiến gì đối với một SBN/UBND huyện, thành phố cụ thể: Đây là các nội dung được thể hiện thông qua các cụm từ như: “Tôi không có ý kiến”; “Tôi không đóng góp gì thêm”; “Tôi đồng ý”; “Không có”; “Không có đề xuất”; “Không có ý kiến”; “Không có khó khăn đề xuất”; “Không có ý kiến khác”; “OK”; “không có khó khăn”; “Không”; “Ko”; ...

(02) Loại 02: Nội dung đóng góp bày tỏ sự hài lòng và khen ngợi đối với một SBN/UBND huyện, thành phố cụ thể: Đây là nội dung được thể hiện thông qua các cụm từ như: “Tôi hài lòng”; “Tôi khá hài lòng và không có ý kiến gì thêm”; “Mọi vấn đề đều tốt”; “Tôi đánh giá tốt”;...

(03) Loại 03: Các ý kiến cụ thể, bao gồm các ý kiến khen ngợi, trình bày mong muốn, phản ánh, phàn nàn, kiến nghị và khuyến nghị một cách cụ thể đối với một SBN/UBND huyện, thành phố cụ thể;

Bảng 1.13 cho thấy số lượng và tỷ lệ các loại nội dung đóng góp đến từ các DN/HTX/HKD, trong đó, chiếm đa số là 571 đóng góp (chiếm 80,20%) loại 01 xác nhận không có ý kiến gì, hay nói cách khác là không gặp khó khăn gì và vì thế không có các đề xuất khác. Bên cạnh đó, có 50 đóng góp (chiếm 7,02%) thể hiện sự hài lòng và 91 ý kiến đóng góp cụ thể (chiếm 12,78%). Chi tiết số lượng các loại đóng góp đối với từng SBN và các UBND huyện, thành phố cụ thể trình bày tại **Bảng 1.14**.

Bảng 1.13. Số lượng các loại nội dung đóng góp của DN/HTX/HKD

Loại	Nội dung	Số lượng	Tỷ lệ
1	Nội dung đóng góp xác nhận việc không có ý kiến	571	78,76%
2	Nội dung đóng góp bày tỏ sự hài lòng và khen ngợi	50	6,90%
3	Các ý kiến cụ thể, bao gồm các ý kiến khen ngợi, trình bày mong muốn, phản ánh, phàn nàn, kiến nghị và khuyến nghị	104	14,34%
TỔNG		725	100%

Bảng 1.14. Số lượng chi tiết các loại đóng góp đối với SBN, UBND huyện, thành phố cụ thể

Sở Ban Ngành và UBND các huyện, thành phố	Số góp ý nhận được	Loại 01: Không có ý kiến	Loại 02: Hài lòng & Khen ngợi	Loại 03: Ý kiến cụ thể
Khôi Sở Ban Ngành				
Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	6	6	0	0
Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn	62	55	4	3
Công an tỉnh	14	12	0	2
Cục Hải quan	17	16	0	1
Cục Quản lý thị trường	24	23	1	0
Cục Thuế	130	116	8	6
Ngân hàng Nhà nước tỉnh	15	13	1	1
Sở Công Thương	16	9	4	3
Sở Giáo dục và Đào tạo	14	11	3	0
Sở Giao thông vận tải	23	20	1	2
Sở Kế hoạch và Đầu tư	43	34	0	9
Sở Khoa học và Công nghệ	4	2	0	2
Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	6	6	0	0
Sở Ngoại vụ	3	1	1	1

Sở Ban Ngành và UBND các huyện, thành phố	Số góp ý nhận được	Loại 01: Không có ý kiến	Loại 02: Hải lòng & Khen ngợi	Loại 03: Ý kiến cụ thể
Sở Nội vụ	6	5	1	0
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	9	3	2	4
Sở Tài chính	8	3	5	0
Sở Tài nguyên và Môi trường	23	15	1	7
Sở Thông tin và Truyền thông	2	2	0	0
Sở Tư pháp	5	3	0	2
Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	5	4	1	0
Sở Xây dựng	11	10	0	1
Sở Y tế	39	29	6	4
Thanh tra tỉnh	5	4	1	0
Tòa án nhân dân tỉnh	3	3	0	0
<i>Khỏi UBND huyện, thành phố</i>				
Huyện Bắc Sơn	20	2	5	13
Huyện Bình Gia	7	3	0	4
Huyện Cao Lộc	43	40	1	2
Huyện Chi Lăng	23	14	1	8
Huyện Đình Lập	8	1	2	5
Huyện Hữu Lũng	9	3	1	5
Huyện Lộc Bình	8	6	0	2
Huyện Tràng Định	6	1	0	5
Huyện Văn Lãng	8	4	0	4
Huyện Văn Quan	3	2	0	1
Thành Phố Lạng Sơn	97	90	0	7
Tổng	725	571	50	104
Tỷ lệ/Tổng số		78,76%	6,90%	14,34%

Căn cứ trên số liệu trên, báo cáo cho thấy một số SBN dành được một số sự hài lòng từ phía các DN/HTX/HKD, bao gồm: Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn; Cục quản lý thị trường; Cục thuế; Ngân hàng nhà nước Tỉnh; Sở Công thương; Sở Giáo dục và Đào tạo; Sở Giao thông vận tải; Sở ngoại vụ; Sở nội vụ; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Sở Tài chính; Sở Tài nguyên và Môi trường; Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch; Sở Y tế và Thanh tra tỉnh. Một số UBND huyện, thành phố dành được một số sự hài lòng từ phía các DN/HTX/HKD, bao gồm: Huyện Bắc Sơn, Huyện Cao Lộc, Huyện Chi Lăng, Huyện Đình Lập, Huyện Hữu Lũng.

DDCI LẠNG SƠN 2024

CHƯƠNG 2

HỒ SƠ DDCI KHỎI UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

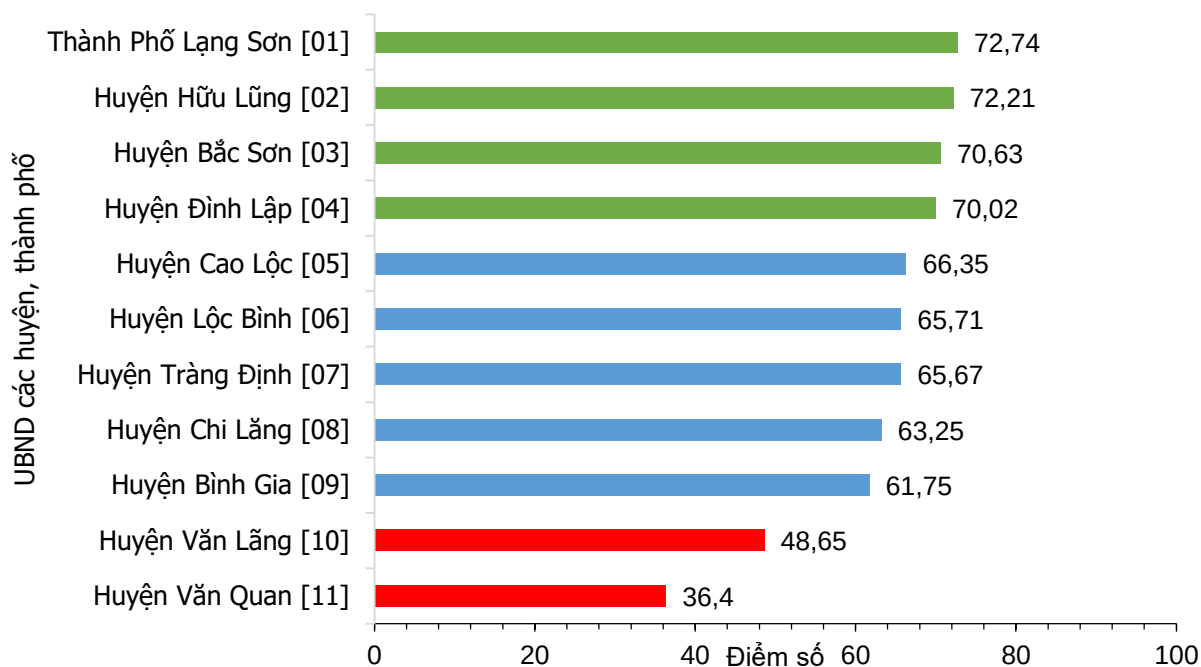


CHƯƠNG 02: HỒ SƠ DDCI KHỐI UBND CÁC HUYỆN, THÀNH PHỐ

2.1. Tổng quan DDCI khối UBND các huyện, thành phố năm 2024

Chỉ số DDCI khối UBND cấp huyện, thành phố là một thước đo quan trọng để đánh giá hiệu suất và năng lực cạnh tranh của các địa phương trong quản lý và phát triển kinh tế. Đây là một công cụ đánh giá chất lượng của môi trường kinh doanh và sự hỗ trợ của CQĐP đối với DN/HTX/HKD. Chỉ số DDCI 2024 của tỉnh Lạng Sơn bao gồm **10 chỉ số** chính để đưa vào đánh giá, phân loại **11 UBND các huyện, thành phố** (sau đây gọi là địa phương) thuộc địa bàn Tỉnh: (1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; (2) Chi phí thời gian; (3) Chi phí không chính thức; (4) Cạnh tranh bình đẳng; (5) Hỗ trợ doanh nghiệp; (6) Tính năng động và hiệu lực của địa phương; (7) Vai trò của người đứng đầu; (8) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự; (9) Ứng dụng công nghệ thông tin; (10) Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường.

Hình 2.1. Xếp hạng và điểm số CSTP DDCI 2024 khối các huyện, thành phố



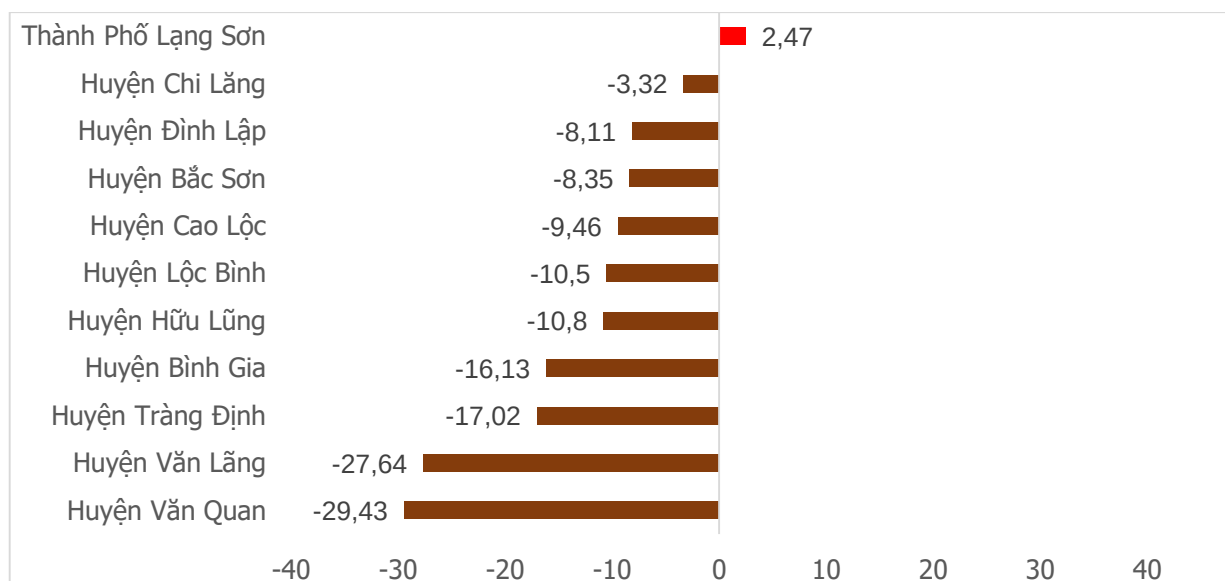
Căn cứ vào kết quả khảo sát, bảng xếp hạng DDCI Lạng Sơn 2024 khối UBND các huyện, thành phố được chia thành **03 nhóm**, cụ thể trình bày tại **Hình 2.1**, bao gồm:

- **Nhóm thứ nhất** là nhóm các địa phương có điểm số từ 70 đến 80 điểm, bao gồm 04/11 địa phương: Thành Phố Lạng Sơn [01] – 72,74 điểm, huyện Hữu Lũng [02] – 72,21 điểm, huyện Bắc Sơn [03] – 70,63 điểm và huyện Đình Lập [04] – 70,02 điểm. Đây cũng là nhóm 04 địa phương dẫn đầu tỉnh Lạng Sơn về điểm DDCI 2024 đối với khối UBND huyện và thành phố, ghi nhận không có địa phương nào đạt từ 80 điểm trở lên.

- *Nhóm thứ hai* là nhóm các địa phương có điểm số từ 60 đến 70 điểm, chiếm đa số trong bảng xếp hạng, bao gồm 05/11 địa phương: Huyện Cao Lộc [05] - 66,35 điểm, huyện Lộc Bình [06] - 65,71 điểm, huyện Tràng Định [07] - 65,67 điểm, huyện Chi Lăng [08] - 63,25 điểm và huyện Bình Gia [09] - 61,75 điểm.

- *Nhóm cuối cùng* là nhóm các địa phương có điểm số dưới 50 điểm, bao gồm 02/11 địa phương: Huyện Văn Lãng [10] - 48,65 điểm và huyện Văn Quan [11] - 36,40 điểm, đồng thời không ghi nhận địa phương nào đạt từ 50-60 điểm trong bảng xếp hạng.

Hình 2.2. Mức độ cải thiện điểm số DDCI của UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023



Điểm trung vị của khối UBND các huyện, thành phố tỉnh Lạng Sơn năm 2024 là 65,71 điểm, có xu hướng giảm so với 2023 (76,29 điểm) và thậm chí thấp hơn năm 2022 (74,65 điểm). Điều này có thể mang đến nhận định chủ quan cho rằng năng lực cạnh tranh của khối UBND các huyện và thành phố đang có xu hướng giảm, tuy nhiên, mức giảm này cũng một phần đến từ việc áp dụng bộ chỉ số DDCI 2024 mới cùng với việc bổ sung thêm chỉ số thành phần (CSTP)⁶, đưa thêm vào nhiều tiêu chí đánh giá mới cập nhật, thực tiễn và thay đổi các trọng số⁷ CSTP (5%, 10%, 15%) trong tổng điểm xếp hạng DDCI đảm bảo tương thích cao nhất với chỉ số PCI. Đây là một quyết tâm của UBND tỉnh trong việc mạnh dạn thúc đẩy năng lực cạnh tranh cấp địa phương hướng đến năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, đồng thời, nhìn nhận năng lực cạnh tranh nội tại dưới góc nhìn của cạnh tranh cấp quốc gia nhằm cung cấp những giải pháp thiết thực nhất trong việc phát triển môi trường sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

⁶ DDCI Lạng Sơn 2024 khối UBND huyện và thành phố bổ sung thêm CSTP Ứng dụng CNTT và CSTP Tính năng động và hiệu lực của địa phương

⁷ DDCI Lạng Sơn 2023 áp dụng phương pháp trọng số bình quân với mỗi CSTP có trọng số bằng nhau là 12,5%

Điểm số giữa địa phương có vị trí xếp hạng cao nhất⁸ và thấp nhất⁹ có sự chênh lệch khá lớn (chênh 36,34 điểm) và đây là mức chênh cao hơn hẳn so với 2023 (chênh 17,18 điểm). Sự chênh lệch về điểm số DDCI giữa các địa phương cho thấy sự khác biệt về năng lực quản trị điều hành giữa các UBND huyện và thành phố trên địa bàn tỉnh. Điều này cho thấy khi đặt lên bàn cân so sánh, chất lượng và năng lực cạnh tranh của các địa phương là cách biệt lớn, cần thêm các giải pháp để cải thiện vấn đề này.

Bảng 2.1. Mức điểm và Xu hướng xếp hạng DDCI 2024 so với 2023

STT	UBND các huyện, thành phố	2023		2024		Xu hướng thay đổi thứ hạng 2023-2024
		Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	
1	Huyện Bắc Sơn	78.98	3	70.63	3	0
2	Huyện Bình Gia	77.88	5	61.75	9	-4
3	Huyện Cao Lộc	75.81	8	66.35	5	+3
4	Huyện Chi Lăng	66.57	10	63.25	8	+2
5	Huyện Đình Lập	78.13	4	70.02	4	0
6	Huyện Hữu Lũng	83.01	1	72.21	2	-1
7	Huyện Lộc Bình	76.21	7	65.71	6	+1
8	Huyện Tràng Định	82.69	2	65.67	7	-5
9	Huyện Văn Lãng	76.29	6	48.65	10	-4
10	Huyện Văn Quan	65.83	11	36.4	11	0
11	Thành Phố Lạng Sơn	70.27	9	72.74	1	+8

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm bậc trong thứ hạng; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng bậc trong thứ hạng

Hình 2.2 minh họa mức cải thiện điểm số DDCI của UBND các huyện, thành phố năm 2024 so với 2023, đồng thời, **Bảng 2.1** cung cấp mức điểm và xu hướng xếp hạng DDCI năm 2024 so với 2023. Thông qua các dữ liệu trong 02 năm liên tiếp, DDCI Lạng Sơn năm 2024 đối với khối UBND huyện và thành phố ghi nhận **04 xu hướng đáng chú ý** sau:

- *Xu hướng tăng trưởng* (tăng điểm, tăng bậc), ghi nhận thành phố Lạng Sơn là địa phương duy nhất có mức cải thiện điểm tăng so với năm 2023 đồng thời tăng bậc nhảy vọt (tăng 2,47 điểm; tăng 8 bậc) chuyển từ nhóm cuối của năm 2023 chuyển sang nhóm top đầu của năm 2024.

- *Xu hướng ổn định*, ghi nhận đối với một số địa phương giữ vững phong độ với mức điểm trong phạm vi khá/tốt và bậc xếp hạng không thay đổi so với năm 2023, vẫn ở trong nhóm dẫn đầu, bao gồm: Huyện Bắc Sơn và Huyện Đình Lập.

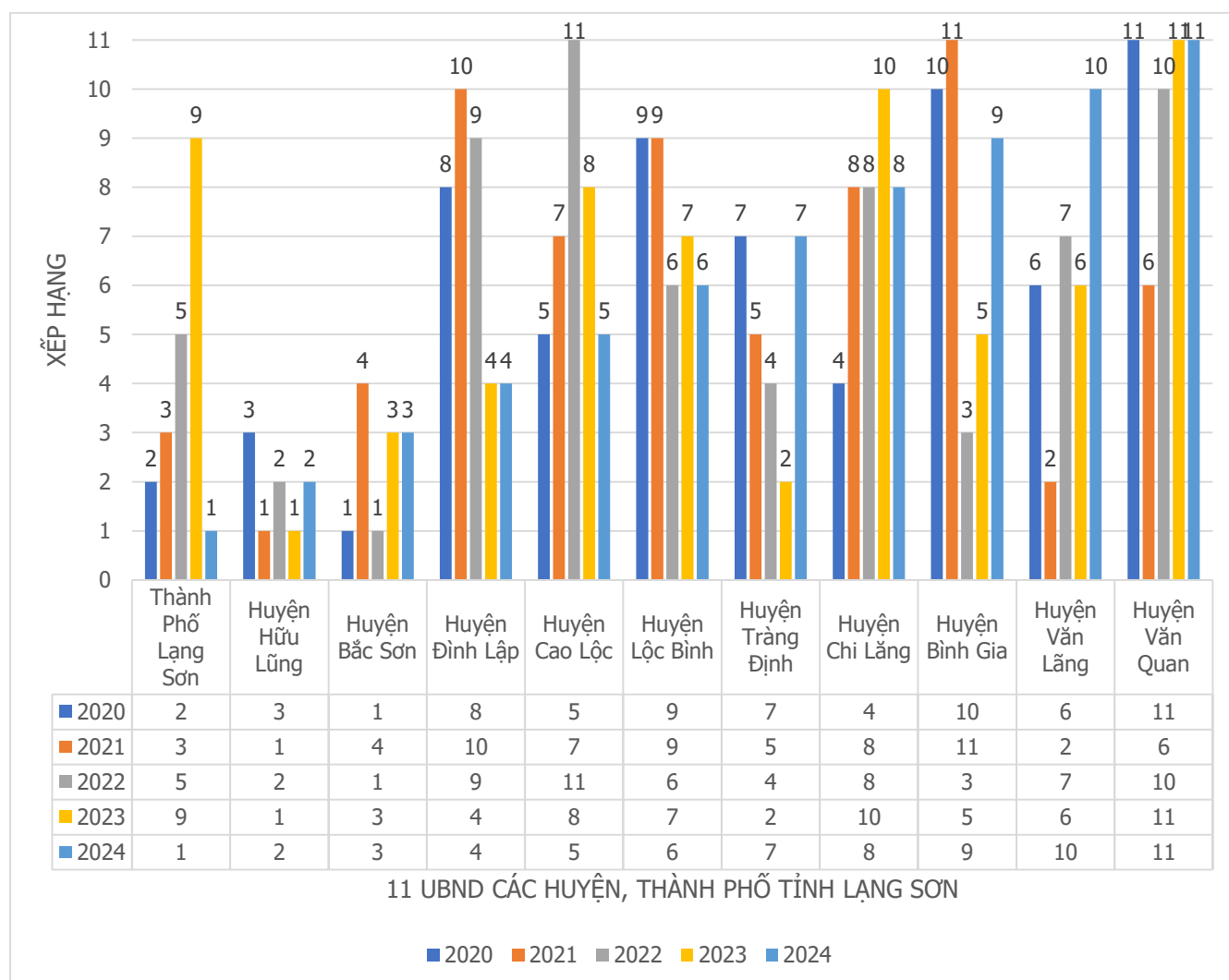
⁸ Thành phố Lạng Sơn: 72,74 điểm

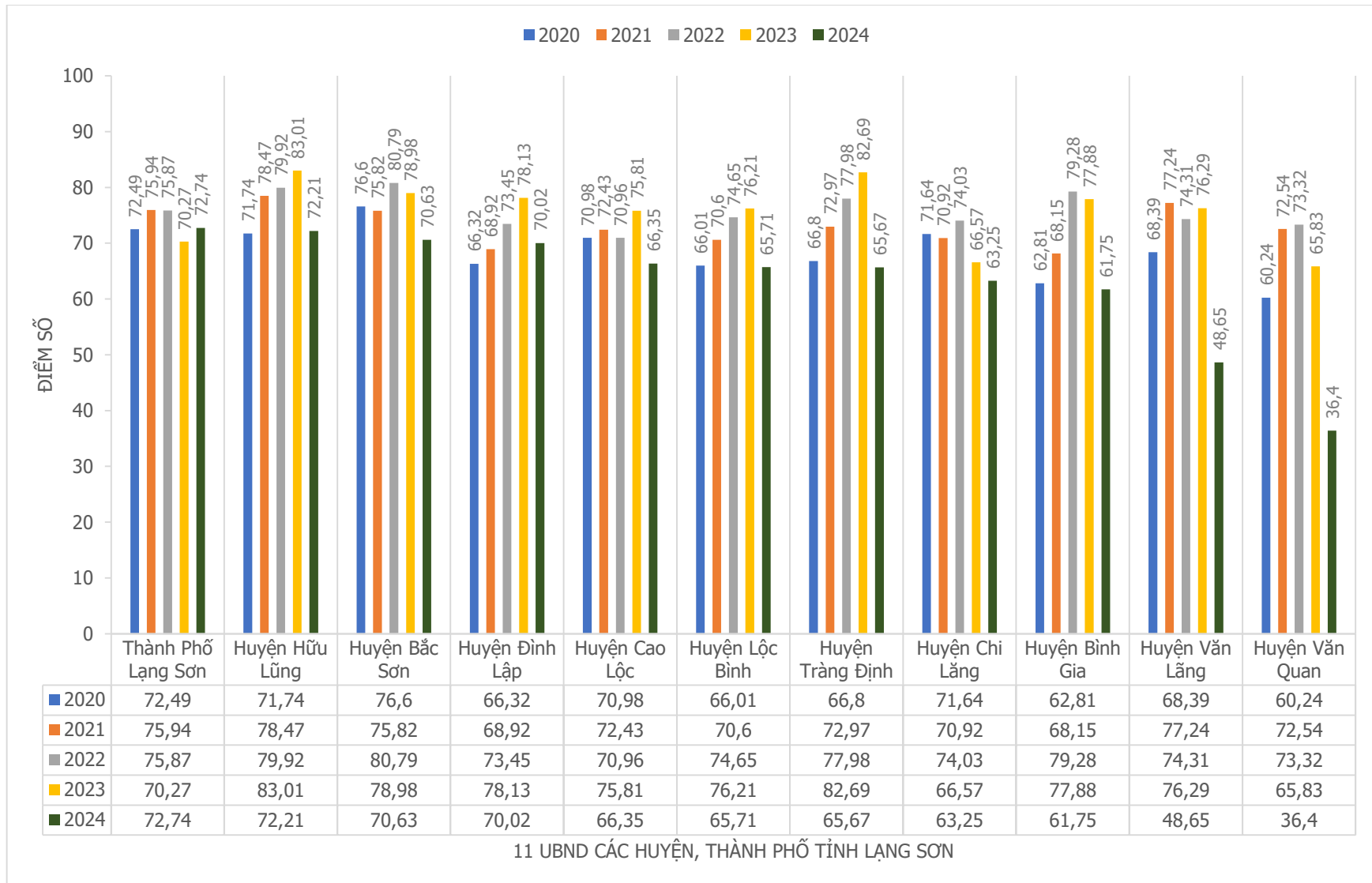
⁹ Huyện Văn Quan: 36,40 điểm

- *Xu hướng cải thiện* (tăng bậc), ghi nhận một số địa phương tuy trên đà giảm điểm chung của năm 2024 do các lý do khách quan đến từ bộ chỉ số nhưng vẫn đạt được sự cải thiện về thứ bậc đáng kể trong bảng xếp hạng DDCI 2024 khối UBND các huyện và thành phố, bao gồm: Huyện Cao Lộc (giảm 9,46 điểm; tăng 3 bậc); Huyện Chi Lăng (giảm 3,32 điểm; tăng 2 bậc) và Huyện Lộc Bình (giảm 10,5 điểm; tăng 1 bậc).

- *Xu hướng suy thoái* (giảm điểm, giảm bậc), ghi nhận một số địa phương sụt giảm điểm số năng lực cạnh tranh và giảm cả thứ bậc trên bảng xếp hạng, với mức giảm bậc nhiều nhất thuộc về huyện Tràng Định (giảm 17,02 điểm; giảm 5 bậc). Tiếp theo là huyện Văn Lãng (giảm 27,64 điểm) và huyện Bình Gia (giảm 16,13 điểm), đều giảm 4 bậc so với năm trước. Và mức giảm nhẹ của huyện Hữu Lũng (giảm 10,80 điểm; giảm 1 bậc). Đáng chú ý nhất là huyện Văn Quan với mức giảm điểm mạnh nhất trong 11 địa phương (giảm 29,43 điểm) và dậm chân tại chỗ với mức xếp hạng thứ 11/11 trong 02 năm liên tiếp không thay đổi thứ hạng.

Hình 2.3. Xu hướng xếp hạng DDCI khối UBND huyện, thành phố giai đoạn 2020-2024

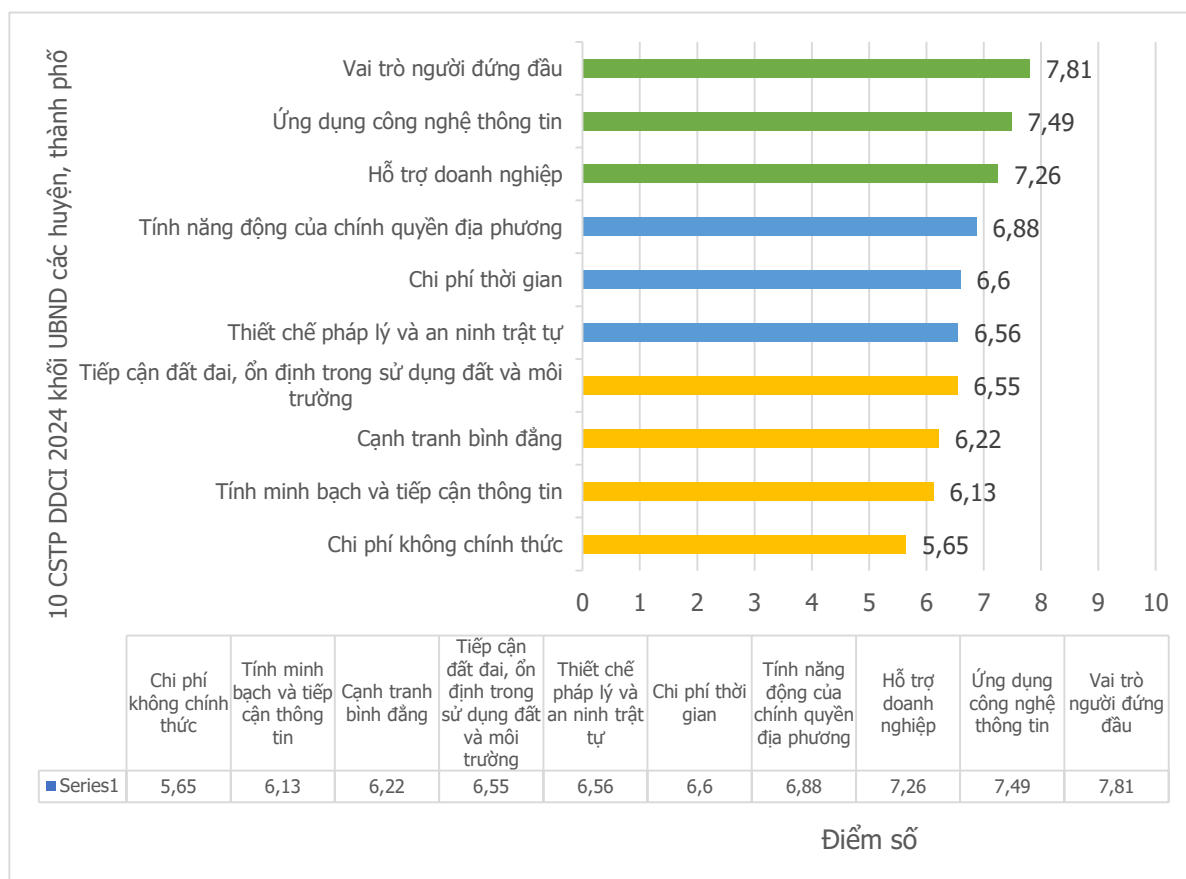


Hình 2.4. Xu hướng điểm số DDCI khối UBND huyện, thành phố giai đoạn 2020-2024

Hình 2.3 và **Hình 2.4** cung cấp các số liệu về xu hướng xếp hạng và điểm số DDCI khối UBND huyện, thành phố tỉnh Lạng Sơn trong 05 năm giai đoạn 2020 – 2024. Qua đó, dễ thấy có một địa phương duy trì năng lực cạnh tranh với mức độ ổn định cao và tích cực là huyện Hữu Lũng và huyện Bắc Sơn, luôn giữ mức điểm DDCI trên 70 điểm và mức xếp hạng duy trì trong Top 4 của toàn tỉnh trong 05 liên tiếp. Bên cạnh đó, có thành phố Lạng Sơn luôn đạt trên 70 điểm DDCI trong liên tiếp 05 năm. Đây là mức thành tích đáng được ghi nhận và cần được tiếp tục phát huy.

Hình 2.5 minh họa điểm số 10 CSTP DDCI 2024 của khối UBND huyện, thành phố. **Hình 2.6** cung cấp mức độ cải thiện điểm của 08 CSTP được kế thừa từ 2023 so với 2024 và **Hình 2.7** đưa ra cái nhìn trực quan so sánh điểm trung vị của các CSTP 2024 so với 2023. Có 02/10¹⁰ CSTP cải thiện điểm tăng nhẹ so với năm trước và 06/10¹¹ CSTP giảm điểm và 02/10 CSTP mới nên không đưa ra mức so sánh.

Hình 2.5. Điểm số 10 chỉ số thành phần DDCI 2024 khối UBND các huyện, thành phố



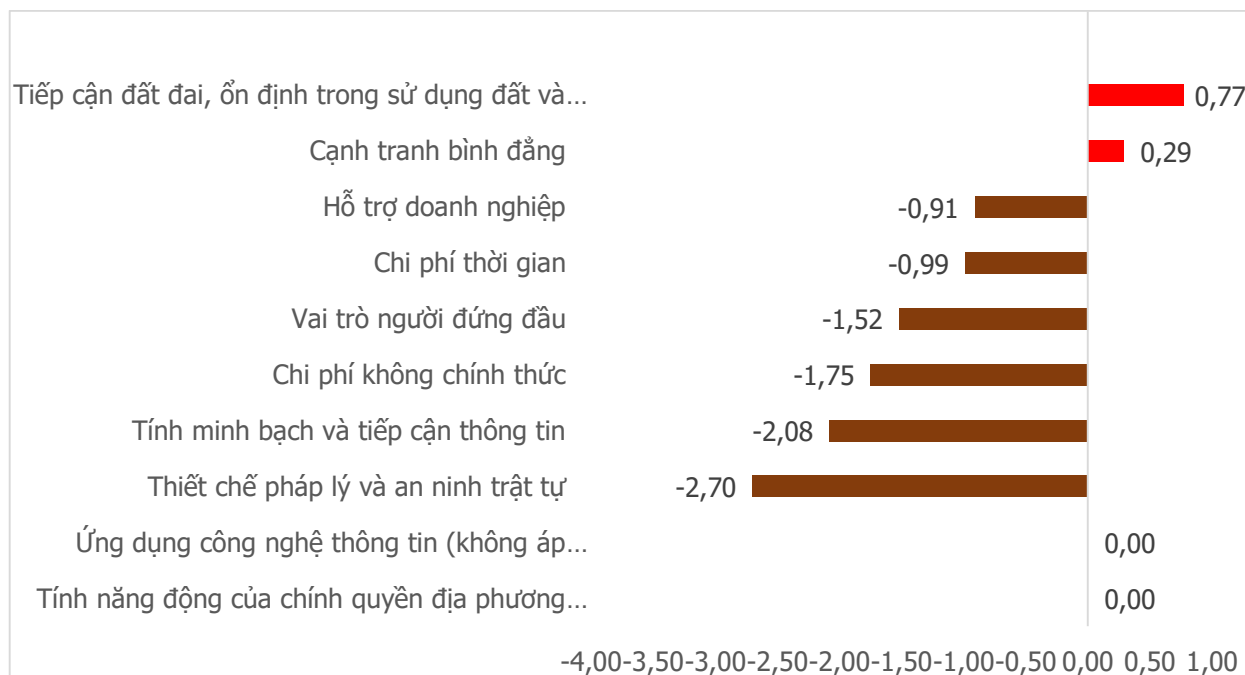
¹⁰ Bao gồm: CSTP Cạnh tranh bình đẳng, Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường

¹¹ Bao gồm: CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp, Chi phí thời gian, Vai trò người đứng đầu, Chi phí không chính thức, Tính minh bạch và tiếp cận thông tin, Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự

Tất cả các CSTP đều đạt mức điểm trên 05 điểm, cho thấy các tiêu chuẩn về năng lực cạnh tranh đối với từng chỉ số đều đã và đang nằm ở nửa trên và vượt ngưỡng trung bình. Tuy nhiên, sự chênh lệch giữa CSTP có điểm cao nhất¹² và CSTP có điểm thấp nhất¹³ ở mức đáng kể (chênh 2,16 điểm), mức chênh lệch này thấy đối với từng khía cạnh của năng lực điều hành cũng có những sự thiếu đồng đều nhất định, việc này sẽ ghi nhận điểm mạnh với CSTP điểm cao nhưng cũng là những yếu điều cần có các biện pháp khắc phục mạnh mẽ với các CSTP điểm thấp thì mới có thể cải thiện sự đồng đều.

Điểm đáng chú ý của năm 2024 là có 03/10 CSTP đạt mức trên 7,0 điểm, bao gồm: Vai trò người đứng đầu (7,81 điểm), Ứng dụng công nghệ thông tin (7,49 điểm) và Hỗ trợ doanh nghiệp (7,26 điểm). Bên cạnh đó, vẫn có 01 chỉ số có điểm thấp (mức dưới 06 điểm), đó là Chi phí không chính thức (5,65 điểm). Các chỉ số còn lại nằm trong khoảng từ 6,13 – 6,88 điểm.

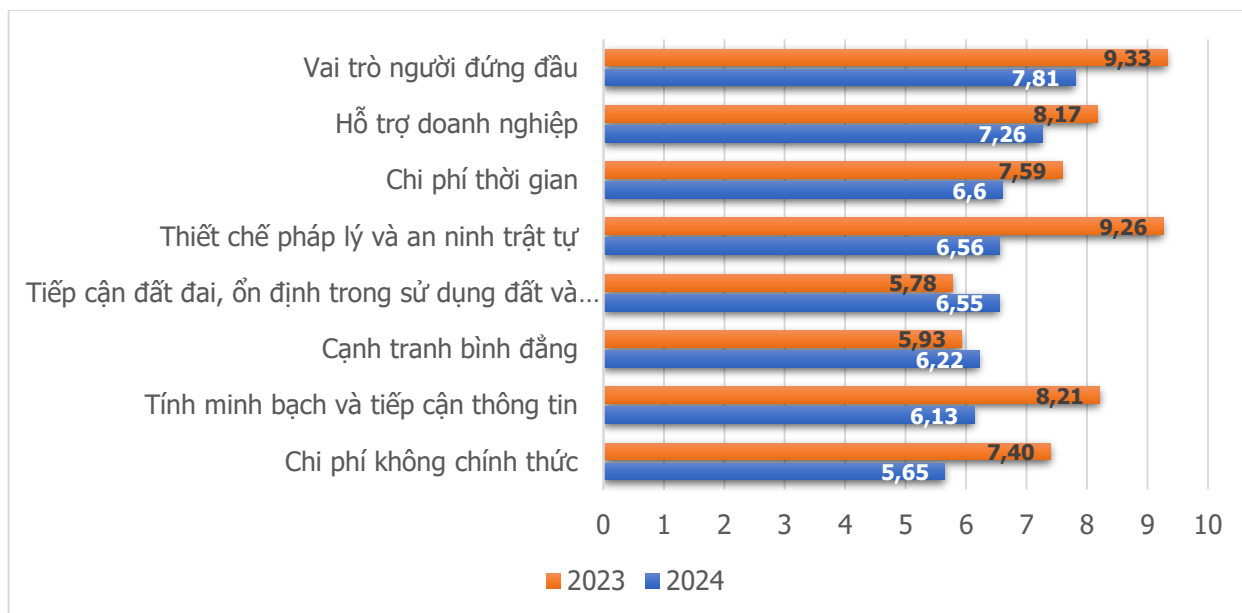
Hình 2.6. Mức độ cải thiện điểm số của 10 chỉ số thành phần DDCI khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023



Hình 2.7. So sánh điểm trung bình của 10 chỉ số thành phần DDCI khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023

¹² CSTP Vai trò người đứng đầu: 7,81 điểm

¹³ CSTP Chi phí không chính thức: 5,65 điểm



2.2. Kết quả đánh giá theo từng chỉ số thành phần của DDCI khối các huyện, thành phố giai đoạn 2021-2024

Sử dụng các dữ liệu đánh giá DDCI Lạng Sơn giai đoạn 2021 – 2024, căn cứ trên sự thay đổi điểm số của 08 CSTP của bộ chỉ số DDCI tại Hình 2.8 dưới đây, nhận thấy DDCI Lạng Sơn có một số nét chính trong năng lực cạnh tranh khối UBND các huyện, thành phố, như sau:

06 điểm cần phát huy:

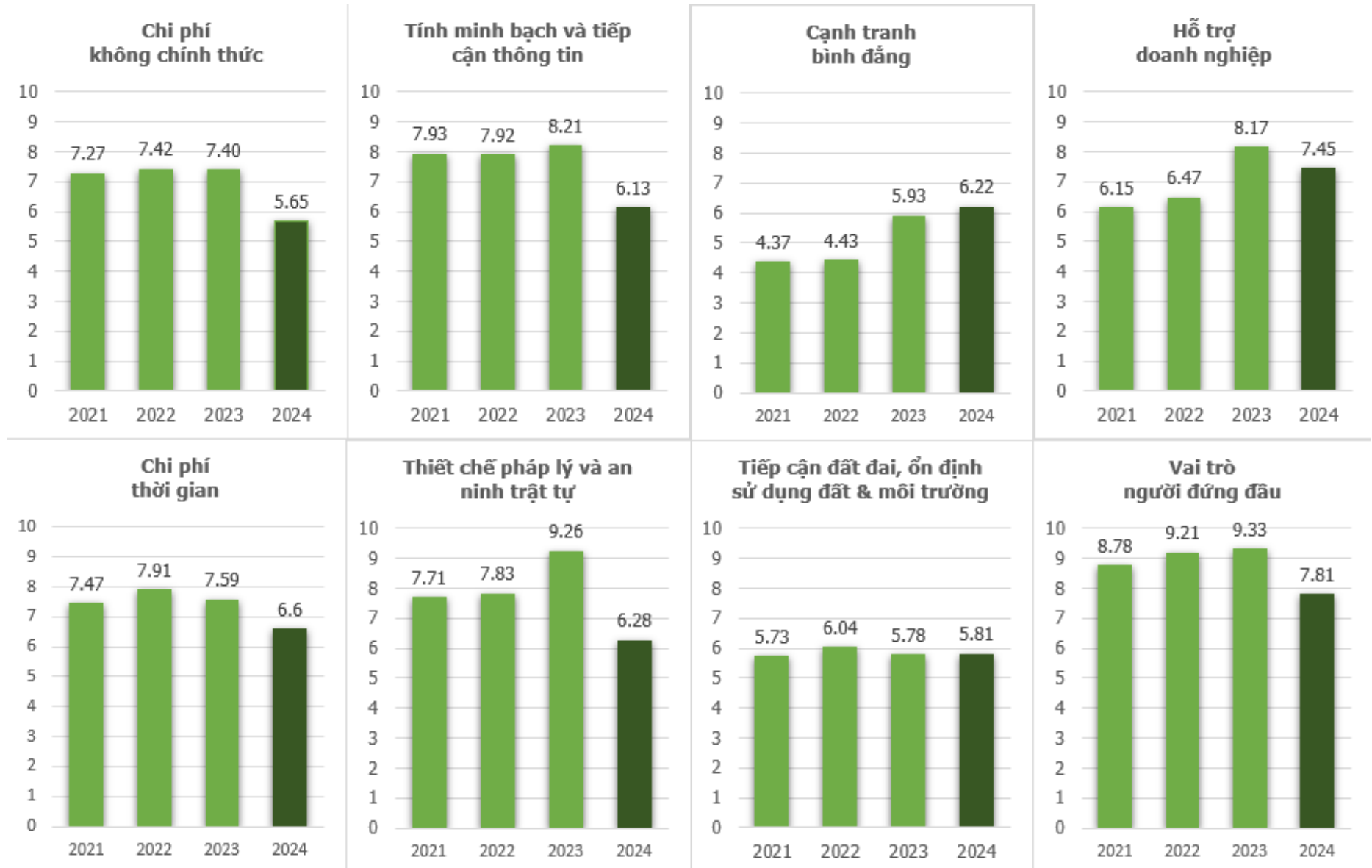
- Xu hướng cạnh tranh bình đẳng được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá càng ngày càng rõ rệt.
- Các thủ tục tiếp cận đất đai và sử dụng đất có dấu hiệu thỏa đáng, ổn định và phát triển theo hướng tích cực.
- Vai trò của lãnh đạo chính quyền địa phương được đánh giá cao trong xuyên suốt nhiệm kỳ.
- Tính năng động và hiệu lực của địa phương nên tiếp tục được phát huy.
- Công tác hỗ trợ doanh nghiệp được đánh giá tích cực nhưng chưa toàn diện và thiếu đồng đều.
- Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin một cách tích cực trong quản trị điều hành.

04 điểm cần cải thiện:

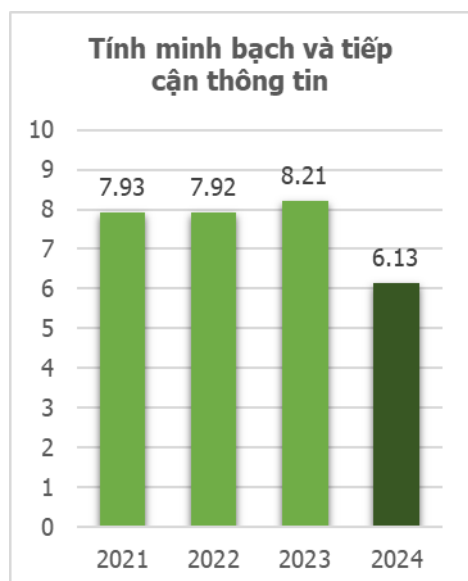
- Các chi phí không chính thức vẫn có dấu hiệu xuất hiện trong các hoạt động và thủ tục hành chính.

- Tính minh bạch và tiếp cận thông tin cần được cải thiện quyết liệt hơn thông qua các hoạt động truyền thông.
- Tiếp tục rà soát các hoạt động cải cách hành chính để thúc đẩy giảm thiểu chi phí thời gian của doanh nghiệp.
- Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự vẫn chưa đạt hiệu quả tối ưu đảm bảo hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh như doanh nghiệp mong đợi.

Hình 2.8. Điểm số 10 chỉ số thành phần DDCI khối UBND các huyện, thành phố giai đoạn 2021-2024



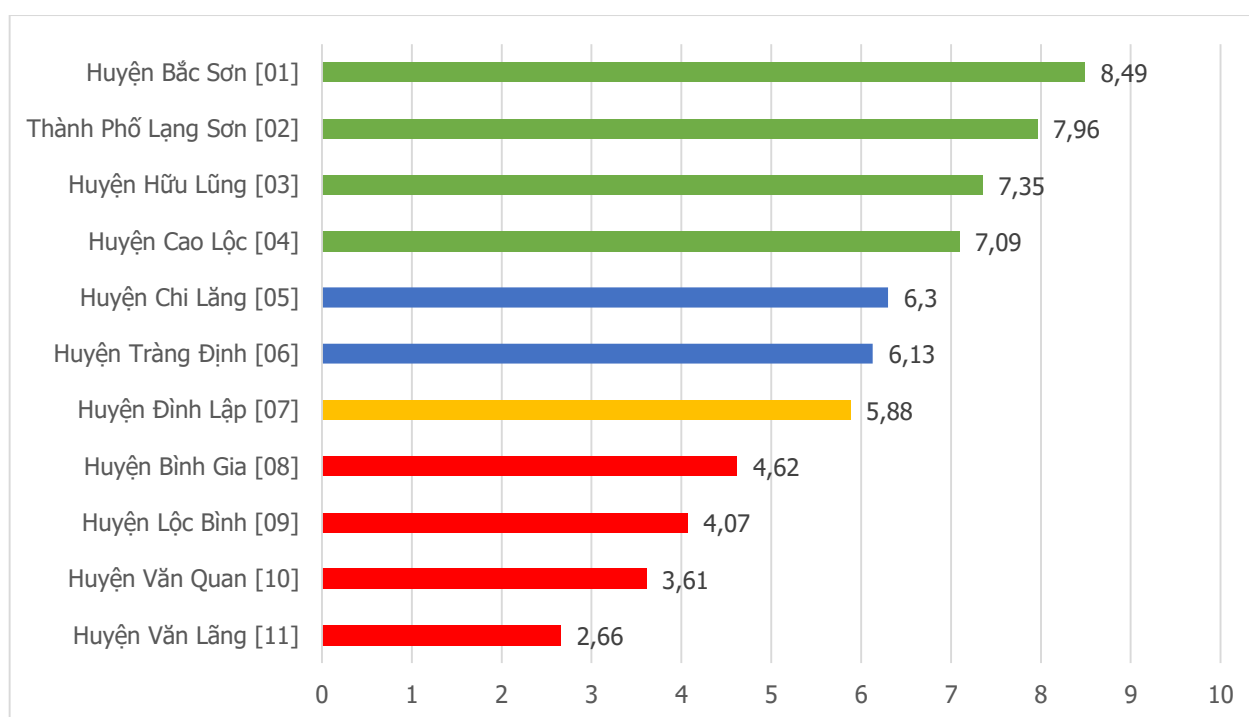
2.2.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin cần được cải thiện quyết liệt hơn



Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin đạt 6,13 điểm và nằm trong nhóm các CSTP giảm điểm so với năm 2023 (giảm 2,08 điểm). Tuy nhiên, năm 2024 ghi nhận việc đánh giá CSTP này với bộ tiêu chí đánh giá mới mang tính cập nhật và thực tiễn cao. Bên cạnh đó, mặc dù CSTP này đạt mức điểm 8,01 vào năm 2023 nhưng chỉ số Tính minh bạch trong bảng xếp hạng DDCI chỉ đạt 5,34 điểm¹⁴ (giảm 1,04 điểm so với 2022), chính vì vậy, việc đánh giá cụ thể CSTP này sẽ có ý nghĩa khi rà soát các tiêu chí cụ thể để có cái nhìn khách quan nhất từ cộng đồng doanh nghiệp.

Hình 2.9 minh họa bảng xếp hạng và điểm số CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối UBND huyện, thành phố.

Hình 2.9. Xếp hạng và điểm số CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối UBND các huyện, thành phố

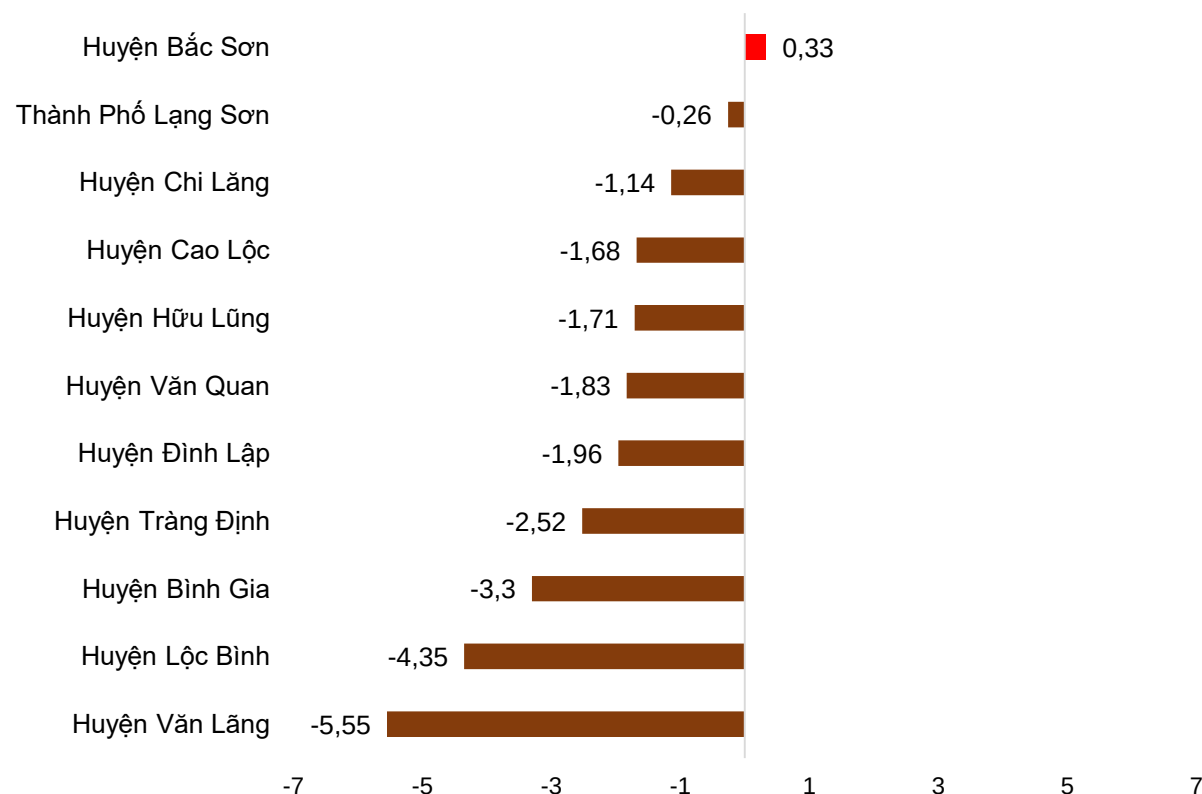


Dẫn đầu trong bảng xếp hạng Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối UBND huyện, thành phố là Huyện Bắc Sơn [01] với 8,49 điểm, ghi nhận tăng 0,33 điểm so với

¹⁴ Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) Lạng Sơn (2023). PCI Việt Nam.
 Nguồn: <https://pcivietnam.vn/ho-so-tinh/lang-son>

2023 và là địa phương duy nhất có điểm CSTP này trên 08 điểm. Đây có thể là thành quả từ nỗ lực triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số năm 2024 của Huyện Bắc Sơn theo Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 06/02/2024 về chuyển đổi số huyện Bắc Sơn năm 2024¹⁵. Tiếp theo, nằm trong nhóm dẫn đầu là Thành phố Lạng Sơn [02] với 7,96 điểm, Huyện Hữu Lũng [03] với 7,35 điểm và Huyện Cao Lộc [04] với 7,09 điểm. Các địa phương xếp hạng [05] – [07] đang giữ mức điểm trung bình từ 5.88 điểm đến 6.3 điểm.

Hình 2.10. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023



Bên cạnh đó, năm 2024 ghi nhận 04 huyện được đánh giá Tính minh bạch và tiếp cận thông tin dưới mức trung bình và đều có xu hướng giảm điểm so với năm 2023, bao gồm: Huyện Bình Gia [08] với 4,62 điểm (giảm 3,3 điểm), Huyện Lộc Bình [09] với 4,07 điểm (giảm 4,35 điểm), Huyện Văn Quan [10] với 3,61 điểm (giảm 1,83 điểm), và địa phương đứng cuối bảng xếp hạng là Huyện Văn Lãng [11] với 2,66 điểm cùng mức giảm điểm rất lớn (giảm 5,55 điểm). Mặc dù Huyện Văn Lãng đã có những hoạt động thiết thực để cải thiện việc công khai, minh bạch thông tin tồn tại trên địa bàn địa phương trong

¹⁵ Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác chuyển đổi số (2024). UBND huyện Bắc Sơn.
 Nguồn: <https://bacson.langson.gov.vn/vanbanchidaodieuhanh/bao-cai/bc-ket-qua-trien-khai-thuc-hien-cong-tac-chuyen-doi-so-nam-2024.html>

những năm gần đây như tổ chức các Hội nghị tập huấn “Giảm nghèo thông tin”¹⁶ nhưng đây nhưng để cải thiện chỉ số này cần một quá trình phối hợp với nhiều giải pháp từ truyền thông và công nghệ.

Có sự chênh lệch lớn giữa địa phương có điểm cao nhất¹⁷ và thấp nhất¹⁸ (chênh 5,83 điểm). Đồng thời, mức độ cải thiện điểm CSTP tại Hình 2.10 cho thấy chỉ 01/11¹⁹ địa phương có mức cải thiện điểm tăng và có đến 10/11²⁰ địa phương có mức cải thiện điểm giảm. Mức tăng thì tăng rất nhẹ nhưng mức giảm thì giảm khá sâu.

Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối UBND huyện, thành phố được đánh giá thông qua 16 câu hỏi. Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 2.1**, cái nhìn toàn cảnh về Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối UBND huyện, thành phố được làm rõ ràng hơn. Tất cả các tiêu chí đánh giá về việc tiếp cận thông tin đều được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao (trên 80%) về mức độ dễ dàng tiếp cận. Cụ thể như: dễ dàng tiếp cận các tài liệu về phân bổ thu chi ngân sách là dễ tiếp cận (86,78% DN đồng ý); dễ dàng tiếp cận các kế hoạch và chương trình phát triển KT-XH là dễ tiếp cận (87,49% DN đồng ý); dễ dàng tiếp cận các bản đồ và quy hoạch sử dụng đất (82,84% DN đồng ý); dễ dàng tiếp cận các kế hoạch đầu tư công (82,84% DN đồng ý); dễ dàng tiếp cận các thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, mua sắm công của địa phương (82,66% DN đồng ý); và đặc biệt, có 89,07% DN cho rằng việc tiếp cận các thông tin về văn bản pháp luật, thủ tục hành chính, cơ chế chính sách “mới” là dễ tiếp cận.

Ngoài ra, các hoạt động sát sườn với cộng đồng doanh nghiệp cũng được ghi nhận là thân thiện về mặt thông tin. Có 85,86% DN đánh giá việc tiếp cận các thông tin về chính sách ưu đãi, chương trình hỗ trợ cho DN là dễ dàng tiếp cận và thường xuyên được đăng tải trên các công thông tin của tỉnh, ví dụ như các chính sách hỗ trợ²¹, các thông báo về việc hỗ trợ doanh nghiệp²²,... Đáng lưu ý là 87,59% DN có thể tiếp cận dễ dàng với các kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ tại địa phương. Tuy nhiên, vẫn còn 21,14% DN cho rằng cần phải có “mối quan hệ” với CQĐP thì mới có thể dễ dàng tiếp cận được các thông tin và tài liệu, cụ thể là tại Huyện Văn Lãng, chỉ có 68,57% DN nhận định việc tiếp cận

¹⁶Văn Lãng (Lạng Sơn): Nâng cao kỹ năng thông tin và truyền thông giảm nghèo về thông tin (2024). Báo Dân tộc & Phát triển. Nguồn: <https://baodantoc.vn/van-lang-lang-son-nang-cao-ky-nang-thong-tin-va-truyen-thong-giam-ngheo-ve-thong-tin-nam-2024-1733905991337.htm>

¹⁷ Huyện Bắc Sơn (8,49 điểm)

¹⁸ Huyện Văn Lãng (2,66 điểm)

¹⁹ Bao gồm: Huyện Bắc Sơn

²⁰ Bao gồm: Thành phố Lạng Sơn, Huyện Chi Lăng, Huyện Cao Lộc, Huyện Hữu Lũng, Huyện Văn Quan, Huyện Đình Lập, Huyện Tràng Định, Huyện Bình Gia, Huyện Lộc Bình và Huyện Văn Lãng

²¹ Nghị quyết 03/2024/NQ-HĐND Lạng Sơn Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (2024). Luật Việt Nam. Nguồn: <https://luatvietnam.vn/doanh-nghiep/nghi-quyet-03-2024-nq-hdnd-lang-son-quy-dinh-mot-so-ch-sach-ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua-348158-d2.html>

²² Thông báo về việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (2024). Nguồn: <https://langsontrade.vn/doanh-nghiep/thong-tin-doanh-nghiep/thong-bao-ve-viec-ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua-tren-dia-ban-tinh-lang-son-tham-gia-cum-lien-ket-nganh-chuoi-gia-tri-nam-2024-11355>

thông tin là thuận lợi dễ dàng, hiện tượng này là dấu hiệu cho thấy địa phương cần thêm các nỗ lực và phương án truyền thông phù hợp và sâu sát đến cộng đồng DN nhằm mở rộng kênh thông tin cho DN trên địa bàn được hưởng lợi từ việc tiếp cận thông tin đúng đắn. Về cơ bản thì các kết quả cải cách trong việc tiếp cận thông tin đã có ý nghĩa trong năm 2024 nhưng các hoạt động này cần quyết liệt hơn nữa vì khoảng 10-15% DN vẫn chưa có nhận định tích cực đối với CSTP này, mở ra các kế hoạch hoàn thiện cho chỉ số quan trọng này vào năm tới đối với các CQĐP.

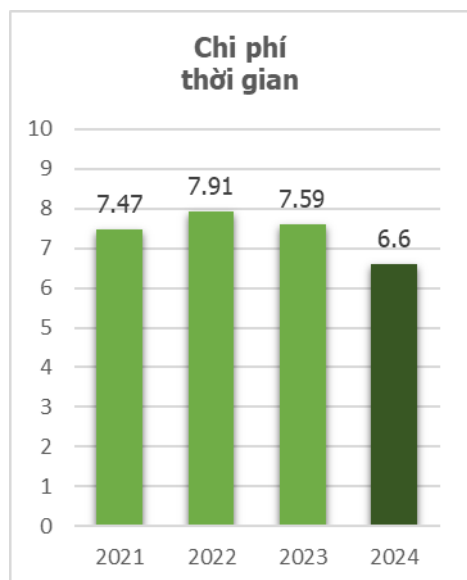
Tín hiệu tích cực là các tiêu chí đánh giá tính minh bạch của khối UBND huyện, thành phố nhận được sự ghi nhận rất cao từ cộng đồng DN, 100% các tiêu chí nhận được đánh giá trên mức 90% cho thấy sự sẵn sàng về minh bạch thông tin tại các địa phương có sự cải thiện và rõ nét hơn. Có 93,62% DN ghi nhận sự sẵn sàng của CQĐP trong việc cung cấp các thông tin, văn bản không có sẵn trên kênh đại chúng (trừ thông tin bí mật nhà nước) khi nhận được yêu cầu từ DN. Ngoài ra, việc minh bạch trong thủ tục thông tin được đánh giá cao, ví dụ như: 97,43% DN nhận định các thủ tục hành chính (TTHC) được niêm yết công khai, đầy đủ; 95,34% DN nhận định các quy trình TTHC là dễ hiểu và dễ thực hiện; 97,08% DN đánh giá các khoản phí, lệ phí là công khai minh bạch và 92,32% DN cho rằng các thủ tục giấy tờ tại cơ quan chính quyền địa phương là đơn giản. Một số địa phương được 100% DN tham gia khảo sát đánh giá rất tốt, bao gồm: Huyện Bắc Sơn, Huyện Tràng Định, và Huyện Đình Lập. Thông qua chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin, có 95,10% DN đánh giá tốt đối với các cán bộ hướng dẫn tại CQĐP giải quyết thủ tục hành chính đảm bảo đầy đủ và rõ ràng, có 94,59% DN đánh giá sự hướng dẫn của các cán bộ là nhanh chóng và nhiệt tình.

Bảng 2.2. Kết quả đánh giá CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin khối UBND các huyện, thành phố

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[1.1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá việc tiếp cận các tài liệu về phân bổ thu chi ngân sách là rất dễ hoặc dễ tiếp cận (%)	Trung bình	86,78
	Cao nhất	94,64
	Thấp nhất	80
[1.2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá việc tiếp cận các kế hoạch, chương trình phát triển Kinh tế - Xã hội là rất dễ hoặc dễ tiếp cận (%)	Trung bình	87,49
	Cao nhất	95,65
	Thấp nhất	77,14
[1.3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá việc tiếp cận các bản đồ và quy hoạch sử dụng đất là rất dễ hoặc dễ tiếp cận (%)	Trung bình	82,84
	Cao nhất	91,07
	Thấp nhất	71,43
[1.4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá việc tiếp cận các kế hoạch đầu tư công là rất dễ hoặc dễ tiếp cận (%)	Trung bình	82,94
	Cao nhất	92,86
	Thấp nhất	74,29
[1.5]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá việc tiếp cận các thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, mua sắm công của địa phương là rất dễ hoặc dễ tiếp cận (%)	Trung bình	82,66
	Cao nhất	92,86
	Thấp nhất	71,43

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[1.6]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá việc tiếp cận các thông tin về văn bản pháp luật, thủ tục hành chính, cơ chế chính sách mới là rất dễ hoặc dễ tiếp cận (%)	Trung bình	89,07
	Cao nhất	97,83
	Thấp nhất	80
[1.7]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá việc tiếp cận các thông tin về chính sách ưu đãi, chương trình hỗ trợ cho doanh nghiệp là rất dễ hoặc dễ tiếp cận (%)	Trung bình	85,86
	Cao nhất	92,31
	Thấp nhất	78,57
[1.8]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá việc tiếp cận các kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ tại địa phương là rất dễ hoặc dễ tiếp cận (%)	Trung bình	87,59
	Cao nhất	93,48
	Thấp nhất	71,43
[2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng không cần có "mối quan hệ" với Chính quyền địa phương để tiếp cận các thông tin, tài liệu một cách dễ dàng, thuận lợi (%)	Trung bình	78,86
	Cao nhất	91,43
	Thấp nhất	68,57
[3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng CQĐP sẵn sàng cung cấp thông tin, văn bản (trừ thông tin bí mật nhà nước) không có sẵn trên kênh đại chúng khi DN/HTX/HKD đề nghị (%)	Trung bình	93,62
	Cao nhất	96,67
	Thấp nhất	89,13
[4.1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định các thủ tục hành chính được niêm yết đầy đủ, công khai tại bảng thông tin và/hoặc cổng thông tin điện tử (%)	Trung bình	97,43
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	94,34
[4.2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định các quy trình thủ tục hành chính là dễ hiểu, dễ thực hiện (%)	Trung bình	95,34
	Cao nhất	98,38
	Thấp nhất	92,45
[4.3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định các phí, lệ phí là công khai minh bạch (%)	Trung bình	97,08
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	93,33
[4.4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định các thủ tục giấy tờ là đơn giản (%)	Trung bình	92,32
	Cao nhất	96,43
	Thấp nhất	88,57
[4.5]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng Cán bộ hướng dẫn Đơn vị giải quyết thủ tục hành chính đầy đủ, rõ ràng (%)	Trung bình	95,10
	Cao nhất	97,14
	Thấp nhất	91,43
[4.6]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng Cán bộ hướng dẫn hồ sơ vướng mắc, giải quyết thủ tục hành chính cho Đơn vị nhanh chóng, nhiệt tình (%)	Trung bình	94,59
	Cao nhất	98,21
	Thấp nhất	91,43

2.2.2. Tiếp tục rà soát các hoạt động cải cách hành chính để thúc đẩy giảm thiểu chi phí thời gian cho doanh nghiệp



Chỉ số Chi phí thời gian với các tiêu chí đánh giá của năm 2024 được ghi nhận đạt 6,6 điểm, đánh dấu một sự giảm nhẹ so với 2023 (giảm 0,99 điểm so với 2023), các yếu tố dẫn đến sự giảm này được làm rõ trong các tiêu chí đánh giá tại Bảng 2.2 và sẽ đồng thời có thể cung cấp phương án cải thiện phù hợp.

Trên thực tế, công tác cải cách hành chính của tỉnh Lạng Sơn được triển khai rất nghiêm túc. Chỉ số cải cách hành chính (PAR Index) năm 2023 của tỉnh là 85,94%, đứng thứ 47/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương. Chỉ số hài lòng của người dân đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS) năm 2023 của tỉnh là 87.07%, đứng thứ 31/63 tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương²³. Kết quả này là cơ

sở để tiếp tục triển khai Kế hoạch số 04/KH-UBND cải cách hành chính tỉnh Lạng Sơn năm 2024 và Thực hiện Đề án cải cách thủ tục hành chính (TTHC) tỉnh giai đoạn 2021 - 2025 và định hướng đến năm 2030 và nhận được phản hồi rất tốt của cộng đồng doanh nghiệp cũng như nhân dân²⁴.

Hình 2.11 minh họa bảng xếp hạng và điểm số CSTP Chi phí thời gian của khối UBND huyện, thành phố. Dẫn đầu trong bảng xếp hạng Chi phí thời gian của khối UBND huyện, thành phố là Huyện Hữu Lũng [01] với 7,85 điểm, ghi nhận tăng 0,26 điểm so với năm 2023 nhờ các chỉ đạo quyết liệt trong công tác cải cách hành chính tại huyện²⁵. Tiếp theo trong nhóm dẫn đầu về CSTP này là Huyện Lộc Bình [02] với 7,56 điểm, ngay kế tiếp là Huyện Bắc Sơn [03] với 7,55 điểm, và Huyện Bình Gia [04] với 7,04 điểm. Các địa phương xếp hạng [05] – [09] đang giữ mức điểm trung bình từ 5.68 điểm đến 6,88 điểm. Các địa phương này đều đặt mục tiêu cải cách hành chính làm nhiệm vụ trọng tâm nhưng cần tiếp tục rà soát để hoàn thiện nhằm thúc đẩy sự phát triển của chỉ số này hơn nữa, ví dụ như: Thành phố Lạng Sơn với quyết tâm “Giảm chi phí thời gian – Nâng cao năng lực cạnh tranh”²⁶.

²³ Lạng Sơn: Kết quả cải cách hành chính (2024). Bộ Nội Vụ. Nguồn: <http://caicachhanhchinh.gov.vn/tin-tuc/lang-son-ket-qua-cai-cach-hanh-chinh-nam-2024>

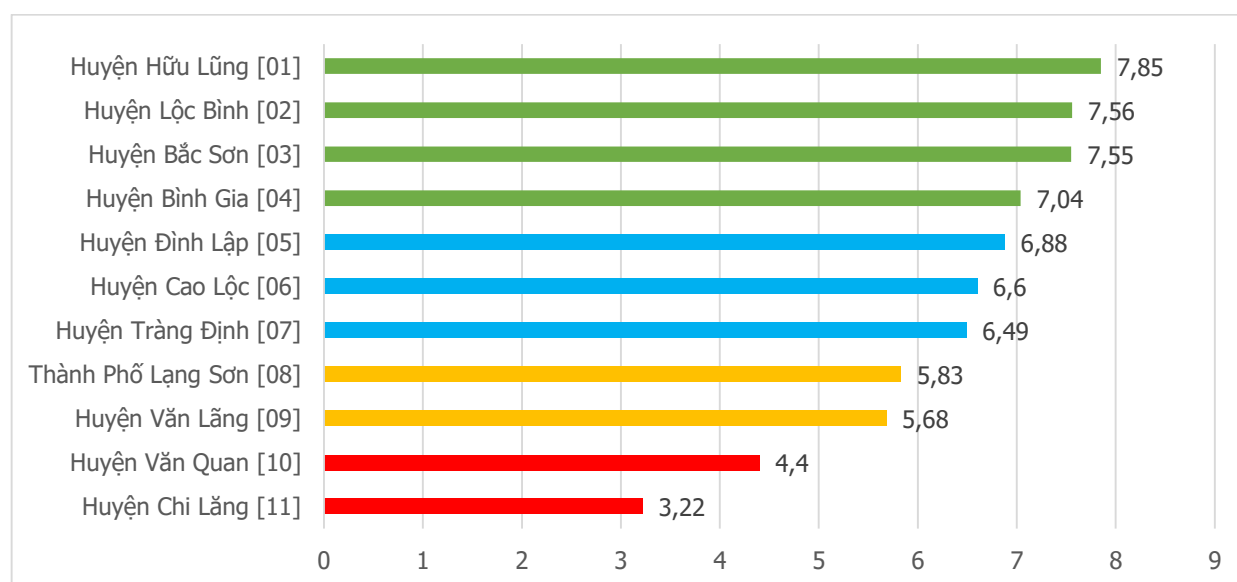
²⁴ Thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến: Dấu ấn cải cách hành chính (2024). Truyền hình Lạng Sơn. Nguồn: <https://langsontv.vn/news/475/79299/thuc-day-dich-vu-cong-truc-tuyen-dau-an-cai-cach-thu-tuc-hanh-chinh-nam-2024>

²⁵ Kế hoạch Tuyên truyền cải cách hành chính Huyện Hữu Lũng (2024). Nguồn: <https://huulung.langson.gov.vn/van-ban-chi-dao-dieu-hanh-cua-ubnd-huyen/ke-hoach-tuyen-truyen-cong-tac-cai-cach-hanh-chinh-huyen-huu-lung-nam-2024.html>

²⁶ Thành phố Lạng Sơn: Giảm "chi phí thời gian" - Nâng chỉ số DDCI (2014). Tin tức PCI.

Bên cạnh đó, có 02 huyện có chỉ số Chi phí thời gian thấp hơn mức trung bình là Huyện Văn Quan [10] với 4,40 điểm và Huyện Chi Lăng [11] với 3,22 điểm. Khoảng cách về điểm số giữa địa phương có điểm cao nhất²⁷ và thấp nhất²⁸ là đáng kể (chênh 4.63 điểm) cho thấy sự thiếu đồng đều trong công tác cải cách hành chính trên toàn địa bàn tỉnh.

Hình 2.11. Xếp hạng và điểm số CSTP Chi phí thời gian của khối UBND các huyện, thành phố



Hình 2.12 cung cấp về mức độ cải thiện điểm CSTP Chi phí thời gian của khối UBND các huyện thành phố 2024 so với 2023, ghi nhận có 04/11²⁹ địa phương có mức cải thiện điểm tăng nhẹ và có 07/11³⁰ địa phương có mức cải thiện điểm giảm. Mức giảm điểm mạnh nhất trong năm qua thuộc về Huyện Văn Lãng (giảm 3,11 điểm), kết quả này cũng phù hợp với một số hạn chế liên quan đến các tồn đọng về thời gian giải quyết TTHC tại cấp huyện mà Đoàn kiểm tra của Ban Chỉ đạo Cải cách hành chính tỉnh đã chỉ ra trong đợt thanh tra tháng 06/2024³¹ vừa qua.

Nguồn: <https://pcvietnam.vn/tin-tuc-su-kien/thanh-pho-lang-son-giam-chi-phi-thoi-gian-nang-chi-so-ddci-ct4445.html>

²⁷ Huyện Hữu Lũng (7,85 điểm)

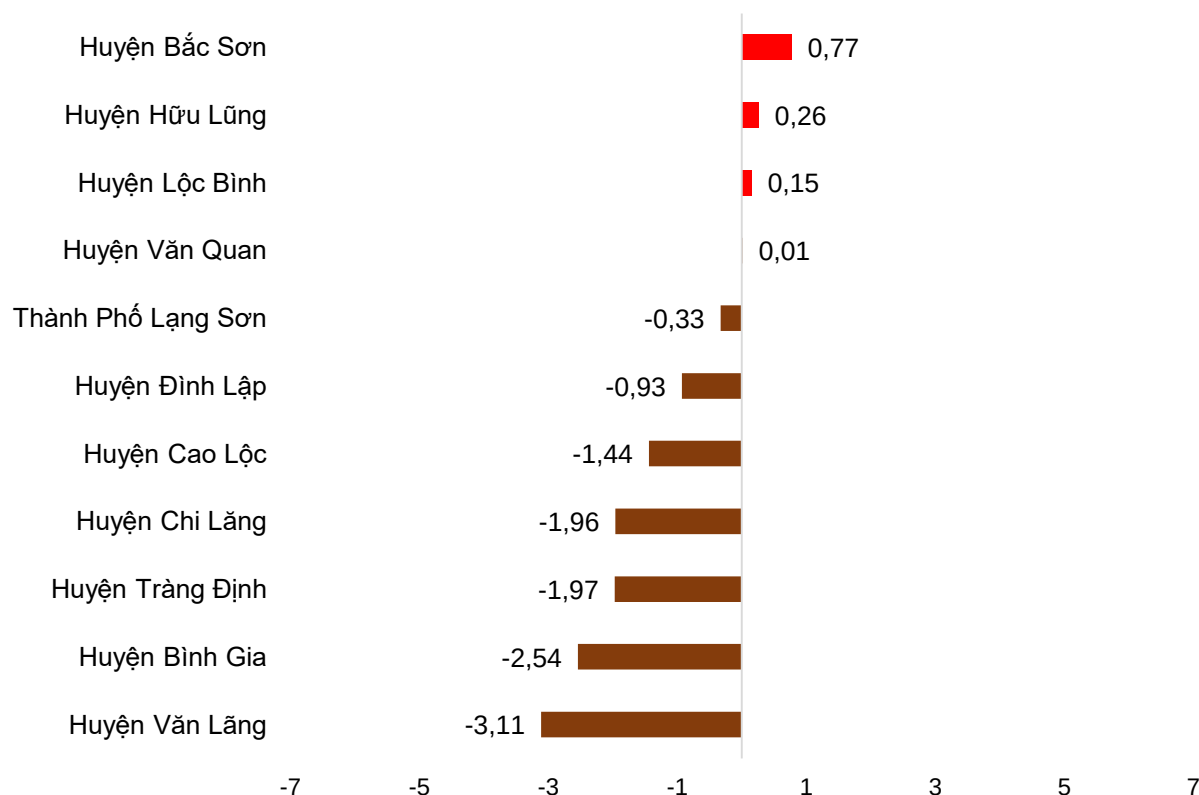
²⁸ Huyện Chi Lăng (3,22 điểm)

²⁹ Bao gồm: Huyện Bắc Sơn, Huyện Hữu Lũng, Huyện Lộc Bình và Huyện Văn Quan

³⁰ Bao gồm: Thành phố Lạng Sơn, Huyện Chi Lăng, Huyện Cao Lộc, Huyện Đình Lập, Huyện Tràng Định, Huyện Bình Gia, và Huyện Văn Lãng

³¹ Kiểm tra công tác cải cách hành chính tại các huyện: Văn Lãng, Tràng Định và Bắc Sơn (2024). Lạng Sơn TV. Nguồn: <https://langsontv.vn/news/475/71888/kiem-tra-cong-tac-cai-cach-hanh-chinh-tai-cac-huyen-van-lang-trang-dinh-va-bac-son>

Hình 2.12. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Chi phí thời gian của khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023



Chỉ số Chi phí thời gian của khối UBND các huyện, thành phố được đánh giá thông qua 09 câu hỏi. Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 2.2**, dễ thấy, bên cạnh các tiêu chí nhận được sự đánh giá tốt của cộng đồng DN thì vấn đề liên quan đến thời gian giải quyết công việc TTHC của CQĐP là một điểm nóng chung. Chỉ có 18,79% DN tham gia khảo sát trên toàn tỉnh đánh giá thời gian giải quyết TTHC là sớm hơn hoặc đúng theo giấy hẹn, trong đó, Huyện Bắc Sơn và Huyện Bình Gia là những địa phương được đánh giá tốt hơn cả. Ngoài ra, Huyện Cao Lộc, Huyện Văn Quan và Thành phố Lạng Sơn ghi nhận hơn 90% DN chưa hài lòng về thời gian giải quyết TTHC. Thực tế cho thấy qua quá trình thanh tra công tác cải cách hành chính, vẫn ghi nhận các trường hợp hồ sơ chậm hạn hay giải quyết TTHC quá hạn trên Công dịch vụ công quốc gia và Hệ thống Thông tin giải quyết TTHC của tỉnh³². Đánh giá này cũng là điểm trừ làm điểm CSTP Chi phí thời gian năm 2024 giảm nhẹ ở khối UBND huyện, thành phố.

Nhưng bên cạnh đó, vẫn có những đánh giá cao về chất lượng giải quyết TTHC tại khối UBND huyện, thành phố, cụ thể: có 88,28% DN cho biết để hoàn tất các TTHC thì

³² Ban Chỉ đạo cải cách hành chính tỉnh kiểm tra công tác cải cách hành chính năm 2024 tại thành phố Lạng Sơn (2024). Sở Nội Vụ tỉnh Lạng Sơn. Nguồn: <https://sonv.langson.gov.vn/tin-tuc-su-kien/ban-chi-dao-cai-cach-hanh-chinh-tinh-kiem-tra-cong-tac-cai-cach-hanh-chinh-nam-2024-tai-thanh-pho-lang-son.html>

không có hoặc ít khi phải đi lại nhiều lần; và có đến 92,86% DN nhận định không thấy hoặc ít thấy hiện tượng các CQĐP đùn đẩy công việc phải giải quyết cho các địa phương khác hoặc cấp trên xử lý.

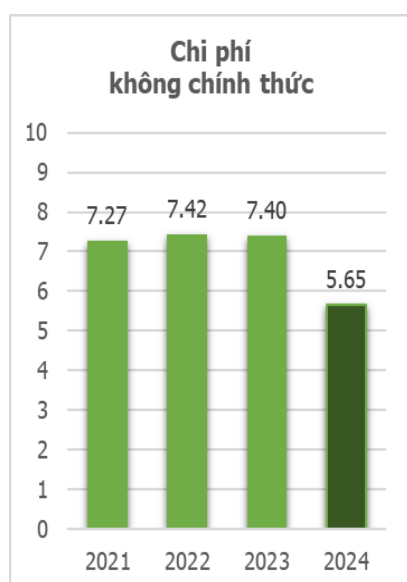
Gánh nặng về thanh tra, kiểm tra cũng có dấu hiệu giảm bớt đối với các DN vì có 94,27% DN cho biết tần suất tiếp đón đoàn thanh tra kiểm tra từ 01 lần trở xuống trong năm 2024. Việc này được thực hiện nghiêm túc tại Huyện Bình Gia, Huyện Cao Lộc, Huyện Hữu Lũng, Huyện Lộc Bình và Huyện Văn Lãng và được 100% DN tham gia khảo sát tại địa phương ghi nhận tốt. Đối với các DN tiếp đoàn thanh tra, kiểm tra, các DN đa phần đều đánh giá hoạt động thanh tra và kiểm tra được thực hiện nghiêm túc. Cụ thể, năm 2024 ghi nhận, có 94,27% DN nhận định không có hiện tượng những nhiễu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của CQĐP, đồng thời, có 95,04% DN cho rằng các hoạt động thanh tra, kiểm tra không gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh của DN và 99,09% DN đánh giá đoàn thanh tra đã làm việc đúng trong phạm vi mà quyết định thanh tra, kiểm tra ban hành, và có 97,01% DN nhận thấy các kết luận thanh tra, kiểm tra là xác đáng và thuyết phục với DN.

Tuy nhiên, chỉ có 58,12% DN nhận thấy các nội dung thanh tra, kiểm tra không bị chống chéo còn lại vẫn còn hơn 40% DN tiếp đoàn thanh tra cảm thấy sự trùng lặp trong các nội dung thanh tra, kiểm tra từ CQĐP. Tiêu chí này cần có phương án cải thiện triệt để hơn trong các năm tiếp theo vì các tỷ lệ này đang ở mức cao so với đánh giá chung khác.

Bảng 2.3. Kết quả đánh giá CSTP Chi phí thời gian khối UBND các huyện, thành phố

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[5]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá thời gian giải quyết công việc TTHC của CQĐP (% sớm hơn so với giấy hẹn hoặc đúng theo giấy hẹn)	Trung bình	18,79
	Cao nhất	35,71
	Thấp nhất	5,67
[6]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục hành chính (% không có hoặc ít khi)	Trung bình	88,28
	Cao nhất	95,19
	Thấp nhất	71,43
[7]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá về tình trạng CQĐP đùn đẩy công việc liên quan đến đơn vị sang cho các địa phương hoặc lên các cấp trên (% không có hoặc ít khi)	Trung bình	92,86
	Cao nhất	97,12
	Thấp nhất	84,91
[8]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết về tần suất được các đoàn công tác của CQĐP tiến hành thanh tra, kiểm tra HĐSXKD (% bằng hoặc ít hơn 01 lần)	Trung bình	94,27
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	84
[8.2.1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định không có hiện tượng nhiễu nhiễu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của CQĐP (%)	Trung bình	94,27
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	84
	Trung bình	95,04

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[8.2.2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định hoạt động thanh kiểm tra không gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh (%)	Cao nhất	100
	Thấp nhất	88
[8.2.3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của QĐ thanh, kiểm tra đã ban hành (%)	Trung bình	99,09
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	96
[8.2.4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định nội dung thanh tra, kiểm tra không bị chông chéo/trùng lặp với các SBN (%)	Trung bình	58,12
	Cao nhất	72,73
	Thấp nhất	47,06
[8.2.5]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định kết luận thanh tra, kiểm tra là xác đáng, thuyết phục với doanh nghiệp (% đồng ý và hoàn toàn đồng ý)	Trung bình	97,01
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	92



2.2.3. Các chi phí không chính thức vẫn có dấu hiệu xuất hiện trong các hoạt động và thủ tục hành chính

Chỉ số Chi phí không chính thức với các tiêu chí đánh giá của năm 2024 được ghi nhận đạt 5,65 điểm, là CSTP thấp điểm nhất trong 10 CSTP đánh giá DDCI khối UBND huyện, thành phố tỉnh Lạng Sơn năm nay. Chỉ số này giảm 1,75 điểm so với năm 2023. Thực chất, chỉ số này đã có một số tồn tại khiến cộng đồng doanh nghiệp chưa thực sự hài lòng³³ từ những năm trước đó. Bộ tiêu chí đánh giá năm nay sẽ chỉ ra một số vướng mắc từ cộng đồng doanh nghiệp để có thêm các phương án phòng chống chi phí không chính thức cho các năm tiếp theo.

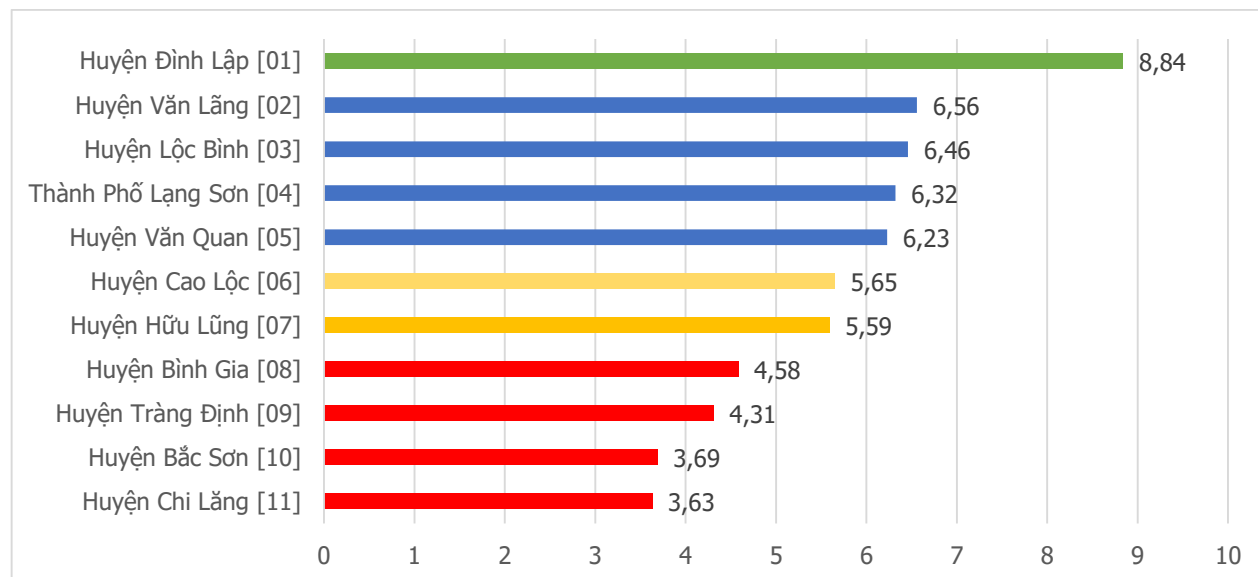
Kế hoạch số 71-KH-UBND³⁴ ngày 26/03/2024 về việc thực hiện chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn đã đưa ra các chỉ đạo quyết liệt trong việc đấu tranh, phát hiện tham

³³ Chi phí không chính thức khiến doanh nghiệp Lạng Sơn chưa hài lòng (2024); Báo Lao Động. Nguồn: <https://laodong.vn/thoi-su/chi-phi-khong-chinh-thuc-khiến-doanh-nghiep-lang-son-chua-hai-long-1287041.laod>

³⁴ Kế hoạch 71/KH-UBND năm 2024 thực hiện Chiến lược quốc gia phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2030 trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn (2024. UBND Tỉnh Lạng Sơn. Nguồn: <https://lawnet.vn/vb/Ke-hoach-71-KH-UBND-2024-thuc-hien-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-Lang-Son-94446.html>

những, tiêu cực. Trong năm qua, Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh đã chỉ đạo khởi tố 29 vụ, 53 bị can liên quan đến tham nhũng³⁵.

Hình 2.13. Xếp hạng và điểm số CSTP Chi phí không chính thức của khối UBND các huyện, thành phố



Hình 2.13 minh họa bảng xếp hạng và điểm số CSTP Chi phí không chính thức của khối UBND huyện, thành phố. Huyện Đình Lập [01] là huyện đi đầu trong bảng xếp hạng của chỉ số này với 8,84 điểm (tăng 0,03 điểm) – một số điểm rất cao so với mặt bằng chung toàn tỉnh, ghi nhận là địa phương duy nhất có chỉ số này đạt mức trên 08 điểm năm nay và cách rất xa địa phương đứng sau là Huyện Văn Lãng [02] với 6,56 điểm, ghi nhận tăng 0,78 điểm so với 2023, là mức tăng điểm cao nhất trong mức độ cải thiện điểm CSTP Chi phí không chính thức năm nay và cũng là kết quả của công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng cũng như cải cách tư pháp trên địa bàn huyện Văn Lãng³⁶.

Các địa phương xếp hạng [03] – [07] giữ mức điểm trung bình từ 5,59 điểm đến 6,46 điểm. Nhóm cuối trong bảng xếp hạng ghi nhận 04 địa phương có mức điểm dưới điểm trung bình, bao gồm: Huyện Bình Gia [08] với 4,58 điểm (giảm 3,09 điểm), Huyện Tràng Định [09] với 4,31 điểm (giảm 4,2 điểm), Huyện Bắc Sơn [10] với 3,69 điểm (giảm 4,39 điểm) cũng là mức giảm điểm lớn nhất trên bảng xếp hạng chỉ số, và Huyện Chi Lăng [11] với 3,63 điểm (giảm 3,4 điểm). Khoảng cách về điểm số giữa địa phương có điểm cao nhất³⁷ và thấp nhất³⁸ là lớn (chênh 5,21 điểm), hàm ý cho thấy sự chênh lệch về các

³⁵ Khởi tố 29 vụ, 53 bị can tham nhũng ở Lạng Sơn (2024). Báo Lao Động. Nguồn:

<https://laodong.vn/thoi-su/khoi-to-29-vu-53-bi-can-tham-nhung-o-lang-son-1440058.ldo>

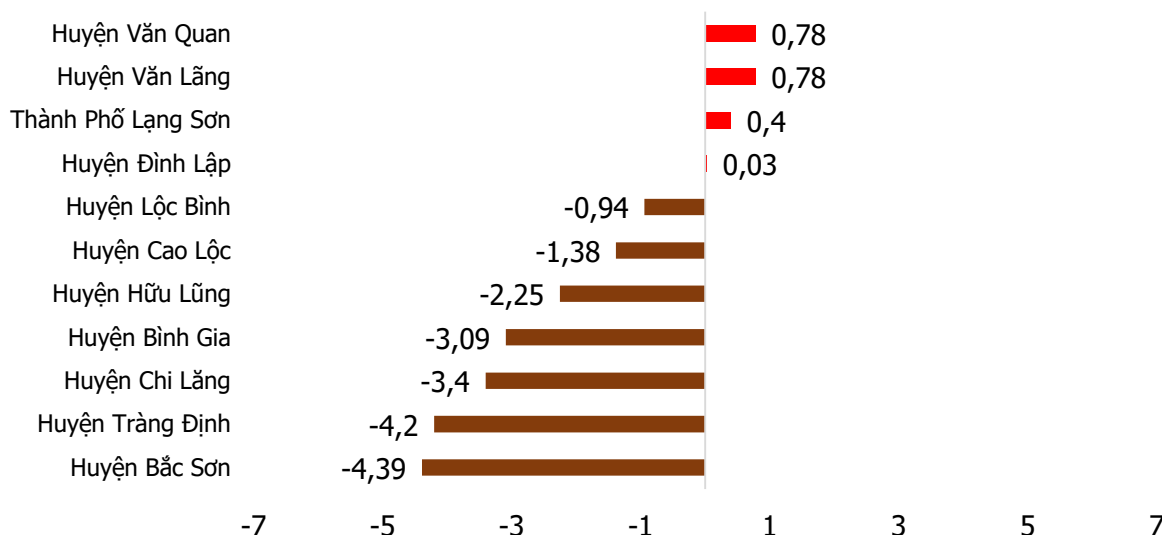
³⁶ Văn Lãng: Giao ban công tác nội chính, phòng, chống tham nhũng, cải cách tư pháp 9 tháng đầu năm 2024. Báo Lạng Sơn. Nguồn: <https://baolangson.vn/van-lang-hoi-nghi-giao-ban-cong-tac-noi-chinh-phong-chong-tham-nhung-cai-cach-tu-phap-9-thang-dau-nam-2024-5025139.html>

³⁷ Huyện Đình Lập (8,84 điểm)

³⁸ Huyện Chi Lăng (3,63 điểm)

mức chi phí không chính thức mà DN phải chấp nhận chi trả khi sử dụng các dịch vụ công ở các địa phương là khác nhau nhiều. **Hình 2.14** cung cấp về mức độ cải thiện điểm CSTP Chi phí không chính thức của khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023, ghi nhận có 04/11³⁹ địa phương có mức cải thiện điểm tăng nhẹ và có 07/11⁴⁰ địa phương có mức cải thiện điểm giảm.

Hình 2.14. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Chi phí không chính thức của khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023



Chỉ số Chi phí không chính thức của khối UBND các huyện, thành phố được đánh giá thông qua 04 câu hỏi. Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 2.3**, dưới góc nhìn của cộng đồng doanh nghiệp, các chi phí không chính thức vẫn có dấu hiệu xuất hiện, cụ thể, chỉ có 41,86% DN tham gia khảo sát cho rằng khi thực hiện các TTHC liên quan đến CQĐP không phải chi trả các khoản chi phí không chính thức, điều này cho thấy, bằng một cách nào đó, do chủ quan hoặc khách quan, một số DN vẫn phải bỏ ra các chi phí nằm ngoài các hạng mục chính thức để hoàn thành công việc với CQĐP. Cần tiếp tục quyết liệt trong việc ngăn ngừa những cái “bắt tay” không minh bạch⁴¹ để công tác phòng chống tiêu cực thực sự trở nên ý nghĩa trong những năm tiếp theo.

Tuy nhiên, một điểm tích cực đáng chú ý là gánh nặng chi phí không chính thức đối với DN trong năm 2024 có dấu hiệu giảm, thể hiện qua việc có 89,89% DN ước lượng các khoản chi phí không chính thức mà DN phải bỏ ra cho cán bộ địa phương là không phải chi trả hoặc không đáng kể trong tổng thu nhập của DN. Một số địa phương ghi nhận các đoàn thanh tra, kiểm tra làm việc nghiêm túc, không nhận quà từ DN bao gồm: Huyện

³⁹ Bao gồm: Huyện Văn Quan, Huyện Văn Lãng, Thành phố Lạng Sơn và Huyện Đình Lập

⁴⁰ Bao gồm: Huyện Chi Lăng, Huyện Cao Lộc, Huyện Hữu Lũng, Huyện Tràng Định, Huyện Bình Gia, Huyện Lộc Bình và Huyện Bắc Sơn

⁴¹ Ngăn ngừa những cái bắt tay không minh bạch (2024). Báo Lạng Sơn.

Nguồn: <https://baolangson.vn/ngan-ngua-nhung-cai-bat-tay-khong-minh-bach-5024944.html>

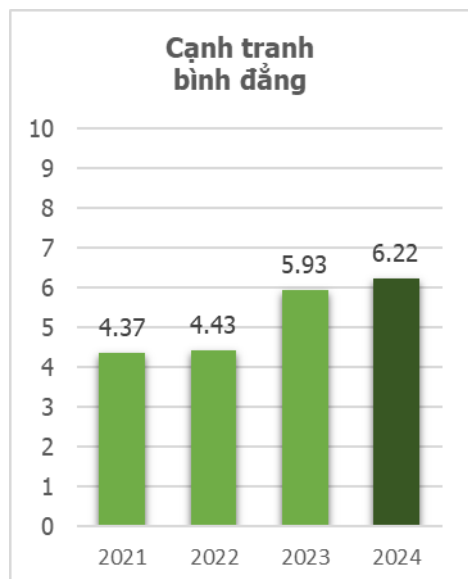
Đình Lập, Huyện Hữu Lũng, Huyện Tràng Định, Huyện Văn Lãng, và Huyện Văn Quan với sự ghi nhận của 100% DN tham gia đánh giá địa phương.

Bên cạnh đó, vẫn còn khoảng 3% DN cho biết phải đưa quà hay hối lộ cho cán bộ thanh tra, kiểm tra trong các đợt thanh tra, kiểm tra. Đây là một tỷ lệ không lớn nhưng cũng là một con số cần phải tiếp tục giảm vào những năm tiếp theo nếu muốn thúc đẩy chỉ số này tăng trưởng. Ngoài ra, tỷ lệ DN cho biết công việc sẽ được giải quyết đúng như mong đợi sau khi trả chi phí không chính thức là 44,38%.

Bảng 2.4. Kết quả đánh giá CSTP Chi phí không chính thức khỏi UBND các huyện, thành phố

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[9]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định CPKCT khi thực hiện các TTHC hoặc các công việc liên quan đến CQĐP có xu hướng giảm nhẹ hoặc không phải chi trả chi phí này trong năm nay (%)	Trung bình	41,86
	Cao nhất	57,69
	Thấp nhất	23,33
[10]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết về khoảng phần trăm trong tổng thu nhập của Đơn vị phải bỏ ra để chi các khoản không chính thức cho cán bộ địa phương (% không phải chi trả hoặc chi trả không đáng kể)	Trung bình	89,89
	Cao nhất	97,14
	Thấp nhất	83,65
[11]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết không phải đưa quà hay trả CPKCT cho cán bộ thanh/kiểm tra trong các đợt thanh tra, kiểm tra (% không bao giờ hoặc ít khi)	Trung bình	96,68
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	90,91
[12]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết nếu đã trả khoản CPKCT thì công việc được giải quyết đúng như mong muốn (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	Trung bình	44,38
	Cao nhất	68,18
	Thấp nhất	27,27

2.2.4. Xu hướng cạnh tranh bình đẳng được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá càng ngày càng tăng rõ rệt



Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng với các tiêu chí đánh giá năm 2024 được ghi nhận 6,22 điểm, tuy không nằm trong nhóm các CSTP điểm cao nhất nhưng lại là 01/02 chỉ số đạt mức tăng điểm so với 2023 (tăng 0,29 điểm). Điều đáng chú ý là, năm 2024 đánh dấu năm thứ 4 liên tiếp tăng điểm của CSTP này, cũng là một sự ghi nhận từ phía cộng đồng DN về sự rõ nét của một môi trường cạnh tranh bình đẳng, không phân biệt đối xử trên địa bàn toàn tỉnh trong xuyên suốt nhiệm kỳ 2021-2025.

Hình 2.15 minh họa bảng xếp hạng và điểm số CSTP Cạnh tranh bình đẳng của khối UBND huyện, thành phố. Nhóm dẫn đầu gồm 02 huyện với mức điểm đạt trên 07 điểm là Huyện Trảng Định [01] với 7,82 điểm (tăng 1,61 điểm) và Huyện Đình Lập [02] với 7,37

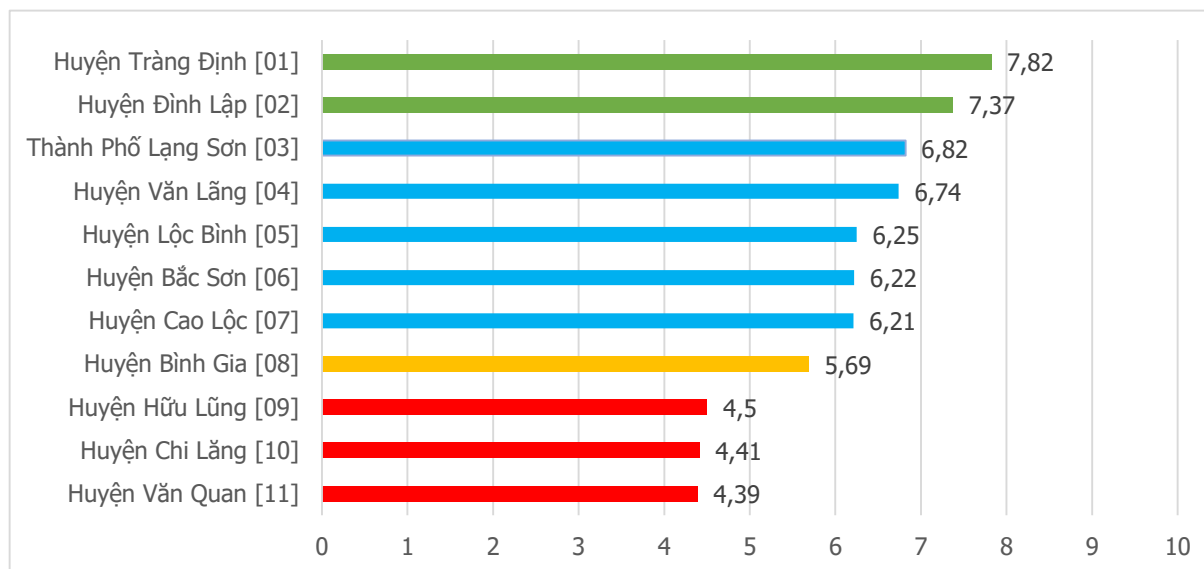
điểm. Nhóm tiếp theo là 06 địa phương xếp hạng từ [03] – [08] giữ các mức điểm trung bình từ 5,69 điểm đến 6,82 điểm nhưng đa phần các địa phương này đều có những sự bứt phá trong năm qua khi chỉ số Cạnh tranh bình đẳng đều ghi nhận tăng điểm đáng kể, cụ thể như: Thành phố Lạng Sơn [03] có mức tăng cao nhất trong khối UBND huyện, thành phố (tăng 1,82 điểm), Huyện Văn Lãng [04] tăng 1,09 điểm, Huyện Lộc Bình [05] tăng 0,93 điểm, Huyện Bắc Sơn [06] tăng 0,18 điểm và Huyện Cao Lộc [07] tăng 1,39 điểm. Nhóm các địa phương có điểm thấp hơn trung bình đứng cuối bảng xếp hạng trong CSTP này gồm có: Huyện Hữu Lũng [09] với 4,5 điểm cùng với mức giảm điểm đáng kể (giảm 2,62 điểm), Huyện Chi Lăng [10] với 4,41 điểm (giảm 0,22 điểm) và Huyện Văn Quan [11] với 4,39 điểm (giảm 1,54 điểm).

Tuy chỉ số Cạnh tranh bình đẳng có những cải thiện về điểm chung trên toàn khối UBND huyện, thành phố nhưng vẫn có khoảng cách về điểm số giữa địa phương có điểm cao nhất⁴² và thấp nhất⁴³ (chênh 3,43 điểm) hàm ý cho thấy mức độ thuận lợi trong cạnh tranh của các DN tại các địa phương khác nhau cũng có sự khác biệt nhất định và vẫn còn đâu đó sự thiếu bình đẳng trong một xu hướng bình đẳng đi lên của toàn tỉnh.

⁴² Huyện Trảng Định (7,82 điểm)

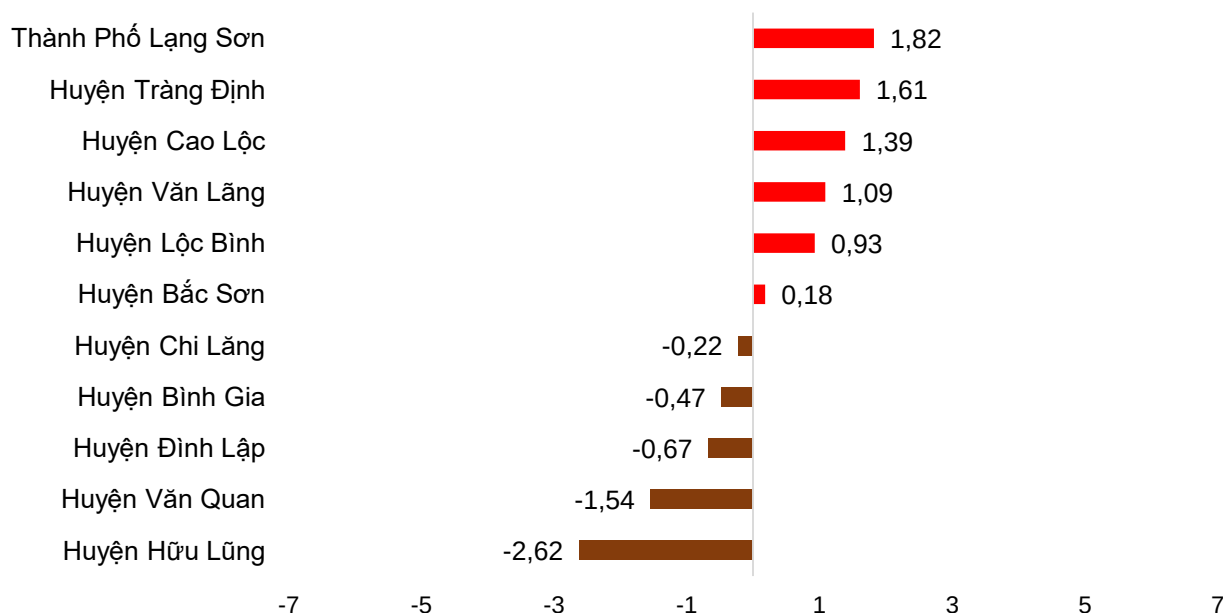
⁴³ Huyện Văn Quan (4,39 điểm)

Hình 2.15. Xếp hạng và điểm số CSTP Cuộc tranh bình đẳng của khối UBND các huyện, thành phố



Hình 2.16 cung cấp về mức độ cải thiện điểm CSTP Cuộc tranh bình đẳng của khối UBND các huyện thành phố 2024 so với 2023, ghi nhận có 06/11⁴⁴ địa phương có mức cải thiện điểm tăng nhẹ và có 05/11⁴⁵ địa phương có mức cải thiện điểm giảm.

Hình 2.16. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Cuộc tranh bình đẳng của khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023



⁴⁴ Bao gồm: Thành phố Lạng Sơn, Huyện Trảng Định, Huyện Cao Lộc, Huyện Văn Lãng, Huyện Lộc Bình và Huyện Bắc Sơn

⁴⁵ Bao gồm: Huyện Chi Lăng, Huyện Bình Gia, Huyện Đình Lập, Huyện Văn Quan và Huyện Hữu Lũng

Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối UBND các huyện, thành phố được đánh giá thông qua 05 câu hỏi. Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 2.4** cho thấy môi trường cạnh tranh bình đẳng năm nay được DN đánh giá cao. Cụ thể, tỷ lệ DN cho biết không thấy có hoặc không thấy phổ biến hiện tượng CQĐP ưu tiên cho các DN FDI, DN nhà nước và DN là 93,54%. Thêm vào đó, 94,73% DN cũng không thấy bị ảnh hưởng đến hoạt động SXKD nếu có hiện tượng ưu ái đó xảy ra. Điều này cho thấy các DN tự nhìn nhận thấy không có sự phân biệt đối xử hay khác biệt trong đối đãi giữa mình và các DN khác. Đây là một tín hiệu tích cực và cũng là một tâm lý cởi mở để DN an tâm đóng góp cho địa phương nói chung và gây dựng cơ sở kinh doanh của bản thân nói riêng. Đáng chú ý là 93,78% DN không thấy phổ biến sự hiện diện của các DN sâu sau hay DN thân hữu với cán bộ địa phương hàm ý cho thấy UBND tỉnh đã thành công trong nỗ lực thực hiện quan điểm chỉ đạo về phòng, chống các biểu hiện của “chủ nghĩa tư bản thân hữu” hay các quan hệ “lợi ích nhóm” cạnh tranh không lành mạnh được đưa ra từ Nghị quyết số 10/NQ-TW ngày 03/06/20217 của BCHTW Đảng khóa XII⁴⁶.

Tuy nhiên, trong nhận định về sự quan tâm của CQĐP, vẫn có nhiều ý kiến trái chiều. Có 27,84% DN không cho rằng mức độ quan tâm của CQĐP đến DN tỷ lệ thuận với mức độ đóng góp của DN cho CQĐP, tức là 72,16% vẫn cảm thấy lo lắng đến khả năng CQĐP sẽ không dành sự quan tâm cho mình nếu mức đóng góp của DN cho địa phương không “đủ lớn”. Tiêu chí này cần được cải thiện vào những năm tiếp theo bằng sự truyền thông mạnh mẽ giúp DN hình dung đầy đủ về sự công bằng nói chung.

Bộ chỉ số 2024 về Cạnh tranh bình đẳng đưa thêm tiêu chí về sự bình đẳng giới trong kinh doanh và nhận được nhiều phản hồi tích cực. Có 93,34% DN khẳng định các cơ sở kinh doanh do nữ giới làm chủ hoặc điều hành được đối xử bình đẳng và nhận được các hỗ trợ về kỹ thuật cũng như tài chính hợp lý trong giai đoạn khởi nghiệp cũng như gặp khó khăn. Đây là một tín hiệu đáng mừng từ các nỗ lực của UBND tỉnh trong việc có nhiều hoạt động phổ biến về bình đẳng giới cho cán bộ nữ lãnh đạo DN trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn trong năm qua⁴⁷ do Sở Lao động – Thương binh và Xã hội cùng Liên đoàn Lao động tỉnh Lạng Sơn phối hợp tổ chức. Đặc biệt, huyện Văn Lãng được 100% DN tham gia đánh giá ghi nhận việc này, đây là kết quả từ việc huyện cũng rất quan tâm trang bị kiến thức về bình đẳng giới, đảm bảo sự tiến bộ của phụ nữ Dân tộc thiểu số⁴⁸.

Bảng 2.5. Kết quả đánh giá CSTP Cạnh tranh bình đẳng khối UBND các huyện, thành phố

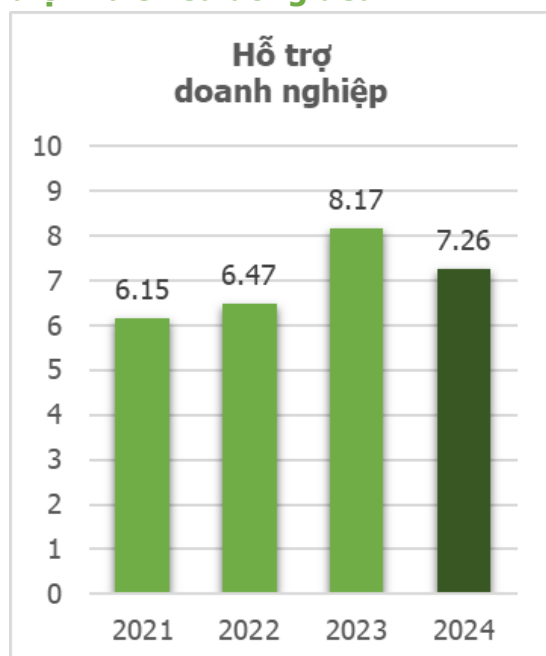
⁴⁶ Nghị quyết số 10-NQ/TW (2017). Nguồn: <https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/he-thong-van-ban/van-ban-cua-dang/ngphi-quyet-so-10-nqtw-ngay-362017-hoi-nghi-lan-thu-nam-ban-chap-hanh-trung-uong-dang-khoa-xii-ve-phat-trien-kinh-te-tu-3222>

⁴⁷ Lạng Sơn gặp mặt nói chuyện chuyên đề bình đẳng giới (2024). Thương hiệu và Công luận. Nguồn: <https://thuonghieuvacongluan.com.vn/lang-son-gap-mat-noi-chuyen-chuyen-de-ve-binh-dang-gioi-a240644.html>

⁴⁸ Văn Lãng (Lạng Sơn): Quan tâm trang bị kiến thức về bình đẳng giới, đảm bảo sự tiến bộ của phụ nữ DTTS (2024). Báo Dân tộc & Phát triển. Nguồn: <https://baodantoc.vn/van-lang-lang-son-quan-tam-trang-bi-kien-thuc-ve-binh-dang-gioi-dam-bao-su-tien-bo-cua-phu-nu-dtts-1733124346218.htm>

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[13]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng “Sự quan tâm của Địa phương <i>phụ thuộc</i> vào quy mô đóng góp của DN/HTX/HKD cho cơ quan nhà nước (<i>như số lao động, số thuế nộp, số tiền ủng hộ,...</i>)” (% không đồng ý)	Trung bình	27,84
	Cao nhất	45,95
	Thấp nhất	13,21
[14]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết không thấy có hoặc có nhưng không phổ biến hiện tượng địa phương ưu tiên giải quyết TTHC, khó khăn, vướng mắc cho các DN FDI, DNNN, và DNL so với DNNVV, HTX, HKD (%)	Trung bình	93,54
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	86,96
[15]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng nếu có việc ưu ái cho các DN FDI, DNNN, và DNL thì cũng không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không nhiều đến hoạt động SXKD của DN/HTX/HKD (%)	Trung bình	94,73
	Cao nhất	97,14
	Thấp nhất	91,3
[16]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng không có hoặc có nhưng không phổ biến sự hiện diện của doanh nghiệp sân sau và/hoặc doanh nghiệp có liên kết “thân hữu” với cán bộ địa phương (%)	Trung bình	93,78
	Cao nhất	97,14
	Thấp nhất	88
[17]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định các cơ sở kinh doanh do nữ giới làm chủ/điều hành được đối xử bình đẳng và nhận được hỗ trợ kỹ thuật, tài chính trong giai đoạn khởi nghiệp, gặp khó khăn (%)	Trung bình	93,34
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	82,14

2.2.5. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp được đánh giá tích cực nhưng chưa toàn diện và thiếu đồng đều



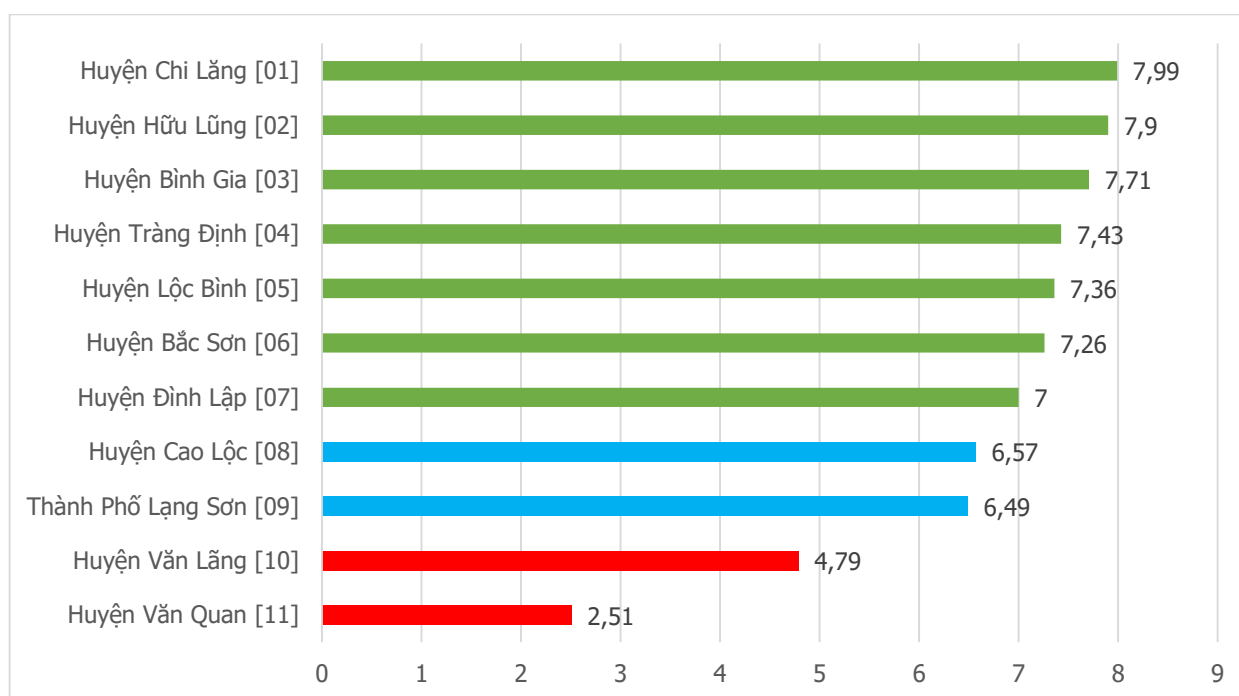
Chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp với các tiêu chí đánh giá năm 2024 được ghi nhận 7,26 điểm nằm trong top 3 nhóm các CSTP điểm cao nhất nhưng vẫn ghi nhận giảm điểm nhẹ so với 2023 (giảm 0,91 điểm), đây cũng là chỉ số có mức chênh lệch điểm giảm thấp nhất trong 06 chỉ số có mức chênh lệch điểm giảm cho thấy mức độ ổn định về công tác hỗ trợ DN trong hai năm liên tiếp 2023 và 2024 được cộng đồng DN đánh giá rất tích cực. Mức điểm này cao hơn hẳn so với 2021 và 2022 mặc dù các tiêu chí đánh giá cho năm nay mang tính cập nhật và tiệm cận PCI cũng là một tín hiệu tốt về CSTP này trong năm nay.

Kết quả này ghi nhận nỗ lực của UBND tỉnh trong nhiều chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, ví dụ như: hỗ trợ đào tạo kiến thức về khởi sự kinh

doanh và quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh

doanh, hỗ trợ giá thuê mặt bằng sản xuất cho doanh nghiệp nhỏ và vừa tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh, hay hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia sàn thương mại điện tử theo Nghị quyết số 03/2024/NQ-HĐND ngày 30/05/2024 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2024-2030⁴⁹. Bên cạnh đó, tỉnh còn chú trọng các phương án và hoạt động tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh trong hiện tại và những năm tiếp theo thông qua việc thực hiện nghiêm túc các chỉ đạo về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024⁵⁰ theo Nghị quyết số 43-NQ/TU ngày 23/8/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh và Kế hoạch số 16/KH-UBND ngày 19/01/2024 của UBND tỉnh.

Hình 2.17. Xếp hạng và điểm số CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối UBND các huyện, thành phố



Hình 2.17 minh họa bảng xếp hạng và điểm số CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối UBND huyện, thành phố. Huyện dẫn đầu là Huyện Chi Lăng [01] với 7,99 điểm và không ghi nhận địa phương nào đạt trên 08 điểm với CSTP này. Tiếp theo là 06 địa phương đạt

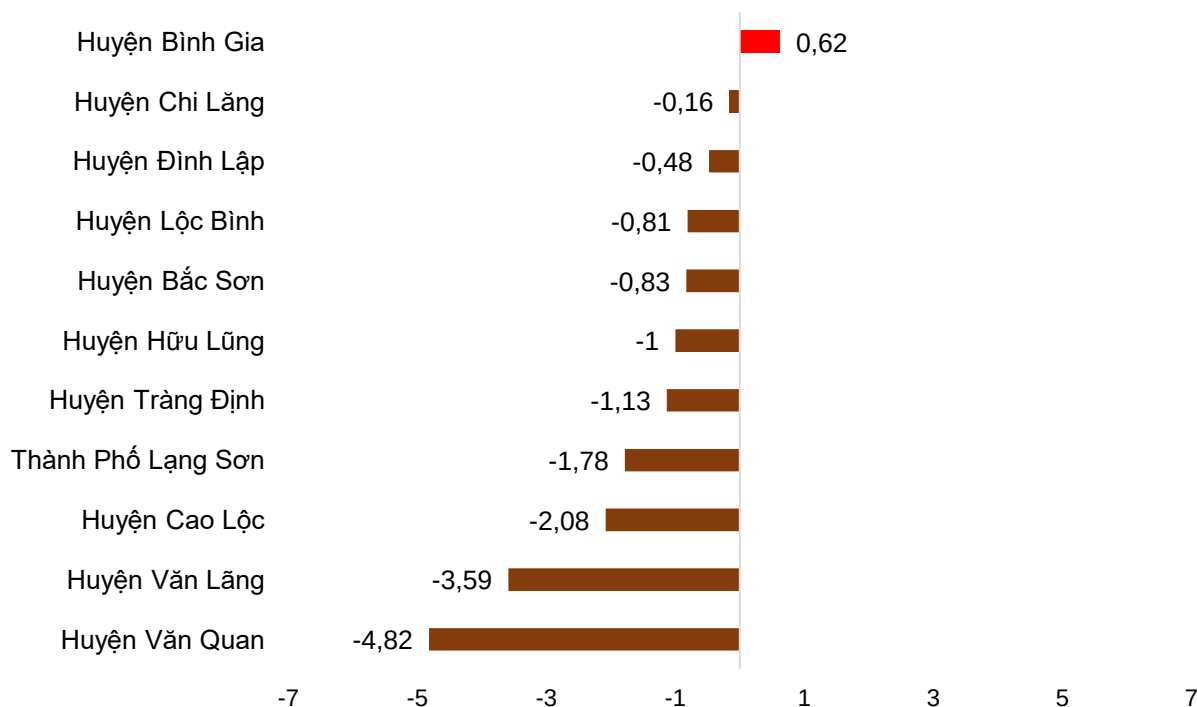
⁴⁹Ban hành quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2024-2030 (2024). Thư viện pháp luật. Nguồn: <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Doanh-nghiep/Nghi-quyet-03-2024-NQ-HDND-chinh-sach-ho-tro-doanh-nghiep-nho-vua-Lang-Son-612720.aspx>

⁵⁰ Hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn tháo gỡ khó khăn, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh trong cuối năm 2024 và những năm tiếp theo (2024). Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn. Nguồn: <https://sokhdt.langson.gov.vn/tin-tuc-su-kien/kinh-te-van-hoa-xa-hoi-an-ninh-quoc-phong/ho-tro-doanh-nghiep-tren-dia-ban-tinh-lang-son-thao-go-kho-khan-thuc-day-hoat-dong-san-xuat-kinh-doanh-trong-cuoi-nam-20.html>

từ 07 điểm trở lên, bao gồm: Huyện Hữu Lũng [02] với 7,9 điểm, Huyện Bình Gia [03] với 7,71 điểm, Huyện Tràng Định [04] với 7,43 điểm, Huyện Lộc Bình [05] với 7,36 điểm, Huyện Bắc Sơn [06] với 7,26 điểm và Huyện Đình Lập [07] với tròn 7 điểm. Nhóm các huyện đạt mức điểm trung bình khá gồm 02 địa phương là: Huyện Cao Lộc [08] với 6,57 điểm và Thành Phố Lạng Sơn [09] với 6,49 điểm. Nhóm cuối cùng là huyện có mức điểm thấp hơn điểm trung bình: Huyện Văn Lãng [10] với 4,79 điểm và Huyện Văn Quan [11] với 2,51 điểm, đồng thời ghi nhận mức giảm điểm lớn so với năm 2023 (giảm 4,82 điểm) cũng là mức giảm cao nhất trong mức độ cải thiện điểm giảm của CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp.

Tuy chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp ở mức tốt trên toàn khối UBND huyện, thành phố nhưng khoảng cách về điểm số giữa địa phương có điểm cao nhất⁵¹ và thấp nhất⁵² là rất đáng kể (chênh 5,48 điểm) cho thấy các công tác hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh thiếu sự đồng đều trong đánh giá của cộng đồng DN. Chỉ số này cần cải thiện để đảm bảo quyền lợi cho DN khi sản xuất kinh doanh dù ở đâu cũng được nhận được các lợi ích tương đồng nhau.

Hình 2.18. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023



⁵¹ Huyện Chi Lăng (7,99 điểm)

⁵² Huyện Văn Quan (2,51 điểm)

Hình 2.18 cung cấp về mức độ cải thiện điểm CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối UBND các huyện thành phố 2024 so với 2023, ghi nhận chỉ có 01/11⁵³ địa phương có mức cải thiện điểm tăng nhẹ và có 10/11⁵⁴ địa phương có mức cải thiện điểm giảm.

Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối UBND các huyện, thành phố được đánh giá thông qua 10 câu hỏi. Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 2.5** có thể thấy nhiều đánh giá tích cực được ghi nhận trong công tác này tại các địa phương nhưng cũng có những tiêu chí cần có sự rà soát cẩn thận và các phương án cải thiện nghiêm túc. Việc truyền thông và giao tiếp của CQĐP trong công tác hỗ trợ doanh nghiệp về cơ bản được đánh giá cao, cụ thể: Có 89,99% DN cho rằng công tác truyền thông, phổ biến chính sách, pháp luật của CQĐP là dễ tiếp cận; Có 87,62% DN cho rằng công tác truyền thông các chương trình hỗ trợ DN của CQĐP là dễ tiếp cận và 95,68% DN bày tỏ sự hài lòng với cách phản hồi, hỗ trợ giải quyết các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc (các chương trình hỗ trợ DN) của CQĐP. Huyện Hữu Lũng và Huyện Tràng Định là hai địa phương nhận được 100% sự hài lòng đến từ cộng đồng DN tham gia đánh giá huyện. Đây là kết quả từ việc huyện Hữu Lũng đã có các triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để đồng hành, hỗ trợ các DN/HTX trên địa bàn⁵⁵ và cũng nhận được sự chung tay trong phong trào xây dựng nông thôn mới cùng các DN trên địa bàn huyện⁵⁶

Năm 2024 ghi nhận nhiều chương trình hỗ trợ DN được tổ chức để tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới, ví dụ như: Hoạt động hỗ trợ Doanh nghiệp Nhỏ và Vừa trên địa bàn Tỉnh tham gia cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị⁵⁷, lớp tập huấn các kỹ năng quản trị và ứng dụng chuyển đổi số cho DN nhỏ và vừa⁵⁸, hội nghị tập huấn các điểm mới về Luật Đất đai năm 2024⁵⁹. Tuy nhiên, có thể công tác liên hệ và truyền thông đến cộng đồng DN vẫn chưa tối ưu, nên chỉ có 66,37% DN ghi

⁵³ Bao gồm: Huyện Bình Gia

⁵⁴ Bao gồm: Huyện Chi Lăng, Huyện Đình Lập, Huyện Tràng Định, Huyện Bắc Sơn, Huyện Lộc Bình, Thành phố Lạng Sơn, Huyện Cao Lộc, Huyện Hữu Lũng, Huyện Văn Lãng và Huyện Văn Quan

⁵⁵ Hữu Lũng: Đồng hành cùng doanh nghiệp, hợp tác xã (2024). Báo Lạng Sơn.

Nguồn: <https://baolangson.vn/huu-lung-dong-hanh-cung-doanh-nghiep-hop-tac-xa-5007322.html>

⁵⁶Hội Doanh nghiệp Hữu Lũng đồng hành xây dựng nông thôn mới (2024). Báo Lạng Sơn.

Nguồn: <https://baolangson.vn/hoi-doanh-nghiep-huu-lung-dong-hanh-cung-huyen-xay-dung-nong-thon-moi-5025997.html>

⁵⁷Thông báo về việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (2024). Nguồn: <https://langsontrade.vn/doanh-nghiep/thong-tin-doanh-nghiep/thong-bao-ve-viec-ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua-tren-dia-ban-tinh-lang-son-tham-gia-cum-lien-ket-nganh-chuoi-gia-tri-nam-2024-11355>

⁵⁸ Sở Kế hoạch và Đầu tư tổ chức lớp tập huấn Quản trị doanh nghiệp cơ bản, Ứng dụng CN chuyển đổi số trong Quản trị nguồn nhân lực cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (2024). Sở Kế hoạch và Đầu tư. Nguồn: <https://sokhdt.langson.gov.vn/tin-tuc-su-kien/tin-hoat-dong/so-ke-hoach-va-dau-tu-to-chuc-lop-tap-huan-quan-tri-doanh-nghiep-co-ban-ung-dung-cn-chuyen-doi-so-trong-quan-tri-nguon-n.html>

⁵⁹ Lạng Sơn tổ chức Hội nghị tập huấn điểm mới của Luật Đất đai (2024). Báo Pháp Luật Việt Nam. Nguồn: <https://baophapluat.vn/lang-son-to-chuc-hoi-nghi-tap-huan-diem-moi-cua-luat-dat-dai-nam-2024-post529986.html>

nhận có được mời hoặc được thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN còn lại thì cho rằng chưa tiếp cận được đầy đủ các chương trình hỗ trợ cho CQĐP tổ chức. Điểm đáng chú ý là trong số các DN tham gia các chương trình hỗ trợ DN thì có đến 90,43% DN đánh giá chất lượng các chương trình hỗ trợ của CQĐP tổ chức là thực chất, nổi bật là 100% DN đánh giá tốt Huyện Tràng Định về chất lượng tổ chức các chương trình này

Tương tự tình trạng trên, đối với các buổi đối thoại với cộng đồng DN do CQĐP tổ chức, việc truyền thông thông tin đến DN vẫn còn hạn chế. Chỉ có 64,49% DN ghi nhận được mời/thông báo tham gia các buổi đối thoại với CQĐP và trong số đó, tỷ lệ DN được thỏa mãn vì tính hiệu quả của các buổi đối thoại vì đã phản ánh được đầy đủ các vấn đề quan ngại của DN nêu ra là 96,51% - một đánh giá rất tốt. Nhiều địa phương được ghi nhận thành công trong việc tổ chức đối thoại làm hài lòng 100% cộng đồng DN tham gia đánh giá, ví dụ: Huyện Cao Lộc⁶⁰, Huyện Chi Lăng⁶¹, Huyện Đình Lập, Huyện Lộc Bình⁶², Huyện Tràng Định, Huyện Văn Lãng.

Điểm đáng chú ý là các công tác hỗ trợ DN của các CQĐP luôn đi kèm với tính cạnh tranh công bằng. Có 40,94% DN không cho rằng các buổi đối thoại chỉ dành cho các DN lớn trên địa bàn tỉnh, tuy nhiên tại Huyện Văn Quan, quan điểm này chỉ đang dừng lại ở 20% DN tham gia khảo sát đánh giá, số liệu này cũng phù hợp với xếp hạng cuối bảng xếp hạng về chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của huyện ở phần trên.

Ngoài ra, kết quả của các chương trình đối thoại cũng được đánh giá cao. Có 98,31% DN tham gia đối thoại nhận thấy CQĐP có kế hoạch thực hiện, giải quyết các vấn đề sau đối thoại một cách hiệu quả. Có 96,96% DN ghi nhận kết quả giải quyết các kiến nghị, vướng mắc của DN được công khai rộng rãi cho cộng đồng DN được biết sau đối thoại. Việc triển khai nghiêm túc các hoạt động kiện toàn sau các chương trình đối thoại này đang được đánh giá 100% tốt tại đa số các địa phương của tỉnh, bao gồm: Huyện Bình Gia, Huyện Cao Lộc, Huyện Chi Lăng, Huyện Hữu Lũng, Huyện Lộc Bình, Huyện Tràng Định và Huyện Văn Lãng.

Bảng 2.6. Kết quả đánh giá CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp khối UBND các huyện, thành phố

⁶⁰UBND huyện Cao Lộc gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp, hợp tác xã (2024). Báo Lạng Sơn.
Nguồn: <https://baolangson.vn/ubnd-huyen-cao-loc-gap-mat-doi-thoai-voi-doanh-nghiep-hop-tac-xa-1617225.html>

⁶¹Gắn kết giữa chính quyền và doanh nghiệp ở huyện Chi Lăng (2024). Báo Tiền Phong.
Nguồn: <https://tienphong.vn/gan-ket-giua-chinh-quyen-va-doanh-nghiep-o-huyen-chi-lang-post1679435.tpo>

⁶² Lộc Bình gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp, doanh nhân, kỷ niệm ngày doanh nhân Việt Nam (2024). Đài phát thanh & Truyền hình Lạng Sơn.
Nguồn: <https://langson.tv.vn/news/475/61363/loc-binh-gap-mat-doi-thoai-voi-doanh-nghiep-doanh-nhan-ky-niem-ngay-doanh-nhan-viet-nam>

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[19]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng công tác truyền thông, phổ biến chính sách, pháp luật của CQĐP tới DN/HTX/HKD là dễ tiếp cận (%)	Trung bình	88,99
	Cao nhất	96,67
	Thấp nhất	82,14
[20]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng công tác truyền thông chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của CQĐP đến DN/HTX/HKD là dễ tiếp cận (%)	Trung bình	87,62
	Cao nhất	93,33
	Thấp nhất	78,57
[21]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD bày tỏ sự hài lòng với cách phản hồi, hỗ trợ giải quyết các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc (các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp) (%)	Trung bình	95,68
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	89,29
[22]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD ghi nhận có được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN/HTX/HKD (tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) của CQĐP (%)	Trung bình	66,37
	Cao nhất	82
	Thấp nhất	51,43
[23]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD tham gia các chương trình hỗ trợ DN đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo, hỗ trợ do CQĐP thực hiện là thực chất (%)	Trung bình	90,43
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	70
[24]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD ghi nhận có được mời/thông báo tham gia các buổi đối thoại với doanh nghiệp do CQĐP tổ chức (%)	Trung bình	65,49
	Cao nhất	81,13
	Thấp nhất	50
[25.1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD tham gia các buổi đối thoại nhận thấy các vấn đề quan ngại được phản ánh đầy đủ trong buổi đối thoại (%)	Trung bình	96,51
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	77,78
[25.2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD tham gia các buổi đối thoại nhận thấy đối thoại không phải chỉ chủ yếu dành cho Doanh nghiệp lớn (%)	Trung bình	40,94
	Cao nhất	77,78
	Thấp nhất	20
[25.3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD tham gia các buổi đối thoại nhận thấy CQĐP có kế hoạch thực hiện, giải quyết vấn đề sau đối thoại hiệu quả (%)	Trung bình	98,31
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	88,89
[25.4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD tham gia các buổi đối thoại nhận thấy kết quả giải quyết kiến nghị, vướng mắc của doanh nghiệp được công khai rộng rãi cho cộng đồng doanh nghiệp sau đối thoại (%)	Trung bình	96,96
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	77,78

2.2.6. Tính năng động và hiệu lực của địa phương cần tiếp tục được phát huy

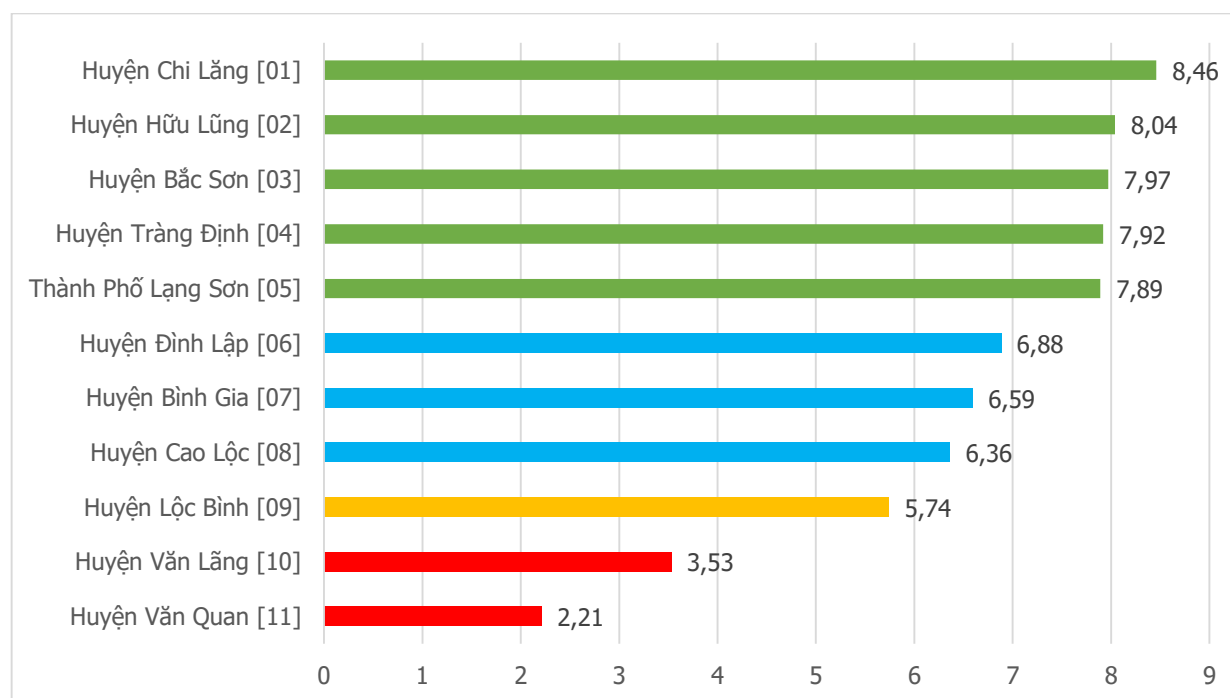
Chỉ số Tính năng động và hiệu lực của địa phương là chỉ số mới được đưa vào trong đánh giá DDCI khối UBND huyện, thành phố của tỉnh Lạng Sơn 2024 nhằm giúp các địa phương nhìn nhận được sự đánh giá từ cộng đồng DN đến sự linh hoạt, năng động, chủ động của mình trong việc thực thi chính sách hay sáng kiến nhằm phát triển các hoạt động đầu tư và môi trường kinh doanh trên địa bàn huyện/tỉnh năm vừa qua. Đây cũng là một chỉ số quan trọng hướng đến đánh giá CSTP Tính năng động tiên phong của bộ máy chính quyền địa phương trong đánh giá PCI mà chỉ số này của Lạng Sơn trong PCI 2023 đang có dấu hiệu giảm sút so với những năm trước nên việc xốc lại tinh thần năng động tiên

phong đến từng huyện, thành phố là giải pháp thực tiễn nhất thúc đẩy chỉ số này trên toàn tỉnh.

Chỉ số Tính năng động và hiệu lực của địa phương được ghi nhận 6,88 điểm và xếp thứ 4 trong bảng xếp hạng các CSTP, **Hình 2.19** minh họa bảng xếp hạng và điểm số CSTP Tính năng động và hiệu lực của khối UBND huyện, thành phố. Nhóm dẫn đầu gồm 02 huyện với mức điểm đạt trên 08 điểm là Huyện Chi Lăng [01] với 8,46 điểm và Huyện Hữu Lũng [02] với 8,04 điểm. Nhóm tiếp theo là 03 địa phương bám sát nhau với mức điểm trên 07 điểm, bao gồm: Huyện Bắc Sơn [03] với 7,97 điểm, Huyện Tràng Định [04] với 7,92 điểm và Thành phố Lạng Sơn [05] với 7,89 điểm, Nhóm các huyện đạt mức điểm trung bình ghi nhận 04 địa phương, bao gồm: Huyện Đình Lập [06] với 6,88 điểm, Huyện Bình Gia [07] với 6,59 điểm, Huyện Cao Lộc [08] với 6,36 điểm và Huyện Lộc Bình [09] với 5,74 điểm. Nhóm cuối của bảng xếp hạng CSTP về tính năng động có Huyện Văn Lãng [10] với 3,53 điểm và Huyện Văn Quan [11] với 2,21 điểm.

Mức chênh lệch về khoảng cách điểm số giữa địa phương có điểm cao nhất⁶³ và thấp nhất⁶⁴ là rất lớn (chênh 6,25 điểm) hàm ý ghi nhận CQĐP tại các huyện đứng đầu có tác phong làm việc chủ động và sáng tạo, mang nhiều lợi ích cho môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn các huyện đứng ở nhóm cuối.

Hình 2.19. Xếp hạng và điểm số CSTP Tính năng động và hiệu lực của CQĐP của khối UBND các huyện, thành phố



Chỉ số Tính năng động và hiệu lực của khối UBND các huyện, thành phố được đánh giá thông qua 06 câu hỏi. Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 2.6**,

⁶³ Huyện Chi Lăng (8,46 điểm)

⁶⁴ Huyện Văn Quan (2,21 điểm)

dễ dàng nhận thấy, về cơ bản thì các DN vẫn đang dành thiện cảm cho các CQĐP trong việc đánh giá các tiêu chí ở mức khá và tốt. Cụ thể, Có 93,00% DN tham gia khảo sát đánh giá ghi nhận các CQĐP có nắm bắt và xử lý kịp thời những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn của mình. Điều này có thể phần nào giúp DN cảm nhận được sự thấu hiểu và hỗ trợ trong công tác điều hành từ CQĐP. Bên cạnh đó, có 93,46% DN cho rằng CQĐP đang chủ động tham mưu và kiến nghị UBND Tỉnh các giải pháp cụ thể để hỗ trợ cộng đồng DN và cải thiện môi trường kinh doanh trên địa bàn tỉnh, ví dụ như Huyện Chi Lăng đã góp phần tham mưu về tăng cường công tác hòa giải ở cơ sở⁶⁵. Ngoài ra, có 92,30% DN nhận thấy không có hoặc ít phổ biến hiện tượng các chủ trương từ Tỉnh và TW được thực hiện không đúng tại địa phương, DN ghi nhận các chủ trương tốt đều được triển khai một cách hiệu quả và đúng đắn, điều này cũng phần nào giúp thúc đẩy tăng trưởng, ổn định kinh tế trong năm 2024. Việc đồng bộ triển khai các giải pháp thúc đẩy kinh tế đến từ tinh thần trách nhiệm, chủ động, sáng tạo, triển khai quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ trọng tâm trên toàn tỉnh năm vừa qua⁶⁶.

Thêm vào đó, trong tình hình thiên tai, dịch bệnh, CQĐP cũng thể hiện được sự tích cực và chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả để hỗ trợ DN kịp thời. Có 80,50% DN ghi nhận sự nỗ lực này của các CQĐP. Cụ thể, trong cơn bão Yagi vừa qua, tỉnh Lạng Sơn thiệt hại nặng nề kèm theo nhiều điểm trên địa bàn tỉnh bị cô lập, như huyện Bắc Sơn (2 điểm), Hữu Lũng (3 điểm), Văn Quan (2 điểm), Chi Lăng (2 điểm)...⁶⁷ nhưng các CQĐP vẫn tích cực hỗ trợ để đảm bảo các hoạt động sản xuất, kinh doanh thương mại, dịch vụ cho các DN tại địa phương, ví dụ như: Huyện Bắc Sơn tăng cường kiểm tra, giám sát thị trường trước hậu quả cơn bão⁶⁸ để đảm bảo nhanh chóng ổn định tình hình thị trường, khôi phục trạng thái kinh doanh sản xuất cho DN trên địa bàn.

Điểm cộng nữa cho Tính năng động và hiệu lực của địa phương là 84,64% DN nhận định CQĐP không chỉ triển khai mà còn tích cực trong các công tác truyền thông, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số tại địa phương nhằm thúc đẩy phát

⁶⁵ Chi Lăng (Lạng Sơn): Đẩy mạnh công tác hòa giải ở cơ sở (2024). Báo Dân tộc và Phát triển. Nguồn: <https://baodantoc.vn/chi-lang-lang-son-day-manh-cong-tac-hoa-giai-o-co-so-1735101664513.htm>

⁶⁶ Lạng Sơn triển khai đồng bộ các giải pháp thúc đẩy kinh tế (2024). Báo Kinh tế Đô thị. Nguồn: <https://kinhthedoithi.vn/lang-son-trien-khai-dong-bo-cac-giai-phap-thuc-day-kinh-te.html>

⁶⁷ Lạng Sơn đề xuất trình Thủ tướng hỗ trợ 450 tỉ đồng khắc phục sau bão Yagi (2024). Báo Tuổi trẻ. Nguồn: <https://tuoitre.vn/tai-sao-lang-son-de-xuat-trinh-thu-tuong-ho-tro-450-ti-dong-khac-phuc-sau-bao-yagi-20240914112328007.htm>

⁶⁸ Bắc Sơn: Tăng cường kiểm tra, giám sát thị trường hàng hóa trước hậu quả của cơn bão số 3 năm 2024 (Bão Yagi) gây ra tại địa bàn Huyện (2024). Nguồn: <https://langson.dms.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/bac-son-tang-cuong-kiem-tra-giam-sat-thi-truong-hang-hoa-truoc-hau-qua-cua-con-bao-so-3-nam-2024-bao-yagi-gay-ra-tai-%C4%91a-ban-huyen--89681-510.html>

triển Kinh tế - Xã hội trong nền kinh tế số, ví dụ như: Huyện Chi Lăng⁶⁹, huyện Trảng Định⁷⁰,...

Tuy nhiên, trong các đánh giá của DN, vẫn còn 25,89% DN cho rằng CQĐP vẫn chưa đủ mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương theo hướng có lợi cho môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn huyện, thành phố. Đánh giá này từ cộng đồng DN là một động lực để các huyện, thành phố tiếp tục tìm kiếm các phương án triển khai phù hợp với chủ trương nhưng thể hiện tốt nhất hiệu quả đồng hành cùng doanh nghiệp.

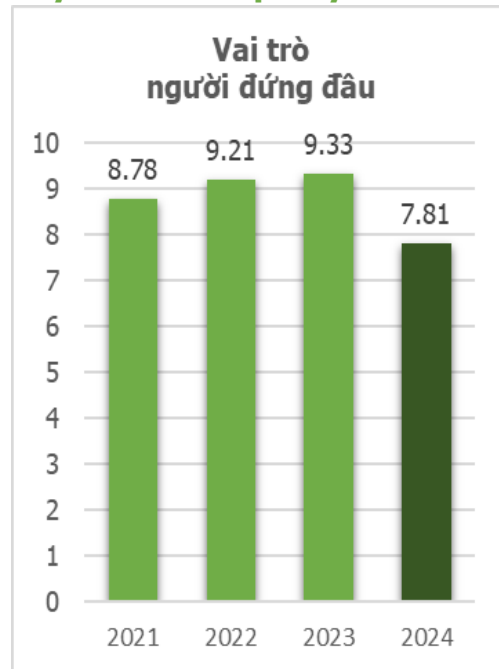
Bảng 2.7. Kết quả đánh giá CSTP Tính năng động và hiệu lực của CQĐP khối UBND các huyện, thành phố

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[26]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng CQĐP có mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương theo hướng có lợi cho môi trường ĐTKD (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	Trung bình	74.11
	Cao nhất	84
	Thấp nhất	56.67
[27]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá CQĐP đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh(%)	Trung bình	80.50
	Cao nhất	90
	Thấp nhất	68.57
[28]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá CQĐP chủ động tham mưu và kiến nghị UBND Tỉnh các giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN, cải thiện môi trường trên địa bàn huyện/tỉnh (%)	Trung bình	93.46
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	85.71
[29]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng có hiện tượng các chủ trương của Tỉnh/TW là tốt nhưng khi thực hiện tại CQĐP thì bị thực hiện không đúng (% không thấy hoặc không phổ biến)	Trung bình	92.30
	Cao nhất	96.76
	Thấp nhất	85.71
[30]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định CQĐP đã tích cực trong công tác truyền thông, đẩy mạnh ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại ĐP (%)	Trung bình	84.64
	Cao nhất	93.33
	Thấp nhất	71.43
[31]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD ghi nhận CQĐP có nắm bắt và xử lý kịp thời những bất cập, vướng mắc của DN/HTX/HKD trong phạm vi quyền hạn (%)	Trung bình	93.00
	Cao nhất	98.21
	Thấp nhất	78.57

⁶⁹ Tập huấn ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số (2024). Nguồn: <https://chilang.langson.gov.vn/tin-tuc-su-kien/kinh-te/tap-huan-ung-dung-cong-nghe-thong-tin-va-chuyen-doi-so-nam-2024.html>

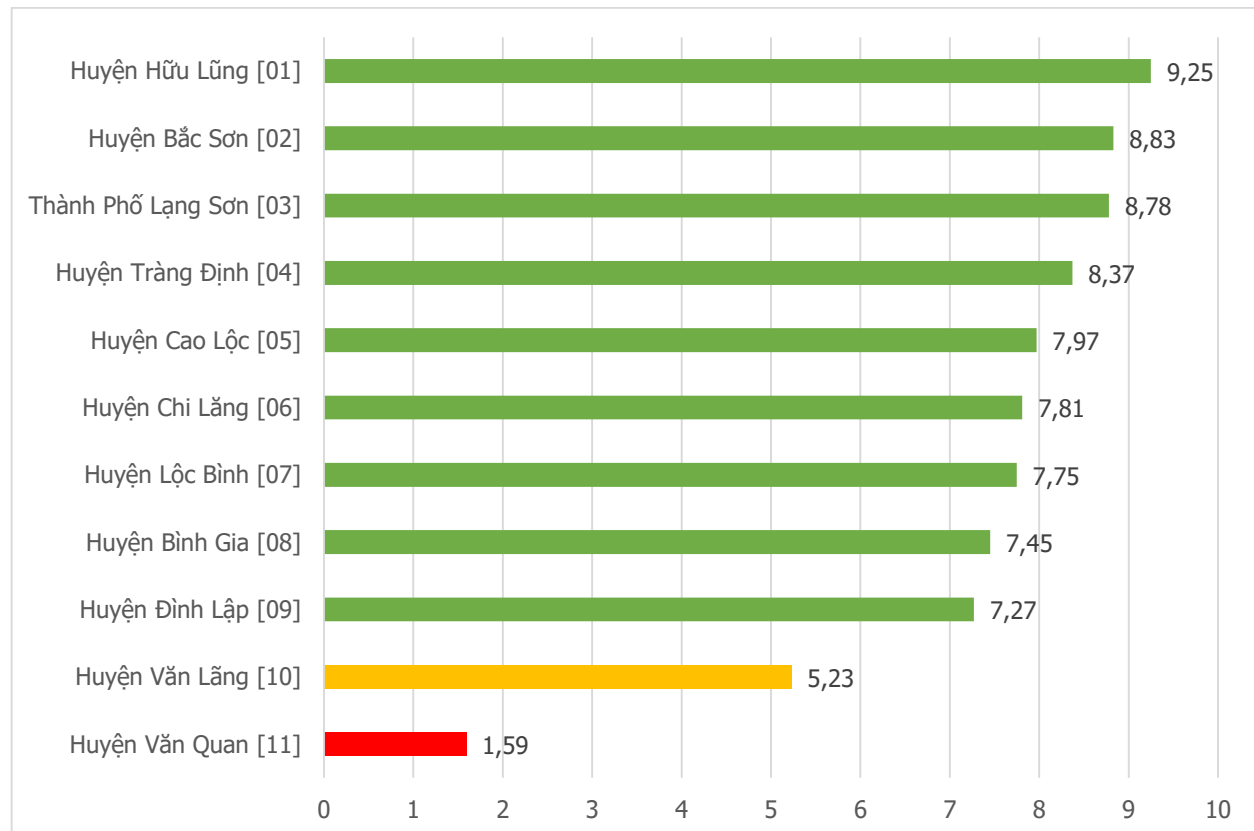
⁷⁰ Trảng Định (Lạng Sơn): Đẩy mạnh chuyển đổi số để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội. Cổng thông tin điện tử tỉnh Lạng Sơn. Nguồn: <https://langson.gov.vn/thong-tin-tuyen-truyen/tuyen-truyen-giam-ngheo-da-chieu/trang-dinh-lang-son-day-manh-chuyen-doi-so-de-thuc-day-phat-trien-kinh-te-xa-hoi.html>

2.2.7. Vai trò của lãnh đạo chính quyền địa phương được đánh giá cao trong xuyên suốt nhiệm kỳ



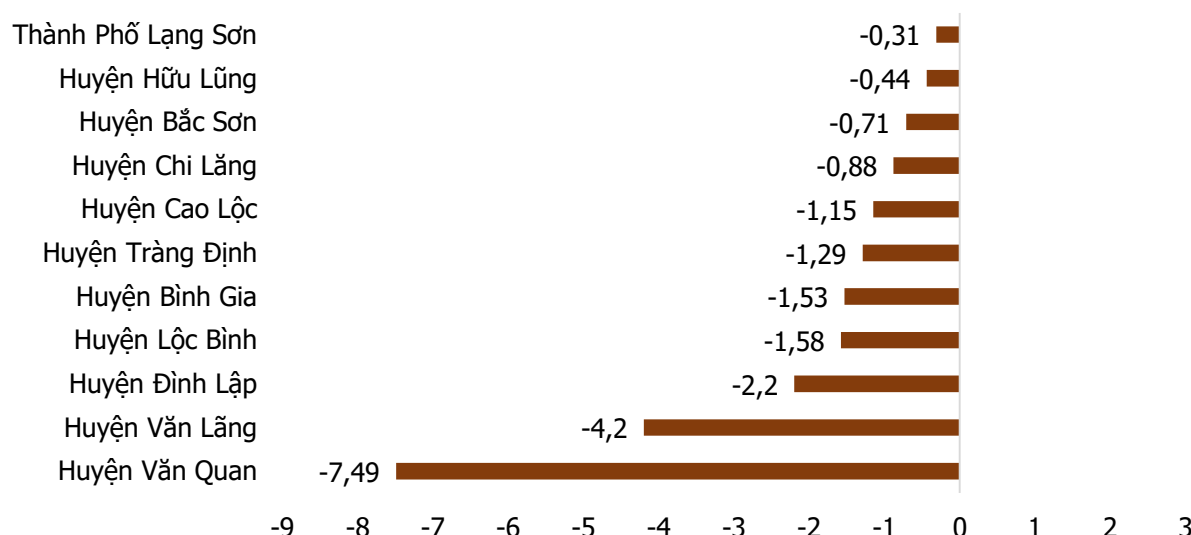
Chỉ số Vai trò người đứng năm 2024 được ghi nhận 7,81 điểm là CSTP điểm cao nhất trong bảng xếp hạng các điểm chỉ số DDCI khối UBND huyện, thành phố như một sự ghi nhận về tính hiệu quả trong việc kiểm soát, quản lý bộ máy hành chính nhằm đạt được sự phát triển chung của cả địa phương lẫn DN. Tuy nhiên, với các tiêu chí đánh giá cập nhật của năm nay, chỉ số này vẫn ghi nhận mức giảm điểm chung (giảm 1,52 điểm), từ các tiêu chí cụ thể này, mở ra các giải pháp cải thiện tiếp theo vào thời gian tới nhưng không thể phủ nhận rằng, các huyện và thành phố của tỉnh Lạng Sơn đã có một bộ máy lãnh đạo CQĐP đã và đang và được cộng đồng DN đánh giá cao và ổn định trong liên tục 04 năm liên tiếp của giai đoạn 2021-2024.

Hình 2.20. Xếp hạng và điểm số CSTP Vai trò của người đứng đầu của khối UBND các huyện, thành phố



Hình 2.20 minh họa bảng xếp hạng và điểm số CSTP Vai trò người đứng đầu của khối UBND huyện, thành phố. Huyện Hữu Lũng [01] đứng đầu tiên trong bảng xếp hạng của chỉ số này với mức điểm rất cao là 9,25 điểm và là địa phương duy nhất có mức điểm trên 09 điểm. Theo sát là huyện Bắc Sơn [02] với 8,83 điểm, thành phố Lạng Sơn [03] với 8,78 điểm và huyện Tràng Định [04] với 8,37 điểm. Nhóm các địa phương có điểm đánh giá CSTP này trên 07 điểm ghi nhận: Huyện Cao Lộc [05] với 7,97 điểm, huyện Chi Lăng [06] với 7,81 điểm, huyện Lộc Bình [07] với 7,75 điểm, huyện Bình Gia [08] với 7,45 điểm và huyện Đình Lập [09] với 7,27 điểm. Nhóm cuối trong bảng xếp hạng có một địa phương đạt điểm trung bình là huyện Văn Lãng [10] với 5,23 điểm và một địa phương đạt điểm dưới trung bình là huyện Văn Quan [11] với 1,59 điểm. Mức chênh lệch về khoảng cách điểm số giữa địa phương có điểm cao nhất⁷¹ và thấp nhất⁷² của CSTP này là rất lớn và là mức chênh lệch lớn nhất (chênh 7,66 điểm) cho thấy lãnh đạo các huyện, thành phố được DN đánh giá cao nhưng có sự khác biệt rõ nét về dấu ấn của từng địa phương trong lòng cộng đồng DN.

Hình 2.21. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Vai trò của người đứng đầu của khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023



Hình 2.21 cung cấp về mức độ cải thiện điểm CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối UBND các huyện thành phố 2024 so với 2023, ghi nhận tất cả 11/11 địa phương đều có mức cải thiện điểm giảm, trong đó, giảm ít nhất là Thành phố Lạng Sơn (giảm 0,31 điểm) và giảm mạnh nhất là Huyện Văn Quan (giảm 7,49 điểm), Sự sụt giảm nói chung này cũng là nguyên nhân dẫn đến điểm CSTP chung của Vai trò người đứng đầu giảm trong năm 2024 vừa qua.

Chỉ số Vai trò người dẫn đầu của khối UBND các huyện, thành phố được đánh giá thông qua 07 câu hỏi. Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 2.7** có

⁷¹ Huyện Hữu Lũng (9,25 điểm)

⁷² Huyện Văn Quan (1,59 điểm)

thể thấy về cơ bản thì các tiêu chí đều nhận được những sự đánh giá tích cực của cộng đồng doanh nghiệp, nhưng sự khác nhau giữa tỷ lệ cao nhất và thấp nhất trong một số câu hỏi chính là nguyên nhân dẫn đến sự thiếu đồng đều trong điểm số của CSTP này tại các địa phương khác nhau trên địa bàn tỉnh.

Tín hiệu đáng mừng cho thấy cộng đồng DN đều ghi nhận sự chỉ đạo quyết liệt từ lãnh đạo CQĐP, cụ thể như: Có 96,43% DN được hỏi bày tỏ sự đồng ý với nhận định cho rằng lãnh đạo CQĐP đã và đang chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp hành chính tại các địa phương; không chỉ quan tâm đến nề nếp kỷ luật, lãnh đạo CQĐP còn quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của cán bộ nhà nước và hệ thống chính quyền đối với DN (96,52% DN nhận định). Sự quan tâm, đôn đốc này được 100% DN tham gia đánh giá đối với Huyện Hữu Lũng và Huyện Văn Lãng.

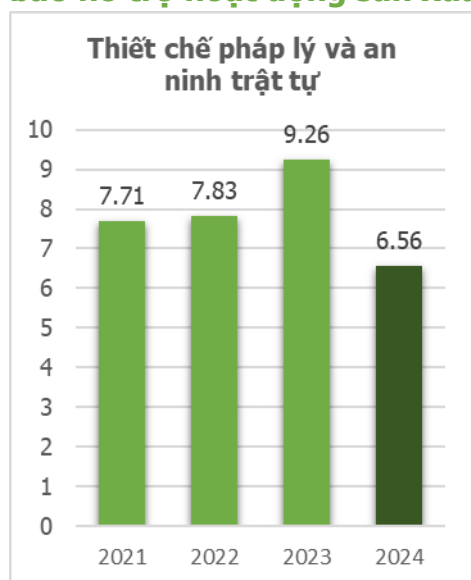
Bên cạnh đó, khi đánh giá về sự phối hợp của lãnh đạo CQĐP với DN, có 95,54% DN cho rằng lãnh đạo CQĐP có lắng nghe và tiếp thu các ý kiến đóng góp từ cộng đồng DN để từ đó có những cải thiện tích cực cho môi trường đầu tư và kinh doanh trên địa bàn huyện, Điểm đáng chú ý là tỷ lệ DN cho rằng lãnh đạo CQĐP thường giải quyết nhanh chóng và kịp thời những khiếu nại của DN về các cán bộ, bộ phận hành chính của DN là 94,15% và 93,27% DN nhận thấy lãnh đạo CQĐP có biện pháp kịp thời chấn chỉnh cũng như xử lý và công khai kết quả xử lý các cán bộ có hành vi gây khó khăn mà DN phản ánh lên. Ngoài ra, có 94,78% DN cho rằng lãnh đạo CQĐP có các hành động cụ thể, chỉ đạo quyết liệt và thiết thực để giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của DN. Tuy nhiên, khi bày tỏ sự tin tưởng rằng người đứng đầu CQĐP đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn huyện, thành phố thì vẫn còn 13,44% DN chưa hoàn toàn tin tưởng với mức tỷ lệ đánh giá thấp nhất (71,43%) tại hai huyện Văn Lãng và Văn Quan, Đây là dấu hiệu cho thấy cần một sự cải thiện để lấy được lòng tin từ cộng đồng DN cao hơn nữa trong những năm tiếp theo.

Bảng 2.8. Kết quả đánh giá CSTP Vai trò người đứng đầu khối UBND các huyện, thành phố

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[32.1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đồng ý với nhận định “Lãnh đạo CQĐP chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp hành chính tại địa phương” (%)	Trung bình	96.43
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	89.29
[32.2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng lãnh đạo CQĐP có lắng nghe và tiếp thu các ý kiến đóng góp của DN/HTX/HKD (%)	Trung bình	95.54
	Cao nhất	97.98
	Thấp nhất	88.57
[32.3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng lãnh đạo CQĐP giải quyết nhanh chóng và kịp thời những khiếu nại của doanh nghiệp về các cán bộ, bộ phận hành chính của địa phương (%)	Trung bình	94.15
	Cao nhất	96.76
	Thấp nhất	85.71
[32.4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng lãnh đạo CQĐP quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của cán bộ nhà nước và hệ thống chính quyền (%)	Trung bình	96.52
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	89.29

[32.5]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng lãnh đạo CQĐP đã có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý, và công khai kết quả xử lý các cán bộ có hành vi gây khó khăn được DN phản ánh (%)	Trung bình	93.27
	Cao nhất	98.21
	Thấp nhất	78.57
[32.6]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng lãnh đạo CQĐP có hành động cụ thể, chỉ đạo quyết liệt và thiết thực để giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của DN (%)	Trung bình	94.78
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	85.71
[33]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD bày tỏ sự tin tưởng rằng người đứng đầu CQĐP đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của mình (%)	Trung bình	86.56
	Cao nhất	94
	Thấp nhất	71.43

2.2.8. Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự vẫn chưa đạt hiệu quả tối ưu đảm bảo hỗ trợ hoạt động sản xuất kinh doanh như doanh nghiệp mong đợi



Trong nhóm các chỉ số có xu hướng giảm điểm của DDCI 2024 khối UBND huyện, thành phố, điểm số của CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự với 6,28 điểm, được ghi nhận là giảm điểm nhiều nhất (giảm 2,70 điểm) cho thấy dưới góc nhìn của cộng đồng DN địa phương thì các hoạt động đảm bảo thiết chế pháp lý và an ninh trật tự vẫn chưa đạt hiệu quả tối ưu và cần tiếp tục cải thiện hơn nữa.

Trên thực tế, từ nhiều năm nay, các địa phương của tỉnh Lạng Sơn cũng đã có chú trọng đến việc hỗ trợ pháp lý nhằm tăng cường hiểu biết và tạo môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi cho DN, ví dụ như: Thành phố Lạng Sơn với nhiều hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhằm nâng cao kiến thức pháp luật, hạn chế rủi ro trong sản xuất kinh doanh⁷³, Huyện Bắc Sơn tăng cường tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Văn minh thương mại đến các HKD⁷⁴, Huyện Lộc Bình tăng cường tập huấn về tiếp cận trợ giúp pháp lý⁷⁵,...

Hình 2.22 minh họa bảng xếp hạng và điểm số CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối UBND huyện, thành phố, Đứng đầu bảng xếp hạng chỉ số này là Huyện Lộc Bình [01] với 8,54 điểm, tiếp theo là Huyện Hữu Lũng [02] với 8,43 điểm. Nhóm tiếp theo trong bảng xếp hạng CSTP này là nhóm các địa phương có mức điểm từ 5,32

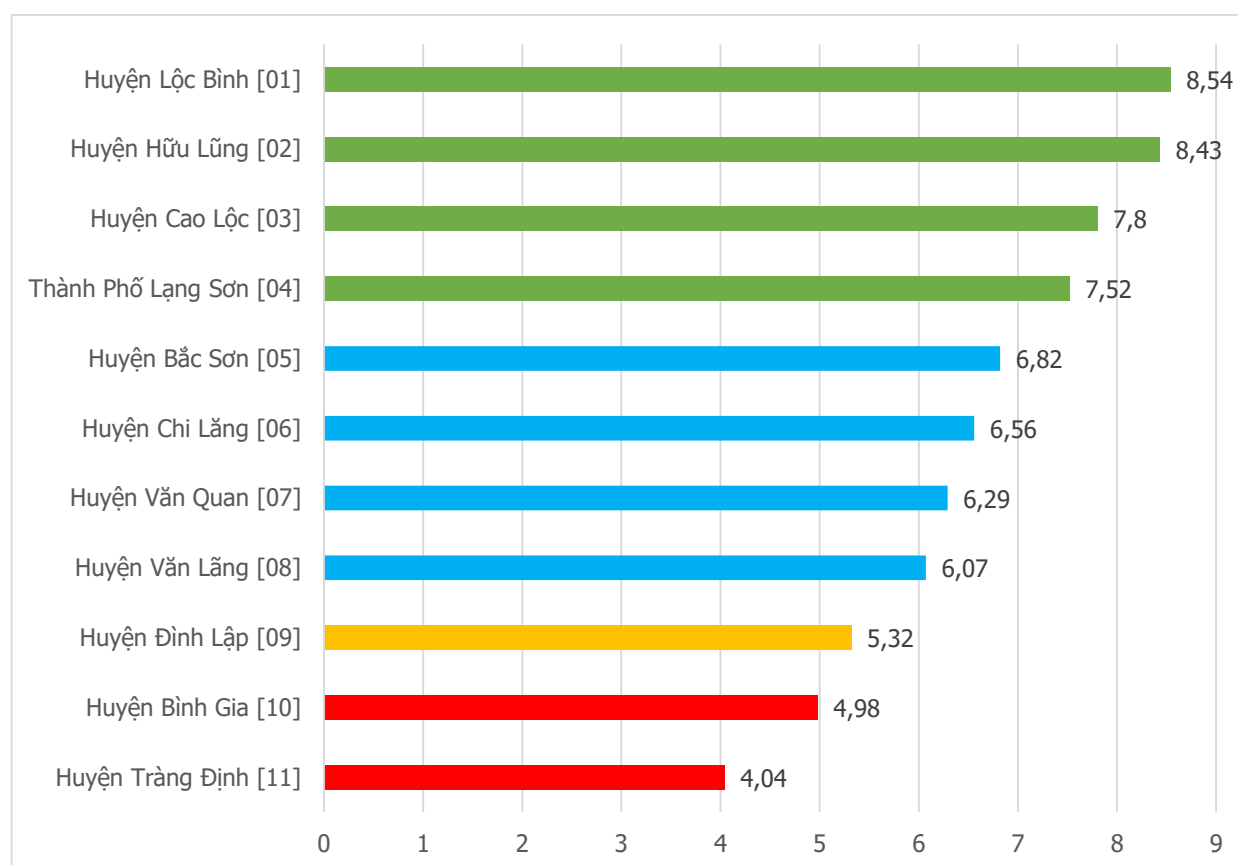
⁷³ Thành phố Lạng Sơn: Nhiều hình thức hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp (2018). Báo Lạng Sơn. Nguồn: <https://baolangson.vn/thanh-pho-lang-son-nhieu-hinh-thuc-ho-tro-phap-ly-cho-doanh-nghiep-1185948.html>

⁷⁴ Bắc Sơn: Tiếp tục thực hiện công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về Văn minh thương mại đến các Hộ kinh doanh trên địa bàn (2024). Cục Quản lý thị trường Lạng Sơn. Nguồn: <https://langson.dms.gov.vn/tin-chi-tiet/-/chi-tiet/bac-son-tiep-tuc-thuc-hien-cong-tac-tuyen-truyen-pho-bien-phap-luat-ve-van-minh-thuong-mai-%C4%91en-cac-ho-kinh-doanh-tren-%C4%91ia-ban--80915-510.html>

⁷⁵ Hội nghị Tập huấn điểm về tiếp cận trợ giúp pháp lý (2024). Nguồn: <https://locbinh.langson.gov.vn/tin-tuc-su-kien/hoat-dong-phong-ban-chuyen-mon/hoi-nghi-tap-huan-diem-ve-tiep-can-tro-giup-phap-ly.html>

điểm đến 7,8 điểm, bao gồm: Huyện Cao Lộc [03] với 7,8 điểm, Thành Phố Lạng Sơn [04] với 7,52 điểm, Huyện Bắc Sơn [05] với 6,82 điểm, Huyện Chi Lăng [06] với 6,56 điểm, Huyện Văn Quan [07] với 6,29 điểm, Huyện Văn Lãng [08] với 6,07 điểm và Huyện Đình Lập [09] với 5,32 điểm; Đứng cuối bảng xếp hạng là hai địa phương có mức điểm dưới trung bình là Huyện Bình Gia [10] với 4,98 điểm và Huyện Tràng Định [11] với 4,04 điểm. Mức chênh lệch về khoảng cách điểm số giữa địa phương có điểm cao nhất⁷⁶ và thấp nhất⁷⁷ của CSTP này là 4,5 điểm cho thấy năng lực thực thi pháp luật, giải quyết khiếu nại, tranh chấp cũng như khả năng đảm bảo an ninh trật tự thì các địa phương trên toàn tỉnh có chất lượng triển khai khá tương đồng đặc biệt là những địa phương ở nhóm trung bình và dưới trung bình.

Hình 2.22 Xếp hạng và điểm số CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối UBND các huyện, thành phố



Hình 2.23 cung cấp về mức độ cải thiện điểm CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối UBND các huyện thành phố 2024 so với 2023, ghi nhận chỉ không có địa phương nào có mức cải thiện điểm tăng tức là 11/11 địa phương có mức cải thiện điểm giảm, trong đó, mức giảm điểm điểm không đáng kể thuộc về Huyện Chi Lăng (giảm 0,07 điểm), Thành phố Lạng Sơn (giảm 0,44 điểm) và Huyện Lộc Bình (giảm 0,53 điểm). Mức

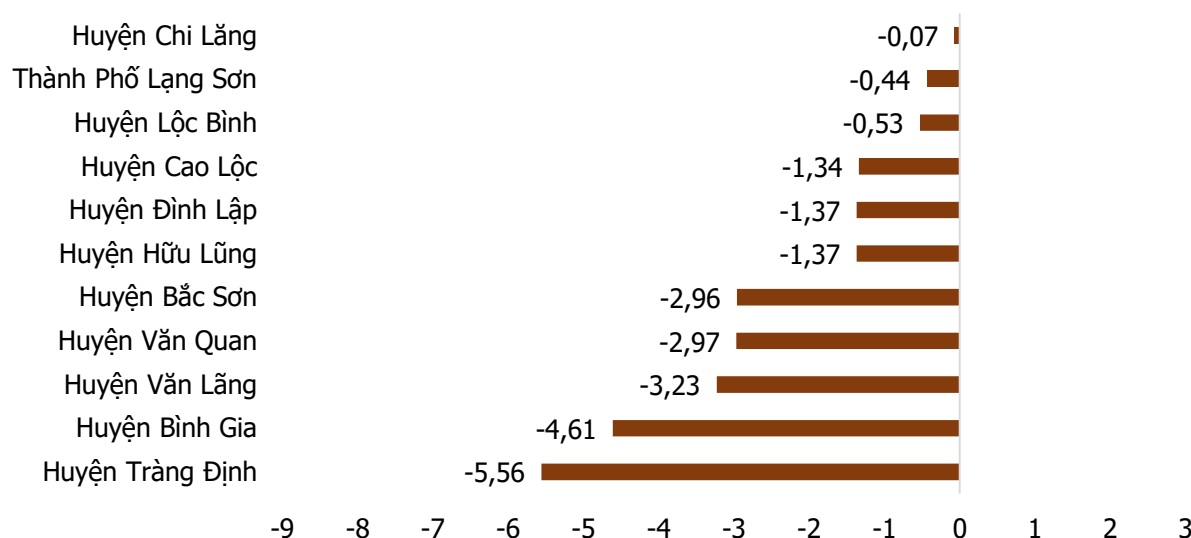
⁷⁶ Huyện Lộc Bình (8,54 điểm)

⁷⁷ Huyện Tràng Định (4,04 điểm)

giảm điểm cao nhất thuộc về Huyện Trảng Định (giảm 5,56 điểm). Với mức giảm điểm trên toàn khối UBND huyện thành phố cho thấy rõ ràng nhất các hoạt động liên quan đến pháp lý và an ninh trật tự vẫn chưa thực sự tối ưu về hiệu quả thông qua đánh giá của cộng đồng doanh nghiệp.

Chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối UBND các huyện, thành phố được đánh giá thông qua 09 câu hỏi, Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 2.8.** dễ dàng nhận thấy nhóm đánh giá về thiết chế pháp lý khá tích cực còn đánh giá về an ninh trật tự còn một số tồn đọng khá rõ rệt.

Hình 2.23. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023



Đối với thiết chế pháp lý tại CQĐP, các nhận định của cộng đồng DN đa phần là tốt, Có 93,75% DN đồng ý với nhận định cho rằng các cơ quan nhà nước sẽ không bao che và nghiêm minh xử lý các cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi những vi phạm đến DN. Thêm vào đó, 81,09% DN được hỏi cho rằng CQĐP luôn luôn hoặc thường xuyên có tham mưu, giải quyết, xử lý các hành vi phạm pháp, tranh chấp liên quan đến DN thuộc phạm vi quản lý một cách nghiêm minh, kịp thời và công bằng. Với những nhận định trên, thiết chế pháp lý của các địa phương đã và đang được ghi nhận từ phía cộng đồng DN một cách tích cực. Ngoài ra, đối với các cơ chế khiếu nại tại địa phương, 80,58% DN khẳng định có biết về các cơ chế khiếu nại và/hoặc đã từng khiếu nại lên CQĐP có thẩm quyền trong trường hợp cán bộ, nhân viên địa phương làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC. Tuy nhiên, vẫn còn gần 20% DN chưa có đầy đủ thông tin về các cơ chế khiếu nại này dẫn đến việc chưa thấy thỏa đáng khi rơi vào tình huống khó xử với các cán bộ địa phương, hiện tượng này có thể giải quyết bằng các phương pháp truyền thông sâu sát hơn nữa về quyền lợi của DN trong thiết chế pháp lý này. Đáng chú ý là, 97,73% DN đã từng khiếu nại cảm thấy hài lòng với công tác giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền, Đây là một tín hiệu tốt

và là động lực để các DN địa phương mạnh dạn chia sẻ khó khăn của mình với cấp quản lý địa phương – một việc mà trước đây DN có thể chưa từng thử.

Với nhóm tiêu chí đánh giá an ninh trật tự, vai trò của cơ quan công an tại địa phương được đề cao, cụ thể: có 96,90% DN cho rằng Cơ quan công an và CQĐP giải quyết có hiệu quả các vụ việc mất cắp, thiệt hại tài sản của DN trên địa bàn và 97,43% DN cho rằng Cơ quan công an và CQĐP tạo cảm giác an toàn cho người lao động của DN sinh hoạt và lao động trên địa bàn huyện, thành phố. Lực lượng công an, các Tổ an ninh tự quản, đảm bảo an ninh trật tự tại địa phương đã góp phần tạo chuyển biến tích cực và mang lại sự ổn định trong năm qua về an ninh trật tự cũng như giảm thiểu các loại tội phạm⁷⁸, Điểm sáng về đánh giá từ DN đối với vấn đề này được ghi nhận tại Huyện Đình Lập, Huyện Hữu Lũng và Huyện Văn Quan với 100% DN tham gia đánh giá tốt.

Tuy nhiên, các hoạt động đảm bảo an ninh trật tự khác từ góc nhìn DN là chưa đảm bảo hiệu quả tối ưu, thể hiện qua các hiện tượng cụ thể như: Có 47,66% DN cho rằng đơn vị phải bỏ nhiều chi phí thuê dịch vụ bảo vệ, an ninh để bảo vệ tài sản của đơn vị. Đây có thể là mong muốn của quan của DN nhưng cũng xuất phát sâu xa từ cảm giác thiếu an toàn mà DN cảm nhận được khi hoạt động trên địa bàn; Có 51,01% DN cho rằng đơn vị phải trả chi phí cho các hoạt động bảo kê hoặc hỗ trợ xã hội phi chính thức để được yên ổn sản xuất kinh doanh và 51,02% DN cho rằng hiện tượng trả chi phí cho các hoạt động bảo kê hoặc hỗ trợ xã hội phi chính thức trên địa bàn là phổ biến. Với các quan điểm này, các CQĐP cần bổ sung thêm các phương án phù hợp để giảm chỉ số này thì mới có thể tăng điểm CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự trong các năm tiếp theo hiệu quả được.

Bảng 2.9. Kết quả đánh giá CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự khối UBND các huyện, thành phố

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[34]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đồng ý với nhận định “Cơ quan nhà nước sẽ không bao che và ngghiêm minh xử lý các cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi những nhiều ”(%)	Trung bình	93,75
	Cao nhất	98
	Thấp nhất	85,71
[35]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng CQĐP có tham mưu/giải quyết/xử lý các hành vi vi phạm pháp luật/tranh chấp của DN/HTX/HKD thuộc phạm vi quản lý đảm bảo nghiêm minh, kịp thời, công bằng (% luôn luôn/ thường xuyên)	Trung bình	81,09
	Cao nhất	92
	Thấp nhất	63,33
[36]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp QL có thẩm quyền trong trường hợp cán bộ, nhân viên ĐP làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC (%)	Trung bình	80,58
	Cao nhất	92,86
	Thấp nhất	60

⁷⁸ Lạng Sơn: Hiệu quả mô hình vận động nhân dân tham gia bảo đảm an ninh, trật tự (2024). Bộ Công an. Nguồn: <https://canhsatquanlyhanhchinh.gov.vn/gioi-thieu/lang-son-hieu-qua-mo-hinh-van-dong-nhan-dan-tham-gia-bao-dam-an-ninh-trat-tu-3155#>

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[37]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đã từng khiếu nại lên cấp QL có thẩm quyền thấy hài lòng với công tác giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền (%)	Trung bình	97,73
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	75
[38.1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng đơn vị phải bỏ nhiều chi phí thuê dịch vụ bảo vệ, an ninh để bảo vệ tài sản của Đơn vị (%)	Trung bình	47,66
	Cao nhất	64,86
	Thấp nhất	25,71
[38.2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng Cơ quan công an và CQĐP giải quyết có hiệu quả các vụ việc mất cắp, thiệt hại tài sản của doanh nghiệp trên địa bàn. (%)	Trung bình	96,90
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	94,34
[38.3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng Cơ quan công an và CQĐP tạo cảm giác an toàn cho người lao động của Đơn vị sinh hoạt và lao động trên địa bàn. (%)	Trung bình	97,43
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	92,45
[38.4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng Đơn vị phải trả chi phí cho các hoạt động bảo kê hoặc hỗ trợ xã hội phi chính thức để được yên ổn sản xuất kinh doanh (%)	Trung bình	51,01
	Cao nhất	68,92
	Thấp nhất	30
[38.5]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng hiện tượng trả chi phí cho các hoạt động bảo kê hoặc hỗ trợ xã hội phi chính thức để được yên ổn sản xuất kinh doanh trên địa bàn là phổ biến (%)	Trung bình	51,02
	Cao nhất	70,27
	Thấp nhất	26,67

2.2.9. Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin một cách tích cực trong quản trị điều hành tại địa phương

Năm 2024, tỉnh Lạng Sơn được vinh danh ở hạng mục “Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc” của giải thưởng Chuyển đổi số Việt Nam 2024⁷⁹. Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin là chỉ số mới được đưa vào trong đánh giá DDCI khối UBND huyện, thành phố của tỉnh Lạng Sơn 2024 nhằm đánh giá hiệu quả ứng dụng công nghệ thông tin tại các địa phương, cũng là để hưởng ứng chỉ đạo tăng cường hiệu quả quản lý ứng dụng công nghệ thông tin năm 2024 trên địa bàn toàn tỉnh⁸⁰. Chỉ số Ứng dụng thông tin được ghi nhận 7,49 điểm và xếp thứ 2 trong bảng xếp hạng các CSTP.

Hình 2.24 minh họa bảng xếp hạng và điểm số CSTP Ứng dụng công nghệ thông tin của khối UBND huyện, thành phố. Nhóm dẫn đầu gồm 04 địa phương với mức điểm trên 08 điểm, bao gồm: Huyện Chi Lăng [01] với 8,75 điểm, huyện Tràng Định [02] với 8,37 điểm, thành phố Lạng Sơn [03] với 8,36 điểm và huyện Hữu Lũng [04] với 8,14 điểm. Các địa phương trong nhóm dẫn đầu này đều ghi dấu ấn về các thành tích nhờ ứng dụng công nghệ thông tin, ví dụ như: Huyện Chi Lăng đã kết hợp hiệu quả truyền thống và

⁷⁹ Lạng Sơn là “Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc” (2024). Báo Pháp Luật.

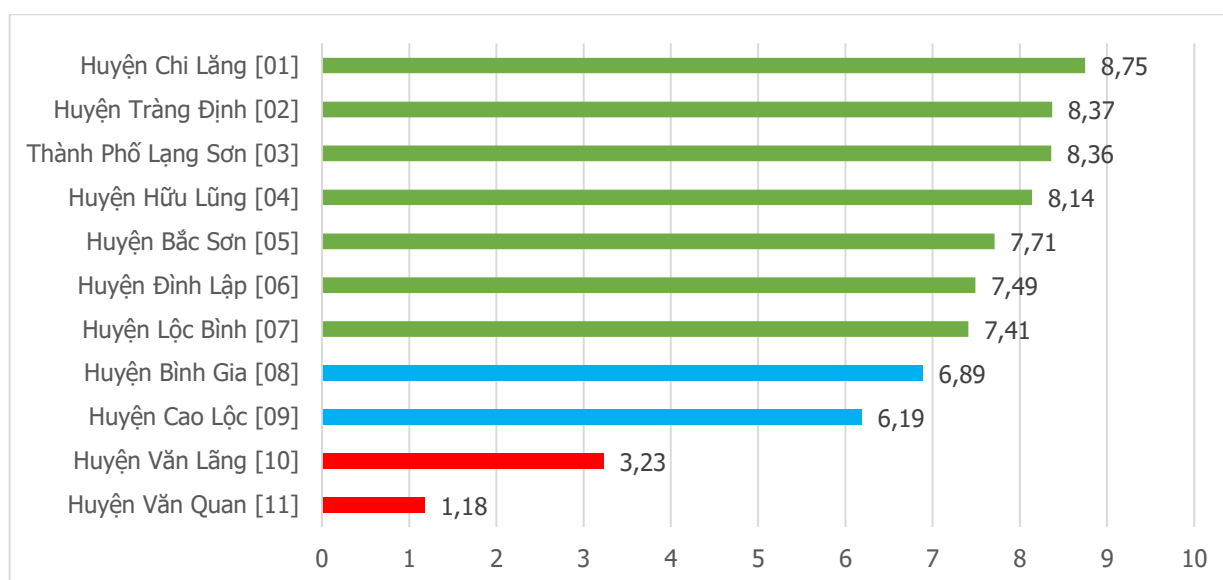
Nguồn: <https://baophapluat.vn/lang-son-la-co-quan-nha-nuoc-chuyen-doi-so-xuat-sac-post527755.html>

⁸⁰ Chỉ đạo tăng cường hiệu quả quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số năm 2024. Cổng thông tin tỉnh Lạng Sơn. Nguồn: <https://langson.gov.vn/thong-tin-chi-dao-dieu-hanh/chi-dao-tang-cuo-ng-hie-u-qua-qua-n-ly-dau-tu-ung-dung-cong-nghe-thong-tin-phuc-vu-chuyen-doi-so-nam-2024.html>

chuyển đổi số trong phát triển thương mại, dịch vụ⁸¹, huyện Trảng Định đẩy mạnh chuyển đổi số để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội⁸²,...

Nhóm thứ hai trong bảng xếp hạng là các địa phương ở mức điểm khá và trung bình, gồm có: Huyện Bắc Sơn [05] với 7,71 điểm; Huyện Đình Lập [06] với 7,49 điểm; Huyện Lộc Bình [07] với 7,41 điểm; Huyện Bình Gia [08] với 6,89 điểm và Huyện Cao Lộc [09] với 6,19 điểm. Nhóm cuối cùng trong bảng xếp hạng là hai địa phương có mức điểm dưới trung bình là Huyện Văn Lãng [10] với 3,23 điểm và Huyện Văn Quan [11] với 1,18 điểm. Mức chênh lệch về khoảng cách điểm số giữa địa phương có điểm cao nhất⁸³ và thấp nhất⁸⁴ là rất lớn (chênh 7,57 điểm) cho thấy việc ứng dụng công nghệ thông tin vẫn còn thiếu đồng đều tại các địa phương theo góc nhìn của cộng đồng DN.

Hình 2.24 Xếp hạng và điểm số CSTP Ứng dụng công nghệ thông tin của khối UBND các huyện, thành phố



Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin của khối UBND các huyện, thành phố được đánh giá thông qua 05 câu hỏi, Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 2.10**, dễ dàng nhận thấy các địa phương rất tích cực ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số thông tin nhưng từ phía DN các địa phương vẫn chưa tận dụng hết thế mạnh này của địa phương. Cụ thể, chỉ có 53,73% DN cho biết thường xuyên truy cập vào Website của CQĐP, trong số đó, có 72,58% DN cho rằng thông tin trên website đáp ứng được đầy đủ hoặc phần lớn nhu cầu của đơn vị; có 94,48% DN cho rằng giao diện trên

⁸¹ Phát triển thương mại, dịch vụ ở Chi Lăng (Lạng Sơn): Kết hợp hiệu quả truyền thống và chuyển đổi số (2024). Báo Tài nguyên và Môi trường. Nguồn: <https://baotainguyenvaimoitruong.vn/pha-t-trien-thuong-mai-dich-vu-o-chi-lang-lang-son-ket-hop-hieu-qua-truyen-thong-va-chuyen-doi-so-385058.html>

⁸² Trảng Định (Lạng Sơn): Đẩy mạnh chuyển đổi số để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội (2024). Báo Dân tộc. Nguồn: <https://baodantoc.vn/trang-dinh-lang-son-day-manh-chuyen-doi-so-de-thuc-day-pha-t-trien-kinh-te-xa-hoi-1733911085679.htm>

⁸³ Huyện Chi Lăng (8,75 điểm)

⁸⁴ Huyện Văn Quan (1,18 điểm)

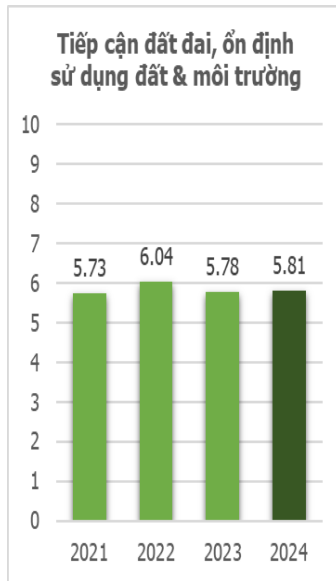
website là thân thiện, dễ sử dụng và cũng dễ tìm kiếm thông tin, Website của Huyện Trảng Định⁸⁵ được 100% DN tham gia đánh giá ghi nhận tốt và đầy đủ thông tin.

Bên cạnh đó, các tiêu chí về việc cập nhật thông tin trên website cũng mang lại những phản hồi tích cực, cụ thể: có 92,65% DN cho rằng tài liệu quy phạm pháp luật, thông tin quy hoạch, kế hoạch, chế độ chính sách được CQĐP công bố đầy đủ kịp thời trên website và 92,61% DN cho rằng các kết quả xử lý, trả lời câu hỏi, giải đáp thắc mắc, kiến nghị được công khai đầy đủ trên website. Các kết quả này khá phù hợp với các thông số về tính minh bạch và tiếp cận thông tin của các địa phương ở các nội dung trên.

Bảng 2.10. Kết quả đánh giá CSTP Ứng dụng công nghệ thông tin khối UBND các huyện, thành phố

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[39]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết thường xuyên truy cập vào website của CQĐP (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	Trung bình	53,73
	Cao nhất	67,86
	Thấp nhất	40
[40]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng <i>Thông tin trên website có đáp ứng được nhu cầu của Đơn vị</i> (% đáp ứng đầy đủ hoặc phần lớn)	Trung bình	72,58
	Cao nhất	80,43
	Thấp nhất	53,57
[41]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng Giao diện trên website là thân thiện, dễ sử dụng, dễ dàng tìm kiếm nội dung thông tin (%)	Trung bình	94,48
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	85,71
[42]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng tài liệu quy phạm pháp luật, thông tin quy hoạch, kế hoạch, chế độ chính sách được CQĐP công bố đầy đủ kịp thời trên website (%)	Trung bình	92,65
	Cao nhất	96,67
	Thấp nhất	85,71
[43]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng các kết quả xử lý, trả lời câu hỏi, giải đáp thắc mắc, kiến nghị được công khai đầy đủ trên website (%)	Trung bình	92,61
	Cao nhất	96,67
	Thấp nhất	82,14

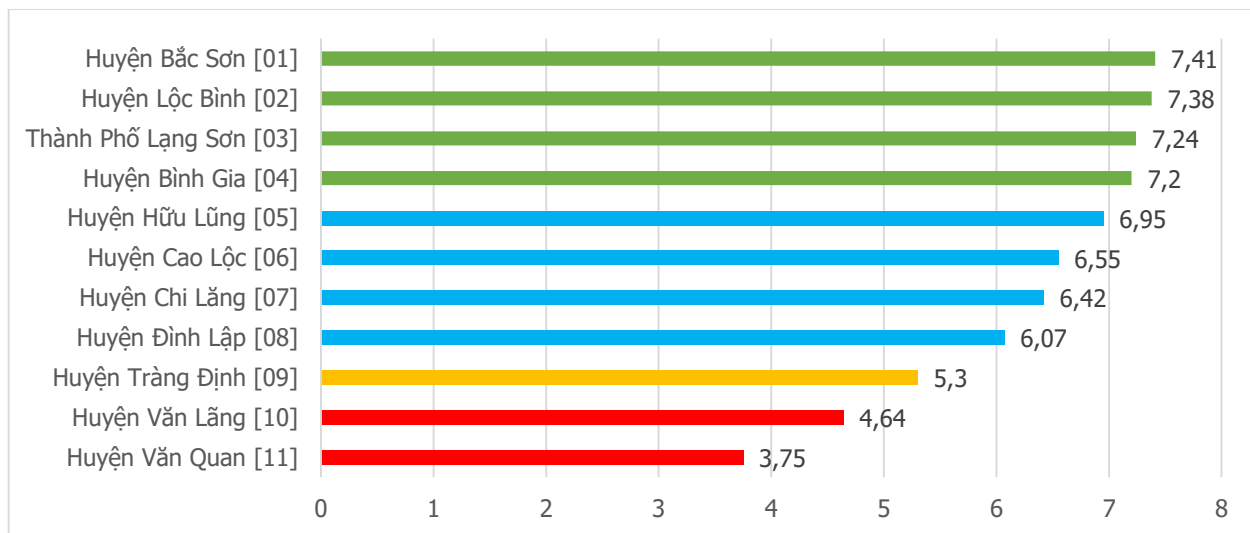
⁸⁵ Địa chỉ Website: <https://trangdinh.langson.gov.vn/>



2.2.10. Các thủ tục tiếp cận đất đai và sử dụng đất có dấu hiệu thỏa đáng và ổn định

Chỉ số Tiếp cận đất đai, ổn định sử dụng đất và môi trường là CSTP của riêng khối UBND huyện, thành phố trong đánh giá DDCI 2024. CSTP này đạt 5,81 điểm và là 01/02 CSTP ghi nhận tăng điểm so với 2023 (tăng 0,03 điểm) cho thấy sự cải thiện và ổn định trong khả năng tiếp cận nguồn lực đất đai, cơ sở hạ tầng, mặt bằng kinh doanh của các DN. Ngay từ năm 2022, tỉnh Lạng Sơn đã hướng tới công khai minh bạch đất đai⁸⁶, nên mức đánh giá này hoàn toàn phù hợp với chủ trương của tỉnh trong thời gian vừa qua và trong hiện tại khi nỗ lực tuyên truyền để nhanh chóng đưa Luật Đất đai vào cuộc sống⁸⁷ cũng như đẩy mạnh hướng dẫn triển khai bộ luật này⁸⁸

Hình 2.25 Xếp hạng và điểm số CSTP Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường của khối UBND các huyện, thành phố



Hình 2.26 cung cấp về mức độ cải thiện điểm CSTP Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường của khối UBND các huyện thành phố 2024 so với 2023, ghi

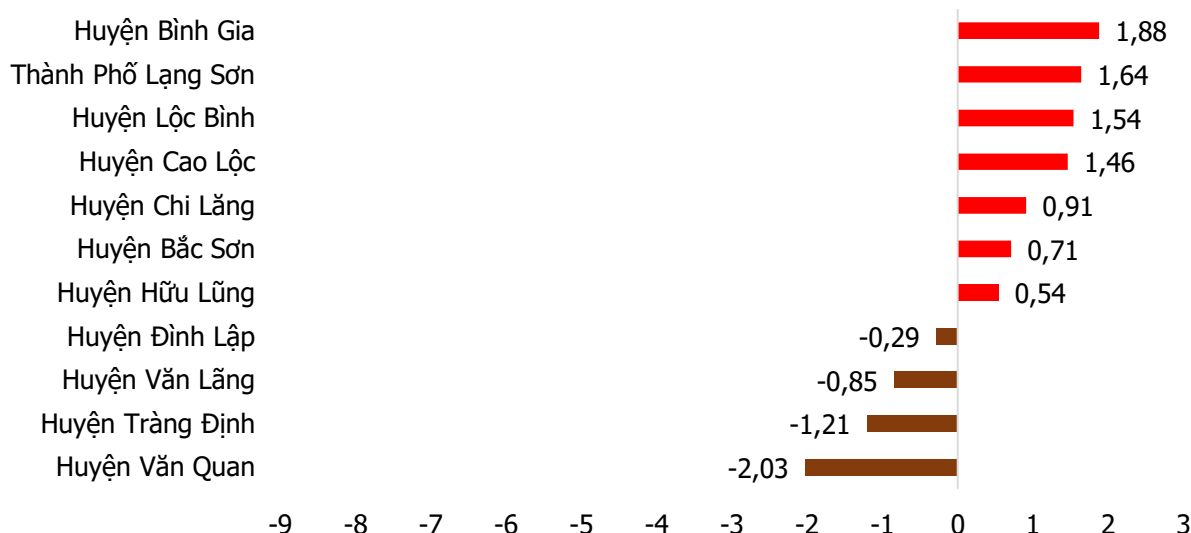
⁸⁶ Lạng Sơn: Hướng tới công khai, minh bạch các thông tin về đất đai (2022). Báo Tài nguyên và Môi trường. Nguồn: <https://baotainguyenvaimoitruong.vn/lang-son-huong-toi-cong-khai-minh-bach-cac-thong-tin-ve-dat-dai-335896.html>

⁸⁷ Đưa Luật Đất đai vào cuộc sống (2024). Sở Tài nguyên và Môi trường. Nguồn: <https://tnmt.langson.gov.vn/tin-tuc-su-kien/dat-dai2/dua-luat-dat-dai-vao-cuoc-song.html>

⁸⁸ Lạng Sơn: Đẩy mạnh triển khai Luật Đất đai 2024. Sở Tài nguyên và Môi trường. Nguồn: <https://tnmt.langson.gov.vn/tin-tuc-su-kien/dat-dai2/lang-son-day-manh-trien-khai-luat-dat-dai-2024.html>

nhận chỉ có 07/11⁸⁹ địa phương có mức cải thiện điểm tăng và có 04/11⁹⁰ địa phương có mức cải thiện điểm giảm.

Hình 2.26. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường của khối UBND các huyện, thành phố 2024 so với 2023



Chỉ số Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường của khối UBND các huyện, thành phố được đánh giá thông qua 19 câu hỏi, là sự kết hợp giữa việc đánh giá tiếp cận đất đai và các đánh giá về môi trường để có thông tin từ địa phương nhằm cải thiện chỉ số PGI của tỉnh trong năm tiếp theo. Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 2.10**, dễ dàng thấy dưới góc nhìn của cộng đồng DN, các tiêu chí được đặt lên đánh giá cũng mang lại các ý kiến trái chiều, Đối với việc đánh giá về mặt bằng kinh doanh hiện đang sử dụng, có 80,43% DN cho rằng mặt bằng đó có đáp ứng được nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Có 91,16% DN cho rằng bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành áp dụng trên địa bàn hiện nay là phù hợp và có 86,55% DN tham gia khảo sát cho rằng mức độ rủi ro bị thu hồi đất khi đang sử dụng tại địa phương là thấp hoặc rất thấp, Điều này cho thấy mức độ ổn định trong sử dụng đất là tích cực trên toàn địa bàn tỉnh, Ngoài ra, có 47,34% DN cho rằng không có hiện tượng doanh nghiệp bị thu hồi đất đai (mặt bằng dự án đầu tư) không thỏa đáng.

Các ý kiến về công tác giải phóng mặt bằng mang đến một góc nhìn cần suy ngẫm từ cộng đồng DN, cụ thể: có 81,32% DN đánh giá CQĐP rất tích cực trong công tác giải phóng mặt bằng, có nghĩa là, vẫn còn 18,68% DN cho rằng các công tác giải phóng mặt bằng vẫn còn chưa thực sự hiệu quả, Thêm vào đó, vẫn có đến 35,26% DN tham gia khảo

⁸⁹ Bao gồm: Huyện Bình Gia, Thành phố Lạng Sơn, Huyện Lộc Bình, Huyện Cao Lộc, Huyện Chi Lăng, Huyện Bắc Sơn và Huyện Hữu Lũng

⁹⁰ Bao gồm: Huyện Đình Lập, Huyện Văn Lãng, Huyện Tràng Định và Huyện Văn Quan

sát vẫn đang cho rằng việc tiếp cận mở rộng mặt bằng kinh doanh sản xuất là khó khăn, 31,43% DN thì cho rằng giá thuê mặt bằng sản xuất, kinh doanh có hiện tượng tăng nhanh trong năm 2024 trên địa bàn tỉnh và 39,77% DN gặp khó khăn khi thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến đất đai tại địa phương, Đáng lưu ý là có đến 41,05% không hài lòng vì thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai thường dài hơn so với thời hạn niêm yết hoặc văn bản quy định.

Ngoài các điểm nói trên thì các phản hồi tích cực về việc CQĐP công khai, minh bạch lấy ý kiến đóng góp của cộng đồng DN và người dân về quy hoạch kế hoạch sử dụng đất tại địa phương đến từ 91,81% DN và có đến 92,48% DN đánh giá sự thay đổi bảng giá đất của địa phương đang phù hợp với giá chung của thị trường, Bên cạnh đó, có 92,06% DN ghi nhận khi tiến hành các thủ tục chuyển đổi mục đích sử dụng đất đã được CQĐP hướng dẫn tận tình và có hiệu quả theo quy định của pháp luật.

Đối với tiêu chí đánh giá việc sử dụng môi trường của khối UBND các huyện, thành phố, đa phần đều nhận được các phản hồi tích cực từ cộng đồng DN, Cụ thể, có 91,09% DN cho rằng môi trường ở địa phương là không ô nhiễm hoặc ở mức chấp nhận được, có 93,97% DN cho rằng mức độ ô nhiễm ở địa phương (nếu có) là không gây ảnh hưởng đến các hoạt động kinh doanh của DN, Nhưng, nhìn chung, chỉ có 78,31% DN đánh giá chất lượng môi trường tổng thể tại địa phương là tốt và rất tốt, còn lại 21,69% DN thì có nhận định ngược lại.

Nhằm cải thiện môi trường xanh tại địa phương, các DN đa phần (92,71%) có nhận định rằng CQĐP rất kiên quyết trong việc xử lý các vụ vi phạm; 91,47% DN nhận thấy CQĐP thường xuyên hướng dẫn phổ biến quy định sử dụng và sản xuất năng lượng tái tạo, tiết kiệm nước, giảm thiểu ô nhiễm không khí và tái trồng rừng và có 76,05% DN nhận định CQĐP có triển khai các chính sách khuyến khích và hỗ trợ DN thực hiện kinh doanh xanh, đảm bảo thân thiện với môi trường.

Bảng 2.11. Kết quả đánh giá CSTP Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường khối UBND các huyện, thành phố

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[44]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng mặt bằng kinh doanh hiện đang sử dụng có đáp ứng được nhu cầu cho hoạt động sản xuất kinh doanh (% đáp ứng đầy đủ hoặc tương đối đầy đủ)	Trung bình	80,43
	Cao nhất	91,07
	Thấp nhất	56,67
[45]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng bảng giá đất do UBND tỉnh ban hành áp dụng trên địa bàn hiện nay là có phù hợp (%)	Trung bình	91,16
	Cao nhất	96,43
	Thấp nhất	82,14
[46]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá mức độ rủi ro bị thu hồi đất khi sử dụng đất tại địa phương là thấp hoặc rất thấp (%)	Trung bình	86,55
	Cao nhất	94,29
	Thấp nhất	67,86
	Trung bình	81,32
	Cao nhất	93,33

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[47]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá nỗ lực hỗ trợ của Địa phương trong công tác giải phóng mặt bằng là tích cực hoặc rất tích cực (%)	Thấp nhất	68,57
[48.1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng gặp khó khăn trong việc tiếp cận mở rộng mặt bằng kinh doanh, sản xuất (%)	Trung bình	35,26
	Cao nhất	59,46
	Thấp nhất	10
[48.2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng CQĐP công khai, minh bạch lấy ý kiến đóng góp của cộng đồng Đơn vị và người dân về quy hoạch kế hoạch sử dụng đất của địa phương (%)	Trung bình	91,81
	Cao nhất	98,21
	Thấp nhất	82,14
[48.3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá sự thay đổi bảng giá đất của địa phương phù hợp với giá của thị trường (%)	Trung bình	92,48
	Cao nhất	98,21
	Thấp nhất	82,14
[48.4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận thấy giá thuê mặt sản xuất, kinh doanh tăng nhanh trong năm 2024 (%)	Trung bình	31,43
	Cao nhất	44,23
	Thấp nhất	14,29
[48.5]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng Doanh nghiệp gặp khó khăn khi thực hiện thủ tục hành chính về đất đai tại địa phương (% không đồng ý)	Trung bình	39,77
	Cao nhất	59,46
	Thấp nhất	20
[48.6]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng Cán bộ gây khó khăn, những nhiễu cho doanh nghiệp khi tiếp cận và thực hiện thủ tục hành chính về đất đai (%)	Trung bình	48,50
	Cao nhất	68,92
	Thấp nhất	23,33
[48.7]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng thời hạn giải quyết hồ sơ đất đai dài hơn so với thời hạn được niêm yết hoặc văn bản quy định (% không đồng ý)	Trung bình	41,05
	Cao nhất	59,46
	Thấp nhất	16,67
[48.8]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng không có hiện tượng doanh nghiệp bị thu hồi đất đai (mặt bằng dự án đầu tư) không thỏa đáng (%)	Trung bình	47,34
	Cao nhất	63,51
	Thấp nhất	23,33
[48.9]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng cơ quan địa phương hướng dẫn có hiệu quả quá trình chuyển đổi mục đích sử dụng đất theo quy định của pháp luật (%)	Trung bình	92,06
	Cao nhất	97,14
	Thấp nhất	85,71
[49]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá chất lượng môi trường tổng thể (không gian xanh, chất lượng không khí, chất lượng nước (hồ, sông, biển), vấn đề rác thải,...) tại địa phương là tốt hoặc rất tốt (%)	Trung bình	78,31
	Cao nhất	87,5
	Thấp nhất	67,86
[50]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá mức độ ô nhiễm môi trường tại địa phương là không ô nhiễm hoặc ở mức chấp nhận được (%)	Trung bình	91,09
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	82
[51]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng mức độ ô nhiễm đó không gây ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh của Đơn vị (%)	Trung bình	93,97
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	88,26
	Trung bình	92,71
	Cao nhất	96,23

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[52]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định chính quyền địa phương rất kiên quyết xử lý các vụ vi phạm quy định bảo vệ môi trường (%)	Thấp nhất	82,86
[53] Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định <i>"CQĐP thường xuyên hướng dẫn phổ biến quy định sử dụng và sản xuất năng lượng tái tạo, sử dụng nước tiết kiệm, giảm thiểu ô nhiễm không khí, tái trồng rừng, cây xanh..."</i> (%)	Trung bình	91,47
	Cao nhất	98,21
	Thấp nhất	82,14
[54] Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định hính quyền địa phương có triển khai các chính sách khuyến khích và hỗ trợ doanh nghiệp thực hiện kinh doanh xanh/thân thiện với môi trường (%)	Trung bình	76,05
	Cao nhất	85,71
	Thấp nhất	60

2.3. Tổng hợp một số góp ý của DN/HTX/HKD từ các đơn vị khảo sát DDCI khối UBND huyện, thành phố

Đối với Huyện Bắc Sơn:

Góp ý tích cực: DN ghi nhận các vấn đề liên quan đến kinh doanh, giải quyết các thủ tục kinh doanh, đầu tư đều “thuận lợi, nhanh chóng”; DN ghi nhận CQ huyện và Phòng Kế hoạch đầu tư huyện luôn trao đổi, hướng dẫn DN thực hiện các chính sách phát triển, nhờ đó, DN được hỗ trợ chính sách lãi suất tín dụng theo NQ08 của HĐND Tỉnh và đạt được thành tựu thông qua chứng nhận Global Gap cho các sản phẩm của DN; DN ghi nhận tuy là DN mới nhưng nhận được nhiều sự hỗ trợ của CQĐP đặc biệt là Phòng Tài chính Kế hoạch huyện; DN nhận thấy CQĐP luôn động viên để DN phát triển, DN cảm thấy được ghi nhận khi nhận được giấy khen của UBND huyện; HKD trên địa bàn ghi nhận cán bộ của cơ quan hỗ trợ, giải quyết nhiệt tình các vấn đề của HKD; DN đánh giá cao sự nhiệt tình và quyết liệt trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo của các lãnh đạo Huyện Bắc Sơn; DN mong muốn UBND huyện Bắc Sơn “tạo điều kiện” để **hỗ trợ DN** đóng trên địa bàn huyện được kinh doanh và phát triển “tốt hơn nữa”; DN đưa ra đề nghị CQ huyện cần “quan tâm hơn nữa” đến các DN trong địa bàn huyện, từ đó, tạo điều kiện cho các DN “phát triển bền vững, đóng góp xây dựng quê hương Bắc Sơn giàu đẹp hơn”; DN về đầu tư trên địa bàn mong muốn nhận được “sự quan tâm của CQĐP” để an tâm đầu tư, tạo công ăn việc làm cho người lao động tại huyện; DN ghi nhận CQĐP và cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện “thực hiện tốt những văn bản được ban hành”.

Góp ý cải thiện: DN khuyến nghị CQĐP và các cơ quan ban ngành cấp Huyện cần quan tâm đến việc “phân bổ nguồn vốn” đối với các nguồn vốn dự án mà DN đã thực hiện xong; HKD phản nản **giá mặt bằng thuê** đang “ở mức giá cao” nên dẫn đến khó khăn trong quá trình SXKD; DN có quan tâm đến NQ08 của UBND tỉnh thông qua sự hướng dẫn tận tình của cán bộ huyện nhưng cảm thấy chính sách hỗ trợ đi cùng với “nhiều thủ tục và điều kiện phức tạp, hy vọng có cơ chế thông thoáng hơn cho DN”; DN nhận thấy còn thiếu các chính sách hỗ trợ công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại các xã trên địa bàn nên “vệ sinh môi trường chưa được đảm bảo”.

Đối với Huyện Bình Gia:

Góp ý cải thiện: DN mong muốn “được làm đường vào các xã”; DN/HTX/HKD cảm thấy đang gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh và mong muốn có sự chung tay của CQĐP cũng như các cơ quan ban ngành **hỗ trợ DN** vượt qua khó khăn, đồng thời, thúc đẩy mạnh mẽ cho nền kinh tế địa phương đi lên.

Đối với Huyện Cao Lộc:

Góp ý tích cực: DN ghi nhận hài lòng về bộ phận tiếp dân của Huyện Cao Lộc.

Góp ý cải thiện: Tuy nhiên, DN phản ánh một số cán bộ xã “có thái độ không hợp tác, không chịu tương tác với doanh nghiệp”, dẫn đến gây mất thiện cảm với DN.

Đối với Huyện Chi Lăng:

Góp ý tích cực: DN ghi nhận **môi trường đầu tư kinh doanh** tại địa phương hiện “đáp ứng tốt” cho DN hoạt động; DN đánh giá UBND huyện làm việc tốt, luôn hỗ trợ và ủng hộ HKD phát triển; HTX “đánh giá tốt” về sự tạo điều kiện trong phát triển đơn vị của các phòng ban chuyên môn huyện.

Góp ý cải thiện: DN mong muốn các cơ sở sản xuất tư nhân cũng được quan tâm và đầu tư vốn để có cơ hội phát triển hơn nữa; HKD phản ánh việc chuyển đổi mục đích

sử dụng đất đai còn “gặp nhiều khó khăn”, nhiều HKD “chưa chuyển đổi được mục đích sử dụng đất”; DN phản ánh phong cách làm việc, ngôn ngữ giao tiếp và thái độ **hỗ trợ của CQĐP đối với DN** là không chuẩn mực, gây bức xúc và “nản” cho DN mỗi khi cần làm việc với cơ quan nhà nước; DN chia sẻ các nhu cầu sử dụng sản phẩm của DN tại địa phương là thấp.

Đối với Huyện Đình Lập:

Góp ý tích cực: DN ghi nhận các cơ quan huyện hoạt động tốt, “rất nhiệt tình phổ biến” và “không gây khó khăn” cho DN.

Góp ý cải thiện: HTX mong muốn UBND huyện “cần quan tâm đến DN nhiều hơn” để tạo điều kiện cho DN phát triển; DN phản ánh còn “một số vấn đề bất cập” trong **hoạt động vay vốn**, cụ thể, chính sách chưa phù hợp thực tế tại địa phương, ví dụ: chỉ hỗ trợ cho vay vốn nếu có 1Ha đất trồng cây lâu năm chứ không hỗ trợ cho vay vốn đối với đất rừng sản xuất trong khi tại Huyện Đình Lập đa số các HKD sở hữu đất rừng sản xuất, đất nông nghiệp, chứ khó tìm thấy HKD sở hữu 1ha đất trồng cây lâu năm, tuy nhiên, không hỗ trợ cho vay nhưng CQĐP cũng không trả lời cụ thể bằng văn bản.

Đối với Huyện Hữu Lũng:

Góp ý cải thiện: DN mong muốn được quan tâm và tạo điều kiện hơn nữa để “môi trường kinh doanh lành mạnh” thông qua việc các cơ quan vừa đi kiểm tra, vừa “phổ biến luật” cho DN được thấu hiểu rõ ràng hơn; DN đề nghị các cán bộ làm việc tại cơ quan Nhà nước cấp huyện cần “không ngừng nâng cao trình độ, nghiệp vụ” để làm việc hiệu quả hơn; DN cho rằng người dân “chưa hiểu kỹ về chính sách, pháp luật” nên DN đề xuất cần **tổ chức thêm các buổi tạo đàm** với người dân địa phương, tăng cường đào tạo về chính sách, pháp luật; DN phản ánh việc **chuyển đổi mục đích sử dụng đất** còn “gặp nhiều khó khăn”, ghi nhận nhiều HKD chưa chuyển đổi được mục đích sử dụng đất; DN đề nghị CQĐP nghiên cứu các phương án tổ chức dịch vụ dọn vệ sinh đường xá đảm bảo tập kết rác thải một cách có quy củ.

Đối với Huyện Lộc Bình:

Góp ý cải thiện: DN đề nghị CQĐP “cần quan tâm sát sao” đến các DN thông qua việc tăng cường “*đi khảo sát thực tế*” để nắm bắt nhu cầu các DN.

Đối với Huyện Tràng Định:

Góp ý cải thiện: DN phản nản các “thủ tục kiểm tra nhiều”, mong muốn CQĐP nhìn nhận đúng việc kiểm tra phải kiểm tra tại các đầu mối sản xuất để tránh hàng giả, hàng kém chất lượng chứ không phải chỉ kiểm tra tại các đơn vị bán lẻ; HKD nghi ngờ về **sự công bằng trong môi trường kinh doanh** vì cho rằng, trong khi HKD đóng thuế đầy đủ thì vẫn có những HKD “không đăng ký, không nộp thuế” nhưng vẫn được hoạt động trên địa bàn; HKD nông nghiệp trên địa bàn với mong muốn mở rộng SXKD và nâng cao chất lượng sản phẩm nhưng thiếu vốn, đề nghị có các phương án thiết thực để được “tiếp cận các chính sách hỗ trợ của tỉnh”; DN phản ánh cán bộ hướng dẫn các thủ tục tiếp cận đất đai “còn gây khó khăn” trong việc tiếp cận các văn bản mới nhất theo quy định, việc hướng dẫn “thiếu minh bạch” dẫn đến kéo dài thời gian đi lại làm tăng chi phí thời gian và làm “ảnh hưởng đến tâm lý khi đi làm thủ tục” của DN; Bên cạnh đó, DN cho rằng thủ tục cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu “quá chậm”; DN bày tỏ sự hài lòng về “cán bộ trẻ” của CQĐP.

Đối với Huyện Văn Lãng:

Góp ý cải thiện: HTX phản ánh gặp khó khăn về vốn sản xuất, mong muốn được nhà nước **hỗ trợ vốn và lãi suất**; DN phản nản về các **thủ tục hành chính** của văn phòng đăng ký đất đai của huyện, đôi khi còn “gây sách nhiễu, phiền hà” đối với DN, có hiện tượng đưa ra “các yêu cầu giấy tờ mà trong thủ tục hành chính không có”; DN cho rằng các thủ tục hành chính “còn khó khăn” vì thủ tục hành chính chuyển đổi số nhưng người thực hiện thì không có các thiết bị điện tử đáp ứng việc thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

Đối với Huyện Văn Quan:

Góp ý cải thiện: HKD khuyến nghị cần có sự ưu tiên và **hỗ trợ các giải pháp tốt** cho HKD nhiều hơn do các HKD trực tiếp đang bị ảnh hưởng bởi việc bán hàng online, ảnh hưởng khí hậu, thiên tai liên tiếp; HKD mong muốn được “giảm thuế”.

Đối với Thành phố Lạng Sơn:

Góp ý cải thiện: DN đề nghị các cấp có thẩm quyền cần có quy định rõ về trách nhiệm của các Cơ quan trong việc phối hợp giải quyết các vướng mắc trong các thủ tục hành chính về đất đai, thuế, bảo hiểm, đền bù giải phóng mặt bằng, chính sách khuyến khích hỗ trợ, “hạn chế tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, không trả lời đầy đủ các kiến nghị thắc mắc của DN, hoặc có trả lời nhưng thiếu căn cứ thuyết phục”; Vẫn còn tồn tại hiện tượng cán bộ tiếp dân đưa ra các câu trả lời không thỏa đáng, với lý do chung chung; DN mong muốn các cấp chính quyền tăng cường kiểm tra, giám sát cơ quan, đơn vị thực thi công vụ; DN khuyến nghị áp dụng các biện pháp “giám sát từ dân”; DN mong muốn có “một môi trường thuận lợi, thông thoáng, bình đẳng, văn minh, thượng tôn pháp luật và đem lại hiệu quả cao”; DN kiến nghị Website của địa phương cần “thường xuyên cập nhật các thông tin về thủ tục hành chính, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, dự án kêu gọi đầu tư”; DN mong muốn CQĐP chỉ đạo “giải quyết nhanh chóng và kịp thời” các kiến nghị của DN; Một số ý kiến cho rằng các thủ tục hành chính thiếu hợp lý, “phức tạp và bắt người dân đi lại mất thời gian”, liên quan các thủ tục bỏ hộ khẩu thường trú; DN mong muốn lãnh đạo CQĐP xử lý hết “các vấn đề còn tồn đọng” để phát triển tỉnh nhà hơn nữa.

DDCI LẠNG SƠN 2024

CHƯƠNG 3

HỒ SƠ DDCI KHỎI SỞ BAN NGÀNH



CHƯƠNG 03: HỒ SƠ DDCI KHỐI SỞ BAN NGÀNH

3.1. Tổng quan DDCI khối Sở, ban, ngành năm 2024

Chỉ số DDCI khối Sở Ban Ngành (SBN) là một công cụ đánh giá quan trọng được phát triển để đo lường và nhận diện những sở trường cần phát huy và những vấn đề cần cải thiện để hoàn thiện bộ máy cơ quan. Đây cũng là công cụ giúp các SBN hiểu rõ hơn về những khó khăn và cơ hội mà DN đang phải đối diện dưới góc nhìn của cộng đồng DN, từ đó có thể đưa ra các chính sách và giải pháp hỗ trợ DN phù hợp nhằm thúc đẩy một môi trường sản xuất kinh doanh cạnh tranh trên địa bàn toàn tỉnh. Chỉ số DDCI 2024 của tỉnh Lạng Sơn bao gồm **09 chỉ số** chính để đưa vào đánh giá, phân loại **25 Sở Ban Ngành**, bao gồm: (1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; (2) Chi phí thời gian; (3) Chi phí không chính thức; (4) Cạnh tranh bình đẳng; (5) Hỗ trợ doanh nghiệp; (6) Tính năng động và hiệu lực của sở ban ngành; (7) Vai trò của người đứng đầu; (8) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự; (9) Ứng dụng công nghệ thông tin.

Căn cứ vào kết quả khảo sát, bảng xếp hạng DDCI Lạng Sơn 2024 khối SBN được chia thành **05 nhóm**, cụ thể trình bày tại **Hình 3.1**, bao gồm:

- Nhóm thứ nhất là nhóm dẫn đầu với các SBN có điểm số từ 90 điểm trở lên, bao gồm 02/25 SBN: Thanh tra tỉnh [01] đạt 92,26 điểm và Sở Thông tin và Truyền thông [02] đạt 91,38 điểm.

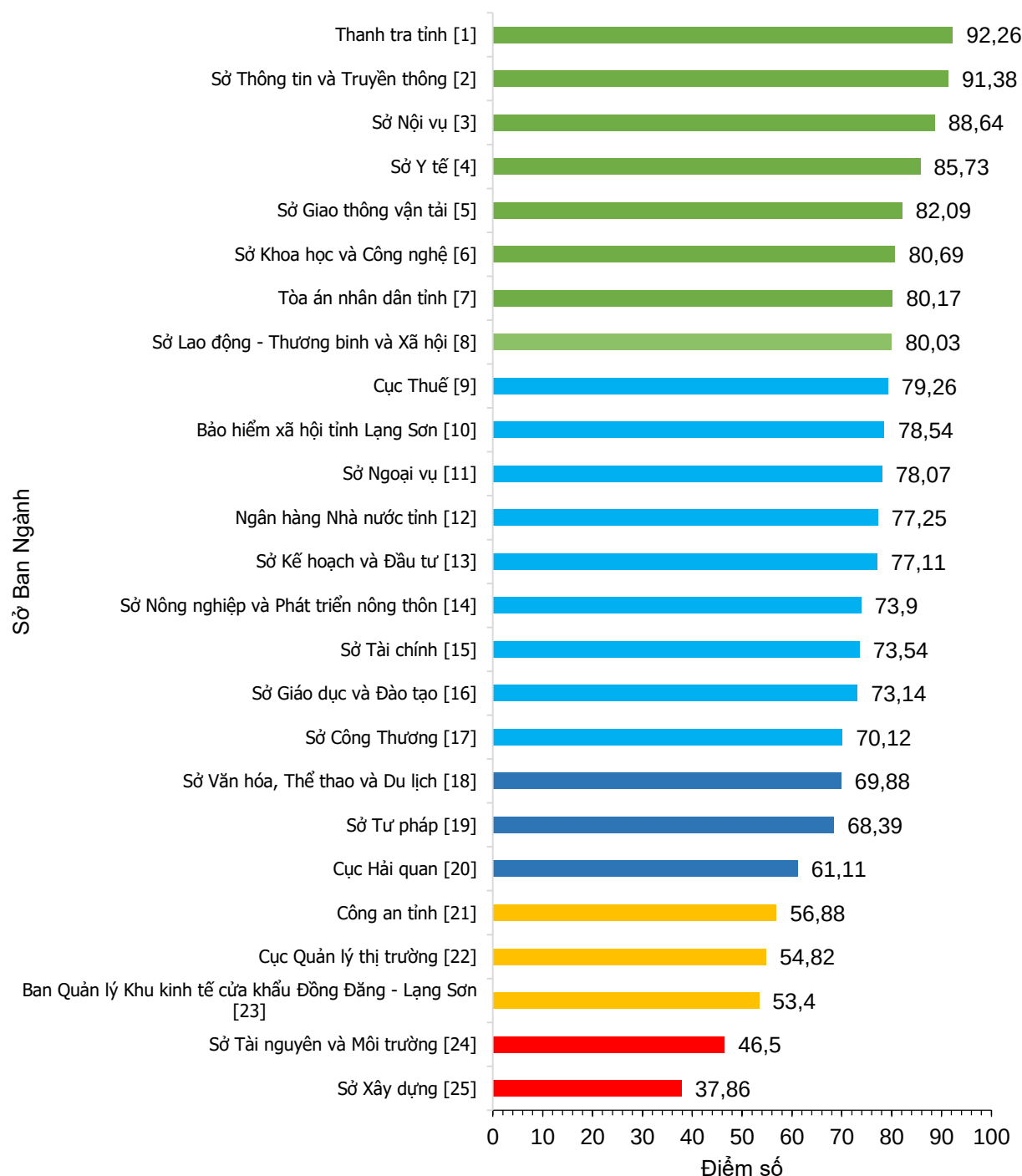
- Nhóm thứ hai là nhóm các SBN có điểm số từ 80 đến 90 điểm, được ghi nhận mức điểm tốt, bao gồm 06/25 SBN: Sở Nội vụ [03] – 88,64 điểm, Sở Y tế [04] – 85,73 điểm, Sở Giao thông vận tải [05] – 82,09 điểm, Tòa án nhân dân tỉnh [06] – 81,52 điểm, Sở Khoa học và Công nghệ [07] – 80,69 điểm và Sở Lao động – Thương binh và Xã hội [08] – 80,03 điểm.

- Nhóm thứ ba là nhóm các SBN có điểm số từ 70 đến 80 điểm, bao gồm 09/25 SBN: Cục Thuế [9] với 79,26 điểm, Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn [10] – 78,54 điểm, Sở Ngoại vụ [11] – 78,07 điểm, Ngân hàng Nhà nước tỉnh [12] – 77,25 điểm, Sở Kế hoạch và Đầu tư [13] – 77,11 điểm, Sở Ngoại vụ [09] – 79,06 điểm, Cục thuế [10] – 78,6 điểm, Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn [11] – 77,62 điểm, Sở Kế hoạch và Đầu tư [12] – 76,48 điểm, Ngân hàng Nhà nước tỉnh [13] – 76,17 điểm, Sở Giáo dục và Đào tạo [14] – 74,12 điểm, Sở Tài chính [15] – 73,5 điểm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [16] – 73,3 điểm và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch [17] – 70,01 điểm; Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [14] – 73,9 điểm, Sở Tài chính [15] – 73,54 điểm, Sở Giáo dục và Đào tạo [16] – 73,14 điểm và Sở Công Thương [17] – 70,12 điểm.

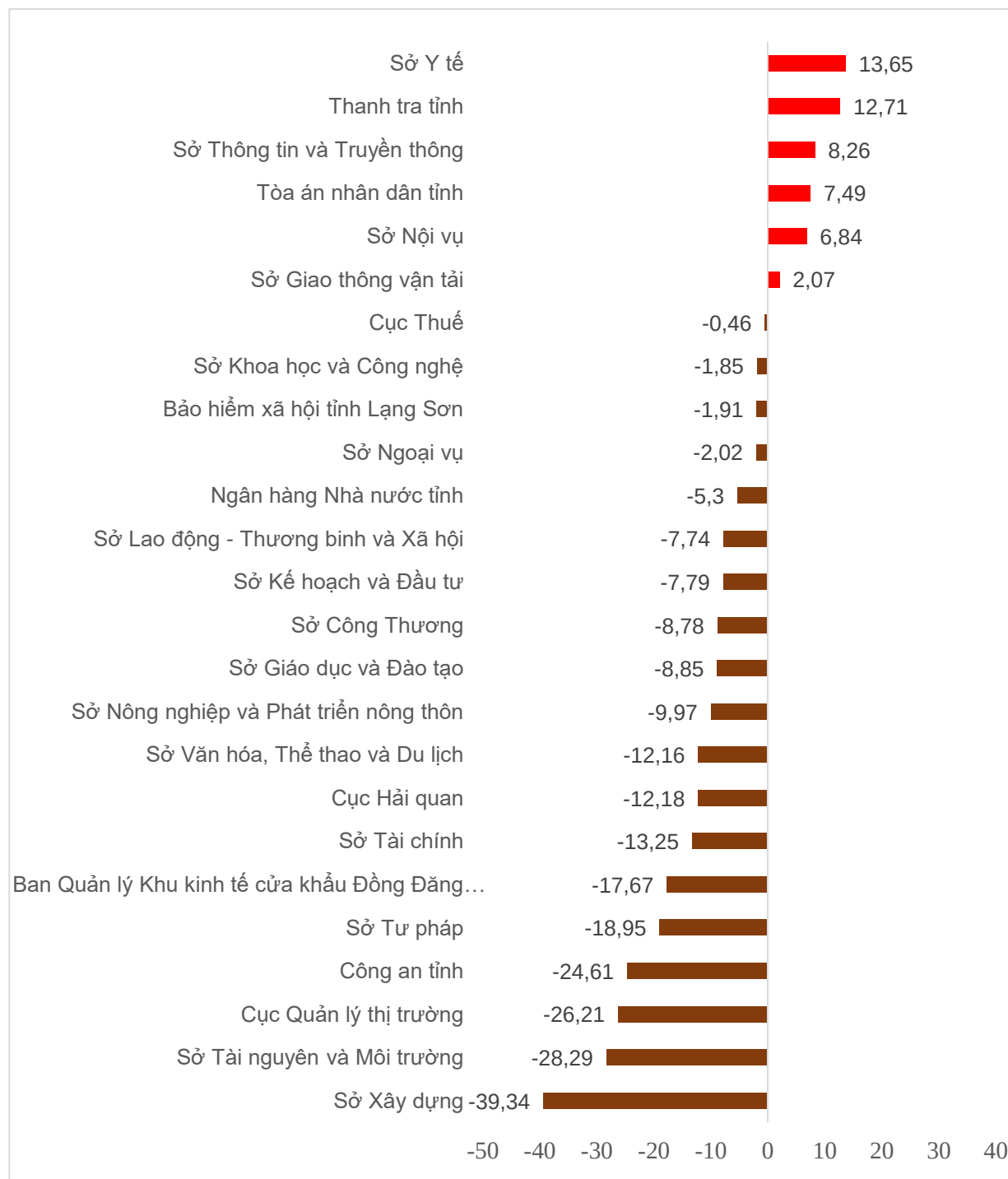
- Nhóm thứ tư là nhóm SBN có phổ điểm trung bình từ 53,5 đến 69,88 điểm, bao gồm 06/25 SBN: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch [18] – 69,88 điểm, Sở Tư pháp [19] – 68,39 điểm, Cục Hải quan [20] – 61,11 điểm, Công an tỉnh [21] – 56,88 điểm, Cục Quản lý thị trường [22] – 54,82 điểm và Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn [23] với 53,4 điểm.

- Nhóm cuối cùng là nhóm các SBN có điểm số dưới mức trung bình, từ 50 điểm trở xuống, bao gồm 02/25 SBN: Sở Tài nguyên và Môi trường [24] – 46,5 điểm và Sở Xây dựng [25] – 37,86 điểm.

Hình 3.1. Xếp hạng và điểm số chỉ số DDCI 2024 khối Sở, ban, ngành



Hình 3.2. Mức độ cải thiện điểm số DDCI của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023



Điểm trung vị của khối SBN tỉnh Lạng Sơn năm 2024 là 77,11 điểm, có xu hướng giảm so với 2023 (81,03 điểm) nhưng cao hơn số điểm của năm 2022 (75,99 điểm). Cũng giống với bảng xếp hạng của khối UBND huyện, thành phố, điểm DDCI của khối SBN giảm có thể mang đến nhận định chủ quan cho rằng năng lực cạnh tranh của khối SBN đang

có xu hướng giảm, tuy nhiên, lý do tương đương đến từ việc áp dụng bộ chỉ số DDCI 2024 mới cùng với việc bổ sung thêm chỉ số thành phần (CSTP)⁹¹, đưa thêm vào nhiều tiêu chí đánh giá mới cập nhật, thực tiễn và thay đổi các trọng số⁹² CSTP (5%, 10%, 15%) trong tổng điểm xếp hạng DDCI đảm bảo tương thích cao nhất với chỉ số PCI, từ đó, cung cấp một góc nhìn mới cho việc đánh giá DDCI năm nay. Điểm số giữa SBN có vị trí xếp hạng cao nhất⁹³ và thấp nhất⁹⁴ có sự chênh lệch rất lớn (chênh 54,4 điểm) và đây là mức chênh cao hơn hẳn so với 2023 (chênh 16,70 điểm). Sự chênh lệch về điểm số DDCI giữa các SBN cho thấy sự khác biệt có xu hướng rõ rệt hơn giữa các SBN khi so sánh về năng lực cạnh tranh năm 2024.

Hình 3.2 minh họa mức cải thiện điểm số DDCI của SBN năm 2024 so với 2023, đồng thời, **Bảng 3.1** cung cấp mức điểm và xu hướng xếp hạng DDCI năm 2024 so với 2023. Thông qua các dữ liệu trong 02 năm liên tiếp, DDCI Lạng Sơn năm 2024 đối với khối SBN ghi nhận **03 xu hướng đáng chú ý** sau:

- *Xu hướng tăng trưởng* (tăng điểm, tăng bậc), ghi nhận mức tăng trưởng mạnh nhất thuộc về Sở Y tế với thành tích nổi bật trong năm 2024 (tăng 13,65 điểm; tăng 20 bậc) chuyển mình từ vị trí cuối cùng trong bảng xếp hạng 2023 lên Top4 trong năm nay. Tiếp theo trong cùng xu hướng là Thanh tra tỉnh (tăng 12,71 điểm) nhảy vọt 17 bậc và Tòa án nhân dân tỉnh (tăng 7,49 điểm, tăng 16 bậc). Sở Giao thông vận tải cũng có một năm tăng trưởng mạnh (tăng 2,07 điểm; tăng 11 bậc), Sở Nội vụ (tăng 6,84 điểm; tăng 8 bậc) và Sở Thông tin truyền thông (tăng 8,26 điểm; tăng 4 bậc);

- *Xu hướng phát triển*, ghi nhận một số SBN có mức giảm điểm nhẹ không đáng kể nhưng tăng bậc đáng kể, bao gồm: Cục Thuế (giảm 0,46 điểm; tăng 8 bậc), Sở Ngoại vụ (giảm 2,02 điểm), Bảo hiểm xã hội tỉnh (giảm 1,91 điểm) cùng ghi nhận tăng 4 bậc trên bảng xếp hạng năm nay;

- *Xu hướng cải thiện* (tăng bậc), ghi nhận một số SBN tuy trên đà giảm điểm chung của năm 2024 nhưng vẫn đạt được sự cải thiện về thứ bậc trong bảng xếp hạng DDCI 2024 khối SBN, bao gồm: BQL Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn (giảm 17,67 điểm), Cục Hải quan (giảm 12,18 điểm), Sở Công Thương (giảm 8,78 điểm) và Sở Khoa học và Công nghệ (giảm 1,85 điểm) cùng ghi nhận tăng 2 bậc;

- *Xu hướng suy thoái* (giảm điểm, giảm bậc), ghi nhận một số SBN sụt giảm điểm số năng lực cạnh tranh và giảm cả thứ bậc trên bảng xếp hạng, bao gồm: Mức giảm cao nhất ghi nhận tại Sở Tư pháp (giảm 18,95 điểm; giảm 17 bậc), tiếp theo là Sở Tài chính (giảm 13,25 điểm; giảm 12 bậc), Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch (giảm 12,16 điểm), Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (giảm 9,97 điểm; giảm 11 bậc), Sở Kế hoạch và Đầu tư (giảm 7,79 điểm), Cục Quản lý thị trường (giảm 26,21 điểm) và Công an tỉnh (giảm 24,61 điểm) đều ghi nhận giảm 9 bậc. Tiếp theo, có Sở Lao động - Thương binh và Xã hội (giảm 7,74 điểm; giảm 7 bậc), Sở Giáo dục và Đào tạo (giảm 8,85 điểm; giảm 6 bậc), Ngân hàng

⁹¹ DDCI Lạng Sơn 2024 khối UBND huyện và thành phố bổ sung thêm CSTP Ứng dụng CNTT

⁹² DDCI Lạng Sơn 2023 áp dụng phương pháp trọng số bình quân với mỗi CSTP có trọng số bằng nhau là 12,5%

⁹³ Thanh tra tỉnh (92,26 điểm)

⁹⁴ Sở Xây dựng (37,86 điểm)

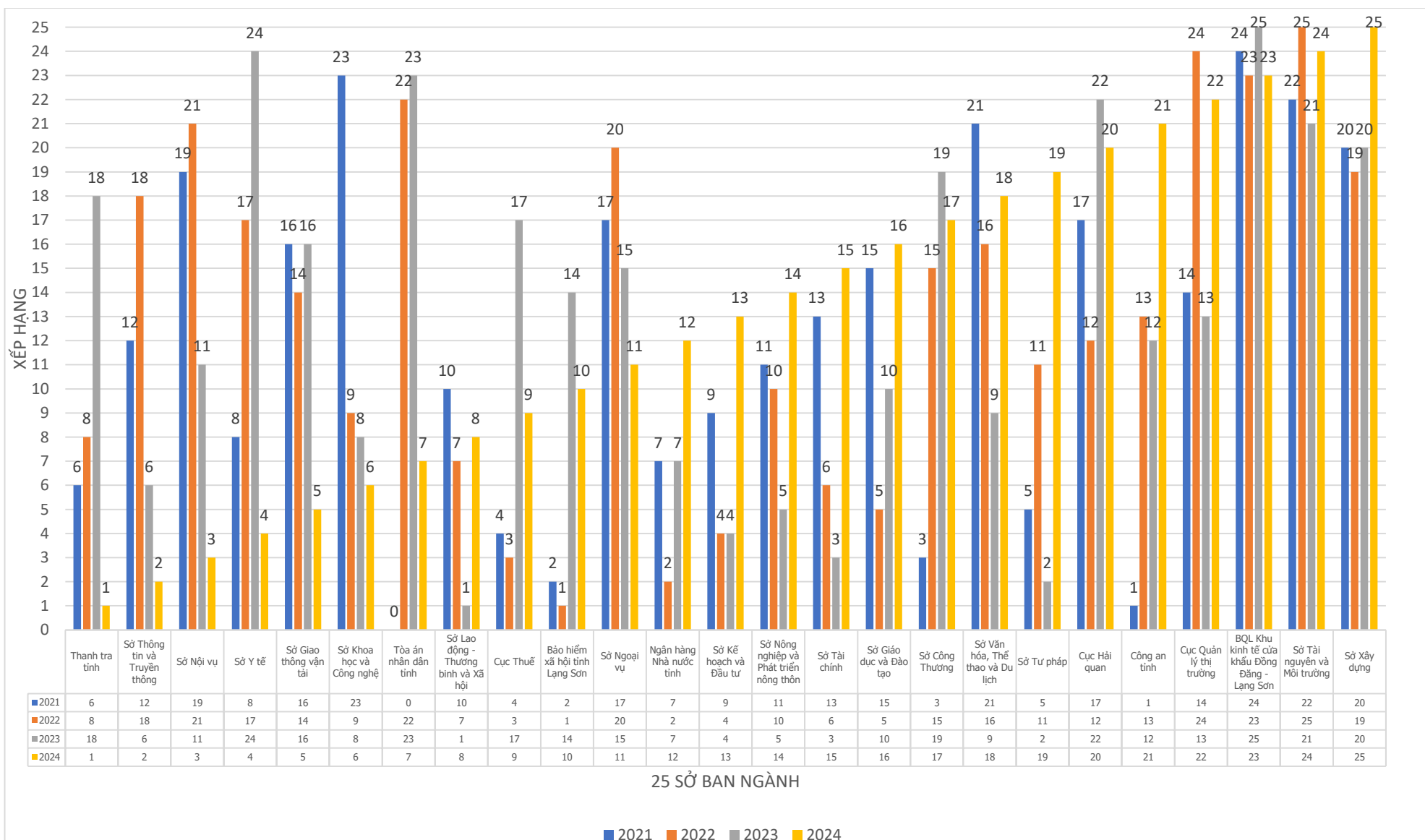
nhà nước tỉnh (giảm 5,3 điểm) và Sở xây dựng (giảm 39,34 điểm) cùng giảm 05 bậc và Sở Tài nguyên Môi trường (giảm 28,29 điểm; giảm 3 bậc).

Bảng 3.1. Mức điểm và Xu hướng xếp hạng DDCI 2024 so với 2023 của khối Sở, ban, ngành

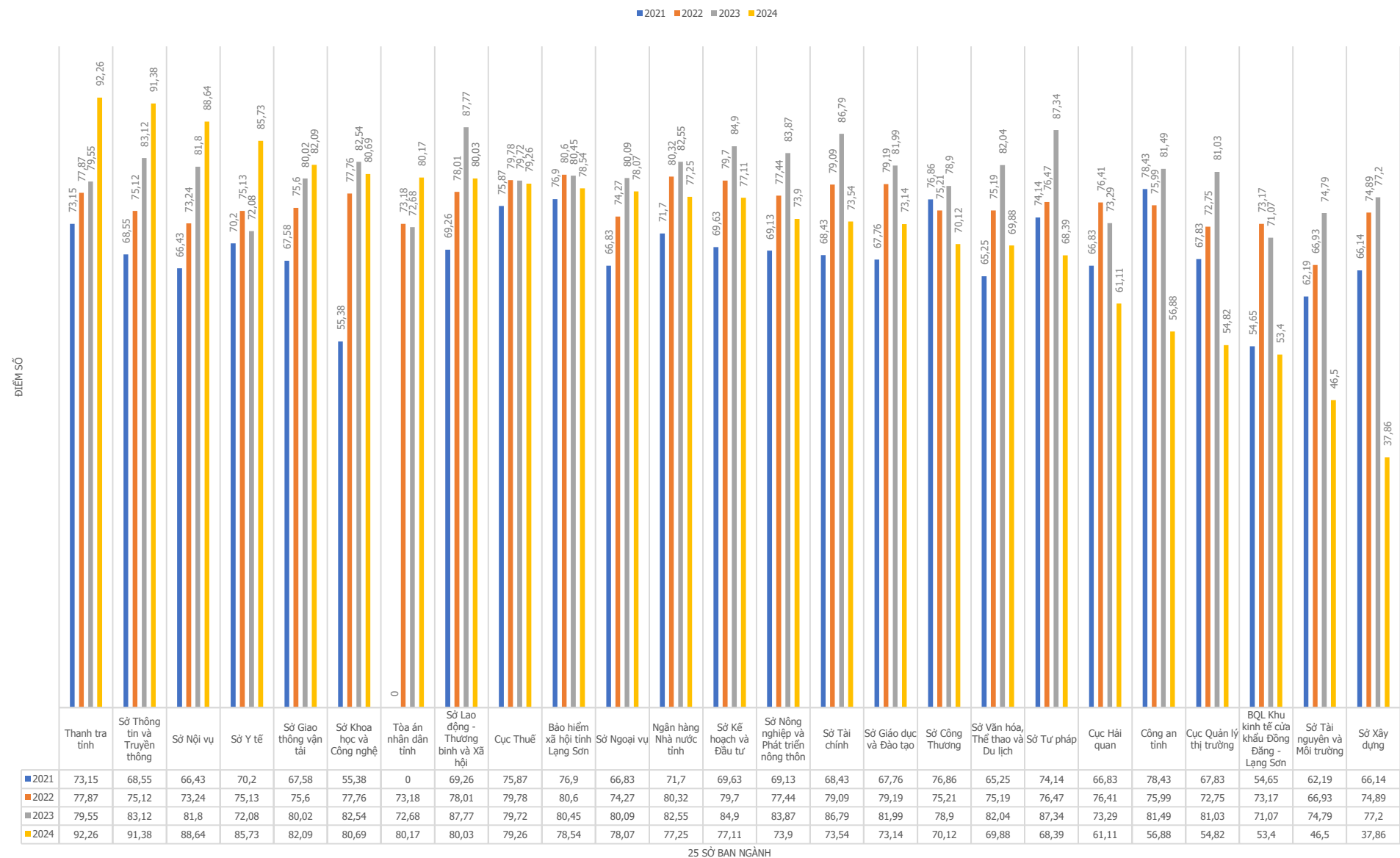
STT	Sở Ban Ngành	2023		2024		Xu hướng thay đổi thứ hạng 2023-2024
		Điểm số	Xếp hạng	Điểm số	Xếp hạng	
1	Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn	80.45	14	78.54	10	+4
2	BQL Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	71.07	25	53.4	23	+2
3	Công an tỉnh	81.49	12	56.88	21	-9
4	Cục Hải quan	73.29	22	61.11	20	+2
5	Cục Quản lý thị trường	81.03	13	54.82	22	-9
6	Cục Thuế	79.72	17	79.26	9	+8
7	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	82.55	7	77.25	12	-5
8	Sở Công Thương	78.9	19	70.12	17	+2
9	Sở Giáo dục và Đào tạo	81.99	10	73.14	16	-6
10	Sở Giao thông vận tải	80.02	16	82.09	5	+11
11	Sở Kế hoạch và Đầu tư	84.9	4	77.11	13	-9
12	Sở Khoa học và Công nghệ	82.54	8	80.69	6	2
13	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	87.77	1	80.03	8	-7
14	Sở Ngoại vụ	80.09	15	78.07	11	+4
15	Sở Nội vụ	81.8	11	88.64	3	+8
16	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	83.87	5	73.9	14	-9
17	Sở Tài chính	86.79	3	73.54	15	-12
18	Sở Tài nguyên và Môi trường	74.79	21	46.5	24	-3
19	Sở Thông tin và Truyền thông	83.12	6	91.38	2	+4
20	Sở Tư pháp	87.34	2	68.39	19	-17
21	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	82.04	9	69.88	18	-9
22	Sở Xây dựng	77.2	20	37.86	25	-5
23	Sở Y tế	72.08	24	85.73	4	+20
24	Thanh tra tỉnh	79.55	18	92.26	1	+17
25	Tòa án nhân dân tỉnh	72.68	23	80.17	7	+16

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm bậc trong thứ hạng; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng bậc trong thứ hạng

Hình 3.3. Xu hướng xếp hạng DDCI khối Sở, ban, ngành giai đoạn 2021-2024

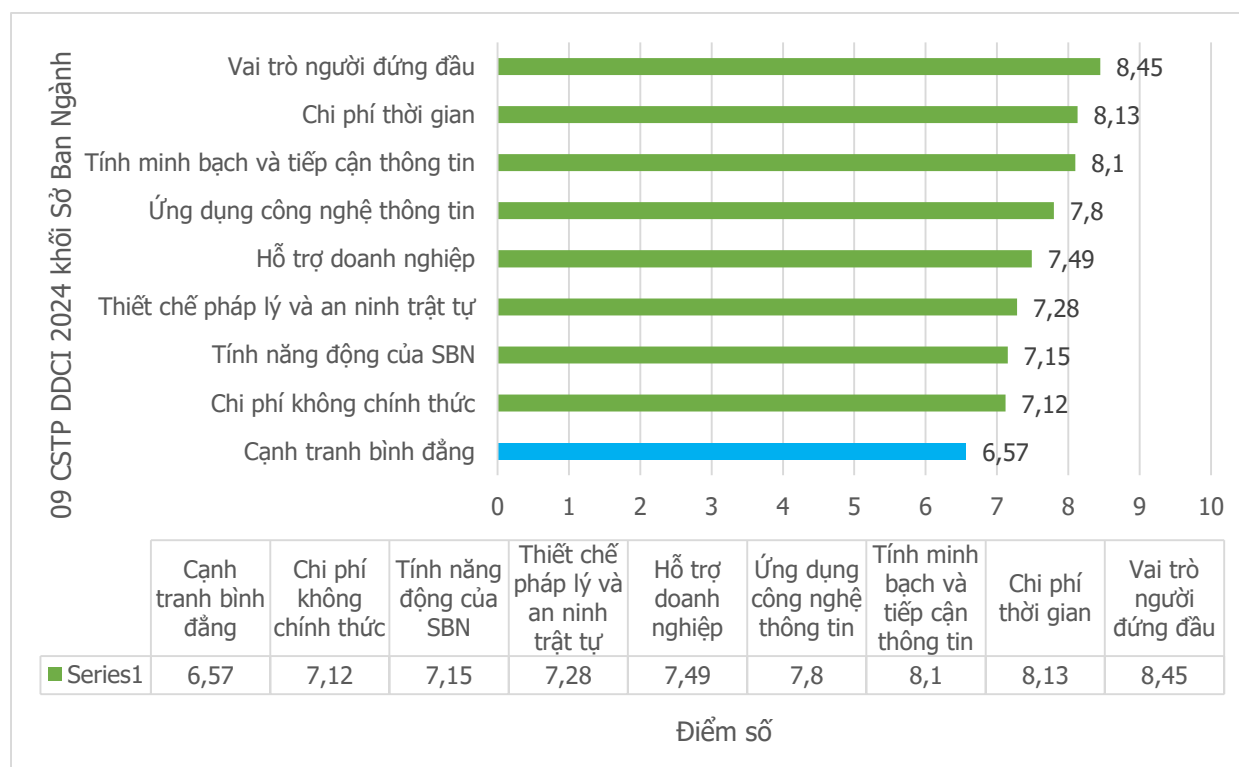


Hình 3.4. Xu hướng điểm số DDCI khối UBND huyện, thành phố giai đoạn 2021-2014



Hình 3.3 và **Hình 3.4** cung cấp các số liệu về xu hướng xếp hạng và điểm số DDCI khối SBN tỉnh Lạng Sơn trong 04 năm giai đoạn 2021– 2024, qua đó, dễ thấy, có một số SBN duy trì năng lực cạnh tranh với mức độ ổn định cao và tích cực là Thanh tra tỉnh, Sở Y tế, Tòa án nhân dân tỉnh, Cục thuế, Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn và Ngân hàng nhà nước tỉnh, mức điểm DDCI luôn duy trì trên 70 điểm và Sở Lao động thương binh và Xã hội luôn duy trì mức xếp hạng Top10 của toàn tỉnh. Đây là mức thành tích đáng được ghi nhận và cần được tiếp tục phát huy.

Hình 3.5. Điểm số 09 chỉ số thành phần DDCI 2024 khối SBN



Hình 3.5 minh họa điểm số 09 CSTP DDCI 2024 của khối SBN; **Hình 3.6** cung cấp mức độ cải thiện điểm của 08 CSTP được kế thừa từ 2023 so với 2024 và **Hình 3.7** đưa ra cái nhìn trực quan so sánh điểm trung vị của các CSTP 2024 so với 2023. Có 02/09⁹⁵ CSTP cải thiện điểm tăng nhẹ so với năm trước và 06/10⁹⁶ CSTP giảm điểm và 01/10 CSTP mới nên không đưa ra mức so sánh. Tất cả các CSTP đều đạt mức điểm trên 06 điểm cho thấy các tiêu chuẩn về năng lực cạnh tranh đối với từng chỉ số đều đã và đang nằm ở nửa trên và vượt ngưỡng trung bình. Mức chênh lệch giữa CSTP có điểm cao nhất⁹⁷ và CSTP có điểm thấp nhất⁹⁸ ở mức đáng kể (chênh 2,16 điểm). Điều đáng chú ý là có đến 03/09 CSTP đạt mức trên 08 điểm, bao gồm: Vai trò người đứng

⁹⁵ Bao gồm: CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp và Chi phí thời gian

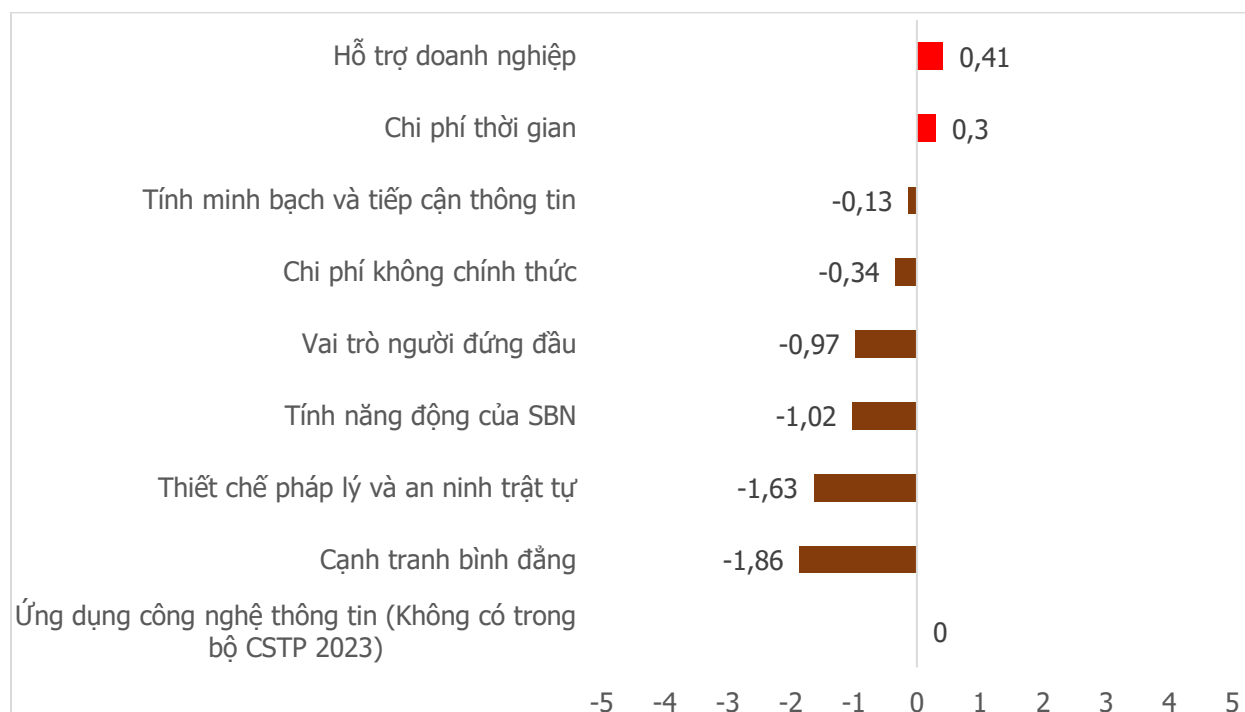
⁹⁶ Bao gồm: CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin, Chi phí không chính thức, Vai trò người đứng đầu, Tính năng động và hiệu lực của SBN, Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự, Cạnh tranh bình đẳng

⁹⁷ CSTP Vai trò người đứng đầu: 8,45 điểm

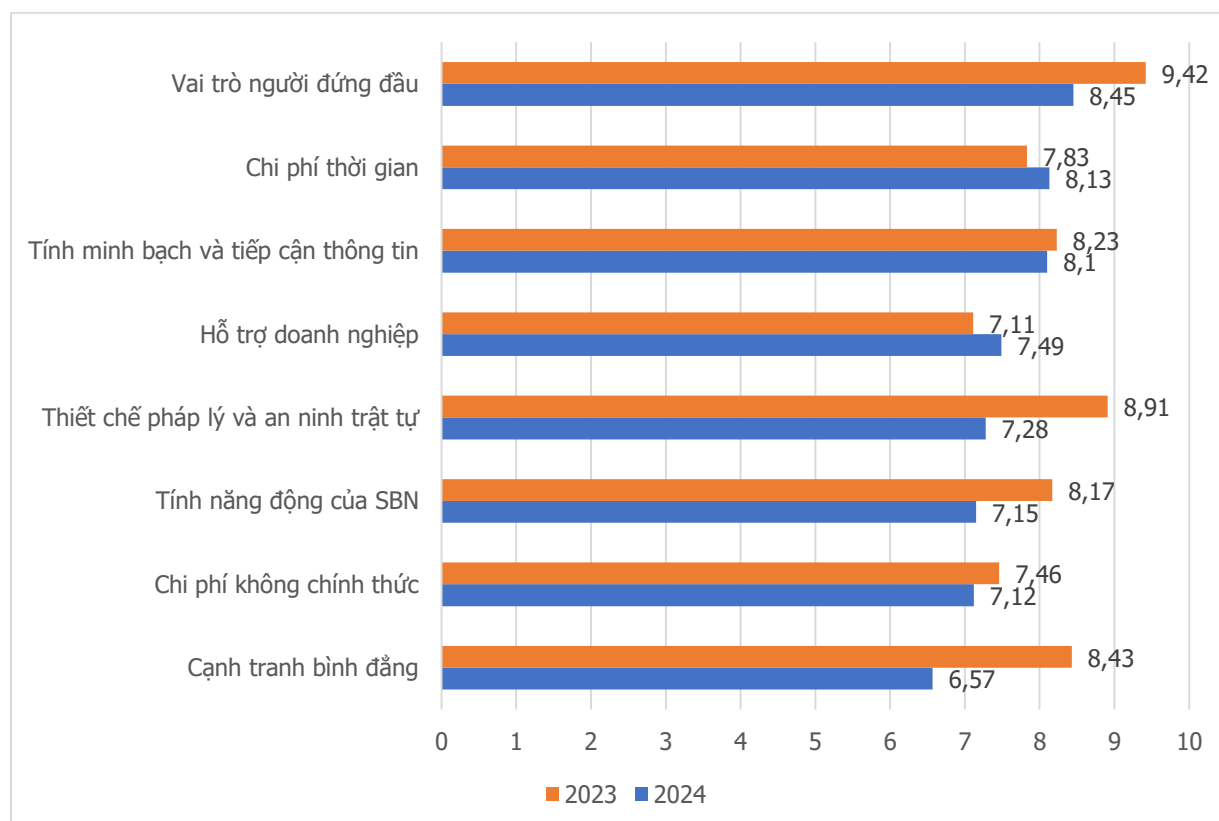
⁹⁸ CSTP Cạnh tranh bình đẳng: 6,57 điểm

đầu với 8,45 điểm; Chi phí thời gian với 8,13 điểm; Tính minh bạch và tiếp cận thông tin với 8,1 điểm.

Hình 3.6. Mức độ cải thiện điểm số của 09 chỉ số thành phần DDCI khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023



Hình 3.7. So sánh điểm trung vị của 10 chỉ số thành phần DDCI Sở, ban, ngành 2024 so với 2023



3.2. Kết quả đánh giá theo từng chỉ số thành phần của DDCI khối Sở, ban, ngành giai đoạn 2021-2024

Sử dụng các dữ liệu đánh giá DDCI Lạng Sơn giai đoạn 2021 – 2024, căn cứ trên sự thay đổi điểm số của 08 CSTP của bộ chỉ số DDCI tại **Hình 3.8** trên đây, nhận thấy DDCI Lạng Sơn có một số nét chính trong năng lực cạnh tranh khối SBN, như sau:

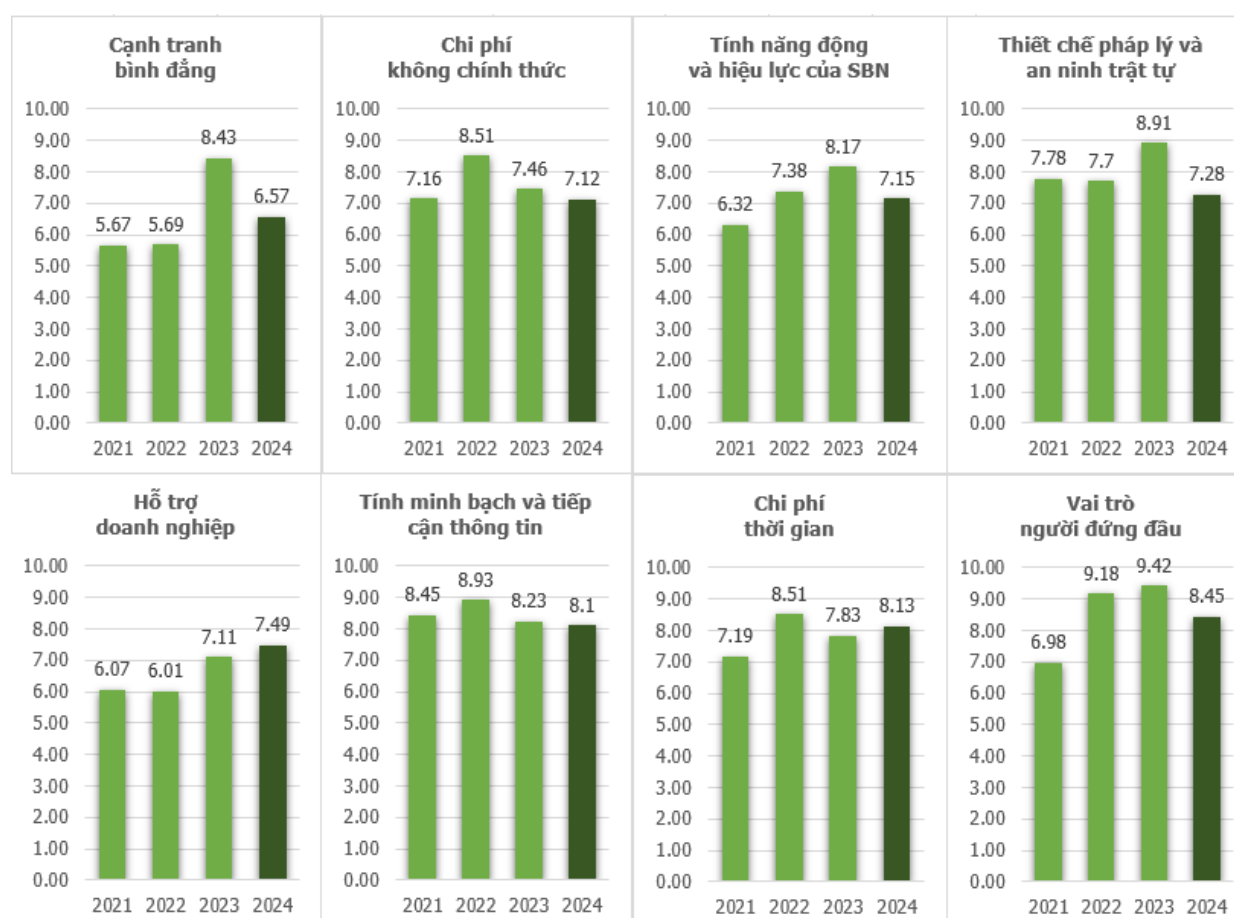
07 điểm cần phát huy:

- Chi phí không chính thức có xu hướng tăng lên;
- Tính năng động và hiệu lực cần được tiếp tục phát huy mạnh mẽ;
- Công tác hỗ trợ doanh nghiệp có xu hướng phát triển liên tục;
- Tính minh bạch và tiếp cận thông tin duy trì một nền tảng tốt để nhay vọt;
- Cải cách hành chính hiệu quả làm chi phí thời gian giảm đáng kể;
- Lãnh đạo các SBN phát huy được vai trò một cách rõ nét và ổn định;
- Ứng dụng công nghệ làm thông tin thân thiện hơn với cộng đồng doanh nghiệp;

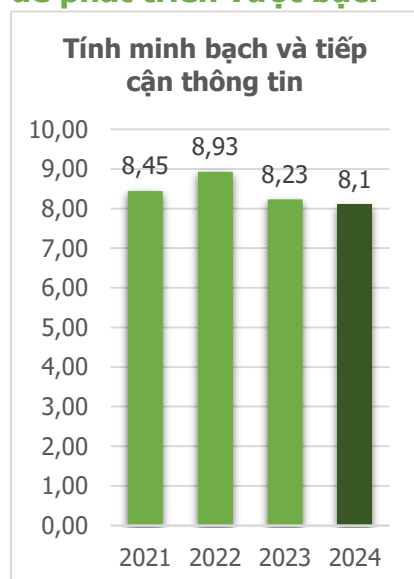
02 điểm cần cải thiện:

- Sự bình đẳng trong môi trường cạnh tranh có dấu hiệu giảm;
- Doanh nghiệp cần thêm các chính sách hỗ sách về thiết chế pháp lý và an ninh trật tự để an tâm sản xuất kinh doanh.

Hình 3.8. Xu hướng các chỉ số thành phần DDCI khối Sở, ban, ngành giai đoạn 2021-2024



3.2.1. Tính minh bạch và tiếp cận thông tin đang duy trì một nền móng tốt để phát triển vượt bậc.



Đẩy mạnh tính minh bạch không chỉ là quyết tâm mà còn là nỗ lực của UBND tỉnh Lạng Sơn cùng các SBN trực thuộc UBND tỉnh⁹⁹. Năm 2023, chỉ số Tính minh bạch của tỉnh Lạng Sơn trong bảng xếp hạng PCI giảm điểm nhiều nên bộ tiêu chí đánh giá DDCI đối với CSTP đã có nhiều cải tiến với các tình huống cụ thể nhưng gần gũi với PCI hơn nữa nhằm không chỉ đưa ra các nhận định để cải thiện DDCI cho khối SBN mà còn giúp mở rộng góc nhìn chân thực từ cộng đồng DN cho chỉ số PCI Lạng Sơn 2024.

Tính đến Quý 3/2024, sau khi các TTHC được công bố, UBND tỉnh đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị hành chính trong toàn tỉnh tổ chức cập nhật và công khai 327/327 TTHC¹⁰⁰ trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC tại Cổng

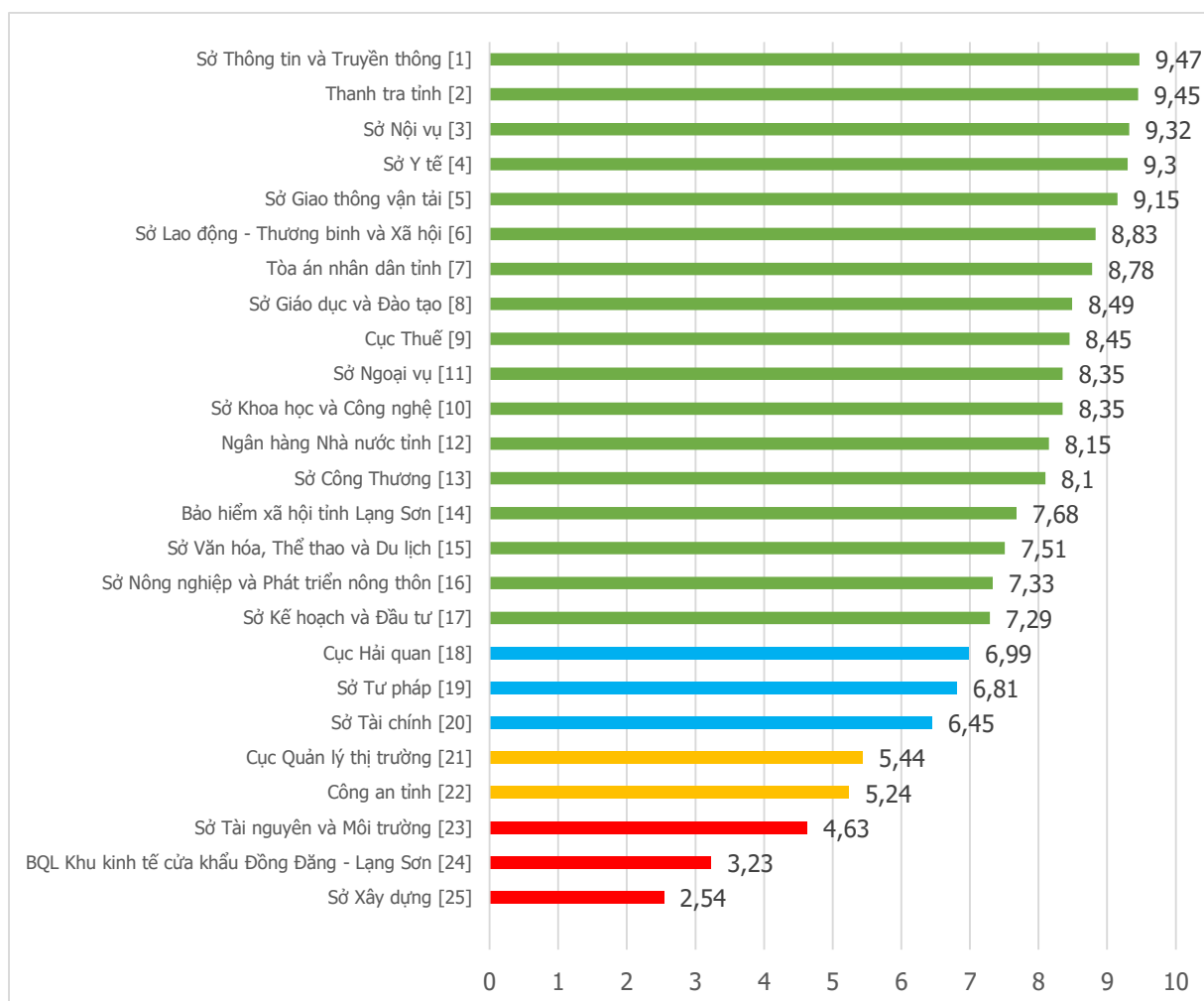
Dịch vụ công Quốc gia và đăng tải kịp thời lên Cổng thông tin điện tử của tỉnh theo quy định. Đồng thời, 100% cơ quan, đơn vị có TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết đều niêm yết đầy đủ TTHC bằng nhiều cách như: niêm yết trên bảng gắn tường, đóng quyển đặt tại vị trí thích hợp, dễ quan sát...; 100% sở, ban, ngành và UBND cấp huyện đang công khai niêm yết tại trang thông tin điện tử của đơn vị mình, đặc biệt, nhiều cơ quan, đơn vị đã thực hiện niêm yết công khai TTHC bằng mã QR-Code.

Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin đạt 8,1 điểm và nằm trong nhóm 03 CSTP đứng đầu có điểm số trên 08 điểm. Năm 2024 ghi nhận điểm của chỉ số này giảm nhẹ (giảm 0,13 điểm) so với 2023 nhưng vẫn là một mức điểm tốt, đánh dấu 04 năm liên tiếp CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin đạt trên 08 điểm tạo một nền móng tốt để bứt phá vào những năm tiếp theo.

⁹⁹ Lạng Sơn: Hướng tới môi trường kinh doanh minh bạch, thuận lợi nhất (2024). Diễn đàn doanh nghiệp. Nguồn: <https://diendandoanhnghiep.vn/lang-son-huong-toi-moi-truong-kinh-doanh-minh-bach-thuan-loi-nhat-10145887.html>

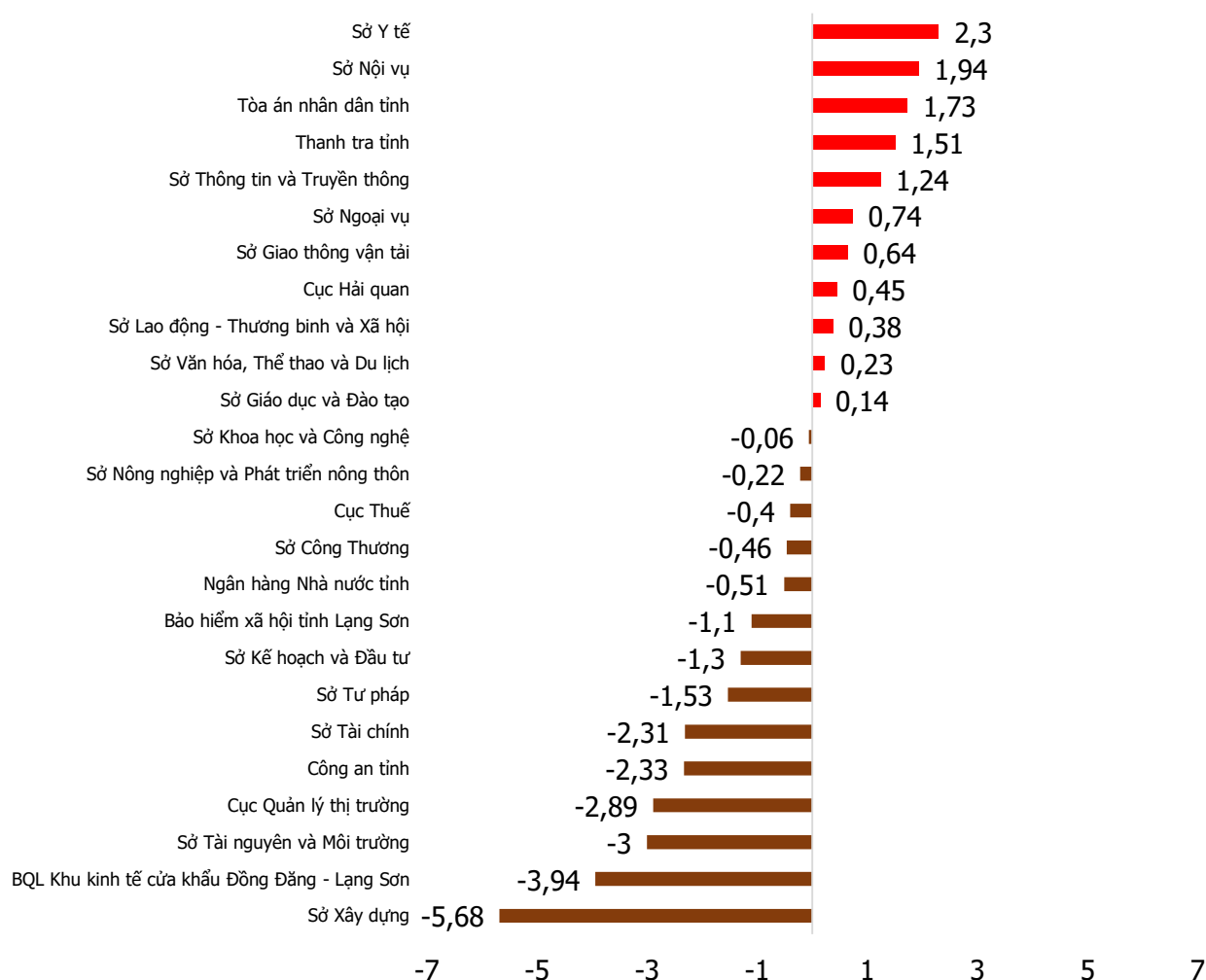
¹⁰⁰ Kết quả công tác kiểm soát thủ tục hành chính, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn quý III năm 2024. Nguồn: <https://hanhchinhcong.langson.gov.vn/tin-tuc-su-kien/tin-hoat-dong/ket-qua-cong-tac-kiem-soat-thu-tuc-hanh-chinh-thuc-hie-n-co-che-mo-t-cu-a-mo-t-cu-a-lien-thong-va-thuc-hien-thu-tuc-hanh2.html>

Hình 3.9. Xếp hạng và điểm số CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối Sở, ban, ngành



Hình 3.9 minh họa bảng xếp hạng và điểm số CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối UBND huyện, thành phố. Dẫn đầu trong bảng xếp hạng là 05 SBN với mức điểm của chỉ số lớn hơn 09 điểm, bao gồm: Sở Thông tin và Truyền thông [01] với 9,47 điểm, Thanh tra tỉnh [02] với 9,45 điểm, Sở Nội Vụ [03] với 9,32 điểm, Sở Y tế [04] với 9,3 điểm và Sở Giao thông vận tải [05] với 9,15 điểm; Nhóm thứ hai là nhóm 08 SBN xếp hạng [06] – [13] trong phạm vi điểm từ 8,1 điểm đến 8,83 điểm, bao gồm: Sở Lao động – Thương binh và Xã hội [06], Tòa án nhân dân tỉnh [07], Sở Giáo dục và Đào tạo [8], Cục Thuế [9], Sở Khoa học và Công nghệ [10], Sở Ngoại vụ [11], Ngân hàng Nhà nước tỉnh [12] và Sở Công Thương [13]; Nhóm thứ ba là nhóm 09 SBN xếp hạng [14] – [22] trong phạm vi điểm trung bình khá từ 5,24 đến 7,68, bao gồm: Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn [14], Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch [15], Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [16], Sở Kế hoạch và Đầu tư [17], Cục Hải quan [18], Sở Tư pháp [19], Sở Tài chính [20], Cục Quản lý thị trường [21], Công an tỉnh [22]; Nhóm cuối cùng trong bảng xếp hạng bao gồm 03 SBN có mức điểm dưới trung bình, bao gồm: Sở Tài nguyên và Môi trường [23] với 4,63 điểm, BQL Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn [24] với 3,23 điểm và Sở Xây dựng [25] với 2,54 điểm.

Hình 3.10. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023



Có sự chênh lệch lớn giữa SBN có điểm cao nhất¹⁰¹ và thấp nhất¹⁰² (chênh 6,93 điểm). Đồng thời, mức độ cải thiện điểm CSTP tại **Hình 3.10** cho thấy một sự cân bằng giữa nhóm cải thiện tăng và cải thiện giảm, cụ thể có 11/25 SBN có mức cải thiện điểm tăng và có đến 14/25 SBN có mức cải thiện điểm giảm. Mức tăng lớn nhất cho khối SBN trong CSTP này ghi nhận là Sở Y tế (tăng 2,3 điểm) và ngược lại, Sở Xây dựng ghi nhận sự giảm điểm mạnh mẽ (giảm 5,68 điểm) và BQL Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn (giảm 3,94 điểm) cũng là hai đơn vị đứng cuối trong bảng xếp hạng chỉ số của khối SBN.

Chỉ số Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của khối SBN được đánh giá thông qua 14 câu hỏi. Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 3.2**, cái nhìn toàn cảnh về Tính minh bạch và tiếp cận thông tin của SBN được làm rõ ràng về những điểm cần phát huy và những vấn đề cần cải thiện.

Tất cả các tiêu chí đánh giá về việc tiếp cận thông tin đều được cộng đồng doanh nghiệp đánh giá cao (trên 90%) về mức độ dễ dàng tiếp cận, kết quả này phù hợp với

¹⁰¹ Sở Thông tin và Truyền thông (9,47 điểm)

¹⁰² Sở Xây dựng (2,54 điểm)

chỉ đạo của UBND tỉnh trong việc công bố, công khai thủ tục hành chính trên địa bàn toàn tỉnh ngày từ quý 1/2024¹⁰³. Cụ thể như: các tài liệu về phân bổ thu chi ngân sách là dễ tiếp cận (90,64% DN đồng ý); dễ dàng tiếp cận các kế hoạch và chương trình phát triển KT-XH là dễ tiếp cận (92,35% DN đồng ý); dễ dàng tiếp cận các thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, mua sắm công của SBN (91,16% DN đồng ý); và đặc biệt, có 94,16% DN cho rằng việc tiếp cận các thông tin về văn bản pháp luật, thủ tục hành chính, cơ chế chính sách “mới” là dễ tiếp cận. Thêm vào đó, các thông tin minh bạch được niêm yết đầy đủ, công khai tại bảng thông tin và/hoặc công thông tin điện tử của SBN (98,68% DN ghi nhận) giúp việc tiếp cận thông tin của DN càng thuận lợi. Chất lượng thông tin cũng là một tín hiệu tích cực từ góc nhìn của cộng đồng DN, ví dụ như: 98,13% DN nhận định các quy trình thủ tục hành chính là dễ hiểu, dễ thực hiện, 99,03% DN nhận định các phí, lệ phí là công khai minh bạch, 97,02% DN nhận định các thủ tục giấy tờ là đơn giản.

Bên cạnh đó, các thông tin liên quan đến với cộng đồng doanh nghiệp cũng được ghi nhận là dễ tiếp cận và có tính minh bạch cao, cụ thể: có 92,82% DN đánh giá việc tiếp cận các thông tin về chính sách ưu đãi, chương trình hỗ trợ cho DN là dễ dàng tiếp cận và thường xuyên được đăng tải trên các công thông tin của tỉnh, ví dụ như các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn của Sở Kế hoạch và Đầu tư¹⁰⁴, các thông báo về việc hỗ trợ doanh nghiệp¹⁰⁵,...; có 95,75% DN nhận được sự sẵn sàng từ phía SBN trong việc cung cấp thông tin, văn bản (trừ thông tin bí mật nhà nước) không có sẵn trên kênh đại chúng khi DN đưa ra đề nghị; Ngoài ra, có 93,89% DN ghi nhận có thể tiếp cận dễ dàng với các kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ của các SBN, việc này tạo sự chủ động cao cho DN, tránh gây ảnh hưởng đến các lịch trình sản xuất kinh doanh. Các cán bộ hướng dẫn tại các SBN cũng được đánh giá cao qua các đánh giá, ví dụ: 97,99% DN nhận thấy các cán bộ hướng dẫn tại SBN cung cấp lượng thông tin đầy đủ, rõ ràng, 97,60% DN cho rằng khi có vướng mắc liên quan đến thủ tục hành chính thì các cán bộ SBN sẽ hỗ trợ nhanh chóng, nhiệt tình.

Tuy nhiên, tỷ lệ DN cho rằng cần phải có “mối quan hệ” với CQĐP thì mới có thể dễ dàng tiếp cận được các thông tin và tài liệu vẫn đang ở mức 12,39%. Tỷ lệ này cần phải giảm xuống ở những năm tiếp vì đây là tiêu chí đang có tỷ lệ đánh giá thấp nhất trong toàn bộ các tiêu chí của CSTP này.

¹⁰³ Công bố, công khai thủ tục hành chính: Góp phần minh bạch hóa thông tin thủ tục (2024). Báo Lạng Sơn. Nguồn: <https://baolangson.vn/cong-bo-cong-khai-thu-tuc-hanh-chinh-gop-phan-minh-bach-hoa-thong-tin-thu-tuc-5008261.html>

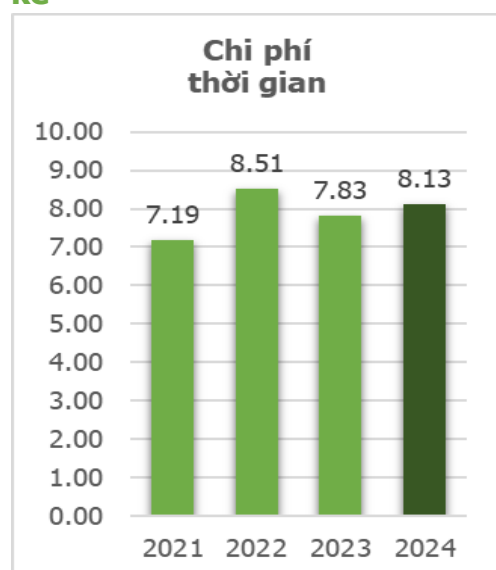
¹⁰⁴ Nghị quyết Ban hành Quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2024-2030 (2024). Nguồn: <https://sokhdt.langson.gov.vn/thong-tin-tong-hop/chinh-sach-uu-dai-dau-tu-cac-du-an-moi-goi-von-dau-tu/nghi-quyet-ban-hanh-quy-dinh-mot-so-chinh-sach-ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua-tren-dia-ban-tinh-lang-son-giai-doan-2024-.html>

¹⁰⁵ Thông báo về việc hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị (2024). Nguồn: <https://langsontrade.vn/doanh-nghiep/thong-tin-doanh-nghiep/thong-bao-ve-viec-ho-tro-doanh-nghiep-nho-va-vua-tren-dia-ban-tinh-lang-son-tham-gia-cum-lien-ket-nganh-chuoi-gia-tri-nam-2024-11355>

Bảng 3.2. Kết quả đánh giá CSTP Tính minh bạch và tiếp cận thông tin khối SBN

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[1.1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá việc tiếp cận các tài liệu về phân bổ thu chi ngân sách là rất dễ hoặc dễ tiếp cận (%)	Trung bình	90,64
	Cao nhất	97,7
	Thấp nhất	71,43
[1.2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá việc tiếp cận các kế hoạch, chương trình phát triển Kinh tế - Xã hội là rất dễ hoặc dễ tiếp cận (%)	Trung bình	92,35
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	75
[1.3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá việc tiếp cận các thông tin về dự án, hạng mục đầu tư, mua sắm công của SBN là rất dễ hoặc dễ tiếp cận (%)	Trung bình	91,16
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	75
[1.4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá việc tiếp cận các thông tin về văn bản pháp luật, thủ tục hành chính, cơ chế chính sách mới là rất dễ hoặc dễ tiếp cận (%)	Trung bình	94,16
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	84,85
[1.5]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá việc tiếp cận các thông tin về thông tin về chính sách ưu đãi, chương trình hỗ trợ cho doanh nghiệp là rất dễ hoặc dễ tiếp cận (%)	Trung bình	92,82
	Cao nhất	98,85
	Thấp nhất	78,57
[1.6]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá việc tiếp cận các kế hoạch thanh tra, kiểm tra định kỳ của SBN là rất dễ hoặc dễ tiếp cận (%)	Trung bình	93,80
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	82,14
[2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng không cần có "mối quan hệ" với SBN để tiếp cận các thông tin, tài liệu một cách dễ dàng, thuận lợi (%)	Trung bình	87,61
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	72,41
[3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng SBN sẵn sàng cung cấp thông tin, văn bản (trừ thông tin bí mật nhà nước) không có sẵn trên kênh đại chúng khi DN/HTX/HKD đề nghị (%)	Trung bình	95,75
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	87,88
[4.1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định các thủ tục hành chính được niêm yết đầy đủ, công khai tại bảng thông tin và/hoặc cổng thông tin điện tử (%)	Trung bình	98,68
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	90,91
[4.2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định các quy trình thủ tục hành chính là dễ hiểu, dễ thực hiện (%)	Trung bình	98,13
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	90,91
[4.3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định các phí, lệ phí là công khai minh bạch (%)	Trung bình	99,03
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	96
[4.4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định các thủ tục giấy tờ là đơn giản (%)	Trung bình	97,02
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	87,88
[4.5]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng Cán bộ hướng dẫn Đơn vị giải quyết thủ tục hành chính đầy đủ, rõ ràng (%)	Trung bình	97,99
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	87,88
[4.6]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng Cán bộ hướng dẫn hồ sơ vướng mắc, giải quyết thủ tục hành chính cho Đơn vị nhanh chóng, nhiệt tình (%)	Trung bình	97,60
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	90,91

3.2.2. Cải cách hành chính hiệu quả làm chi phí thời gian của DN giảm đáng kể



Chỉ số Chi phí thời gian năm 2024 của khối SBN đạt 8,13 điểm, tăng 0,3 điểm so với năm 2023 và là CSTP cao điểm thứ hai trong nhóm 09 CSTP đánh giá khối SBN năm nay. Việc tăng điểm của chi phí thời gian khối SBN cho thấy công tác cải cách hành chính tại các SBN đang thực sự hiệu quả và mang đến nhiều lợi ích cho DN khi tương tác, làm việc cùng các SBN, từ đó tạo điều kiện cho DN phát triển một cách bài bản và chuẩn mực nhất.

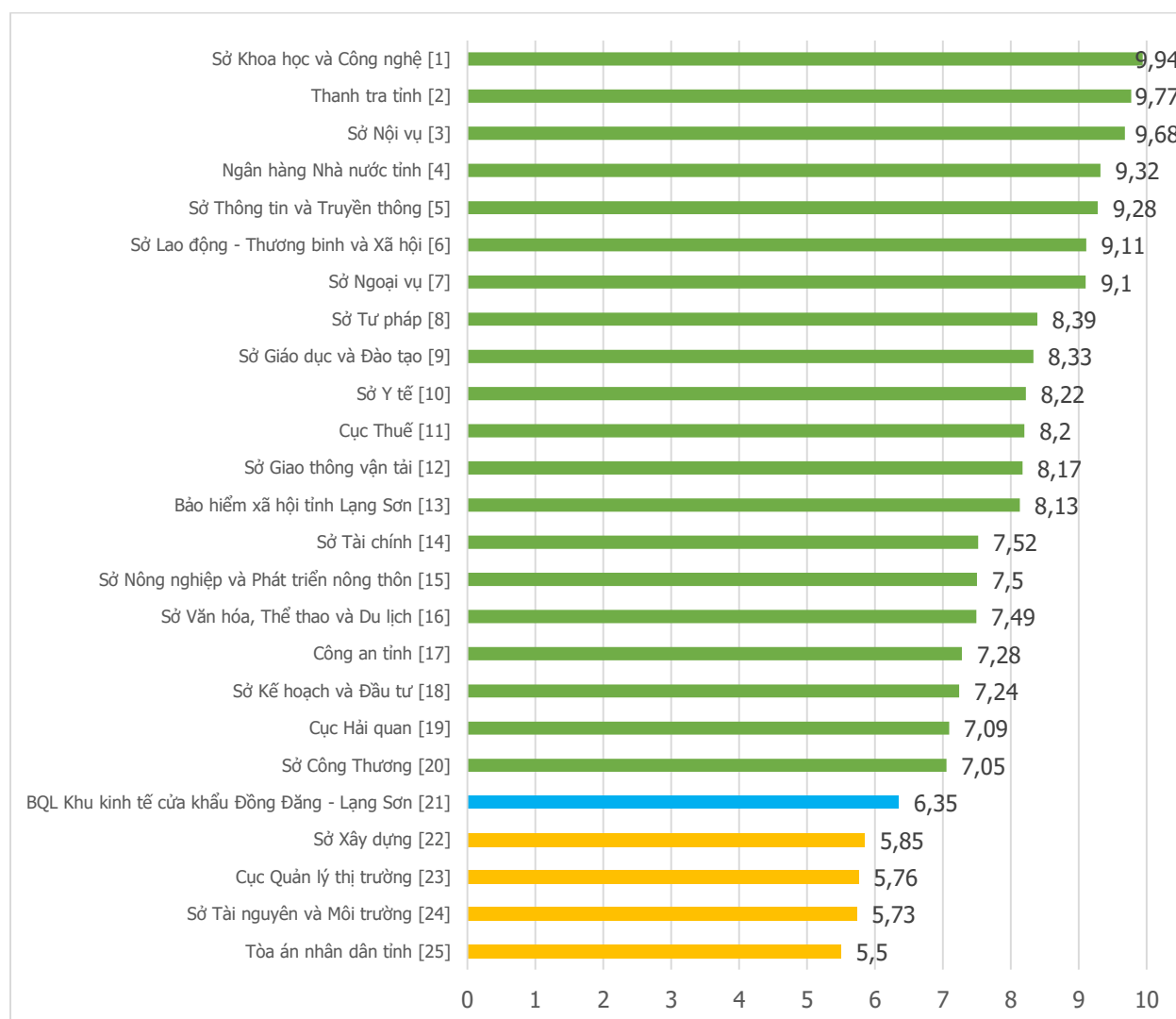
Năm 2024 ghi nhận nỗ lực cải cách hành chính của tỉnh Lạng Sơn nói chung và rất nhiều SBN trên địa bàn tỉnh nói riêng. Ngày 19/9/2024, UBND tỉnh đã công bố quyết định số 1693/QĐ-UBND về quy định xác định Chỉ số cải cách hành chính¹⁰⁶ cùng với nhiều hoạt động như: thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến¹⁰⁷ tạo dấu ấn về một năm cải cách TTHC mạnh mẽ, triển khai các giải pháp đồng bộ, quyết liệt nâng cao chất lượng cải cách hành chính¹⁰⁸. Sự chỉ đạo quyết liệt này đã được cộng đồng DN ghi nhận qua đánh giá mức độ chi phí thời gian mà DN phải bỏ ra trong năm qua đã giảm thiểu đáng kể so với những năm trước.

¹⁰⁶ Quyết định ban hành quy định xác định Chỉ số cải cách hành chính các sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh (2024). UBND tỉnh Lạng Sơn.

Nguồn: <https://langson.gov.vn/thong-tin-chi-dao-dieu-hanh/quyet-dinh-ban-hanh-quy-dinh-xac-dinh-chi-so-cai-cach-hanh-chinh-cac-so-ban-nganh-va-ubnd-cac-huyen-thanh-pho-tren-dia-b.html>

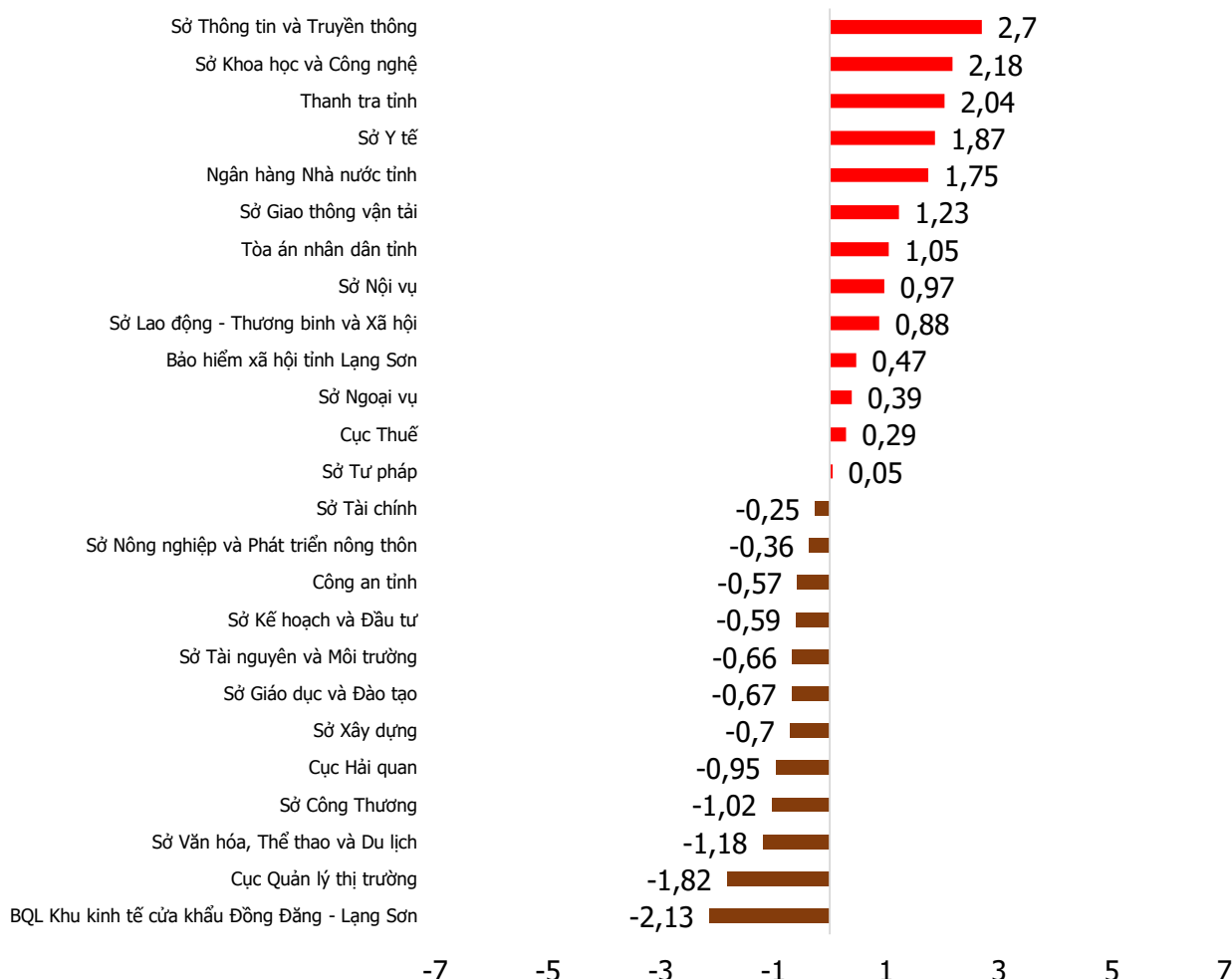
¹⁰⁷ Thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến: Dấu ấn cải cách thủ tục hành chính năm 2024. Đài truyền hình Lạng Sơn. Nguồn: <https://langsontv.vn/news/457/79299/thuc-day-dich-vu-cong-truc-tuyen-dau-an-cai-cach-thu-tuc-hanh-chinh-nam-2024>

¹⁰⁸ Lạng Sơn: Thực hiện các giải pháp đồng bộ, quyết liệt nâng cao chất lượng cải cách hành chính (2024). Tạp chí Thương hiệu & Công luận. Nguồn: <https://thuonghieucongluan.com.vn/lang-son-thuc-hien-cac-giai-phap-dong-bo-quyet-liet-nang-cao-chat-luong-cai-cach-hanh-chinh-a239883.html>

Hình 3.11. Xếp hạng và điểm số CSTP Chi phí thời gian của khối SBN

Hình 3.11 minh họa bảng xếp hạng và điểm số CSTP Chi phí thời gian của khối SBN. *Nhóm dẫn đầu* trong bảng xếp hạng bao gồm 07 SBN có mức điểm trên 09 điểm, bao gồm: Sở Khoa học và Công nghệ [1] với 9,94 điểm – một mức điểm ấn tượng gần như tuyệt đối, Thanh tra tỉnh [2] với 9,77 điểm, Sở Nội vụ [3] với 9,68 điểm, Ngân hàng Nhà nước tỉnh [4] với 9,32 điểm, Sở Thông tin và Truyền thông [5] với 9,28 điểm, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội [6] với 9,11 điểm và Sở Ngoại vụ [7] với 9,1 điểm; *Nhóm thứ hai* trong bảng xếp hạng là 06 SBN có mức điểm từ 08-09 điểm giữ lần lượt xếp hạng từ thứ [08] đến [13], bao gồm: Sở Tư pháp [8] Sở Giáo dục và Đào tạo [9] Sở Y tế [10] Cục Thuế [11] Sở Giao thông vận tải [12] Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn [13]; *Nhóm thứ ba* trong bảng xếp hạng ghi nhận 12 SBN đạt mức điểm khá và trung bình, bao gồm: Sở Tài chính [14], Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [15], Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch [16], Công an tỉnh [17], Sở Kế hoạch và Đầu tư [18], Cục Hải quan [19], Sở Công Thương [20], BQL Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn [21]; Trong đó, 04 SBN xếp cuối bảng là: Sở Xây dựng [22] với 5,85 điểm, Cục Quản lý thị trường [23] với 5,76 điểm, Sở Tài nguyên và Môi trường [24] với 5,73 điểm và Tòa án nhân dân tỉnh [25] với 5,5 điểm. Đối với CSTP Chi phí thời gian, không có SBN nào dưới điểm trung bình.

Hình 3.12. Mức độ cải thiện điểm chỉ số Chi phí thời gian của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023



Sự chênh lệch lớn giữa SBN có điểm cao nhất¹⁰⁹ và thấp nhất¹¹⁰ đối với CSTP Chi phí thời gian ở mức đáng kể nhưng là sự chênh lệch thấp nhất trong 09 CSTP năm nay (chênh 4,44 điểm). Dữ liệu này cho thấy cuộc cải cách hành chính trong khối SBN của tỉnh Lạng Sơn là toàn diện và đồng đều, từ đó, kết quả đạt được là thực chất, thống nhất và toàn diện. Đồng thời, mức độ cải thiện điểm CSTP tại **Hình 3.12** cho thấy một sự cân bằng giữa nhóm cải thiện tăng và cải thiện giảm, cụ thể có 13/25 SBN có mức cải thiện điểm tăng và có đến 12/25 SBN có mức cải thiện điểm giảm. Trục tăng có dấu hiệu khả quan hơn trục giảm. Mức tăng lớn nhất cho khối SBN trong CSTP này ghi nhận là Sở Thông tin truyền thông (tăng 2,7 điểm) và BQL Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn (giảm 2,13 điểm) là đơn vị có mức cải thiện điểm giảm cao nhất.

Chỉ số Chi phí thời gian của khối UBND các huyện, thành phố được đánh giá thông qua 08 câu hỏi. Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 3.2**, dễ thấy đa phần các tiêu chí đánh giá đều được cộng đồng DN ghi nhận ở mức cao (trên 90% đánh giá tích cực), thêm vào đó, nhiều SBN dành được sự tín nhiệm tuyệt đối của DN tương tác cùng tham gia đánh giá khi nhận được 100% đánh giá tốt. Tuy nhiên, một vấn đề cần nói đến trước tiên và vẫn là điểm đáng lưu ý nhất là thời gian giải quyết công việc TTCH của SN. Có 75,56% DN đánh giá thời gian giải quyết công việc

¹⁰⁹ Sở Khoa học và Công nghệ (9,94 điểm)

¹¹⁰ Tòa án nhân dân tỉnh (5,5 điểm)

TTCH của SBN là sớm hơn hoặc đúng so với giấy hẹn, tức là vẫn còn 24,44% DN không hài lòng với việc chậm hạn giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính của các SBN hiện nay.

Ngoài vấn đề về thời gian xử lý các hồ sơ, TTCH thì cơ bản DN dành sự hài lòng cao cho các nỗ lực cải cách hành chính của các SBN, cụ thể: Có 93,95% DN cho biết không phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục hành chính, đặc biệt phải kể đến: Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và Thanh tra tỉnh (100% DN đánh giá tốt); Có 95,92% DN cho rằng không có hiện tượng đùn đẩy công việc tại các SBN, DN có thể an tâm các vấn đề của mình được giải quyết triệt để, với sự góp mặt thêm của Sở Nội vụ và Sở Tư pháp trong danh sách các SBN được 100% DN đánh giá tốt tại tiêu chí.

Các hoạt động thanh tra, kiểm tra của SBN cũng đã có một năm làm việc hiệu quả và được DN ghi nhận cao. Có 92,71% DN đánh giá tần suất đón đoàn thanh tra, kiểm tra của SBN đến DN là bằng hoặc ít hơn 01 lần trong năm, và khi đón đoàn, không có hiện tượng những nhiễu (90,25% DN đánh giá) cũng như không gây ra cản trở đáng kể gì đến quá trình sản xuất kinh doanh của DN (90,66% DN đánh giá). Các SBN được đánh giá tuyệt đối tốt trong các hoạt động thanh tra, kiểm tra năm vừa qua ghi nhận có: Ngân hàng Nhà nước tỉnh, Sở Công Thương, Sở Giao thông vận tải, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Ngoại vụ, Sở Nội vụ, Thanh tra tỉnh, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Sở Xây dựng và Sở Y tế.

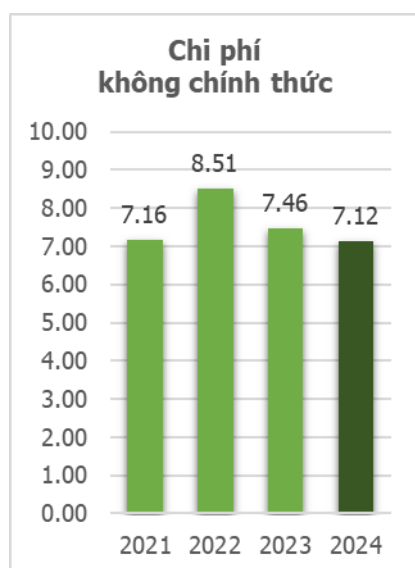
Tuy nhiên, để tiếp tục giảm các gánh nặng về thanh tra và kiểm tra nhằm giảm chi phí thời gian trong những năm tiếp theo, các SBN cần nhìn nhận theo chiều ngược lại, cụ thể, với 92,89% DN nhận định nội dung thanh tra, kiểm tra đúng theo phạm vi của quyết định thanh tra, kiểm tra thì vẫn còn 7,11% DN cho rằng các nội dung thanh tra vẫn chưa đúng; ngoài ra, vẫn còn 7,64% DN chưa thấy thuyết phục với các kết luận thanh tra, kiểm tra và 9,75% DN vẫn thấy hiện tượng nhiễu, gây khó dễ của cán bộ thanh tra trong các hoạt động thanh tra.

Bảng 3.3. Kết quả đánh giá CSTP Chi phí thời gian khối UBND các SBN

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[5]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá thời gian giải quyết công việc TTCH của SBN (% sớm hơn so với giấy hẹn hoặc đúng theo giấy hẹn)	Trung bình	75,56
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	47,62
[6]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết phải đi lại nhiều lần để hoàn tất thủ tục hành chính (% không có hoặc ít khi)	Trung bình	93,95
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	78,79
[7]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá về tình trạng SBN đùn đẩy công việc liên quan đến đơn vị sang cho các cấp có thẩm quyền cao hơn (% không có hoặc ít khi)	Trung bình	95,92
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	87,88
[8]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết về tần suất được các đoàn công tác của SBN tiến hành thanh tra, kiểm tra HDSXKD (% bằng hoặc ít hơn 01 lần)	Trung bình	92,71
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	85,25
[8.2.1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định không có hiện tượng nhiễu trong hoạt động thanh tra, kiểm tra của SBN (%)	Trung bình	90,25
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	0
[8.2.2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định hoạt động thanh kiểm tra không gây cản trở đáng kể đến quá trình sản xuất kinh doanh (%)	Trung bình	90,66
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	0

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[8.2.3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định nội dung thanh, kiểm tra đúng như trong phạm vi của QĐ thanh, kiểm tra đã ban hành (%)	Trung bình	92,89
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	0
[8.2.4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định kết luận thanh tra, kiểm tra là xác đáng, thuyết phục với doanh nghiệp (% đồng ý và hoàn toàn đồng ý)	Trung bình	92,36
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	0

3.2.3. Chi phí không chính thức có xu hướng tăng nhẹ



Chỉ số Chi phí không chính thức với các tiêu chí đánh giá của năm 2024 ghi nhận đạt 7,12 điểm, giảm nhẹ so với 2023 (giảm 0,34 điểm), đồng thời là tiêu chí thấp điểm thứ hai trong bảng xếp hạng điểm 09 CSTP đánh giá khối SBN năm nay. Mức giảm điểm nhẹ nhưng lại đưa chỉ số này về mức thấp nhất trong 04 năm gần đây cho thấy từ góc nhìn của cộng đồng doanh nghiệp, dấu hiệu tồn tại của các chi phí không chính thức vẫn ở đâu đó chứ chưa được triệt tiêu hoàn toàn.

Năm 2024, Ban Chỉ đạo tỉnh đã tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy, Thường trực Tỉnh ủy lãnh đạo, chỉ đạo quyết liệt các cấp ủy, chính quyền, cơ quan, tổ chức, đơn vị triển khai thực hiện, cụ thể hóa các nội dung hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực; chú trọng tuyên truyền, giáo dục pháp luật về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực¹¹¹. Bên cạnh đó, Kế hoạch thực hiện công tác phòng chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024¹¹² đã được công bố từ 14/03/2024 cũng đạt được những thành quả đáng kể, cụ thể trong 09 tháng đầu năm 2024, các cơ quan chức năng của tỉnh đấu tranh, phát hiện, điều tra, xử lý 49 vụ, 115 bị can tham nhũng, tiêu cực; Viện kiểm sát nhân dân đề nghị truy tố 37 vụ, 60 bị can; Tòa án nhân dân hai cấp xét xử 34 vụ, 49 bị cáo. Tổng số tài sản đã thu hồi trong các vụ án tham nhũng, tiêu cực là hơn 67 triệu đồng trên tổng số gần 70 triệu đồng phải thu hồi...¹¹³; tính đến nay, các tổ chức thanh tra đã triển khai 374 cuộc thanh tra, kiểm tra, tập trung chủ yếu ở các lĩnh vực, như: tài chính; quản lý, sử dụng đất đai; đầu tư xây dựng; giáo dục; y tế... đến nay đã kết thúc 343/374 cuộc, qua thanh tra, kiểm tra

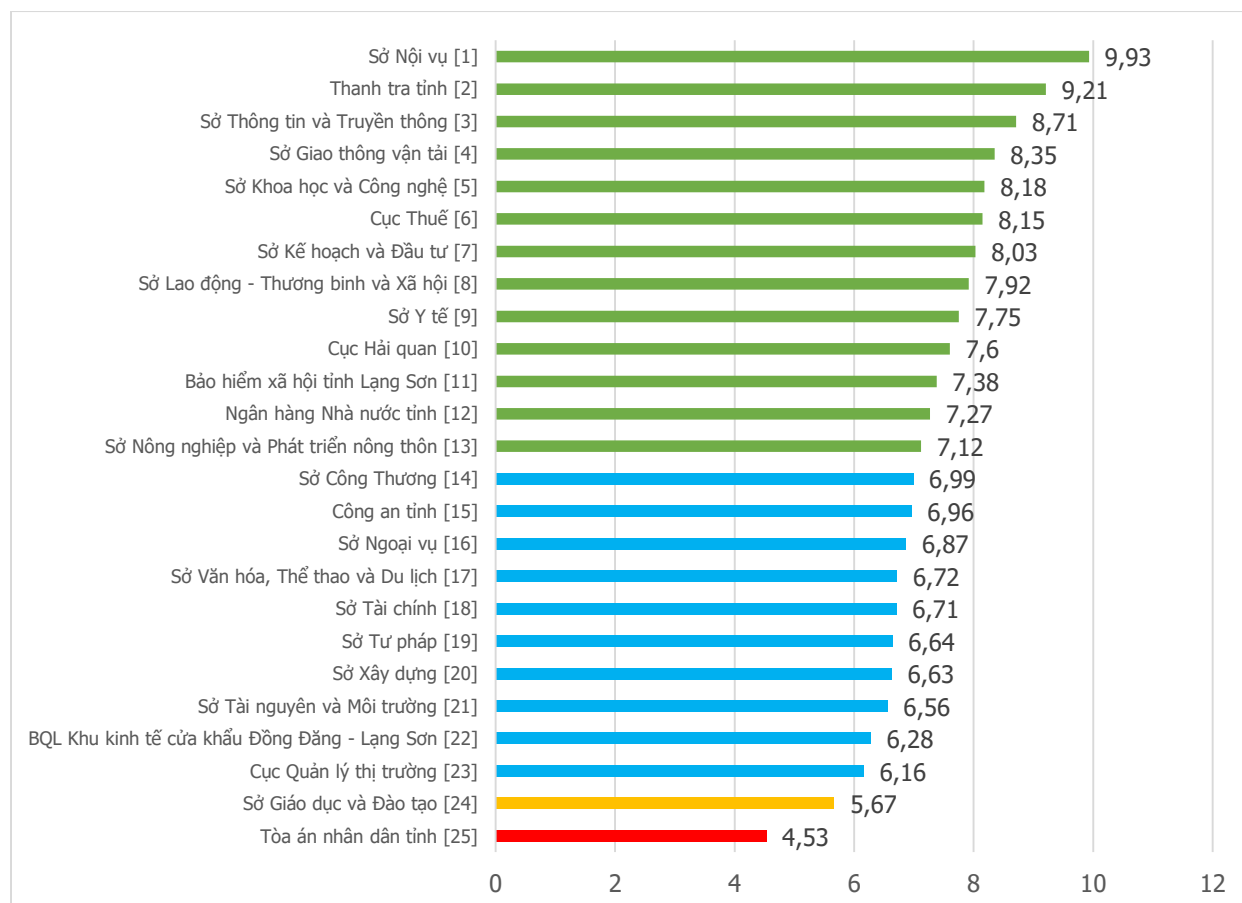
¹¹¹ Ban Chỉ đạo Phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực tỉnh Lạng Sơn họp phiên thứ 11 (2024). Báo Thanh Tra. Nguồn: <https://thanhtra.com.vn/doi-noi-52FA82FBF/ban-chi-dao-phong-chong-tham-nhung-lang-phi-tieu-cuc-tinh-lang-son-hop-phiên-thu-11-4a56ff60c.html>

¹¹² Kế hoạch thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực năm 2024. UBND Tỉnh Lạng Sơn. Nguồn: <https://ls1.hethongphapluat.com/ke-hoach-59-kh-UBND-thuc-hien-cong-tac-phong-chong-tham-nhung-tieu-cuc-nam-2024-do-tinh-lang-son-ban-hanh.html>

¹¹³ Giao ban công tác nội chính, phòng chống tham nhũng và cải cách tư pháp 9 tháng năm 2024. Báo Lạng Sơn. Nguồn: <https://baolangson.vn/giao-ban-cong-tac-noi-chinh-phong-chong-tham-nhung-va-cai-cach-tu-phap-9-thang-nam-2024-5024560.html>

đã phát hiện sai phạm về kinh tế với số tiền trên 13 tỷ đồng, kiến nghị thu hồi gần 11 tỷ đồng, giảm trừ thanh toán, quyết toán và xử lý khác trên 2,3 tỷ đồng. Trong năm, các cơ quan hành chính đã triển khai 21 cuộc thanh tra việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, đã kết thúc 13/21 cuộc...¹¹⁴.

Hình 3.13. Xếp hạng và điểm số chỉ số Chi phí không chính thức của khối Sở, ban, ngành

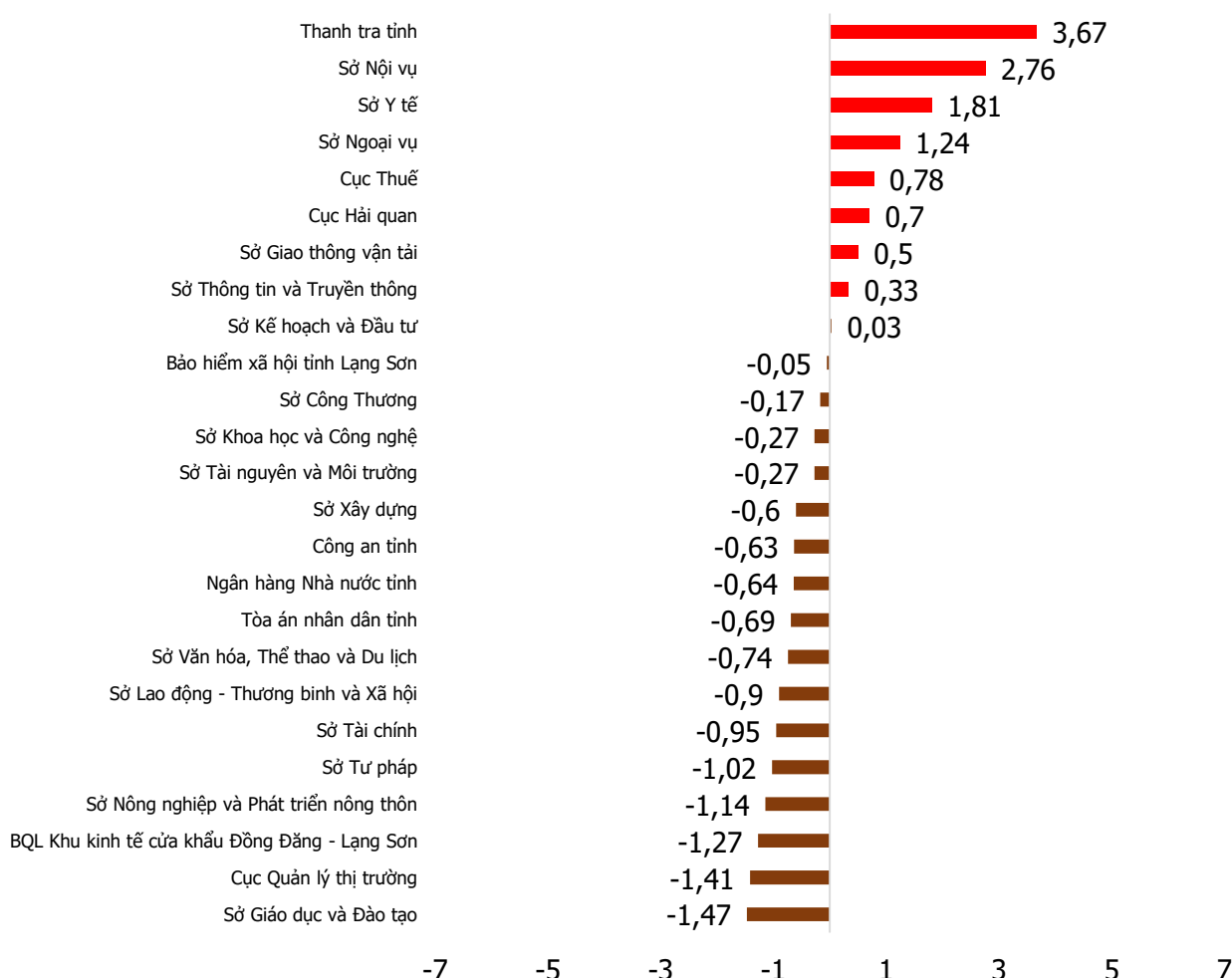


Hình 3.13 minh họa bảng xếp hạng và điểm số CSTP Chi phí không chính thức của khối SBN. Đối với chỉ số này, nhóm dẫn đầu đạt trên 09 điểm chỉ ghi nhận 02/25 SBN, đó là Sở Nội vụ [1] với 9,93 điểm và Thanh tra tỉnh [2] với 9,21 điểm. Nhóm thứ hai gồm 05/25 SBN với mức điểm từ 08 – 09 điểm, bao gồm: Sở Thông tin và Truyền thông [3], Sở Giao thông vận tải [4], Sở Khoa học và Công nghệ [5], Cục Thuế [6] và Sở Kế hoạch và Đầu tư [7]; Nhóm thứ ba là nhóm chiếm đa số gồm 17 SBN với mức điểm khá và trung bình giữ xếp hàng [08] đến [24], bao gồm: Sở Lao động - Thương binh và Xã hội [8], Sở Y tế [9], Cục Hải quan [10], Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn [11], Ngân hàng Nhà nước tỉnh [12], Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [13], Sở Công Thương [14], Công an tỉnh [15], Sở Ngoại vụ [16], Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch [17], Sở Tài chính [18], Sở Tư pháp [19], Sở Xây dựng [20], Sở Tài nguyên và Môi trường [21], BQL Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn [22], Cục Quản lý thị trường [23], Sở Giáo dục và Đào tạo [24] và Tòa án nhân dân tỉnh [25].

¹¹⁴ Thanh tra là phải phục vụ cho sự phát triển kinh tế - xã hội, không trở thành lực cản của sự phát triển (2024). Đài truyền hình Lạng Sơn. Nguồn: <https://langsontv.vn/news/475/79540/thanh-tra-la-phai-phuc-vu-cho-su-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-khong-tro-thanh-luc-can-cua-su-phat-trien>

trường [21], BQL Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn [22], Cục Quản lý thị trường [23] và Sở Giáo dục và Đào tạo [24]; Nhóm cuối cùng là nhóm có mức điểm dưới mức trung bình và chỉ ghi nhận 01 đơn vị duy nhất là Tòa án nhân dân tỉnh [25] với 4,53 điểm.

Hình 3. 14. Mức độ cải thiện điểm CSTP Chi phí không chính thức của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023



Sự chênh lệch lớn giữa SBN có điểm cao nhất¹¹⁵ và thấp nhất¹¹⁶ đối với CSTP Chi phí thời gian ở mức đáng kể nhưng là sự chênh lệch thấp thứ hai trong 09 CSTP năm nay (chênh 5,4 điểm) cho thấy các chi phí không chính thức xuất hiện trong các tương tác của các SBN với DN không phải là hiện tượng phổ biến diện rộng mà là những hiện tượng cục bộ, nhỏ lẻ. Mức độ cải thiện điểm CSTP tại **Hình 3.14** cho thấy nhóm cải thiện tăng ít về số lượng (09/25 SBN) nhưng mức cải thiện tăng lớn còn mức cải thiện giảm, thì nhiều hơn (16/25 SBN) nhưng đa phần có mức giảm nhẹ hoặc giảm không đáng kể. Mức tăng lớn nhất cho khối SBN trong CSTP này ghi nhận là Thanh tra

¹¹⁵ Sở Nội Vụ (9,93 điểm)

¹¹⁶ Tòa án nhân dân tỉnh (4,53 điểm)

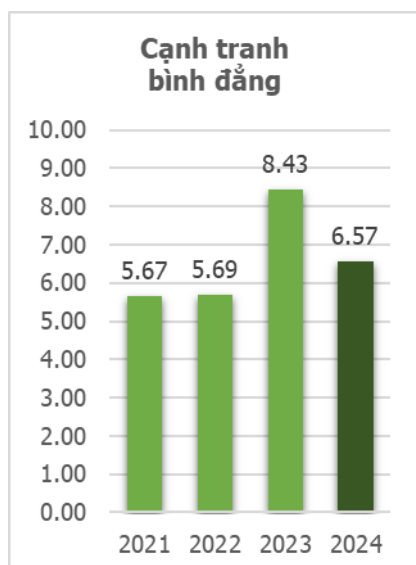
tình (tăng 3,67 điểm) và mức cải thiện điểm giảm cao nhất thuộc về Sở Giáo dục và đào tạo (giảm 1,47 điểm) và Cục quản lý thị trường (giảm 1,41 điểm).

Chỉ số Chi phí không chính thức của khối SBN được đánh giá thông qua 04 câu hỏi. Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 3.3**, dưới góc nhìn của cộng đồng doanh nghiệp, các chi phí không chính thức vẫn tồn tại, cụ thể, có 88,42% DN cho biết không phải đưa quà hay các chi phí không chính thức cho cán bộ thanh tra, kiểm tra trong các đợt thanh tra, kiểm tra tại đơn vị, tức là vẫn còn 11,58% DN đã chi trả chi phí này trong các đợt làm việc với đoàn thanh tra SBN. Hiện tượng này dẫn đến đánh giá từ 9,51% DN phản ánh tỷ lệ chi phí không chính thức mà DN phải bỏ ra cho cán bộ SBN vẫn chiếm tỷ trọng trong tổng thu nhập của đơn vị (90,49% DN không phải chi trả gì hoặc chi trả không đáng kể). Và trong đó, có 61,53% DN nhận thấy nếu đã trả khoản chi phí không chính thức rồi thì công việc được giải quyết như mong muốn. Tỷ lệ DN cho rằng các chi phí không chính thức phải chi trả khi thực hiện thủ tục hành chính hoặc các công việc liên quan đến SBN có xu hướng giảm nhẹ hoặc không phải chi trả là 54,69% tức là gần một nửa số DN được hỏi không thấy sự giảm hay thay đổi gì về vấn đề này.

Bảng 3.4. Kết quả đánh giá CSTP Chi phí không chính thức khối SBN

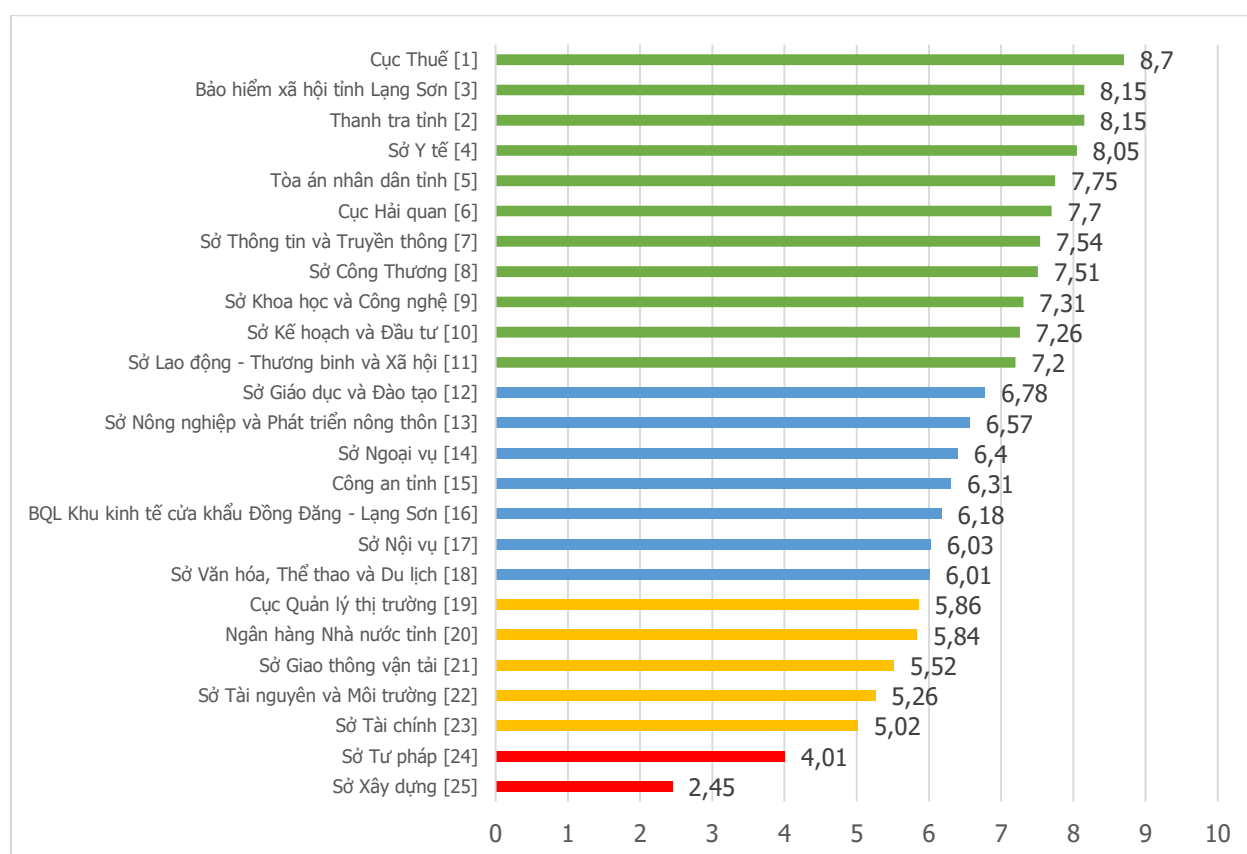
Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[9]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định CPKCT khi thực hiện các TTHC hoặc các công việc liên quan đến SBN có xu hướng giảm nhẹ hoặc không phải chi trả chi phí này trong năm nay (%)	Trung bình	54.69
	Cao nhất	71.28
	Thấp nhất	24.56
[10]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết về khoản phần trăm trong tổng thu nhập của Đơn vị phải bỏ ra để chi các khoản không chính thức cho cán bộ SBN (% không phải chi trả hoặc chi trả không đáng kể)	Trung bình	90.49
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	72.73
[11]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết không phải đưa quà hay trả CPKCT cho cán bộ thanh/kiểm tra trong các đợt thanh tra, kiểm tra (% không bao giờ hoặc ít khi)	Trung bình	88.42
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	0
[12]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết nếu đã trả khoản CPKCT thì công việc được giải quyết đúng như mong muốn (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	Trung bình	61.53
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	0

3.2.4. Sự bình đẳng trong môi trường cạnh tranh có dấu hiệu giảm



Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng với các tiêu chí đánh giá năm 2024 được ghi nhận 6,57 điểm, xác nhận mức giảm điểm cao nhất trong nhóm các chỉ số thành phần so với năm 2023 (giảm 1,86 điểm) và giữ vị trí cuối cùng trong nhóm 09 CSTP đánh giá khối SBN năm nay. Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng đã có nhiều cải thiện vào năm 2023 nhưng 2024, trên đường đua bình đẳng, dấu hiệu giảm lại xuất hiện theo góc nhìn và đánh giá của cộng đồng DN trên toàn tỉnh

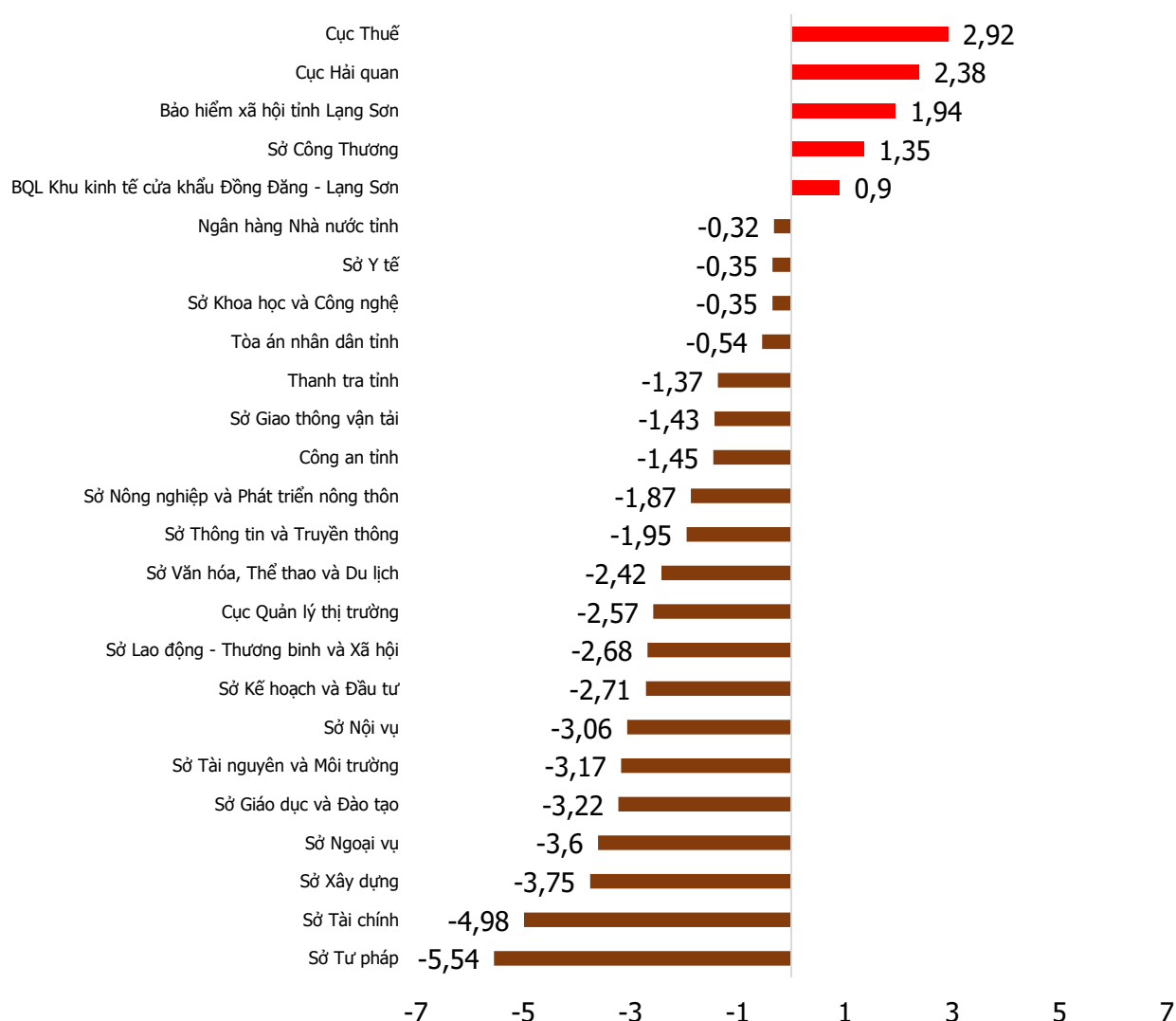
Hình 3.15 minh họa bảng xếp hạng và điểm số CSTP Cạnh tranh bình đẳng của khối Sở, ban, ngành



Đối với chỉ số này, *nhóm dẫn đầu* không có SBN nào đạt trên 09 điểm mà chỉ gồm 04/25 SBN có mức điểm trên 08 điểm, bao gồm: Cục Thuế [1] với 8,7 điểm, Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn [2], Thanh tra tỉnh [2] với 8,15 điểm và Sở Y tế [4] với 8,05 điểm. *Nhóm thứ hai* giữ xếp hạng từ [05] đến [11] với mức điểm trên 07 điểm, bao gồm: Tòa án nhân dân tỉnh [5], Cục Hải quan [6], Sở Thông tin và Truyền thông [7], Sở Công Thương [8], Sở Khoa học và Công nghệ [9], Sở Kế hoạch và Đầu tư [10] và Sở

Lao động - Thương binh và Xã hội [11]. Nhóm thứ ba là những SBN có mức điểm trung bình khá, gồm 12/25 SBN, bao gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo [12], Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [13], Sở Ngoại vụ [14], Công an tỉnh [15], BQL Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn [16], Sở Nội vụ [17], Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch [18], Cục Quản lý thị trường [19], Ngân hàng Nhà nước tỉnh [20], Sở Giao thông vận tải [21], Sở Tài nguyên và Môi trường [22] và Sở Tài chính [23]. *Nhóm cuối cùng* là 02 SBN đạt mức điểm dưới trung bình là Sở Tư pháp [24] với 4,01 điểm và Sở Xây dựng [25] với 2,45 điểm.

Hình 3.16. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Competing bình đẳng của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023



Mức độ giảm điểm của CSTP Competing bình đẳng kéo theo cả khoảng cách về điểm số của SBN có điểm cao nhất¹¹⁷ và thấp nhất¹¹⁸ là lớn (chênh 6,25 điểm). **Hình**

¹¹⁷ Cục thuế (8,7 điểm)

¹¹⁸ Sở Xây dựng (2,45 điểm)

3.16 cung cấp về mức độ cải thiện điểm CSTP cạnh tranh bình đẳng của khối SBN 2024 so với 2023, ghi nhận trực nghiêng hẳn về bên giảm điểm với chỉ 05/25 SBN có mức cải thiện điểm nhẹ và có 20/11 địa phương có mức cải thiện điểm giảm. Trong đó, Cục Thuế (tăng 2,92 điểm) và Cục Hải quan (tăng 2,38 điểm) là các đơn vị có mức tăng cao nhất còn Sở Tư pháp ghi nhận mức giảm điểm nhiều nhất đối với chỉ số này trong năm qua (giảm 5,54 điểm) và Sở Tài chính (giảm 4,98 điểm).

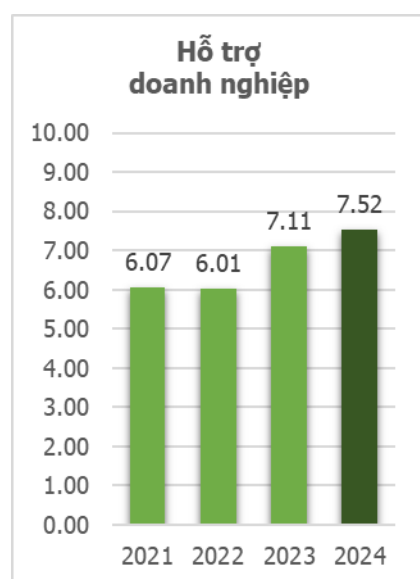
Chỉ số Cạnh tranh bình đẳng của khối SBN được đánh giá thông qua 04 câu hỏi. Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 3.5** cho thấy môi trường cạnh tranh bình đẳng năm nay được DN đánh giá có hiện tượng đi xuống vì từ góc nhìn của DN tham gia đánh giá, chỉ có 32,19% DN là không đồng ý khi bày tỏ quan điểm về nhận định “Sự quan tâm của SBN *phụ thuộc* vào quy mô đóng góp của DN/HTX/HKD cho cơ quan nhà nước” nghĩa là 67,81% DN đang ngầm hiểu rằng sự ưu ái của các SBN tỷ lệ thuận với quy mô đóng góp của DN, việc này ảnh hưởng rất nhiều đến quan điểm về sự công bằng mà cộng đồng DN và các cơ quan chức năng đang hướng tới.

Ngoài ra, các dấu hiệu cụ thể lại cho thấy nhiều điểm tích cực để tiếp tục cải thiện, ví dụ như: có 96,20% DN nhận định không thấy hoặc không phổ biến các hiện tượng SBN ưu tiên giải quyết vướng mắc cho các DN FDI, DN Nhà nước, và DN lớn so với các DN vừa và nhỏ, HTX hay HKD; có 91,16% DN thì cho rằng kể cả có các ưu ái thì cũng không gây ảnh hưởng gì đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DN. Bên cạnh đó, trong môi trường cạnh tranh mà các SBN tạo ra, 97,08% DN cho rằng không có hoặc có nhưng không phổ biến sự hiện diện của DN sân sau và/hoặc DN thân hữu với cán bộ SBN. Đây là nhận định xác lập mức uy tín mà các SBN đã gây dựng trong sự đối xử công bằng giữa các DN trên địa bàn tỉnh.

Bảng 3.5. Kết quả đánh giá CSTP Cạnh tranh bình đẳng khối Sở, ban, ngành

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[13]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng “Sự quan tâm của SBN <i>phụ thuộc</i> vào quy mô đóng góp của DN/HTX/HKD cho cơ quan nhà nước (<i>như số lao động, số thuế nộp, số tiền ủng hộ,...</i>)” (% không đồng ý)	Trung bình	32.19
	Cao nhất	57.45
	Thấp nhất	7.41
[14]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết không thấy có hoặc có nhưng không phổ biến hiện tượng SBN ưu tiên giải quyết TTHC, khó khăn, vướng mắc cho các DN FDI, DNNN, và DNL so với DNNVV, HTX, HKD (%)	Trung bình	96.20
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	84.85
[15]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng nếu có việc ưu ái cho các DN FDI, DNNN, và DNL thì cũng không ảnh hưởng hoặc ảnh hưởng không nhiều đến hoạt động SXKD của DN/HTX/HKD (%)	Trung bình	91.16
	Cao nhất	97.3
	Thấp nhất	84
[16]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng không có hoặc có nhưng không phổ biến sự hiện diện của doanh nghiệp sân sau và/hoặc doanh nghiệp có liên kết “ thân hữu ” với cán bộ SBN (%)	Trung bình	97.08
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	90.91

3.2.5. Công tác hỗ trợ doanh nghiệp có xu hướng phát triển liên tục



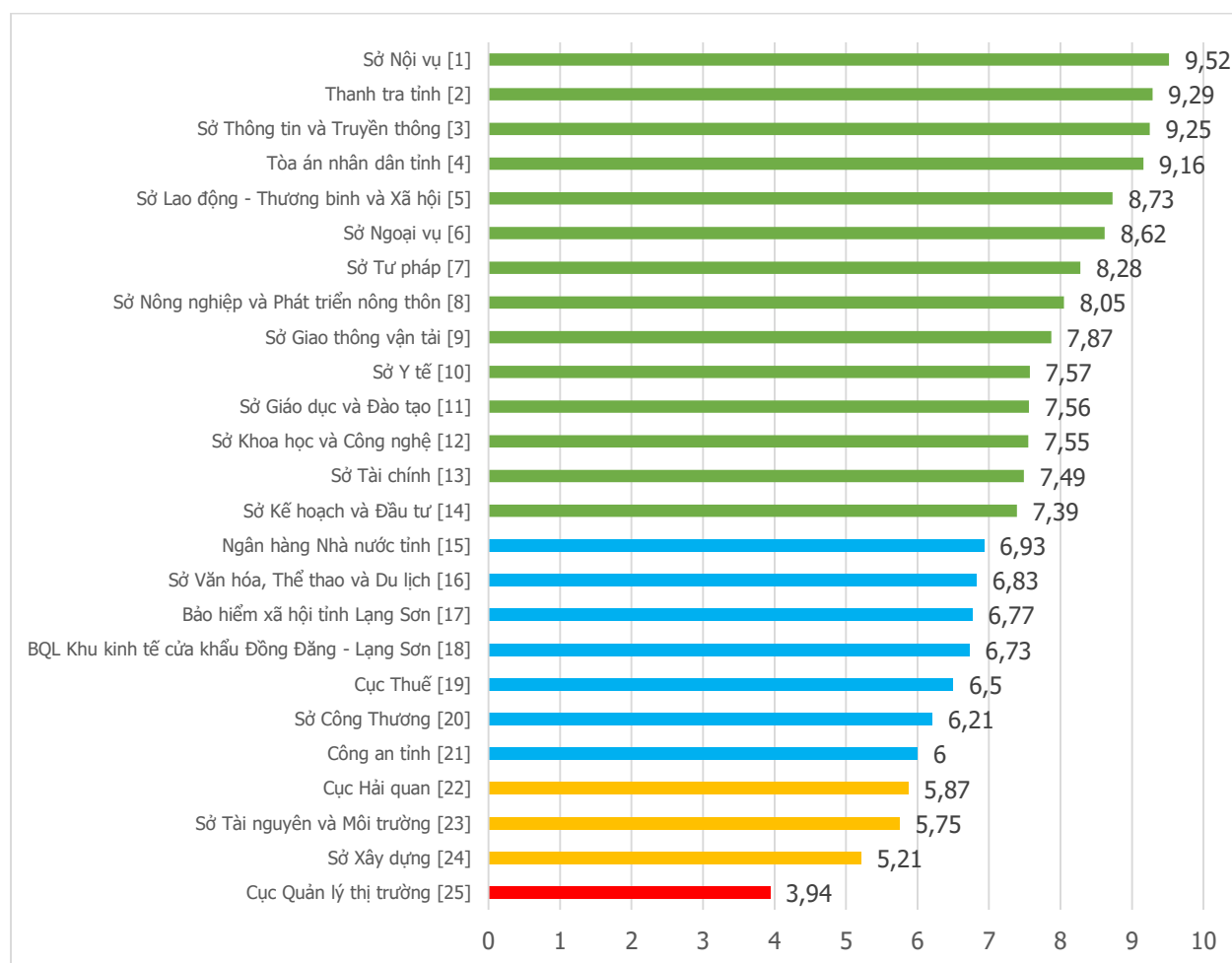
Chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp với các tiêu chí đánh giá năm 2024 được ghi nhận 7,52 điểm là chỉ số có mức tăng điểm cao nhất so với 2023 (tăng 0,38 điểm) và đạt mức điểm cao nhất trong nhóm CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp trong 04 năm vừa qua giai đoạn 2021-2024 đánh giá 04 năm liên tiếp chỉ số này có sự tăng trưởng đều đặn và liên tục. Tính đến tháng 6 năm 2024, tỉnh Lạng Sơn thành lập mới 576 doanh nghiệp, tăng 121% so với cùng kỳ với tổng số vốn bổ sung vào nền kinh tế đạt 4.500 tỷ đồng¹¹⁹ và đến nay số doanh nghiệp thành lập mới lên tới 1.200 doanh nghiệp, đạt 200% kế hoạch, tăng 56% so với cùng kỳ. Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn tỉnh ước gần 10 nghìn tỷ đồng, đạt hơn 130% dự toán, tăng 26% so với cùng kỳ¹²⁰, nhưng kết

quả về công tác hỗ trợ doanh nghiệp vẫn có nhiều tiến triển từ những đánh giá khách quan từ cộng đồng DN là minh chứng rõ ràng nhất cho sự hỗ trợ sát sao và quyết liệt từ phía các SBN nói riêng và UBND tỉnh Lạng Sơn nói chung trong năm 2024 vừa qua.

Hình 3.17 minh họa bảng xếp hạng và điểm số CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN. Đối với chỉ số này, *nhóm dẫn đầu* ghi nhận 01 SBN có số điểm trên 9 điểm, bao gồm: Sở Nội vụ [1] với 9,1 điểm. *Nhóm thứ hai* cũng là nhóm chiếm đa số, gồm 15 SBN có mức điểm 7,01 điểm đến 8,73 điểm, bao gồm: Thanh tra tỉnh [2], Sở Lao động - Thương binh và Xã hội [3], Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [4], Sở Thông tin và Truyền thông [5], Tòa án nhân dân tỉnh [6], Sở Ngoại vụ [7], Sở Kế hoạch và Đầu tư [8], Sở Tư pháp [9], Ngân hàng Nhà nước tỉnh [10], Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn [11], Sở Y tế [12], Sở Tài chính [13], Sở Giao thông vận tải [14], Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn [15] và Sở Khoa học và Công nghệ [16]. *Nhóm thứ ba* là 08 SBN có mức điểm trung bình 5,03 điểm đến 6,94 điểm, bao gồm: Cục Thuế [17], Sở Giáo dục và Đào tạo [18], Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch [19], Công an tỉnh [20], Sở Công Thương [21], Cục Hải quan [22], Sở Tài nguyên và Môi trường [23] và Sở Xây dựng [24]; Và nhóm cuối cùng chỉ có Cục Quản lý thị trường [25] đạt 3,33 điểm, là đơn vị duy nhất đạt mức điểm dưới trung bình.

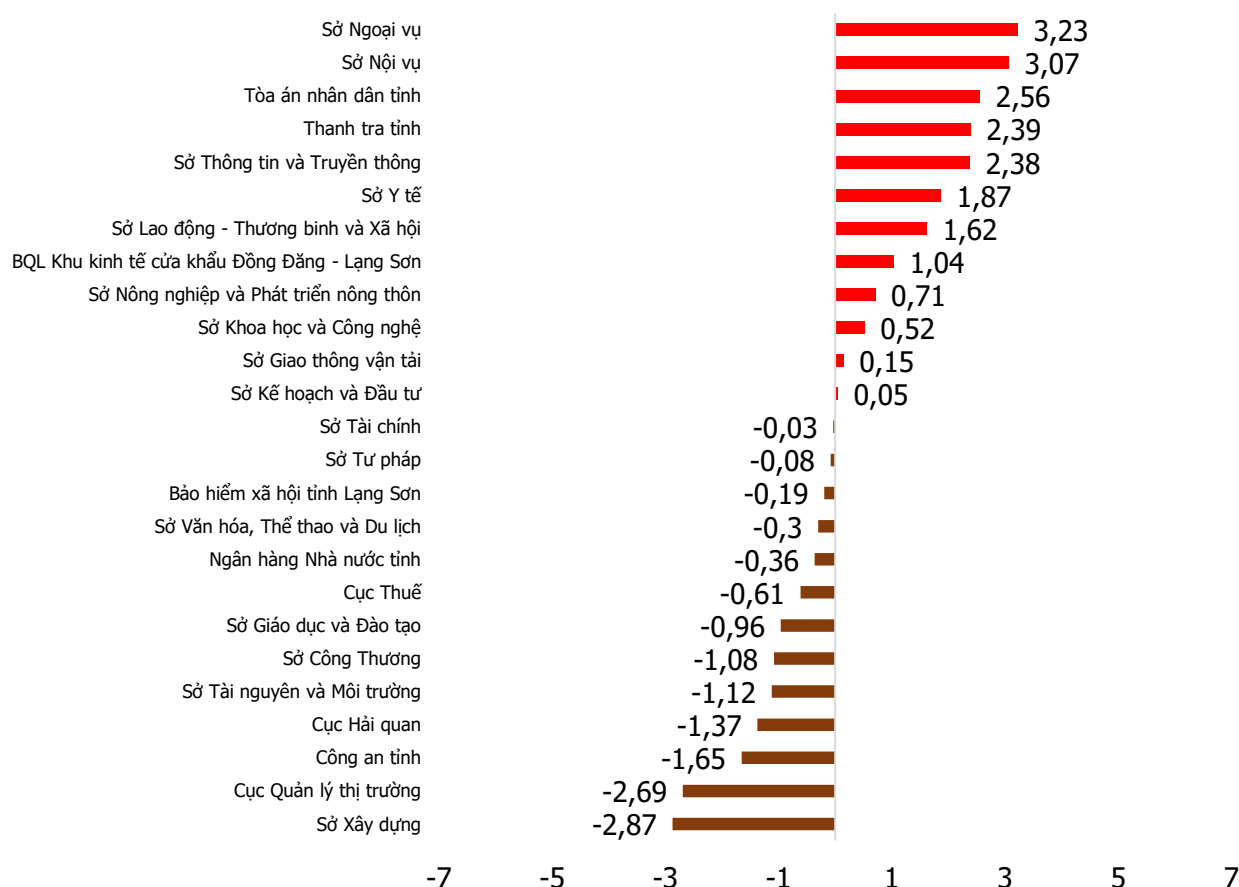
¹¹⁹ Lạng Sơn: Tăng số lượng doanh nghiệp gia nhập và quay lại thị trường (2024). Diễn đàn Doanh nghiệp. Nguồn: <https://diendandoanhngiep.vn/lang-son-tang-so-luong-doanh-nghiep-gia-nhap-va-quay-lai-thi-truong-10136266.html>

¹²⁰ Lạng Sơn: Hơn 1.200 doanh nghiệp thành lập mới trong năm 2024. Nguồn: <https://viettimes.vn/lang-son-hon-1200-doanh-nghiep-thanh-lap-moi-trong-nam-2024-post180848.html>

Hình 3.17. Xếp hạng và điểm số CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN

Đối với CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN thì mức độ chênh lệch về điểm số của SBN có điểm cao nhất và thấp nhất là lớn (chênh 5,77 điểm). Hình 3.18 cung cấp về mức độ cải thiện điểm CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN 2024 so với 2023, ghi nhận trực tăng và giảm điểm khá tương xứng với nhau về số lượng và điểm số. Có một sự cân bằng giữa trực cải thiện tăng và giảm điểm đối với CSTP này. Có 12/25 SBN có mức cải thiện điểm tăng và cũng có 12/25 SBN có mức cải thiện điểm giảm, có 01 SBN là Sở Tài Chính giữ nguyên mức điểm như năm 2023, mức chênh lệch là 0 điểm. Trong đó, Sở Ngoại vụ (tăng 2,57 điểm) và Sở Nội Vụ (tăng 3,65 điểm) là hai sở có mức chênh lệch tăng cao nhất còn Sở Xây dựng (giảm 3,05 điểm) và Cục Quản lý thị trường (giảm 3,3 điểm) ghi nhận mức giảm điểm cao nhất năm qua.

Hình 3.18. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023



Chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp của khối SBN được đánh giá thông qua 10 câu hỏi. Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 3.6** để thấy năm 2024 các hoạt động hỗ trợ DN đã có nhiều khởi sắc trong đánh giá từ cộng đồng DN. Việc truyền thông và giao tiếp của SBNP trong công tác hỗ trợ doanh nghiệp về cơ bản được đánh giá cao, cụ thể: Có 94,39% DN cho rằng công tác truyền thông, phổ biến chính sách, pháp luật của SBN là dễ tiếp cận và 97,11% DN bày tỏ sự hài lòng với cách phản hồi, hỗ trợ giải quyết các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc (các chương trình hỗ trợ DN) của SBN.

Năm 2024 ghi nhận nhiều chương trình hỗ trợ DN được tổ chức để tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới, ví dụ: Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn: Phổ biến chính sách thuế mới, đối thoại với người nộp thuế quý III năm 2024¹²¹,... đặc biệt là các chương trình tuyên truyền kiến thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững¹²², và đặc biệt, Lạng Sơn luôn khuyến khích phát triển nông nghiệp xanh,

¹²¹ Cục Thuế tỉnh Lạng Sơn: Phổ biến chính sách thuế mới, đối thoại với người nộp thuế quý III năm 2024. Đảng Cộng Sản. Nguồn:

https://dangcongsan.org.vn/tinhuylangson/lists/xaydungdang/view_detail.aspx?itemid=2751

¹²² Lạng Sơn tuyên truyền kiến thức về sản xuất và tiêu dùng bền vững (2024). Bộ Công Thương. Nguồn: <https://scp.gov.vn/tin-tuc/t24001/lang-son-tuyen-truyen-kien-thuc-ve-san-xuat-va-tieu-dung-ben-vung>

sạch, sinh thái, hữu cơ, tuần hoàn, công nghệ cao, thông minh, thúc đẩy phát triển các ngành, nghề gắn với định hướng phát triển kinh tế nông thôn¹²³, và kết quả là 94,62% DN ghi nhận nỗ lực này của các SBN một cách rất tích cực.

Tuy nhiên, có thể công tác liên hệ và truyền thông đến cộng đồng DN vẫn chưa tối ưu, nên chỉ có 63,38% DN ghi nhận có được mời hoặc được thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN còn lại thì cho rằng chưa tiếp cận được đầy đủ các chương trình hỗ trợ do SBN tổ chức mặc dù các chương trình đa phần đều được DN đánh giá là có chất lượng thực chất (91,29% DN đánh giá). Tương tự tình trạng trên, đối với các buổi đối thoại với cộng đồng DN do SBN tổ chức, việc truyền thông thông tin đến DN vẫn còn hạn chế. Chỉ có 59,39% DN ghi nhận được mời/thông báo tham gia các buổi đối thoại do SBN tổ chức nhưng các buổi đối thoại thực sự mang lại những hiệu quả rất tích cực, cụ thể: 98,75% DN nhận thấy các buổi đối thoại đã phản ánh đầy đủ các vấn đề quan ngại của DN. Bên cạnh đó, kết quả của các chương trình đối thoại cũng được đánh giá cao. Có 98,14% DN tham gia đối thoại nhận thấy SBN có kế hoạch thực hiện, giải quyết các vấn đề sau đối thoại một cách hiệu quả. Có 96,87% DN ghi nhận kết quả giải quyết các kiến nghị, vướng mắc của DN được công khai rộng rãi cho cộng đồng DN được biết sau đối thoại, ví dụ như các nội dung đối thoại giữa hải quan và các doanh nghiệp¹²⁴, hay sự kiện đối thoại của Sở Công Thương Lạng Sơn tổ chức Hội nghị đối thoại với đại diện trên 60 doanh nghiệp, hợp tác xã (HTX) để hỗ trợ phát triển thương mại điện tử trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn¹²⁵. Những buổi đối thoại như thế này sẽ xác lập mối quan hệ giữa các SBN và DN như là những đối tác hợp tác lâu dài nhằm chủ động xử lý, tháo gỡ kịp thời các khó khăn, vướng mắc, tạo thuận lợi cho DN, ví dụ như Cục Hải Quan với hàng trăm cuộc đối thoại hỗ trợ DN hoạt động XNK¹²⁶.

Bảng 3. 6. Kết quả đánh giá CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp khỏi SBN

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[18]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng công tác truyền thông, phổ biến chính sách, pháp luật của SBN tới DN/HTX/HKD là dễ tiếp cận (%)	Trung bình	94,39
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	84,85
[19]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD bày tỏ sự hài lòng với cách phản hồi, hỗ trợ giải quyết các thủ tục, hồ sơ còn vướng mắc (các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp) (%)	Trung bình	97,11
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	90,16
[20]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng SBN thường xuyên triển khai chương trình chính sách khuyến khích và hỗ trợ doanh	Trung bình	94,62
	Cao nhất	100

¹²³ Lạng Sơn: Nhiều điểm sáng trong bức tranh kinh tế - xã hội 9 tháng năm 2024. Thương hiệu & Công luận. Nguồn: <https://thuonghieucongluan.com.vn/lang-son-nhieu-diem-sang-trong-buc-tranh-kinh-te-xa-hoi-9-thang-nam-2024-a239354.html>

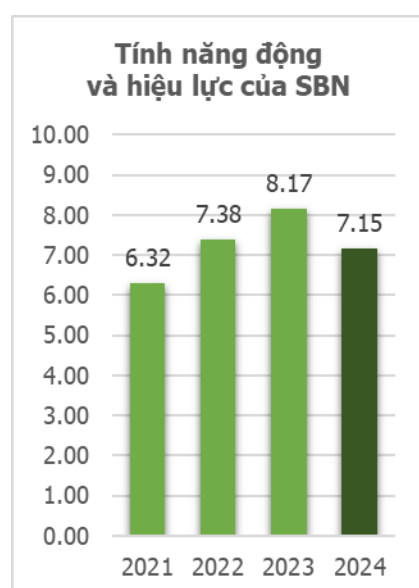
¹²⁴ Lạng Sơn tổ chức đối thoại giữa hải quan và các doanh nghiệp. Thương hiệu & Công luận. Nguồn: <https://thuonghieucongluan.com.vn/lang-son-to-chuc-doi-thoi-giua-hai-quan-va-cac-doanh-nghiep-a218025.html>

¹²⁵ Lạng Sơn: Đối thoại với các doanh nghiệp, hợp tác xã trong lĩnh vực thương mại (2024). Thương hiệu & Công luận. Nguồn: <https://thuonghieucongluan.com.vn/lang-son-doi-thoi-voi-cac-doanh-nghiep-hop-tac-xa-trong-linh-vuc-thuong-mai-a227003.html>

¹²⁶ Chủ động lắng nghe tiếng nói từ cộng đồng doanh nghiệp (2024). Hải Quan Online. Nguồn: <https://haiquanonline.com.vn/chu-dong-lang-nghe-tieng-noi-tu-cong-dong-doanh-nghiep-192649.html>

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
ngành thực hiện kinh doanh xanh/thân thiện với môi trường, thúc đẩy mua sắm xanh (%)	Thấp nhất	81,82
[21]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD ghi nhận có được mời/thông báo tham gia các chương trình hỗ trợ DN/HTX/HKD (tập huấn, phổ biến, hướng dẫn, triển khai các chủ trương, chính sách mới,...) của SBN (%)	Trung bình	63,38
	Cao nhất	76,6
	Thấp nhất	42,11
[22]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD tham gia các chương trình hỗ trợ DN đánh giá chất lượng các chương trình đào tạo, hỗ trợ do SBN thực hiện là thực chất (%)	Trung bình	91,29
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	60
[23]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD ghi nhận có được mời/thông báo tham gia các buổi đối thoại với doanh nghiệp do SBN tổ chức (%)	Trung bình	59,39
	Cao nhất	75,41
	Thấp nhất	40,35
[24.1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD tham gia các buổi đối thoại nhận thấy các vấn đề quan ngại được phản ánh đầy đủ trong buổi đối thoại (%)	Trung bình	98,75
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	90,91
[24.2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD tham gia các buổi đối thoại nhận thấy đối thoại không phải chỉ chủ yếu dành cho Doanh nghiệp lớn (%)	Trung bình	74,86
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	44,44
[24.3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD tham gia các buổi đối thoại nhận thấy SBN có kế hoạch thực hiện, giải quyết vấn đề sau đối thoại hiệu quả (%)	Trung bình	98,14
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	90,48
[24.4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD tham gia các buổi đối thoại nhận thấy kết quả giải quyết kiến nghị, vướng mắc của doanh nghiệp được công khai rộng rãi cho cộng đồng doanh nghiệp sau đối thoại (%)	Trung bình	96,87
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	81,82

3.2.6. Tính năng động và hiệu lực cần được tiếp tục phát huy mạnh mẽ



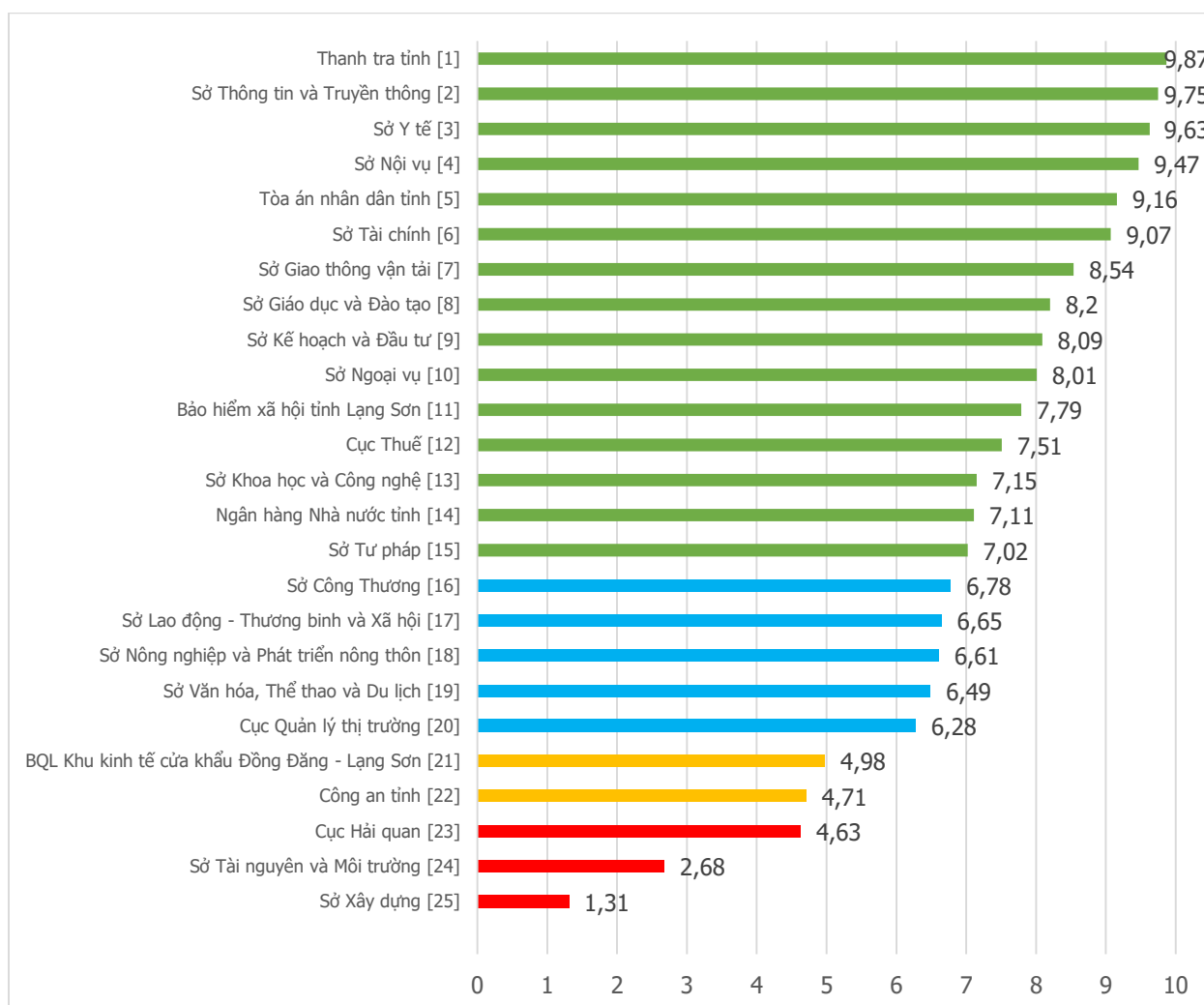
Chỉ số Tính năng động và hiệu lực của SBN với các tiêu chí đánh giá năm 2024 được ghi nhận 7,15 điểm, nằm trong nhóm CSTP giảm điểm so với năm 2023 (giảm 1,02 điểm) nhưng vẫn giữ được mức điểm trên 07 điểm cho thấy sự sáng tạo, linh hoạt, tiên phong và đồng hành của lãnh đạo SBN vẫn được cộng đồng DN đánh giá tốt và cần tiếp tục được phát huy trong những năm tiếp theo đây.

Hình 3.19 minh họa bảng xếp hạng và điểm số CSTP Tính năng động và hiệu lực của khối SBN. *Nhóm dẫn đầu* gồm 06 SBN với mức điểm trên 09 điểm, bao gồm: Thanh tra tỉnh [1] với 9,87 điểm, Sở Thông tin và Truyền thông [2] với 9,75 điểm, Sở Y tế [3] với 9,63 điểm, Sở Nội vụ [4] với 9,47 điểm, Tòa án nhân dân tỉnh [5] với 9,16 điểm và Sở Tài chính [6] với 9,07 điểm; *Nhóm thứ hai* với xếp hạng từ [07] đến [15] và phổ điểm từ 7,02 điểm đến 8,54 điểm, bao gồm: Sở Giao thông vận tải [7], Sở Giáo dục và Đào tạo [8], Sở Kế hoạch và Đầu tư [9], Sở Ngoại vụ [10], Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn [11], Cục Thuế [12], Sở Khoa học và Công nghệ [13], Ngân hàng Nhà nước tỉnh [14] và Sở Tư pháp [15]; *Nhóm thứ ba* là nhóm với mức điểm từ 6-7 điểm, có 05 SBN, bao gồm: Sở Công Thương [16], Sở Lao động - Thương binh và Xã hội [17], Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [18], Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch [19] và Cục Quản lý thị trường [20]; Nhóm cuối cùng gồm 05 SBN có mức điểm dưới trung bình, bao gồm: BQL Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn [21] với 4,98 điểm, Công an tỉnh [22] với 4,71 điểm, Cục Hải quan [23] với 4,63 điểm, Sở Tài nguyên và Môi trường [24] với 2,68 điểm và đứng cuối bảng xếp hạng là Sở Xây dựng [25] với 1,31 điểm.

CSTP Tính năng động và hiệu lực của khối SBN ghi nhận mức chênh lệch điểm cao nhất trong nhóm các CSTP giữa SBN có điểm cao nhất¹²⁷ và thấp nhất¹²⁸ (chênh 8,56 điểm) cho thấy sự thiếu đồng đều trong tác phong quản trị của các lãnh đạo SBN trên toàn tỉnh.

¹²⁷ Thanh tra tỉnh (9,87 điểm)

¹²⁸ Sở xây dựng (1,31 điểm)

Hình 3.19. Xếp hạng và điểm số CSTP Tính năng động và hiệu lực của khối SBN

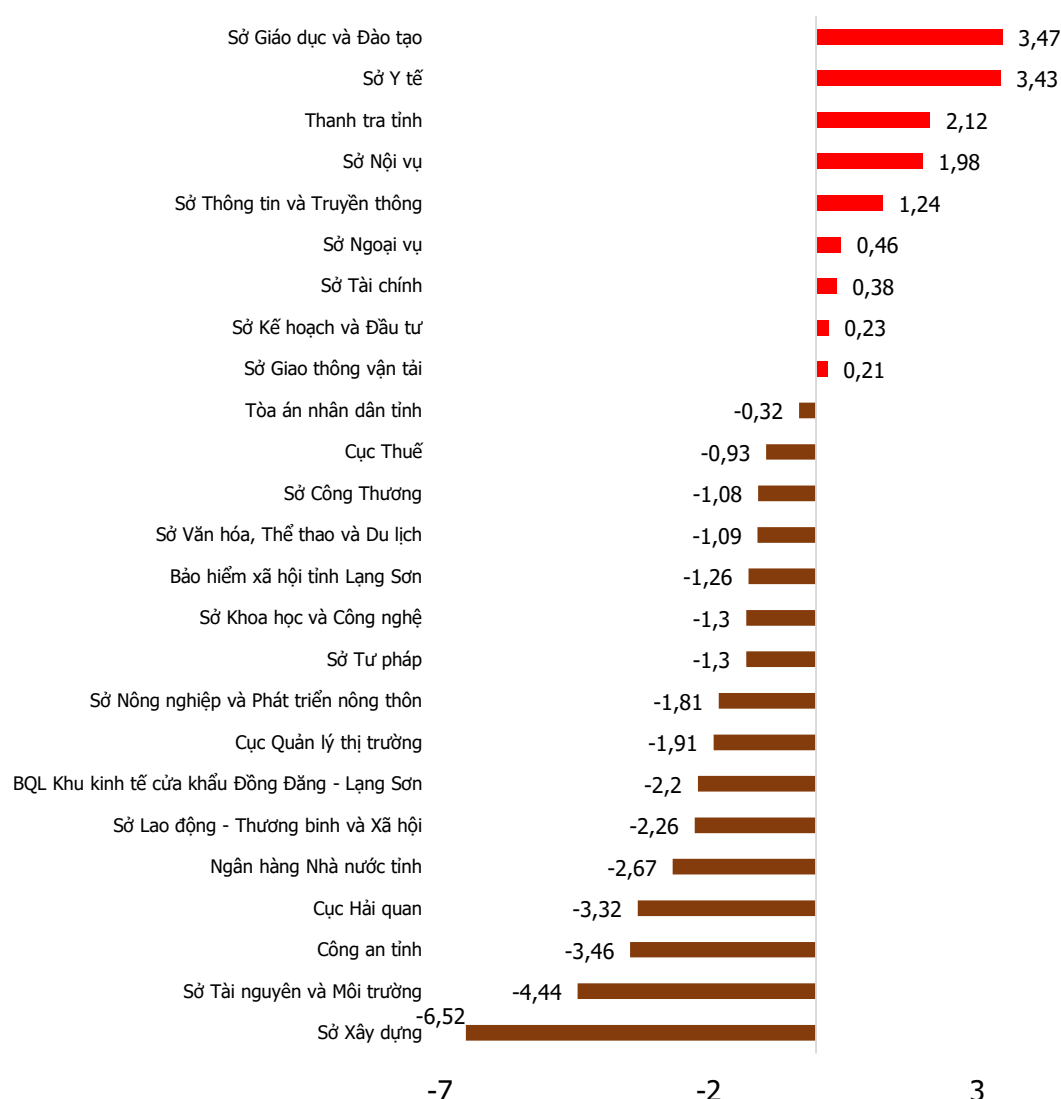
Hình 3.20 cung cấp về mức độ cải thiện điểm CSTP Tính năng động và hiệu lực của khối SBN 2024 so với 2023, ghi nhận có 09/25 SBN có mức cải thiện điểm tăng và có 16/25 SBN có mức cải thiện điểm giảm. Trong đó, Sở Giáo dục và Đào tạo (tăng 3,47 điểm) và Sở Y tế (tăng 3,43 điểm) là các đơn vị có mức điểm tăng nhiều nhất; Sở Xây dựng (giảm 6,52 điểm) xác lập mức giảm điểm cao nhất trong mức chênh lệch giảm của SBN đối với CSTP này.

Chỉ số Tính năng động và hiệu lực của khối SBN được đánh giá thông qua 06 câu hỏi. Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 3.7**, dễ dàng nhận thấy cộng đồng DN đánh giá rất tích cực. Có 81,87% DN cho rằng SBN mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương theo hướng có lợi cho môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn. Có 88,39% DN cảm nhận được sự tích cực và chủ động của SBN trong việc thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong các trường hợp thiên tai và dịch bệnh, ví dụ trong cơn bão Yagi vừa qua, nhiều SBN đã có những hỗ trợ kịp thời và hiệu quả để các DN quay trở về nhịp sản xuất kinh doanh bình thường¹²⁹. Có 95,30% DN đánh giá SBN chủ động tham mưu và kiến nghị UBND Tỉnh

¹²⁹ Những bài học kinh nghiệm phục hồi sau bão Yagi (2024). Đài truyền hình Lạng Sơn.

các giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN cải thiện môi trường kinh doanh trên địa bàn tỉnh, ví dụ như: Sở Giáo dục và đào tạo¹³⁰. Có 96,01% DN nhận định SBN chủ động đề xuất các chính sách thúc đẩy DN vận hành kinh doanh đảm bảo thân thiện với môi trường. Có 95,54% DN cho rằng các SBN đang thực hiện tốt các chủ trương của UBND Tỉnh đề ra đảm bảo thực hiện đúng, thực hiện đủ, truyền tải chuẩn mực và hiệu quả. Bên cạnh sự chủ động trong vai trò làm trung gian giữa DN và các cấp cao hơn thì cộng đồng DN cũng nhận thấy các SBN có nắm bắt và xử lý kịp thời những bất cập, vướng mắc của DN trong phạm vi quyền hạn, giúp kiến tạo một môi trường sản xuất kinh doanh nhiều thuận lợi cho DN (97,47% DN đồng ý).

Hình 3.20. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Tính năng động và hiệu lực của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023



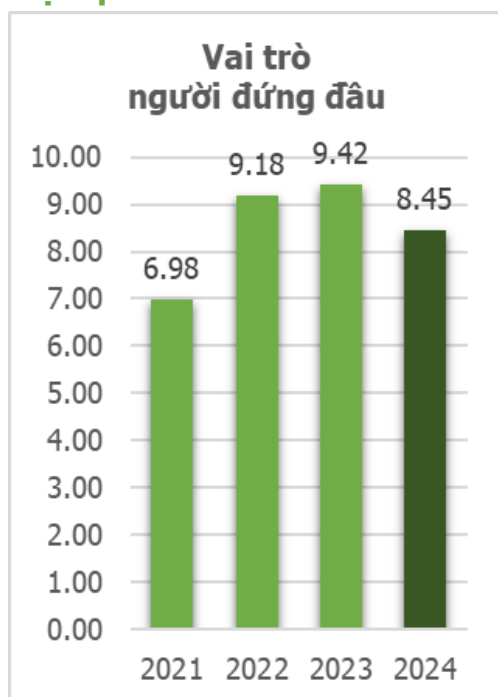
Nguồn: <https://langsontv.vn/news/457/79343/nhung-bai-hoc-kinh-nghiem-phuc-hoi-sau-bao-yagi>

¹³⁰ Sở Giáo dục và đào tạo tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức tuần lễ hưởng ứng học tập suốt đời (2024). Nguồn: <https://langson.edu.vn/tin-tuc-su-kien/thong-bao/so-giao-duc-va-dao-tao-tham-muu-cho-uy-ban-nhan-tinh-to-chuc-le-khai-mac-tuan-le-huong-ung-hoc-tap-suot-doi-nam-2024.html>

Bảng 3.7. Kết quả đánh giá CSTP Tính năng động và hiệu lực của CQĐP khối Sở Ban Ngành

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[25]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng SBN có mạnh dạn, sáng tạo trong việc triển khai các chủ trương theo hướng có lợi cho môi trường ĐTKD (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	Trung bình	81.87
	Cao nhất	90.8
	Thấp nhất	72.73
[26]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá SBN đã tích cực, chủ động thực hiện các biện pháp hợp lý và hiệu quả nhằm hỗ trợ DN trong các trường hợp thiên tai, dịch bệnh(%)	Trung bình	88.39
	Cao nhất	94.59
	Thấp nhất	75.76
[27]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đánh giá SBN chủ động tham mưu và kiến nghị UBND Tỉnh các giải pháp cụ thể để hỗ trợ DN, cải thiện môi trường trên địa bàn tỉnh (%)	Trung bình	95.30
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	81.82
[28]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng có hiện tượng các chủ trương của Tỉnh/TW là tốt nhưng khi thực hiện tại SBN thì bị thực hiện không đúng (% không thấy hoặc không phổ biến)	Trung bình	95.54
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	87.88
[29]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD nhận định SBN chủ động đề xuất các chính sách thúc đẩy DN/HTK/HKD vận hành kinh doanh theo hướng thân thiện với môi trường (%)	Trung bình	96.01
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	84.85
[30]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD ghi nhận SBN có nắm bắt và xử lý kịp thời những bất cập, vướng mắc của DN/HTX/HKD trong phạm vi quyền hạn (%)	Trung bình	97.47
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	88.52

3.2.7. Lãnh đạo của sở ban ngành phát huy được vai trò một cách rõ nét và hiệu quả



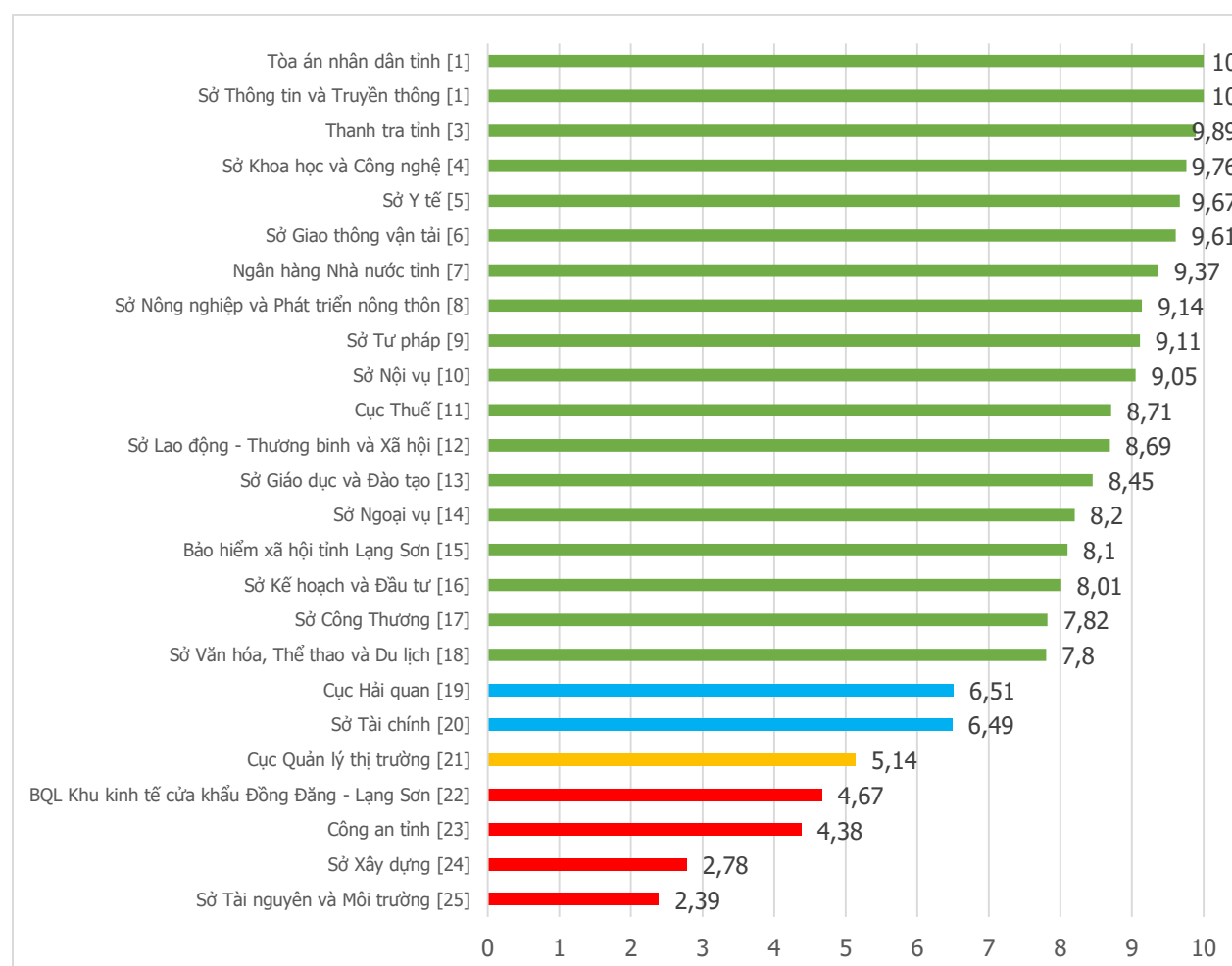
Chỉ số vai trò người đứng đầu đạt 8,45 điểm là chỉ số đạt điểm cao nhất trong bảng xếp hạng 09 CSTP đánh giá khối SBN cho thấy hiệu quả rõ nét mà các lãnh đạo SBN đã mang lại trong một năm điều hành vừa qua. Đây cũng là một chỉ số khá ổn định khi 03 năm liên tiếp bứt phá đều đạt trên mức 08 điểm trong bộ chỉ số. Tuy nhiên, với tiêu chí đánh giá cập nhật của năm 2024, CSTP này vẫn ghi nhận mức giảm điểm nhẹ so với 2023 (giảm 0,97 điểm).

Hình 3.21 minh họa bảng xếp hạng và điểm số CSTP Vai trò người đứng đầu của khối SBN. Năm nay, có 02 đơn vị dẫn đầu trong CSTP Vai trò người đứng đầu với số điểm tuyệt đối 10 điểm là Tòa án nhân dân tỉnh [1] và Sở Thông tin và Truyền thông [1]¹³¹. Nhóm các SBN có điểm số

¹³¹ Công bố Quyết định bổ nhiệm chức vụ Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông. UBND Tỉnh Lạng Sơn. Nguồn: <https://langson.gov.vn/tin-moi/cong-bo-quyet-dinh-bo-nhiem-chuc-vu-giam-doc-so-thong-tin-va-truyen-thong.html>

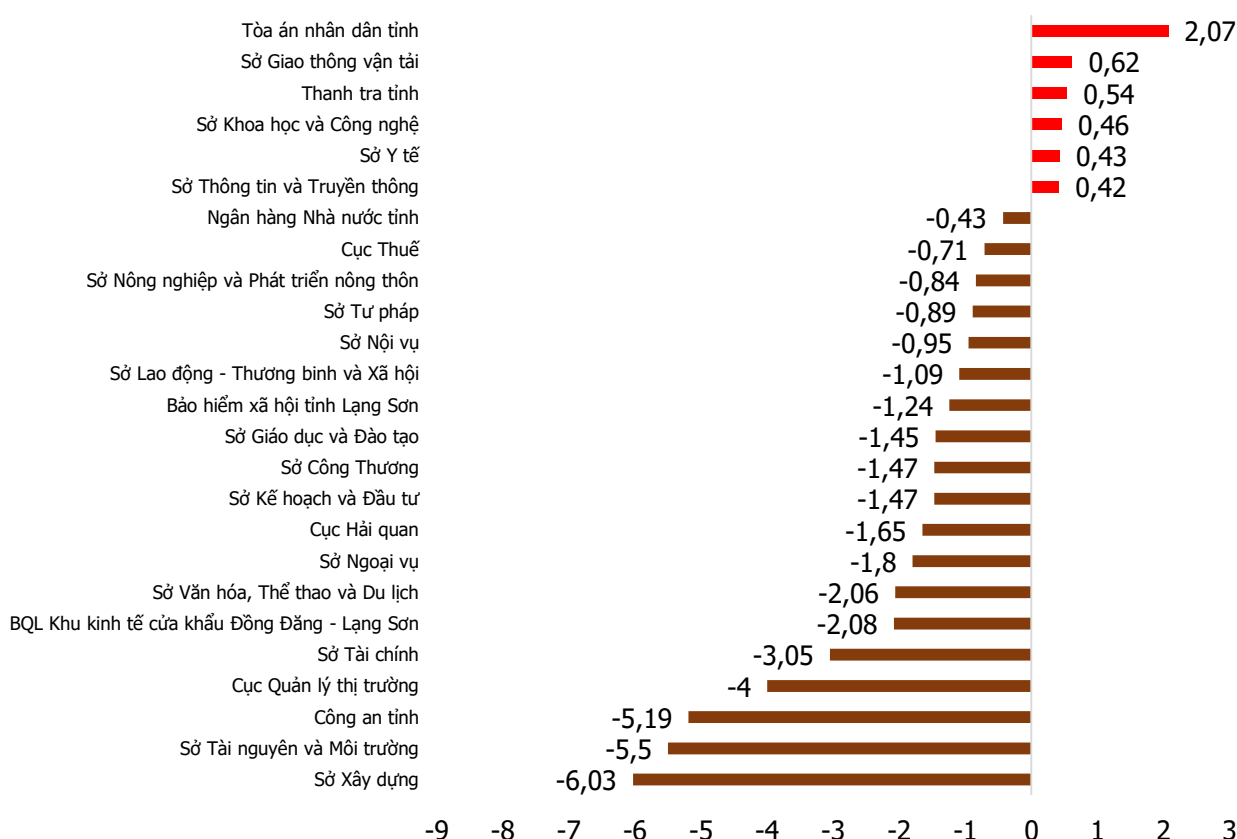
CSTP Vai trò người đứng đầu trên 09 điểm bao gồm 08/25 SBN, bao gồm: Thanh tra tỉnh [3] với 9,89 điểm, Sở Khoa học và Công nghệ [4] với 9,76 điểm, Sở Y tế [5] với 9,67 điểm, Sở Giao thông vận tải [6] với 9,61 điểm, Ngân hàng Nhà nước tỉnh [7] với 9,37 điểm, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [8] với 9,14 điểm, Sở Tư pháp [9] với 9,11 điểm và Sở Nội vụ [10] với 9,05 điểm. Nhóm tiếp theo có điểm CSTP từ 7,8 điểm đến 8,71 điểm, bao gồm: Cục Thuế [11], Sở Lao động - Thương binh và Xã hội [12], Sở Giáo dục và Đào tạo [13], Sở Giáo dục và Đào tạo [13], Sở Ngoại vụ [14], Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn [15], Sở Kế hoạch và Đầu tư [16], Sở Công Thương [17] và Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch [18]. Nhóm có điểm số trung bình từ 5,15 điểm đến 6,51 điểm gồm 03 SBN: Cục Hải quan [19], Sở Tài chính [20] và Cục Quản lý thị trường [21]. Xếp hạng cuối của bảng xếp hạng là những SBN có điểm số dưới mức trung bình, gồm có: BQL Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn [22] với 4,67 điểm, Công an tỉnh [23] với 4,38 điểm, Sở Xây dựng [24] với 2,78 điểm và Sở Tài nguyên và Môi trường [25] với 2,39 điểm.

Hình 3.21. Xếp hạng và điểm số chỉ số Vai trò của người đứng đầu của khối Sở, ban, ngành



CSTP Vai trò người đứng đầu của khối SBN có điểm số cao nhưng đồng thời cũng có mức chênh lệch điểm cao thứ hai trong nhóm các CSTP. Sự khác biệt giữa SBN có điểm cao nhất¹³² và thấp nhất¹³³ (chênh 7,61 điểm) là rất lớn cho thấy dưới góc nhìn của cộng đồng DN, các lãnh đạo SBN cũng có những dấu ấn rất riêng biệt và nhiều khác biệt.

Hình 3.22. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Vai trò của người đứng đầu của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023



Hình 3.22 cung cấp về mức độ cải thiện điểm CSTP Vai trò người đứng đầu của khối SBN 2024 so với 2023, ghi nhận có 06/25 SBN có mức cải thiện điểm tăng và có 19/25 SBN có mức cải thiện điểm giảm. Trong đó, Tòa án nhân dân tỉnh (tăng 2,07 điểm) là đơn vị có mức điểm tăng nhiều nhất; Sở Xây dựng (giảm 6,03 điểm) xác lập mức giảm điểm cao nhất trong mức chênh lệch giảm của SBN đối với CSTP này.

Chỉ số Vai trò người dẫn đầu của khối SBN được đánh giá thông qua 08 câu hỏi. Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 3.8** có thể thấy về cơ bản thì các tiêu chí đều nhận được những sự đánh giá tích cực của cộng đồng doanh nghiệp. Minh chứng về sự đánh giá cao lãnh đạo các SBN thể hiện qua việc cộng đồng DN ghi nhận những sự chỉ đạo quyết liệt từ lãnh đạo SBN như một giải pháp hỗ trợ DN phát triển, cụ thể như: Có 98,43% DN đồng ý với quan điểm cho rằng các lãnh đạo SBN đã và đang chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp hành chính tại các cơ quan

¹³² Tòa án nhân dân tỉnh (10 điểm)

¹³³ Sở Tài nguyên và Môi trường (2,39 điểm)

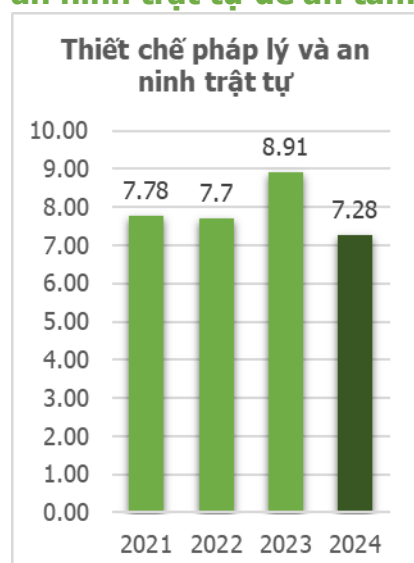
chính quyền; không chỉ quan tâm đến nề nếp kỷ luật của cơ quan hành chính nói chung, lãnh đạo SBN còn quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của các cán bộ chức năng với DN (97,72% DN nhận định). Thêm vào đó, tỷ lệ DN cho rằng lãnh đạo SBN thường giải quyết nhanh chóng và kịp thời những khiếu nại của DN về các cán bộ, bộ phận hành chính của SBN là 97,27% và 97,17% DN nhận thấy lãnh đạo CQĐP có biện pháp kịp thời chấn chỉnh cũng như xử lý và công khai kết quả xử lý các cán bộ có hành vi gây khó khăn mà DN phản ánh lên.

Bên cạnh đó, khi đánh giá về sự phối hợp của lãnh đạo SBN với DN, có 97,93% DN cho rằng lãnh đạo SBN có lắng nghe và tiếp thu các ý kiến đóng góp từ cộng đồng DN để từ đó có những cải thiện tích cực cho môi trường đầu tư và kinh doanh trên địa bàn huyện, Ngoài ra, có 97,31% DN cho rằng lãnh đạo SBN có các hành động cụ thể, chỉ đạo quyết liệt và thiết thực để giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của DN. Và có 91,27% DN bày tỏ sự tin tưởng tuyệt đối rằng người đứng đầu SBN đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn, đây là dấu hiệu cho thấy vai trò của các nhà lãnh đạo thực sự rõ nét và mang lại những kết quả hiệu quả làm hài lòng DN và mang lại sự tín nhiệm cao.

Bảng 3.8. Kết quả đánh giá CSTP Vai trò người đứng đầu khối Sở Ban Ngành

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[31.1]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đồng ý với nhận định “Lãnh đạo SBN chỉ đạo quyết liệt việc tuân thủ kỷ luật, nề nếp hành chính tại địa phương” (%)	Trung bình	98.43
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	95.08
[31.2]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng lãnh đạo SBN có lắng nghe và tiếp thu các ý kiến đóng góp của DN/HTX/HKD (%)	Trung bình	97.93
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	90.16
[31.3]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng lãnh đạo SBN giải quyết nhanh chóng và kịp thời những khiếu nại của doanh nghiệp về các cán bộ, bộ phận hành chính của địa phương (%)	Trung bình	97.27
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	90.91
[31.4]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng lãnh đạo SBN quan tâm đến việc cải thiện văn hóa ứng xử của cán bộ nhà nước và hệ thống chính quyền (%)	Trung bình	97.72
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	88.37
[31.5]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng lãnh đạo SBN đã có biện pháp kịp thời chấn chỉnh/xử lý, và công khai kết quả xử lý các cán bộ có hành vi gây khó khăn được DN phản ánh (%)	Trung bình	97.17
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	87.88
[31.6]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng lãnh đạo SBN có hành động cụ thể, chỉ đạo quyết liệt và thiết thực để giải quyết các vấn đề khó khăn, vướng mắc, kiến nghị của DN (%)	Trung bình	97.31
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	86.89
[31.7]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng lãnh đạo SBN có chủ trương thúc đẩy các hoạt động sản xuất kinh doanh xanh thân thiện với môi trường (%)	Trung bình	97.39
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	87.88
[32]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD bày tỏ sự tin tưởng rằng người đứng đầu SBN đã hành động để thực hiện các cam kết cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh của mình (%)	Trung bình	91.27
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	72.73

3.2.8. Doanh nghiệp cần thêm các chính sách hỗ trợ về thiết chế pháp lý và an ninh trật tự để an tâm sản xuất kinh doanh



Chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự là CSTP được ghi nhận giảm điểm nhiều thứ hai trong nhóm 09 CSTP đánh giá khối SBN năm 2024. Chỉ số này đạt 7,28 điểm, ghi nhận giảm 1,63 điểm so với năm 2023 nhưng đối với bộ tiêu chí đánh giá năm nay, chỉ số này của khối SBN chủ yếu để đánh giá mức độ phù hợp của thiết chế pháp lý theo góc nhìn của cộng đồng DN. Trên thực tế, các SBN rất quan tâm đến vấn đề hỗ trợ pháp lý nhằm giúp DN phát triển thuận lợi hơn, ví dụ như: Công tác cung cấp thông tin pháp luật giảm thiểu rủi ro về pháp lý cho DN của Sở tư pháp¹³⁴, hưởng ứng diễn đàn “Kinh doanh và Pháp luật”¹³⁵,...

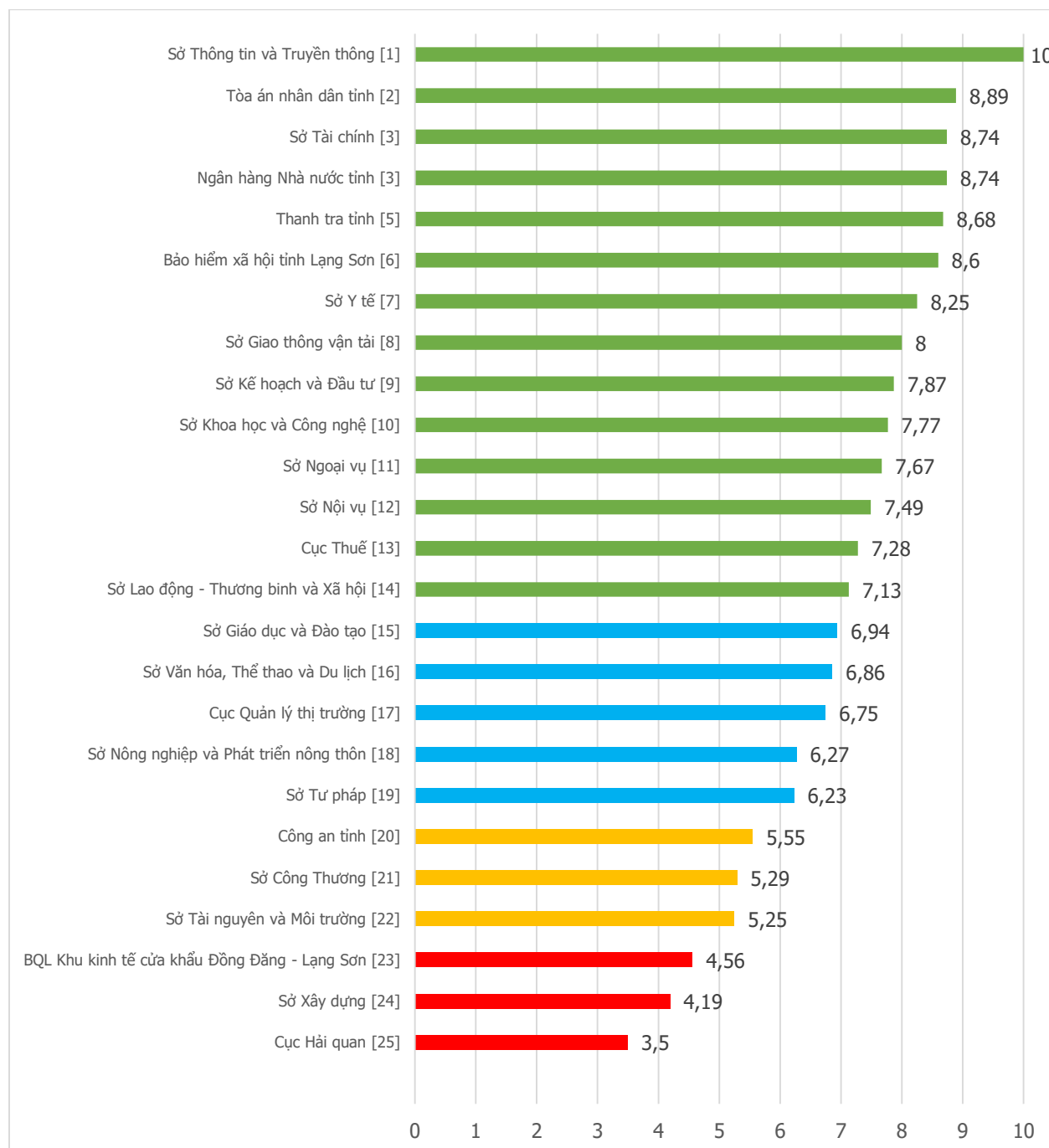
Hình 3.23 minh họa bảng xếp hạng và điểm số CSTP

Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối SBN. Đứng đầu là Sở Thông tin và Truyền thông [1] với số điểm đánh giá tuyệt đối là 10 điểm. Đối với CSTP này, không ghi nhận SBN nào đạt được 09. Nhóm tiếp theo trong bảng xếp hạng là 13 SBN đạt phổ điểm từ 7,13 điểm đến 8,89 điểm, bao gồm: Tòa án nhân dân tỉnh [2], Sở Tài chính [3], Ngân hàng Nhà nước tỉnh [3], Thanh tra tỉnh [5], Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn [6], Sở Y tế [7], Sở Giao thông vận tải [8], Sở Kế hoạch và Đầu tư [9], Sở Khoa học và Công nghệ [10], Sở Ngoại vụ [11], Sở Nội vụ [12], Cục Thuế [13] và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội [14]. Nhóm các SBN có mức điểm trung bình khá ghi nhận 09 SBN, bao gồm: Sở Giáo dục và Đào tạo [15], Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch [16], Cục Quản lý thị trường [17], Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [18], Sở Tư pháp [19], Công an tỉnh [20], Sở Công Thương [21] và Sở Tài nguyên và Môi trường [22]. Nhóm cuối cùng là 03 SBN đạt mức điểm dưới trung bình, là: BQL Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn [23] với 4,56 điểm, Sở Xây dựng [24] với mức điểm 4,19 điểm và Cục Hải quan [25] với 3,5 điểm.

¹³⁴ Cung cấp thông tin pháp luật: Giải pháp góp phần hạn chế rủi ro về pháp lý cho doanh nghiệp (2024). Đài truyền hình Lạng Sơn. Nguồn: <https://langson.tv.vn/news/475/78032/cung-cap-thong-tin-phap-luat-giai-phap-gop-phan-han-che-rui-ro-ve-phap-ly-cho-doanh-nghiep>

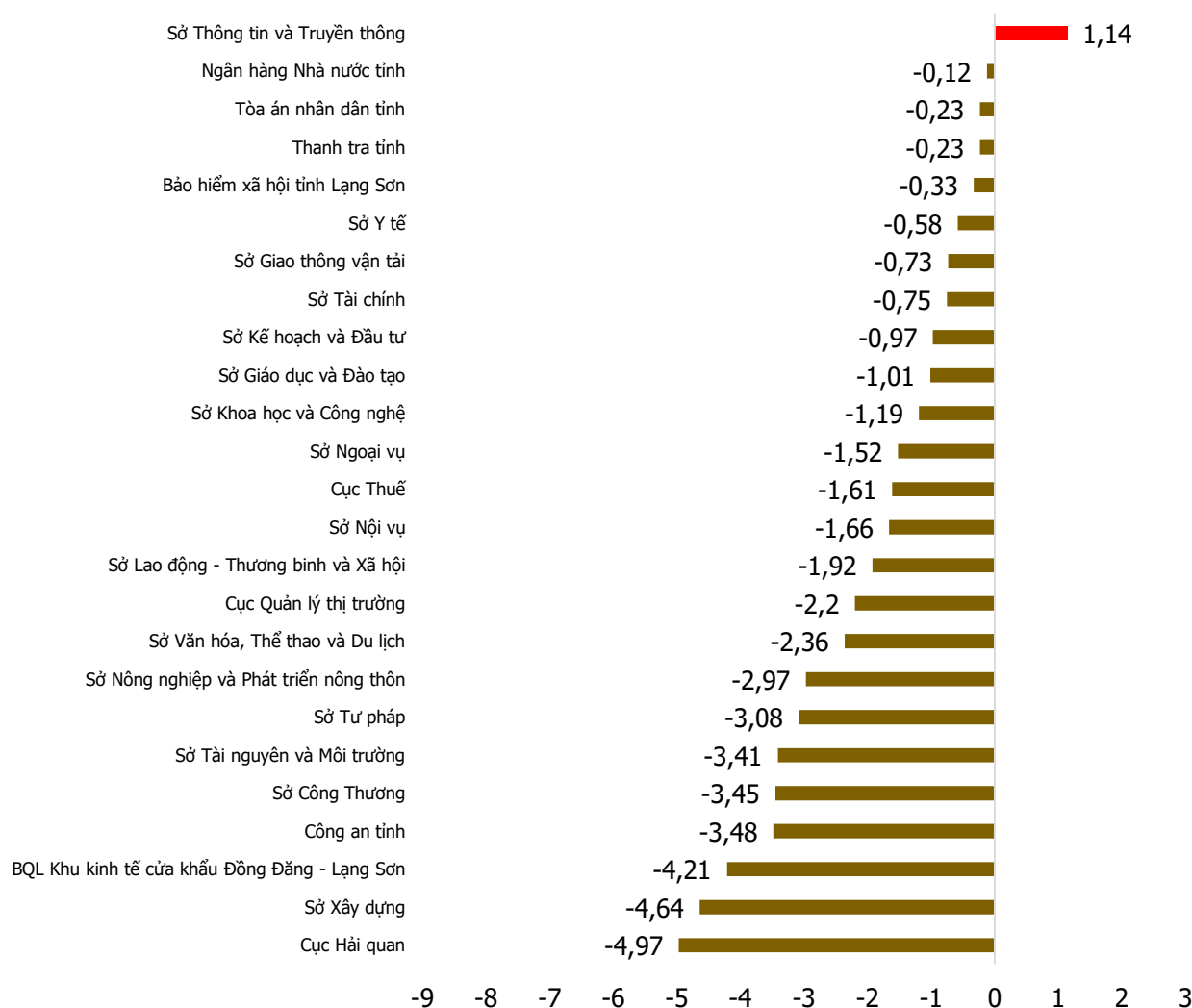
¹³⁵ Diễn đàn “Kinh doanh và pháp luật” năm 2024. Báo Lạng Sơn. Nguồn: <https://baolangson.vn/dien-dan-kinh-doanh-va-phap-luat-5024432.html>

Hình 3.23. Xếp hạng và điểm số CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối Sở, ban, ngành



Hình 3.24 cung cấp về mức độ cải thiện điểm CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối SBN 2024 so với 2023, ghi nhận chỉ có 01/25 SBN có mức cải thiện điểm tăng là Sở thông tin và truyền thông còn lại 10/25 SBN có mức cải thiện điểm giảm, trong đó, mức giảm điểm cao nhất thuộc Cục Hải quan (giảm 4,97 điểm), Sở Xây dựng (giảm 4,64 điểm) và BQL Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn (giảm 4,21 điểm). Với mức giảm điểm trên toàn khối SBN cho thấy rõ ràng nhất các hoạt động liên quan đến pháp lý và an ninh trật tự vẫn chưa thực sự tối ưu về hiệu quả và cần rà soát kỹ các chính sách hỗ trợ để cải thiện chỉ số này.

Hình 3.24. Mức độ cải thiện điểm số CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối Sở, ban, ngành 2024 so với 2023



Chỉ số Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự của khối SBN được đánh giá thông qua 04 câu hỏi. Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 3.9**, nhận thấy một số vấn đề liên quan đến thiết chế pháp lý: Có 96,56% DN tin tưởng vào sự nghiêm minh của các SBN thể hiện qua việc không bao che cho các cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi vi phạm. Nhiều SBN nhận được tín nhiệm 100% của DN khi nhận định về vấn đề này như: Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính, Sở Thông tin và Truyền thông, Sở Tư pháp, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Thanh tra tỉnh và Tòa án nhân dân tỉnh. Bên cạnh đó, 87,83% DN cho rằng các SBN có tham mưu, giải quyết và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật, tranh chấp của DN thuộc phạm vi quản lý một cách nghiêm minh, kịp thời và công bằng.

Ngoài ra, đối với các cơ chế khiếu nại tại SBN, có 90,64% DN khẳng định có biết về các cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp quản lý có thẩm quyền trong trường hợp cán bộ, nhân viên SBN làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây

khó khăn khi giải quyết TTHC và 92,93% DN bày tỏ sự hài lòng với công tác giải quyết cũng như kết quả khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền. Tuy nhiên, từ góc nhìn ngược lại thì vẫn còn 9,36% DN chưa ý thức được “quyền được khiếu nại” của mình dẫn đến tâm lý chịu đựng nếu rơi vào tình huống bị gây khó khăn bởi các cán bộ, nhân viên làm trái quy định của pháp luật từ đó có thể gây đến những bức xúc không đáng có. Để cải thiện chỉ số này, cần thêm nhiều các hoạt động truyền thông và tuyên truyền sát sao hơn.

Bảng 3.9. Kết quả đánh giá CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự khối Sở, ban, ngành

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[33]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đồng ý với nhận định “SBN sẽ không bao che và nghiêm minh xử lý các cán bộ, công chức, viên chức thuộc thẩm quyền quản lý có hành vi nhũng nhiễu” (%)	Trung bình	96,59
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	87,88
[34]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng SBN có tham mưu/giải quyết/xử lý các hành vi vi phạm pháp luật/tranh chấp của DN/HTX/HKD thuộc phạm vi quản lý đảm bảo nghiêm minh, kịp thời, công bằng (% luôn luôn/ thường xuyên)	Trung bình	87,03
	Cao nhất	97,06
	Thấp nhất	78,79
[35]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD có biết về cơ chế khiếu nại hoặc đã từng khiếu nại lên cấp QL có thẩm quyền trong trường hợp cán bộ, nhân viên SBN làm trái với các quy định của pháp luật hoặc gây khó khăn khi giải quyết TTHC (%)	Trung bình	90,64
	Cao nhất	97,06
	Thấp nhất	81,25
[36]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD đã từng khiếu nại lên cấp QL có thẩm quyền cảm thấy hài lòng với công tác giải quyết khiếu nại của cơ quan có thẩm quyền (%)	Trung bình	92,93
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	0

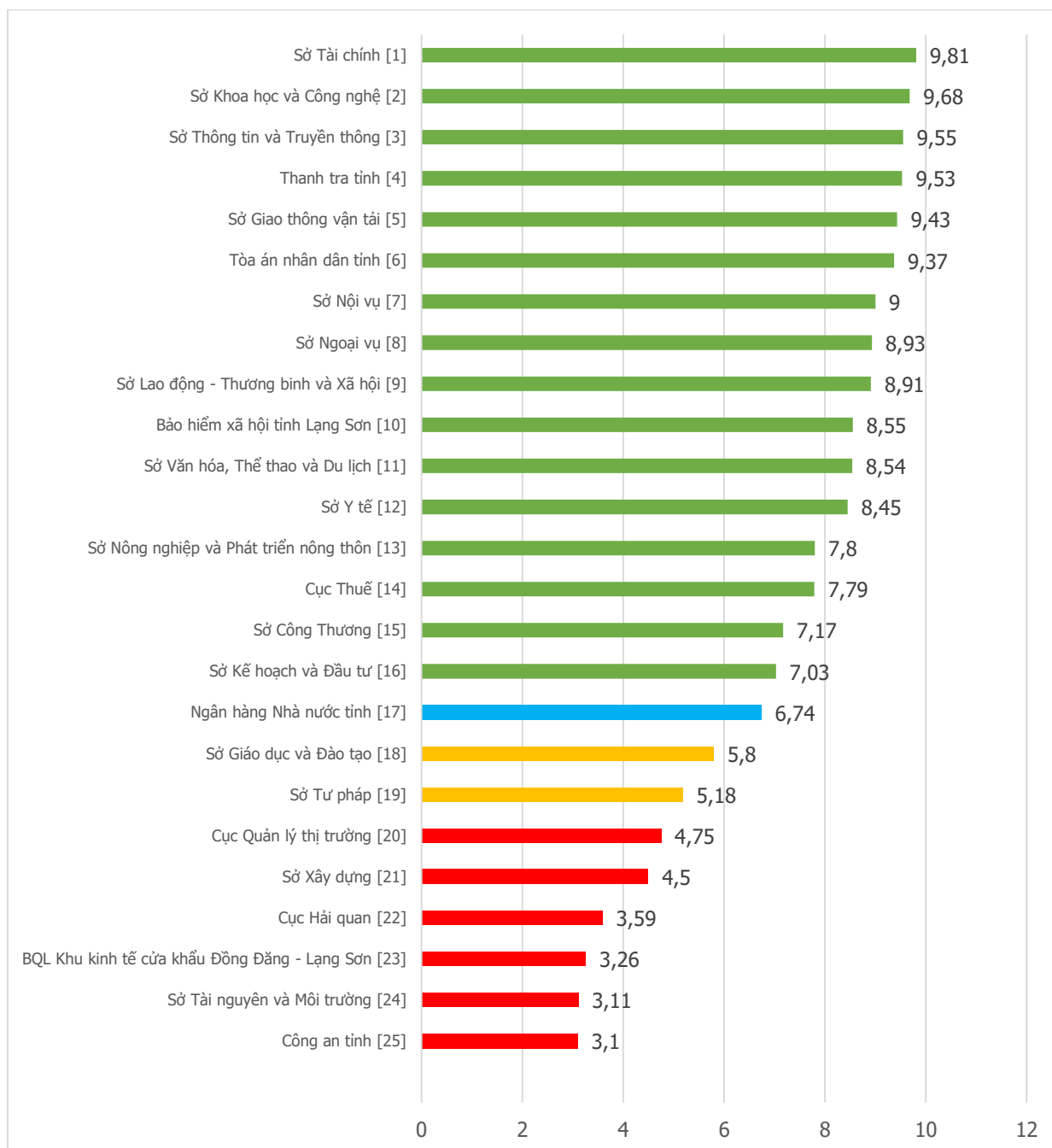
3.2.9. Ứng dụng công nghệ làm thông tin thân thiện hơn với cộng đồng doanh nghiệp

Tính đến thời điểm này thì chắc chắn ứng dụng công nghệ thông tin là một điểm mạnh của tỉnh Lạng Sơn khi được vinh danh trong 11 Cơ quan nhà nước chuyển đổi số xuất sắc cấp quốc gia¹³⁶ với hai giải pháp, đó là “Mô hình tổ công nghệ số cộng đồng trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn” và “Chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo tỉnh Lạng Sơn”. Dưới đánh giá và góc nhìn của cộng đồng DN, năm 2024, chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin của khối SBN đạt 7,8 điểm. Đây là chỉ số lần đầu tiên được đưa vào đánh giá trong bộ chỉ số DDCI 2024 nên không có bất cứ sự đối chiếu so sánh nào với các năm trước.

¹³⁶ Lạng Sơn được vinh danh Cơ quan chuyển đổi số xuất sắc (2024). Báo VnExpress.

Nguồn: <https://vnexpress.net/lang-son-duoc-vinh-danh-co-quan-chuyen-doi-so-xuat-sac-4801456.html>

Hình 3. 25. Xếp hạng và điểm số CSTP Ứng dụng công nghệ thông tin của khối Sở, ban, ngành



Nhóm đứng đầu với 07 SBN đạt điểm 09 trở lên, bao gồm: Sở Tài chính [1] với 9,81 điểm, Sở Khoa học và Công nghệ [2] với 9,68 điểm, Sở Thông tin và Truyền thông [3] với 9,55 điểm, Thanh tra tỉnh [4] với 9,53 điểm, Sở Giao thông vận tải [5] với 9,43 điểm, Tòa án nhân dân tỉnh [6] với 9,37 điểm và Sở Nội vụ [7] với 9 điểm tròn. *Nhóm thứ hai* gồm 09 SBN với phổ điểm từ 7,03 điểm đến 8,93 điểm, bao gồm: Sở Ngoại vụ [8], Sở Lao động - Thương binh và Xã hội [9], Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn [10], Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch [11], Sở Y tế [12], Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn [13], Cục Thuế [14], Sở Công Thương [15] và Sở Kế hoạch và Đầu tư [16]. Nhóm thứ ba ghi nhận mức điểm trung bình khá của 03 SBN, gồm: Ngân hàng Nhà nước tỉnh [17], Sở Giáo dục và Đào tạo [18] và Sở Tư pháp [19]. Và nhóm cuối trong bảng xếp

với mức điểm dưới trung bình, ghi nhận 06 SBN, bao gồm: Cục Quản lý thị trường [20] với 4,75 điểm, Sở Xây dựng [21] với 4,5 điểm, Cục Hải quan [22] với 3,59 điểm, BQL Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn [23] với 3,26 điểm, Sở Tài nguyên và Môi trường [24] với 3,11 điểm và Công an tỉnh [25] với 3,1 điểm.

Chỉ số Ứng dụng công nghệ thông tin của khối SBN được đánh giá thông qua 04 câu hỏi, Theo kết quả phân tích CSTP năm 2024 trình bày tại **Bảng 3.10.** dễ dàng nhận thấy các SBN hưởng ứng toàn diện phong trào ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số theo chủ trương của UBND tỉnh nhưng từ phía cộng đồng DN vẫn chưa tận dụng hết thế mạnh này của tỉnh và/hoặc chưa được truyền thông sát sao để sử dụng công nghệ phục vụ cho việc phát triển thông tin tại DN. Cụ thể, chỉ có 63,58% DN cho biết thường xuyên truy cập vào Website của SBN, trong số đó, có 97,02% DN cho rằng giao diện trên website là thân thiện, dễ sử dụng và cũng dễ tìm kiếm thông tin. Ngoài ra, với các tiêu chí về việc cập nhật thông tin trên website cũng mang lại những phản hồi tích cực, cụ thể: có 95,76% DN cho rằng tài liệu quy phạm pháp luật, thông tin quy hoạch, kế hoạch, chế độ chính sách được SBN công bố đầy đủ kịp thời trên website và 95,58% DN cho rằng các kết quả xử lý, trả lời câu hỏi, giải đáp thắc mắc, kiến nghị được công khai đầy đủ trên website. Các kết quả này khá phù hợp với các thông số về tính minh bạch và tiếp cận thông tin của các SBN ở các nội dung trên, chính vì vậy nếu biết tiếp tục tận dụng ứng dụng công nghệ trong tương tác với DN thì sự đón nhận của cộng đồng DN sẽ càng ngày càng thân thiện hơn cũng như tính minh bạch thông và chi phí thời gian sẽ giảm cải thiện đáng kể.

Bảng 3.10. Kết quả đánh giá CSTP Ứng dụng công nghệ thông tin khối UBND các huyện, thành phố

Tiêu chí	Giá trị	Tỷ lệ
[37]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho biết thường xuyên truy cập vào website của SBN (% luôn luôn hoặc thường xuyên)	Trung bình	63,55
	Cao nhất	79,41
	Thấp nhất	38,46
[38]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng Giao diện trên website là thân thiện, dễ sử dụng, dễ dàng tìm kiếm nội dung thông tin (%)	Trung bình	97,02
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	89,29
[39]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng tài liệu quy phạm pháp luật, thông tin quy hoạch, kế hoạch, chế độ chính sách được CQĐP công bố đầy đủ kịp thời trên website (%)	Trung bình	95,76
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	85,25
[40]. Tỷ lệ DN/HTX/HKD cho rằng các kết quả xử lý, trả lời câu hỏi, giải đáp thắc mắc, kiến nghị được công khai đầy đủ trên website (%)	Trung bình	95,58
	Cao nhất	100
	Thấp nhất	85,25

3.3. Tổng hợp một số góp ý của DN/HTX/HKD từ các đơn vị khảo sát DDCI khối Sở, ban, ngành

Đối với Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn:

Góp ý tích cực: DN ghi nhận dịch vụ hành chính công một cửa thường nhận kết quả và “trả đúng hạn”.

Góp ý cải thiện: DN cho rằng kết quả thẩm định qua hành chính công một cửa thường “không đạt được yêu cầu của doanh nghiệp”; Bộ phận một cửa vận dụng văn bản “thiếu linh hoạt” thậm chí đưa ra các trích dẫn văn bản “không phù hợp và không có lợi” trong việc hỗ trợ DN; DN mong muốn các DN vừa và nhỏ trong địa bàn tỉnh cần được quan tâm **hỗ trợ** hơn nữa; Đặc biệt, các DN vừa và nhỏ cần được tạo điều kiện để được tiếp cận các nguồn vốn đầu tư tốt hơn.

Đối với Công an tỉnh:

Góp ý tích cực: DN ghi nhận “Công an PCCC luôn hỗ trợ tập huấn PCCC, Kiểm tra và nhắc nhở khắc phục các điều kiện PCCC tại chợ” **hỗ trợ DN** tránh các nguy cơ mất an toàn do cháy nổ.

Góp ý cải thiện: Việc Công an không dùng sổ hộ khẩu nữa dẫn đến việc cần xin xác nhận thông tin nơi cư trú phải di chuyển đến Công an phường xin, dẫn đến mất thời gian đi lại, **tăng chi phí thời gian** của DN.

Đối với Cục Hải quan:

Góp ý tích cực: DN bày tỏ sự hài lòng về việc “thủ tục hành chính nhanh chóng”, “tạo mọi điều kiện thuận lợi” giúp **hỗ trợ DN** phát triển.

Đối với Cục Quản lý thị trường:

Góp ý tích cực: DN bày tỏ sự hài lòng về “khâu giải quyết thủ tục hành chính”.

Đối với Cục Thuế:

Góp ý tích cực: DN ghi nhận Cục thuế giải quyết các thủ tục hành chính “khá nhanh chóng”; DN bày tỏ sự hài lòng về “khâu giải quyết thủ tục hành chính” của cơ quan Thuế.

Góp ý cải thiện: HKD có mong muốn được cơ quan Thuế “hướng dẫn, đào tạo chi tiết hơn” về các chính sách thuế; HKD thương mại điện tử đề nghị “Các nội dung sửa đổi về thuế thương mại điện tử cần được phổ biến hơn và cập nhật thường xuyên” để **hỗ trợ DN/HKD** có thể nắm bắt được các thông tin cũng như quy trình chuẩn mực, tránh trường hợp dẫn đến “nộp phạt thuế thu nhập” do thiếu thông tin hiểu biết về các bộ luật sửa đổi; DN mong muốn các DN vừa và nhỏ được tiếp cận các nguồn vốn đầu tư tốt.

Đối với Ngân hàng Nhà nước tỉnh:

Góp ý cải thiện: Các DN vừa và nhỏ mong muốn được tạo điều kiện về nguồn vốn để **hỗ trợ DN** phát triển đi lên.

Đối với Sở Công Thương:

Góp ý cải thiện: DN bày tỏ Sở phối hợp với DN trong việc xử lý các sự vụ phát sinh tốt, các vấn đề “được giải quyết nhanh chóng”; DN mong muốn năng lực điều hành của Cơ quan Nhà nước luôn được “cải thiện và nâng cao”.

Đối với Sở Giao thông vận tải:

Góp ý tích cực: DN đánh giá “thủ tục nhanh chóng, thuận tiện”.

Góp ý cải thiện: Có DN phản ánh quy trình làm việc của Sở trong việc xử lý các hồ sơ xử phạt “lâu” và “quy trình chưa cụ thể”, thời gian chờ đợi kết quả xử lý “chậm”, thái độ của cán bộ “chưa tích cực”.

Đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư:

Góp ý tích cực : DN ghi nhận Sở có “hướng dẫn thủ tục cho DN” hỗ trợ DN thực hiện các thủ tục hành chính một cách nhanh nhất; DN đánh giá các **thủ tục hành chính** của Sở “nhanh gọn, có thể làm online”, “nhanh chóng, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp phát triển”; DN ghi nhận các thủ tục đăng ký kinh doanh được thực hiện qua mạng rất thuận tiện; DN ghi nhận các cán bộ sở hướng dẫn rất nhiệt tình qua điện thoại; DN ghi nhận khi thực hiện các thủ tục hành chính tại trung tâm hành chính công của tỉnh được cán bộ hướng dẫn rất nhiệt tình; DN nhận thấy Sở hỗ trợ DN “rất nhiều”.

Góp ý cải thiện: DN phản ánh việc triển khai nghị quyết đôi khi còn chậm.

Đối với Sở Khoa học và Công nghệ:

Góp ý cải thiện: DN mong muốn được **tiếp cận các nguồn vốn** và công trình, dự án của Nhà nước; DN kiến nghị đến Sở trong việc **hướng dẫn các thủ tục hành chính** cho DN cần “tận tình hơn”, các **thủ tục hành chính trên cổng thông tin điện tử** “cần hoàn thiện hơn” vì hiện nay vẫn còn “rất nhiều thủ tục phải nộp trực tiếp”; DN đề nghị Sở kiến tạo môi trường đầu tư “năng động hơn nữa, dễ dàng hơn” để **thu hút các nhà đầu tư** đến đầu tư để phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

Đối với Sở Ngoại vụ:

Góp ý cải thiện: DN mong muốn Sở có các phương án “thu hút đầu tư, tạo thêm công ăn việc làm cho nhân dân biên giới” và dành sự quan tâm đến các doanh nghiệp trong tỉnh; đồng thời, tạo mọi điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh; DN đề nghị các thủ tục hành chính cần “nhanh chóng, thông thoáng” để doanh nghiệp phát triển.

Đối với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn:

Góp ý tích cực: DN ghi nhận sự **hỗ trợ và tạo điều kiện** của Sở trong việc hỗ trợ các DN quảng bá và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của đơn vị; DN ghi nhận Sở kết hợp cùng DN xử lý các công việc liên quan tốt.

Góp ý cải thiện: DN nhận định việc quảng bá du lịch ẩm thực Tỉnh đang “kém hơn so với các Tỉnh khác”, DN kiến nghị Sở cần quan tâm hơn đến các HTX và DN có tiềm năng, nhiệt tình và tâm huyết trong việc phát triển du lịch, ẩm thực của địa phương mình bằng việc thực hiện nghiêm túc và chuyên nghiệp các hội chợ cấp Tỉnh, các thủ tục mời/thông báo tham gia hội chợ cần được gửi đầy đủ vì có hiện tượng các cơ sở có nhu cầu tham gia nhưng không nhận được thư mời/thông báo; HTX khuyến nghị Sở xem xét tạo điều kiện cho các HTX được phát triển hơn nữa bằng việc cung cấp các **chính sách hỗ trợ** “rõ ràng hơn và ưu tiên nhiều hơn” cho các đơn vị tại địa phương.

Đối với Sở Tài nguyên và Môi trường:

Góp ý tích cực: DN nhận định Sở “luôn cập nhật và hướng dẫn cho DN các chính sách, quy định theo đúng pháp luật”; DN bày tỏ sự hài lòng về **dịch vụ công trực tuyến** “nhanh”, tải được các hồ sơ “dung lượng lớn”, đánh giá tốt hơn nhiều tỉnh lân cận;

Góp ý cải thiện: DN mong muốn Sở “sát sao” trong việc **hỗ trợ DN phát triển** trên địa bàn địa phương; DN đề nghị Phòng tài nguyên môi trường thành phố nên xem xét lại về các trường hợp liên quan đến đất cho tặng; DN ghi nhận Sở hỗ trợ và phối

hợp DN tốt; DN phản nản các **thủ tục hành chính công** của Sở còn “phức tạp”, đối với các thủ tục **tiếp cận đất đai** đôi khi còn “mất thời gian”, chưa rõ ràng về thủ tục “vừa nộp trực tuyến mà vẫn phải nộp hồ sơ một cửa”; DN phản ánh bộ phận một cửa chưa được trang bị máy móc thiết bị để hỗ trợ nộp hồ sơ trực tuyến, “bắt người nộp thực hiện trên điện thoại cá nhân”.

Đối với Sở Tư pháp:

Góp ý tích cực: DN ghi nhận Sở “thường xuyên cập nhật những thay đổi về quy trình, thủ tục, hồ sơ theo quy định của pháp luật hiện hành”; DN đánh giá việc cập nhật trên các **trang thông tin điện tử** của Sở là “nhanh chóng”; DN cho rằng Sở thực hiện **giải quyết các thủ tục hành chính** “tương đối nhanh, ổn”.

Đối với Sở Xây dựng:

Góp ý cải thiện: DN phản ánh một số nhân viên làm việc tại bộ phận một cửa thuộc trung tâm hành chính công “còn lơ là, thiếu trách nhiệm”, gây ra các cảm xúc tiêu cực cho đơn vị, DN mong muốn nhận được sự “hướng dẫn tận tình hơn nữa” khi thực hiện các thủ tục hành chính tại Sở.

Đối với Sở Y tế:

Góp ý cải thiện: DN mong muốn các **thủ tục hành chính** của Sở “cần đơn giản, giải quyết nhanh chóng hơn”; cán bộ cần hướng dẫn các thủ tục “tận tình hơn” cho DN; các **thủ tục hành chính trên cổng thông tin điện tử** “cần hoàn thiện” vì vẫn còn “rất nhiều thủ tục phải nộp trực tiếp”; DN mong muốn Sở tạo ra môi trường đầu tư năng động để thu hút các nhà đầu tư với các DN làm việc với Sở.

DDCI LẠNG SƠN 2024

CHƯƠNG 4

TỔNG KẾT CÁC XU HƯỚNG VÀ KHUYẾN NGHỊ



CHƯƠNG 04: TỔNG KẾT CÁC XU HƯỚNG VÀ KHUYẾN NGHỊ

4.1. Tổng kết các xu hướng

4.1.1. Hồ sơ DDCI 2024 toàn tỉnh Lạng Sơn

Việc triển khai Bộ chỉ số DDCI là một trong những giải pháp quan trọng nhằm nâng cao năng lực điều hành của các cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Lạng Sơn, đồng thời giúp hoàn thiện và nâng cao năng lực cạnh tranh của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, thành phố trên địa bàn toàn tỉnh. Bộ chỉ số DDCI năm 2024 được xây dựng dựa trên khung tham chiếu PCI và thiết kế với nhiều cải tiến để đảm bảo phù hợp với đặc điểm, điều kiện, nhu cầu và tiềm năng thực tế của các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, thành phố trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn, góp phần đánh giá và cải thiện hiệu quả hoạt động điều hành, quản lý, từ đó, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp và người dân phát triển, góp phần thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh tăng trưởng không ngừng.

Năm 2024, DDCI triển khai đưa vào bộ tiêu chí cập nhật bằng việc bỏ đi các câu hỏi đã cũ, trùng lặp, thiếu tính đánh giá tập trung, thay thế bằng các câu hỏi mới, thực tiễn, ngắn gọn nhưng có tính đo lường cao, đồng thời, thay đổi các trọng số¹³⁷ CSTP (5%, 10%, 15%) trong tổng điểm xếp hạng DDCI của khối SBN và khối UBND huyện, thành phố, đảm bảo tương thích cao nhất với chỉ số PCI, từ đó, cung cấp một góc nhìn mới cho việc đánh giá DDCI năm nay.

Chỉ số DDCI 2024 của toàn tỉnh Lạng Sơn bao gồm 10 chỉ số thành phần chính, là sự tổng hợp kết quả từ 2.094 phiếu phản hồi tổng hợp đánh giá cho 36 đơn vị, gồm 25 SBN và 11 UBND huyện, thành phố, bao gồm: (1) Tính minh bạch và tiếp cận thông tin; (2) Chi phí thời gian; (3) Chi phí không chính thức; (4) Cạnh tranh bình đẳng; (5) Hỗ trợ doanh nghiệp; (6) Tính năng động và hiệu lực; (7) Vai trò của người đứng đầu; (8) Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự; (9) Ứng dụng công nghệ thông tin; và (10) Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất vào môi trường.

Căn cứ vào kết quả tổng hợp và tính toán dựa trên trung bình cộng của điểm DDCI khối UBND huyện, thành phố¹³⁸ và điểm DDCI khối SBN¹³⁹, điểm **DDCI 2024 toàn tỉnh đạt 71,41 điểm**¹⁴⁰, đây là một mức điểm khá tốt so với tiêu chuẩn đánh giá năng lực cạnh tranh toàn tỉnh. Tuy nhiên, vì có sự khác biệt về bộ chỉ số và tiêu chí đánh giá các CSTP giữa năm 2024 và 2023 nên báo cáo không đưa các so sánh cụ thể về xu hướng điểm DDCI toàn tỉnh trong giai đoạn hai năm vừa qua.

Hình 4.1 minh họa điểm số 10 CSTP DDCI toàn tỉnh của năm 2024, qua đó có thể thấy tất cả 10/10 CSTP đều đạt trên 06 điểm. Có 01/10 CSTP đạt trên 08 điểm và cũng là CSTP có mức điểm số cao nhất trong bảng xếp hạng các CSTP là chỉ số Vai trò người đứng đầu với 8,15 điểm. Nhóm chiếm đa số là nhóm các CSTP có mức điểm trong khoảng từ 7-8 điểm, bao gồm: CSTP Ứng dụng công nghệ thông tin với 7,75 điểm, CSTP Chi phí thời gian với 7,50 điểm, CSTP Hỗ trợ doanh nghiệp với 7,39 điểm, CSTP

¹³⁷ DDCI Lạng Sơn 2023 áp dụng phương pháp trọng số bình quân với mỗi CSTP có trọng số bằng nhau là 12,5%

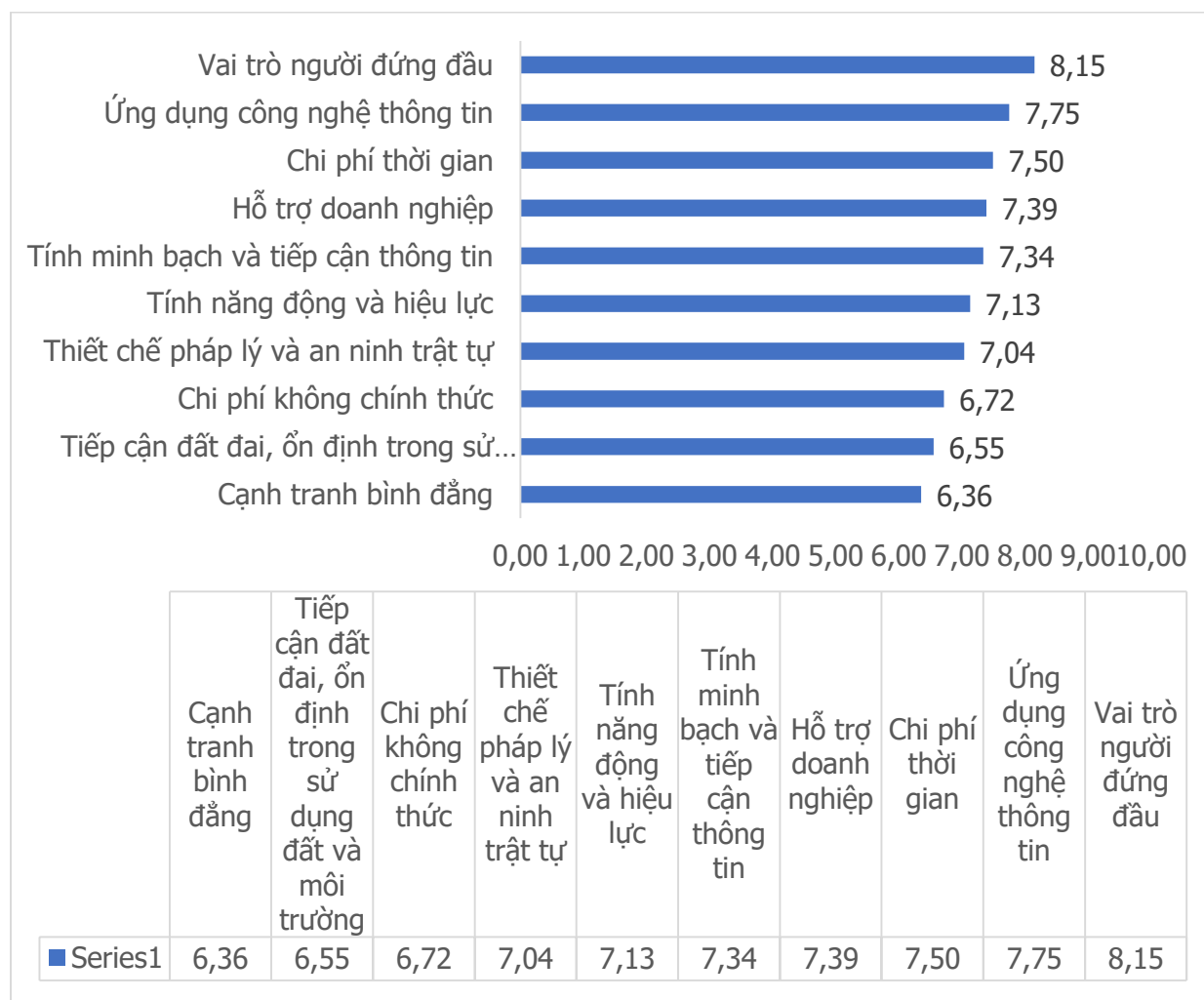
¹³⁸ DDCI 2024 khối UBND huyện, thành phố đạt 65,71 điểm

¹³⁹ DDCI 2024 khối SBN đạt 77,11 điểm

¹⁴⁰ Công thức tính bằng trung bình cộng của DDCI khối UBND huyện, thành phố và khối SBN

Tính minh bạch và tiếp cận thông tin với 7,34 điểm, CSTP Tính năng động và hiệu lực với 7,13 điểm và CSTP Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự với 7,04 điểm. Nhóm cuối trong bảng xếp hạng các CSTP là 03/10 CSTP có mức điểm trung bình khá từ 6-7 điểm, bao gồm: CSTP Chi phí không chính thức với 6,72 điểm, CSTP Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường với 6,55 điểm và CSTP Cạnh tranh bình đẳng với 6,36 điểm là chỉ số có mức điểm thấp nhất.

Hình 4.1. Điểm số 10 chỉ số thành phần DDCI 2024 toàn tỉnh



4.1.2. Xu hướng của các chỉ số DDCI 2024

Thông qua kết quả phân tích DDCI 2024 giai đoạn 2021 – 2024, và so sánh điểm số các CSTP của DDCI 2024 đối với khối Sở Ban Ngành tại **Hình 4.2**, khối UBND huyện, thành phố tại **Hình 4.3** và trên toàn tỉnh tại **hình 4.4**, xu hướng của các chỉ số thành phần của DDCI Lạng Sơn được thể hiện qua 02 xu hướng sau:

(1) Xu hướng tăng chung

- Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường được ghi nhận có sự phát triển tích cực trong năm vừa qua, cộng đồng DN ghi nhận các thủ tục về đất đai có xu hướng thuận lợi và được ghi nhận thỏa đáng hơn về cơ chế cũng như chính sách.

(2) Xu hướng phát triển nhưng thiếu đồng bộ:

- Công tác hỗ trợ DN được đánh giá tốt đối với khối SBN nhưng chỉ duy trì ổn định đối với khối UBND huyện, thành phố, nhưng cộng đồng DN vẫn dành rất nhiều thiện cảm cho các công tác hỗ trợ này.

- Công cuộc cải cách hành chính đã mang lại xu hướng tăng trưởng trong việc giảm thiểu chi phí thời gian cho DN, tuy nhiên khối SBN đang làm việc này tốt hơn khối UBND huyện, thành phố.

- Cộng đồng DN ghi nhận được chính quyền các địa phương đối xử càng ngày càng bình đẳng hơn, tuy nhiên, chỉ số này đối với khối SBN còn cần phải cải thiện.

(3) Xu hướng cần cải thiện:

- Chi phí không chính thức vẫn có dấu hiệu xuất hiện trong các thủ tục hành chính, đặc biệt là đối với khối UBND huyện thành phố.

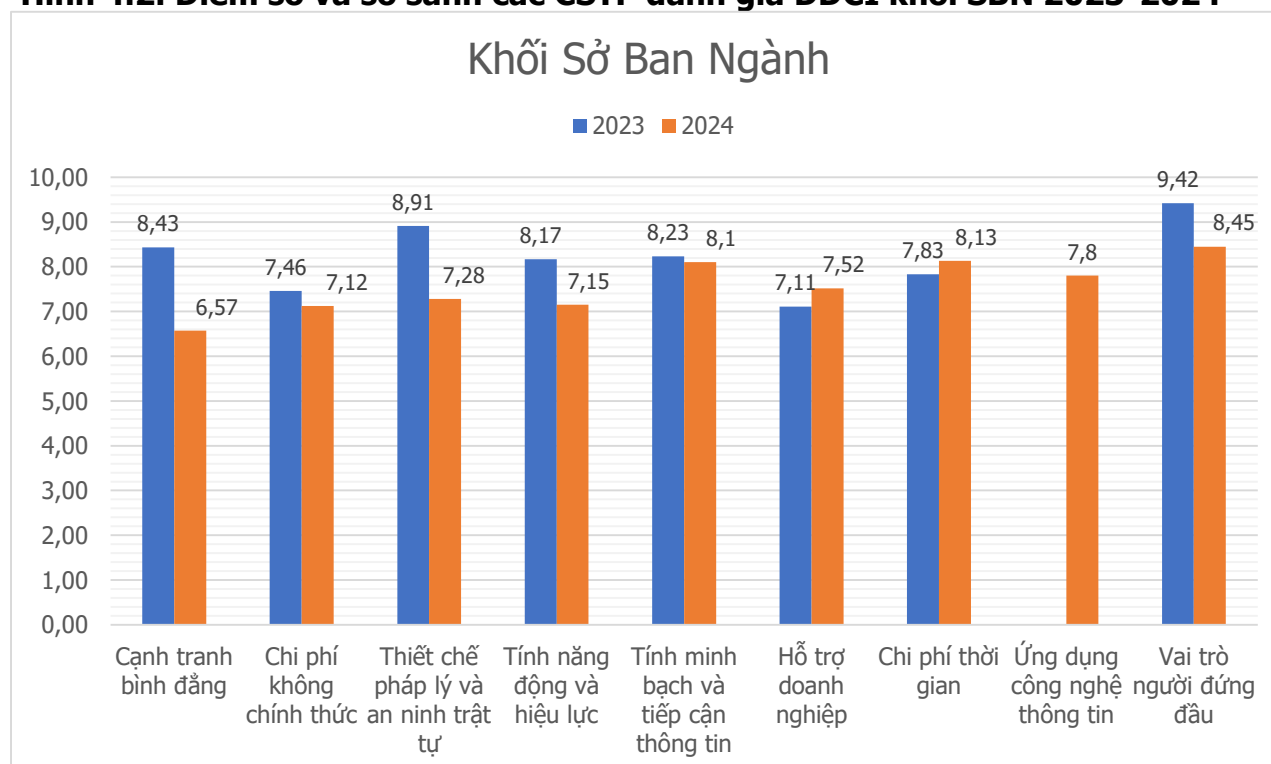
- Tính minh bạch và tiếp cận thông tin đã được cải thiện nhiều trong cuộc cải cách hành chính toàn diện nhưng dưới góc nhìn của cộng đồng DN thì vẫn cần thời gian để tiếp cận, đặc biệt đối với các khối UBND huyện, thành phố.

- Tính năng động và hiệu lực của khối SBN và khối UBND huyện thành phố là tương đương nhau và cần tiếp tục được phát huy mạnh mẽ.

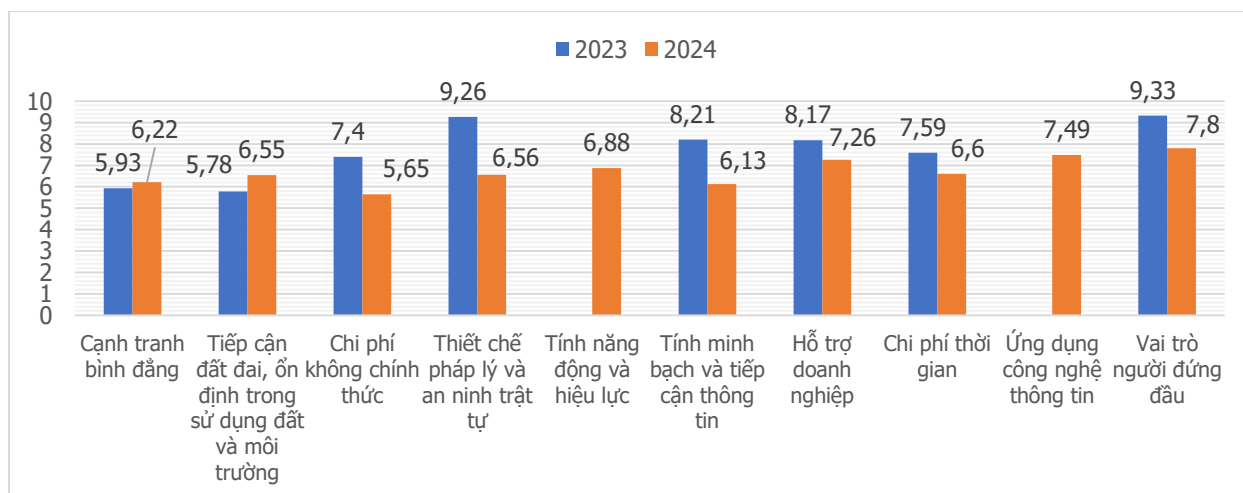
- Lãnh đạo của các SBN và CQDP phát huy được vai trò một cách rõ nét và hiệu quả trong công tác quản trị điều hành trên toàn tỉnh nhưng có dấu hiệu giảm so với những năm trước.

- Doanh nghiệp chưa hoàn toàn an tâm với thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.

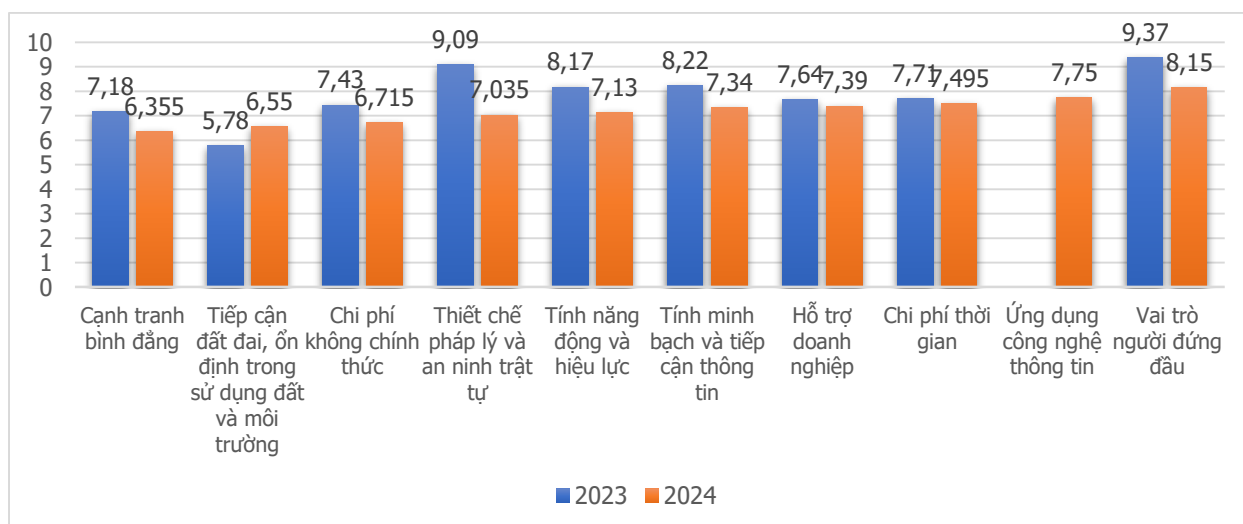
Hình 4.2. Điểm số và so sánh các CSTP đánh giá DDCI khối SBN 2023-2024



Hình 4.3. Điểm số và so sánh các CSTP đánh giá DDCI khối UBND huyện, thành phố



Hình 4.4. Điểm số và so sánh các CSTP đánh giá DDCI toàn tỉnh 2023-2024



4.1.3. Xu hướng DDCI 2024 và PCI 2023

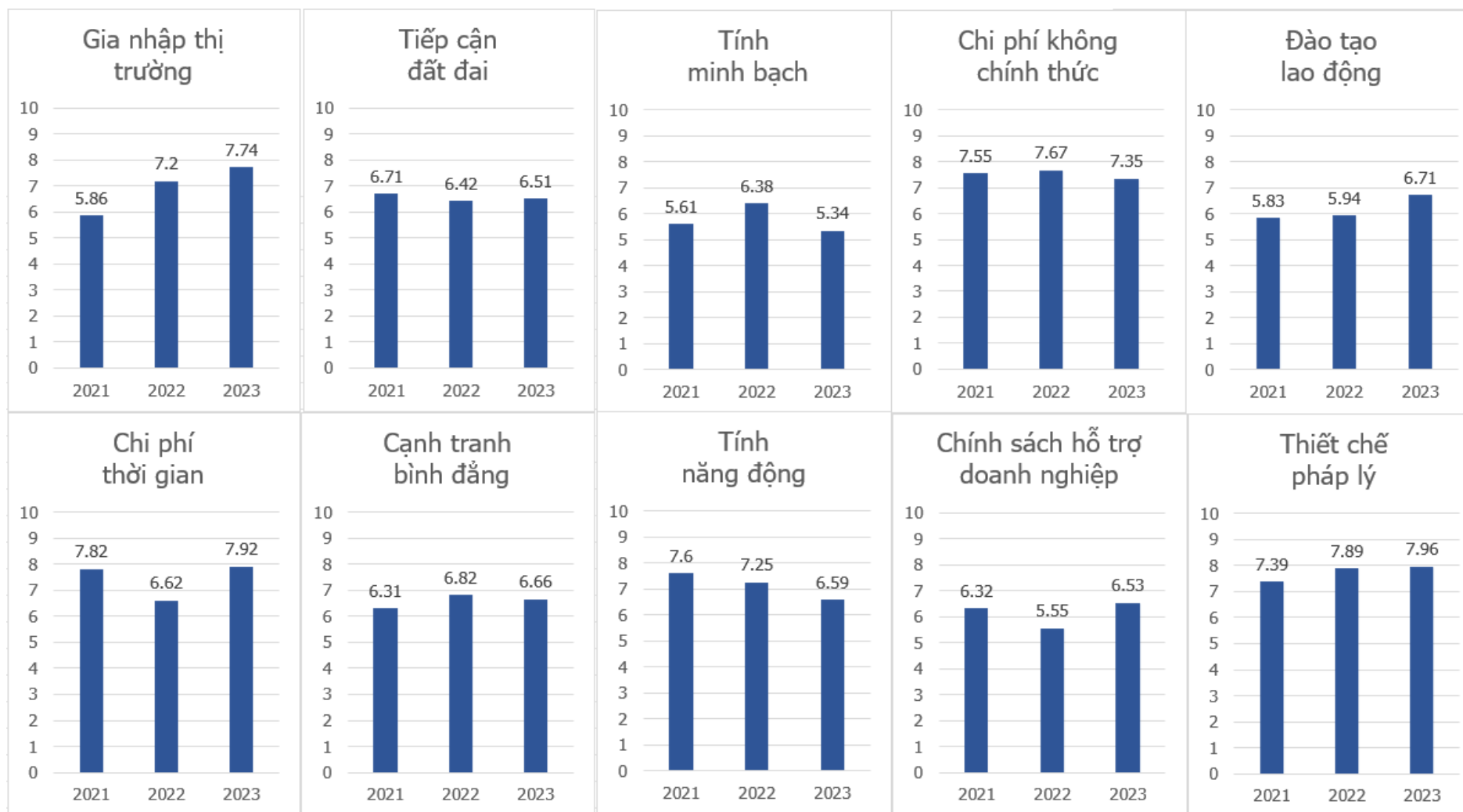
Căn cứ theo dữ liệu công bố của Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của tỉnh Lạng Sơn¹⁴¹ trong giai đoạn 2021-2023 được ghi nhận như sau:

- Năm 2021: **Điểm số PCI:** 63,92 điểm; **Thứ hạng:** 36/63 tỉnh, thành phố (tăng 13 bậc so với năm 2020).

- Năm 2022: **Điểm số PCI:** 67,88 điểm; **Thứ hạng:** 15/63 tỉnh, thành phố (tăng 21 bậc so với năm 2021).

- Năm 2023: **Điểm số PCI:** 69,05 điểm; **Thứ hạng:** 13/63 tỉnh, thành phố (tăng 2 bậc so với năm 2022).

¹⁴¹Hồ sơ PCI của tỉnh Lạng Sơn. Dữ liệu PCI. Nguồn: <https://pcvietnam.vn/ho-so-tinh/lang-son>

Hình 4. 5. Xu hướng các chỉ số thành phần PCI tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2023

Sử dụng các dữ liệu đánh giá PCI Lạng Sơn giai đoạn 2021-2023, **Hình 4.5** đã minh họa về sự chuyển biến của các CSTP trong 03 năm liên tiếp, từ đó, hình thành một số nét chính trong năng lực cạnh tranh cấp tỉnh Lạng Sơn, như sau:

(1) Xu hướng tăng:

- Gia nhập thị trường có tính tăng trưởng liên tục;
- Chi phí thời gian có tín hiệu trên đà tăng trở lại;
- Đào tạo lao động tăng trưởng;
- Thiết chế pháp lý cải thiện đều đặn một cách hiệu quả;

(2) Xu hướng duy trì ổn định:

- Tiếp cận đất đai có dấu hiệu chuyển lại;
- Môi trường cạnh tranh trên toàn tỉnh cần có những bước phá để cải thiện sự công bằng;
- Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được cải thiện ổn định và thực chất hơn;

(3) Xu hướng giảm:

- Tính minh bạch giảm đáng kể.
- Cần thêm các giải pháp để xốc lại tính năng động của lãnh đạo các cơ quan ban ngành.
- Chi phí không chính thức vẫn có dấu hiệu xuất hiện trong các thủ tục hành chính.

Kết quả khảo sát DDCI 2024 cho thấy một số xu hướng trong việc cải thiện PCI 2023 và hướng tới PCI 2024 như sau:

Năm 2023, PCI Lạng Sơn ghi nhận 04/10 CSTP giảm điểm, bao gồm: Tính minh bạch, Chi phí không chính thức, Cạnh tranh bình đẳng, và Tính năng động của chính quyền tỉnh, qua đó UBND tỉnh đã có những chỉ đạo quyết liệt để cải thiện các chỉ số này. Dưới góc nhìn của DDCI 2024, nhận thấy 03/04 CSTP giảm điểm đã có tín hiệu hồi phục nhưng vẫn chưa đạt được kết quả tăng trưởng như mong đợi, cụ thể, **CSTP Tính minh bạch, Tính năng động và Chi phí không chính thức** vẫn đang trên đà giảm điểm chung sau 01 năm đánh giá; Chỉ duy nhất chỉ số **Tính năng động** vẫn duy trì mức giảm trong đánh giá cả PCI 2023 và DDCI 2024.

Năm 2023, PCI Lạng Sơn ghi nhận 06/10 CSTP tăng điểm, bao gồm: Gia nhập thị trường, Tiếp cận đất đai, Chi phí thời gian, Chính sách hỗ trợ Doanh nghiệp, Đào tạo lao động và Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự; Trong đó, CSTP **Tiếp cận đất đai** tiếp tục có những cải thiện đáng kể với tín hiệu tăng điểm thông qua đánh giá DDCI 2024; Các CSTP khác như **Chi phí thời gian, Hỗ trợ doanh nghiệp và Cạnh tranh bình đẳng** trong đánh giá PCI 2023 cho thấy tính chất duy trì ổn định còn thông qua và DDCI 2024 thì có phát triển nhưng lại thiếu đồng bộ trên toàn tỉnh vì chỉ có dấu hiệu tăng với 01/02 khối đánh giá, hoặc khối UBND huyện, hoặc khối SBN chứ không tăng trưởng đồng đều trên toàn tỉnh. Đây cũng có thể là điểm bất lợi trong đánh giá PCI 2024 vì sự chênh lệch về quan điểm dưới góc nhìn của cộng đồng DN sẽ mang lại những kết quả thiếu chắc chắn và khó dự đoán được; Chỉ số **Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự** và cho thấy sự giảm sút khi có tăng trưởng trong PCI 2023 nhưng giảm trong đánh giá DDCI 2024.

Trên đây là những lưu ý quan trọng trong các chính sách và khuyến nghị tiếp theo để hỗ trợ trong việc cải thiện PCI trong các năm tiếp theo.

4.1.4. Khó khăn chung mà các doanh nghiệp đang gặp phải trong năm 2024

Bên cạnh những bày tỏ hài lòng của các DN về CQĐP và các SBN trong năm 2024 vừa qua, như: chất lượng dịch vụ hành chính công có nhiều cải thiện; CQĐP và SBN phối hợp với DN tốt; thái độ phục vụ DN của các cán bộ SBN có tiến triển. Môi trường đầu tư kinh doanh tại địa phương đáp ứng tốt hơn... thì DN cũng gặp phải một số các khó khăn cụ thể sau:

(1) Hệ thống thủ tục hành chính hiện nay còn một số bất cập, có hiện tượng thanh tra, kiểm tra chưa đúng đối tượng, chưa đúng mục tiêu; các thủ tục về đất đai còn rườm rà, thiếu minh bạch; việc giải quyết thủ tục hành chính công vẫn còn chậm trễ, gây khó khăn cho người dân và doanh nghiệp, đôi khi không đạt hiệu quả như mong muốn. Việc triển khai các nghị quyết mới tới DN cũng chưa đồng đều và còn tồn tại tình trạng chông chéo giữa thủ tục trực tuyến và trực tiếp. Việc đẩy tư cơ sở vật chất thiết bị ở một số cơ quan hành chính cũng thiếu đồng bộ dẫn đến việc chuyển đổi số thủ tục hành chính nhưng không có thiết bị để thực hiện thao tác; Đặc biệt, thái độ của cán bộ xử lý công việc vẫn thiếu chuẩn mực, thiếu hợp tác, trình độ cần được cải thiện; Chi phí không chính thức vẫn có dấu hiệu tồn tại.

(2) Môi trường cạnh tranh kinh doanh vẫn đối diện với sự thiếu công bằng: Vẫn có DN phản ánh về việc phân bổ nguồn vốn; Có sự thiếu công bằng trong các chính sách thuế đối với các HKD; Các DN nhỏ khó tiếp cận các nguồn vốn đầu tư tốt; Một số chính sách hỗ trợ đi cùng nhiều thủ tục và điều kiện phức tạp, khó tiếp cận; Chính sách vay vốn vẫn còn nhiều bất cập.

(3) Các thách thức đến từ sự thay đổi thị trường: Nhu cầu thị trường thay đổi kèm theo thương mại điện tử phát triển vừa là cơ hội nhưng cũng là thách thức đối với DN địa phương trong việc tìm kiếm và phát triển các phương thức tiếp cận thị trường mới và hiện đại; Cần được hướng dẫn và phổ biến về pháp lý, chính sách thuế; Mong muốn có các hoạt động tọa đàm giải đáp chính sách mới; cần được hướng dẫn cập nhật về thương mại điện tử/ bán hàng online;; Cần được tham gia các hoạt động quảng bá sản phẩm chung của toàn tỉnh.

(4) Sự thay đổi và cập nhật các chính sách, cơ chế mới làm DN bối rối, không tiếp cận kịp, không có kênh thông tin nhanh để đảm bảo tiếp cận kịp thời dẫn đến thiếu tính ứng biến trong các thời điểm quan trọng của DN; Trang thông tin cần được cập nhật thường xuyên hơn.

(5) Việc tiếp cận đất đai vẫn còn bất cập như: Giá thuê mặt bằng chưa hợp lý; Việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất đai còn gặp nhiều khó khăn; vấn đề đền bù vẫn có hiện tượng chưa thỏa đáng.

(6) Môi trường ở địa phương vẫn cần cải tạo, đặc biệt về Vấn đề về thu gom rác thải sinh hoạt, tập kết rác, vệ sinh môi trường.

4.2. Khuyến nghị

Trên cơ sở nhận diện những hạn chế của công tác điều hành thông qua đánh giá năng lực cạnh tranh khối SBN và UBND huyện, thành phố DDCI Lạng Sơn 2024, báo cáo đưa ra khuyến nghị chính sách như sau nhằm cải thiện mạnh mẽ và thực chất hơn nữa môi trường đầu tư kinh doanh tại tỉnh Lạng Sơn, qua đó nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh trong giai nửa cuối của giai đoạn 2021-2025, định hướng đến 2030.

4.2.1. Khuyến nghị với Ủy ban nhân dân tỉnh

Thứ nhất, để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế bền vững, UBND tỉnh Lạng Sơn cần tập trung mọi nguồn lực để hỗ trợ doanh nghiệp bằng việc tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, nhằm tạo ra một động lực mạnh mẽ thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn diện, xem đây là nền tảng chính để thu hút đầu tư và phát huy tối đa tiềm năng địa phương. Cụ thể:

(1) Xây dựng hệ thống chính sách hỗ trợ doanh nghiệp minh bạch, hiệu quả, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động, nhất là trong các lĩnh vực có tiềm năng liên kết như chế biến nông sản (từ nguyên liệu nông nghiệp địa phương), du lịch (kết hợp du lịch tâm linh với du lịch sinh thái), và thương mại biên giới (kết hợp với chế biến nông sản để xuất khẩu). Đặc biệt, cần tập trung vào việc xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp, phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội của tỉnh Lạng Sơn.

(2) Thực hiện các chính sách ưu đãi để thúc đẩy liên kết các ngành sản xuất, tạo ra chuỗi giá trị gia tăng. Ví dụ, các doanh nghiệp đầu tư vào chế biến nông sản sẽ được hỗ trợ về đất đai, thuế và tín dụng, đồng thời được kết nối với các doanh nghiệp du lịch để phát triển các sản phẩm du lịch nông nghiệp. Bên cạnh đó, cung cấp các gói tư vấn giải pháp ưu đãi đặc biệt cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp khởi nghiệp trong các lĩnh vực có tiềm năng như chế biến nông sản, du lịch, và thương mại điện tử. Các ưu đãi này có thể bao gồm hỗ trợ vốn, đào tạo nhân lực, và tư vấn kinh doanh, bảo trợ pháp lý,...

(3) Tạo môi trường làm việc thuận lợi cho doanh nghiệp bằng cách đơn giản hóa thủ tục hành chính, cung cấp các dịch vụ hỗ trợ trực tuyến. Xây dựng quy trình làm việc hiệu quả, minh bạch, giúp doanh nghiệp tiết kiệm thời gian và chi phí. Ví dụ, doanh nghiệp có thể theo dõi tiến độ giải quyết thủ tục trực tuyến, được thông báo kết quả qua tin nhắn hoặc email. Đồng thời, các cơ quan chức năng sẽ phối hợp chặt chẽ để giải quyết các thủ tục nhanh chóng, tránh tình trạng đùn đẩy trách nhiệm.

(4) Nâng cấp và mở rộng hệ thống giao thông, kết nối các khu công nghiệp, khu du lịch với cửa khẩu quốc tế. Đặc biệt, cần tập trung đầu tư vào các tuyến đường giao thông huyết mạch như quốc lộ 1A, đường cao tốc Hà Nội - Lạng Sơn để tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa và du lịch; Đầu tư mạnh mẽ vào hạ tầng công nghệ thông tin, xây dựng các trung tâm dữ liệu, nâng cấp mạng internet băng thông rộng để tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động, đặc biệt là các doanh nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, thương mại điện tử.

(5) Chú trọng vào việc truyền thông, tuyên truyền các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp cũng như các cơ hội đầu tư tại địa phương, cụ thể: xây dựng các thông điệp

truyền thông rõ ràng, ngắn gọn, dễ hiểu, phù hợp với từng đối tượng mục tiêu như nhà đầu tư trong nước, nhà đầu tư nước ngoài, doanh nghiệp nhỏ và vừa; tổ chức các sự kiện quảng bá, như hội chợ triển lãm, hội thảo, để giới thiệu về tiềm năng và lợi thế của tỉnh đến các nhà đầu tư; xây dựng các video quảng bá về tiềm năng du lịch, nông nghiệp của tỉnh để thu hút sự quan tâm của nhà đầu tư.

Thứ hai, để xây dựng môi trường kinh doanh thuận lợi, tỉnh cần kết hợp giữa đơn giản hóa thủ tục hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin, tối ưu hóa quy trình làm việc, cắt giảm các thủ tục không cần thiết để giảm thiểu thời gian và chi phí cho doanh nghiệp, cụ thể:

(1) Rà soát và cắt giảm số lượng hồ sơ, giấy tờ phải nộp khi đăng ký kinh doanh; Xây dựng & hoàn thiện hệ thống quản lý hồ sơ điện tử, giúp doanh nghiệp theo dõi tiến độ giải quyết thủ tục trực tuyến.

(2) Tập trung xây dựng chính quyền điện tử hiện đại, cung cấp đầy đủ các dịch vụ công trực tuyến, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tự động hóa quy trình và kênh hỗ trợ thông tin, giảm thiểu sai sót trong hướng dẫn quy trình TTHC, tạo lập cộng đồng doanh nghiệp sôi động, qua đó giảm thiểu thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả hoạt động và tạo môi trường kinh doanh thuận lợi.

(3) Trên nền tảng cộng đồng doanh nghiệp hiện có, triển khai xây dựng cộng đồng doanh nghiệp trực tuyến, mạng xã hội doanh nghiệp, kênh “mentor” doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp kết nối, chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau, DN có kinh nghiệm truyền đạt lại cho DN chưa có kinh nghiệm, qua đó, chi phí thời gian của các DN sẽ được tiết kiệm tối đa.

Thứ ba, đầu tư mạnh mẽ vào nguồn nhân lực, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức chuyên nghiệp, tận tâm, có đủ năng lực để phục vụ doanh nghiệp. Đồng thời, siết chặt kỷ luật, khen thưởng kịp thời để tạo môi trường làm việc hiệu quả. Xây dựng các cơ chế giám sát và đánh giá theo từng vụ việc để tạo động lực cho cán bộ cải thiện kỹ năng giao tiếp, kỹ năng truyền đạt, thái độ làm việc, bồi dưỡng kiến thức, đặc biệt đội ngũ tiếp xúc trực tiếp với DN.

Thứ tư, tạo tâm thế cho DN trên địa bàn tỉnh trở thành những DN có kiến thức, có trách nhiệm xã hội, hiểu biết pháp lý, kinh doanh trên nền tảng cùng đồng hành với địa phương, cụ thể:

(1) Đẩy mạnh các chương trình hướng dẫn và hỗ trợ pháp lý cho DN, đặc biệt là các DN nhỏ, HTX và HKD, tăng cường tổ chức tọa đàm, giải đáp pháp lý để giúp cộng đồng DN nắm bắt được các chủ trương, chính sách mới; Tổ chức các cuộc thi bắt buộc hoặc không bắt buộc về pháp lý.

(2) Tăng cường vai trò của các Trung tâm tư vấn pháp luật để đảm bảo có thêm những cánh tay nối dài hiểu biết chính xác và có kỹ năng tư vấn chuyên sâu, gần gũi nhằm hỗ trợ pháp lý cho DN và các nhà đầu tư.

(3) Nâng cao hiệu quả hoạt động tư pháp, đảm bảo xử lý nghiêm minh, kịp thời các hành vi vi phạm pháp luật, bảo vệ quyền lợi chính đáng của doanh nghiệp.

Thứ năm, để nâng cao việc tiếp cận đất đai trên địa bàn tỉnh, UBND tỉnh cần tập trung hoàn thiện các cơ chế chính sách:

(1) Công khai minh bạch thông tin đất đai bằng cách cập nhật thường xuyên, đa dạng hóa kênh thông tin về quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trên các nền tảng số, giúp doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận và chủ động tìm kiếm thông tin.

(2) Đơn giản hóa thủ tục hành chính thông qua tối ưu hóa quy trình, rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục liên quan đến đất đai, đặc biệt là xác định giá đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, chuyển đổi hình thức sử dụng đất,...

(3) Xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai hiện đại bằng các ứng dụng công nghệ thông tin để quản lý, khai thác thông tin đất đai một cách hiệu quả, chính xác và công khai.

Thứ sáu, quyết liệt đấu tranh chống lại các hành vi tiêu cực, nhũng nhiễu, loại bỏ hoàn toàn chi phí không chính thức thông qua tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Đồng thời, tỉnh sẽ tiếp tục thực hiện nghiêm túc Chỉ thị 20/CT-TTg ngày 17/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc chấn chỉnh hoạt động thanh tra, kiểm tra đối với doanh nghiệp nhằm giảm thiểu số lượng cuộc thanh tra, kiểm tra nhưng nâng cao chất lượng giám sát.

Cuối cùng, để khai thác tối đa tiềm năng của bộ Chỉ số DDCI nhằm làm tiền đề cho PCI, cũng như giúp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, sau khi công bố kết quả đánh giá, xếp hạng Chỉ số năng lực cạnh tranh khối sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố, thị xã (DDCI) tỉnh Lạng Sơn 2024, UBND tỉnh cần chỉ đạo khối sở, ban, ngành và UBND các huyện, thành phố triển khai, thực hiện một số nội dung như:

(1) Rà soát, phân tích kết quả đánh giá DDCI 2024, xác định các điểm cần phát huy, điểm cần cải thiện.

(2) Từ đó, xây dựng kế hoạch cải thiện chi tiết, cụ thể.

(3) Triển khai thực hiện và báo cáo tiến độ thực hiện theo chủ trương của UBND tỉnh trong quý IV hàng năm, Tổng kết, đánh giá các giải pháp nâng cao DDCI, tiến đến nâng cao PCI của tỉnh.

4.2.2. Khuyến nghị với các UBND huyện, thành phố và các SBN

Các CQĐP và SBN cần căn cứ trên ý kiến phản hồi góp ý của DN để nghiên cứu, rà soát và chấn chỉnh một số vấn đề nhằm nâng cao chất lượng phục vụ doanh nghiệp, như sau:

Thứ nhất, tăng cường công tác truyền thông, cung cấp đầy đủ, kịp thời và minh bạch các thông tin về đầu tư, đấu thầu, phân bổ nguồn vốn, mức giá thị trường thuê mặt bằng đến cộng đồng DN thông qua đa dạng kênh truyền thông tại địa phương đảm bảo thân thiện, gần gũi, quen thuộc với cộng đồng DN. Đảm bảo tối đa việc DN được tương tác với các nguồn thông tin thật và chính thống, tránh để DN suy đoán hoặc tiếp nhận thông tin thiếu xác thực gây ảnh hưởng đến tâm lý DN; tìm kiếm các giải pháp để mọi doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa, có cơ hội

tiếp cận thông tin và nguồn vốn ngân sách một cách công bằng, minh bạch, không bị phân biệt đối xử.

Thứ hai, nghiên cứu các chính sách, quy trình và lịch trình thu gom, vận chuyển, xử lý rác thải sinh hoạt tại địa phương để đảm bảo môi trường cảnh quan chung; Tuyên truyền về bảo vệ môi trường, giữ gìn vệ sinh chung trên toàn địa bàn.

Thứ ba, nâng cao tinh thần “dịch vụ” đối với các cán bộ, công chức trong quá trình làm việc với DN; Đồng thời, có phương án rà soát, đào tạo, nâng cao nghiệp vụ của các cán bộ, công chức đang bị đánh giá là “*có thái độ không hợp tác, không chịu tương tác với doanh nghiệp*” nhằm thúc đẩy công tác hỗ trợ doanh nghiệp một cách toàn diện từ các CQDP.

Thứ tư, nghiên cứu các phương án tăng cường kết nối với các doanh nghiệp thông qua các hoạt động như: truyền thông đa kênh nhằm cung cấp thông tin, chính sách, cơ chế hỗ trợ công khai trên website, báo chí và mạng xã hội; Tổ chức các diễn đàn, hội thảo nhằm tạo cơ hội gặp gỡ, trao đổi trực tiếp giữa DN và các cơ quan quản lý; Xây dựng cổng thông tin điện tử giúp DN dễ dàng tiếp cận thông tin và thủ tục hành chính; và tăng cường tổ chức các khảo sát để DN có cơ hội tiếp xúc đánh giá các CQDP nhằm đưa ra những ý kiến đóng góp tích cực và thường xuyên hơn cũng là để DN cảm nhận được “sự quan tâm” từ phía CQDP đối với DN; rà soát các hoạt động tương tác với DN, đặc biệt các hoạt động mời tham gia các chương trình do tỉnh và địa phương tổ chức như hội chợ quảng bá, tọa đàm,...

Thứ năm, rà soát các công tác thanh tra, kiểm tra về tần suất và nội dung để đảm bảo không có hiện tượng “*thủ tục kiểm tra nhiều*” trong một năm, gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của DN; rà soát các DN và HKD đang hoạt động trên địa bàn, đảm bảo không để xảy ra hiện tượng có những HKD “*không đăng ký, không nộp thuế*” nhưng vẫn được hoạt động trên địa bàn.

Thứ sáu, thường xuyên cập nhật, rà soát và đăng tải đầy đủ, chính xác các văn bản quy phạm pháp luật, văn bản quản lý hành chính liên quan đến doanh nghiệp lên cổng thông tin điện tử của CQDP, đảm bảo hệ thống hoạt động ổn định, thông tin luôn được cập nhật mới nhất.

Thứ bảy, rà soát công tác cải cách hành chính để tiếp tục đưa ra các giải pháp tinh gọn, chuyển đổi số phù hợp, nhằm giảm tải các thủ tục hành chính; Không ngừng nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của doanh nghiệp, đồng thời đẩy mạnh chuyển đổi số toàn diện, ứng dụng trí tuệ nhân tạo để tối ưu hóa quy trình, hỗ trợ doanh nghiệp hiệu quả; Ngoài ra, trong giai đoạn chuyển đổi, cần thêm sự hỗ trợ trong công tác đào tạo, hướng dẫn DN trong việc phối hợp với SBN để giải quyết thủ tục hành chính; Nghiên cứu các giải pháp đối với những sự vụ có dấu hiệu quá hạn, rà soát nguyên nhân và đưa ra phương án kịp thời hỗ trợ doanh nghiệp, không để tình trạng “xử lý hồ sơ chậm” trong những năm tiếp theo; Bên cạnh đó, rà soát các CQDP đảm bảo tại các cơ quan chính quyền có đầy đủ thiết bị để công dân và DN đến xử lý thông tin, tránh việc phải sử dụng các thiết bị cá nhân như điện thoại, gây ảnh hưởng đến hiệu quả nhập liệu hoặc đăng tải thông tin.

Cuối cùng, cần có biện pháp kiểm soát tốt hơn nhằm hạn chế tối đa các hiện tượng phải trả chi phí không chính thức khi thực hiện các thủ tục hành chính; Xử lý nghiêm cán bộ, công chức, viên chức có hiện tượng gợi ý, gây khó khăn cho DN.

4.2.3. Khuyến nghị đối với công tác triển khai đánh giá DDCI 2025

Đánh giá DDCI đóng vai trò là một đòn bẩy quan trọng trong việc nâng cao chỉ số PCI của tỉnh Tỉnh Lạng Sơn vì 05 lý do chính sau đây. Cụ thể:

Thứ nhất, DDCI như một "gương soi" phản chiếu rõ nét **hiệu quả điều hành** của từng sở, ban, ngành và UBND huyện, thành phố, soi chiếu sự hiệu quả và nỗ lực không ngừng cải thiện chất lượng dịch vụ, giảm thiểu thủ tục hành chính, môi trường kinh doanh trở nên thuận lợi hơn, từ đó, trực tiếp tác động tích cực đến các chỉ số thành phần của PCI.

Thứ hai, DDCI là một cầu nối quan trọng giữa doanh nghiệp và CQĐP và SBN. Qua DDCI, doanh nghiệp có thể cung cấp các "tiếng nói" và "góc nhìn" trực tiếp về những khó khăn, vướng mắc mà DN đang gặp phải, từ đó, chính quyền các cấp có thể nhanh chóng **xác định những yếu điểm** để có **giải pháp cải thiện** kịp thời, đặc biệt là trong các lĩnh vực như hỗ trợ doanh nghiệp, cải cách hành chính và đảm bảo an ninh trật tự. Thậm chí, DDCI còn giúp phát hiện những hạn chế về chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước về thái độ và trình độ, từ đó có những điều chỉnh phù hợp để nâng cao năng lực cạnh tranh của nguồn nhân lực hiện tại và xây dựng đội ngũ cán bộ nguồn đảm bảo chất lượng cho tương lai.

Thứ ba, DDCI tạo ra **một cuộc đua lành mạnh** giữa các đơn vị hành chính. Khi các sở, ban, ngành và địa phương cùng nhau nỗ lực cải thiện điểm số DDCI, toàn bộ môi trường kinh doanh của tỉnh sẽ được nâng lên một tầm cao mới, góp phần cải thiện đáng kể chỉ số PCI chung.

Thứ tư, cả DDCI và PCI đều dựa trên nhận định của doanh nghiệp. Khi DDCI được cải thiện, doanh nghiệp sẽ cảm nhận rõ rệt sự **thay đổi tích cực trong môi trường kinh doanh**, từ đó đánh giá cao hơn về chất lượng điều hành của chính quyền địa phương, dẫn đến việc nâng cao điểm PCI.

Cuối cùng, DDCI khuyến khích sự tham gia tích cực của doanh nghiệp vào quá trình xây dựng và phát triển địa phương. Bằng cách lắng nghe và giải quyết các ý kiến đóng góp của doanh nghiệp, CQĐP không chỉ tạo ra một môi trường kinh doanh thuận lợi mà còn xây dựng được **mối quan hệ hợp tác bền vững** với cộng đồng doanh nghiệp, từ đó **sự hài lòng của DN sẽ phát triển tự nhiên**, kéo theo các đánh giá cho các chỉ số khác như PCI và PGI cũng tăng theo.

Nhìn chung, DDCI đóng vai trò như một "la bàn" chỉ đường cho các địa phương trong việc cải thiện môi trường kinh doanh, từ đó thu hút đầu tư và phát triển kinh tế. Bên cạnh đó, DDCI là động lực thúc đẩy cải cách hành chính ở cấp cơ sở, giúp đơn giản hóa thủ tục hành chính, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho doanh nghiệp hoạt động và góp phần nâng cao chỉ số PCI. Để tối ưu hóa hiệu quả của đánh giá DDCI các năm tiếp theo và thúc đẩy sự cải thiện liên tục của chỉ số PCI, báo cáo đưa ra những khuyến nghị như sau:

Thứ nhất, tiếp tục nghiên cứu **cải tiến bộ chỉ số** để phù hợp hơn với tình hình thực tế nhưng vẫn kế thừa phần lớn bộ chỉ số DDCI năm nay để vừa đảm bảo **tăng cường liên kết** giữa DDCI và PCI, DDCI và PGI, vừa đưa ra các số liệu so sánh giữa các năm, từ đó nhìn ra xu hướng của từng nhóm chỉ số và kịp thời cung cấp các giải pháp về chính sách phù hợp.

Thứ hai, tăng cường **tuyên truyền sâu rộng** về tầm quan trọng của DDCI đến toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và cộng đồng doanh nghiệp, thông qua tuyên truyền và cải thiện hiểu biết của cộng đồng về DDCI, các kiến thức về PCI và PGI cũng được làm rõ và trở nên quen thuộc hơn.

Thứ ba, xây dựng **kế hoạch hành động cụ thể** với trọng tâm là **khắc phục những yếu kém** được phản ánh qua các chỉ số thấp điểm của DDCI và PCI. Các giải pháp cải thiện cần dựa trên **ý kiến đóng góp** của doanh nghiệp và **nhận thức** của đội ngũ lãnh đạo các cấp.

Thứ tư, **học hỏi và nhân rộng những mô hình thành công**. Việc nghiên cứu và chia sẻ kinh nghiệm của các đơn vị đạt kết quả tốt trong đánh giá DDCI sẽ góp phần **tăng cường tính cạnh tranh** giữa các đơn vị và thúc đẩy sự cải thiện chung.

Cuối cùng, việc đánh giá DDCI 2025 sẽ có sự thay đổi lớn trong các đối tượng được đánh giá đối với khối SBN và địa phương căn cứ trên các phương án sắp xếp, hợp nhất các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc chính phủ, theo định hướng Ban chỉ đạo TW về thực hiện nghị quyết 18-NQ/TW. Đây là một áp lực không nhỏ đối với các SBN sau sắp xếp và hợp nhất khi vừa phải thích nghi với cơ cấu mới và vừa phải đảm bảo các nhiệm vụ trọng điểm của tỉnh, chính vì vậy, việc nâng cao năng lực giám sát và đánh giá thông qua DDCI 2025 là vô cùng cần thiết. DDCI sẽ cung cấp một thước đo khách quan để đánh giá hiệu quả của quá trình tái cấu trúc, góp phần xây dựng một bộ máy nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hoạt động hiệu quả và minh bạch trong giai đoạn mới.

DDCI LẠNG SƠN 2024

PHỤ LỤC



Phụ lục 1: Hồ sơ DDCI chi tiết của UBND các huyện, thành phố

1. Thành phố Lạng Sơn

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	70.27	72.74
Xu hướng điểm số 2023-2024		2.47
Xếp hạng	9	1
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		8

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.22	7.96		-0.26
		Xếp hạng	5	2		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	6.16	5.83		-0.33
		Xếp hạng	9	8		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	5.92	6.32	0.4	
		Xếp hạng	9	4		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	5	6.82	1.82	
		Xếp hạng	9	3		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	8.27	6.49		-1.78
		Xếp hạng	5	9		
6	Tính năng động và hiệu lực của CQĐP	Điểm số		7.89		
		Xếp hạng		5		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.09	8.78		-0.31
		Xếp hạng	8	3		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	7.96	7.52		-0.44
		Xếp hạng	9	4		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		8.36		
		Xếp hạng		3		
10	Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường	Điểm số	5.6	7.24	1.64	
		Xếp hạng	7	3		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

DN đề nghị các cấp có thẩm quyền cần có quy định rõ về trách nhiệm của các Cơ quan trong việc phối hợp giải quyết các vướng mắc trong các thủ tục hành chính về đất đai, thuế, bảo hiểm, đền bù giải phóng mặt bằng, chính sách khuyến khích hỗ trợ, "hạn chế tình trạng đùn đẩy trách nhiệm, không trả lời đầy đủ các kiến nghị thắc mắc của DN, hoặc có trả lời nhưng thiếu căn cứ thuyết phục"; Vẫn còn tồn tại hiện tượng cán bộ tiếp dân đưa ra các câu trả lời không thỏa đáng, với lý do chung chung; DN mong muốn các cấp chính quyền tăng cường kiểm tra, giám sát cơ quan, đơn vị thực thi công vụ; DN khuyến nghị áp dụng các biện pháp "giám sát từ dân"; DN mong muốn có "một môi trường thuận lợi, thông thoáng, bình đẳng, văn minh, thượng tôn pháp luật và đem lại hiệu quả cao"; DN kiến nghị Website của địa phương cần "thường xuyên cập nhật các thông tin về thủ tục hành chính, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, dự án kêu gọi đầu tư"; DN mong muốn CQĐP chỉ đạo "giải quyết nhanh chóng và kịp thời" các kiến nghị của DN; Một số ý kiến cho rằng các thủ tục hành chính thiếu hợp lý, "phức tạp và bắt người dân đi lại mất thời gian", liên quan các thủ tục bỏ hộ khẩu thường trú; DN mong muốn lãnh đạo CQĐP xử lý hết "các vấn đề còn tồn đọng" để phát triển tỉnh nhà hơn nữa.

2. Huyện Bắc Sơn

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	78.98	70.63
<i>Xu hướng điểm số 2023-2024</i>		-8.35
Xếp hạng	3	3
<i>Xu hướng thứ hạng 2023-2024</i>		0

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.16	8.49	0.33	
		Xếp hạng	7	1		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	6.78	7.55	0.77	
		Xếp hạng	8	3		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	8.08	3.69		-4.39
		Xếp hạng	3	10		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	6.04	6.22	0.18	
		Xếp hạng	5	6		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	8.09	7.26		-0.83
		Xếp hạng	8	6		
6	Tính năng động và hiệu lực của CQĐP	Điểm số		7.97		
		Xếp hạng		3		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.54	8.83		-0.71
		Xếp hạng	3	2		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9.78	6.82		-2.96
		Xếp hạng	2	5		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		7.71		
		Xếp hạng		5		
10	Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường	Điểm số	6.7	7.41	0.71	
		Xếp hạng	1	1		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý tích cực: DN ghi nhận các vấn đề liên quan đến kinh doanh, giải quyết các thủ tục kinh doanh, đầu tư đều “thuận lợi, nhanh chóng”; DN ghi nhận CQ huyện và Phòng Kế hoạch đầu tư huyện luôn trao đổi, hướng dẫn DN thực hiện các chính sách phát triển, nhờ đó, DN được hỗ trợ chính sách lãi suất tín dụng theo NQ08 của HĐND Tỉnh và đạt được thành tựu thông qua chứng nhận Global Gap cho các sản phẩm của DN; DN ghi nhận tuy là DN mới nhưng nhận được nhiều sự hỗ trợ của CQĐP đặc biệt là Phòng Tài chính Kế hoạch huyện; DN nhận thấy CQĐP luôn động viên để DN phát triển, DN cảm thấy được ghi nhận khi nhận được giấy khen của UBND huyện; HKD trên địa bàn ghi nhận cán bộ của cơ quan hỗ trợ, giải quyết nhiệt tình các vấn đề của HKD; DN đánh giá cao sự nhiệt tình và quyết liệt trong công tác lãnh đạo và chỉ đạo của các lãnh đạo Huyện Bắc Sơn; DN mong muốn UBND huyện Bắc Sơn “tạo điều kiện” để **hỗ trợ DN** đóng trên địa bàn huyện được kinh doanh và phát triển “tốt hơn nữa”; DN đưa ra đề nghị CQ huyện cần “quan tâm hơn nữa” đến các DN trong địa bàn huyện, từ đó, tạo điều kiện cho các DN “phát triển bền vững, đóng góp xây dựng quê hương

Bắc Sơn giàu đẹp hơn”; DN về đầu tư trên địa bàn mong muốn nhận được “sự quan tâm của CQĐP” để an tâm đầu tư, tạo công ăn việc làm cho người lao động tại huyện; DN ghi nhận CQĐP và cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện “thực hiện tốt những văn bản được ban hành”.

Góp ý cải thiện: DN khuyến nghị CQĐP và các cơ quan ban ngành cấp Huyện cần quan tâm đến việc “phân bổ nguồn vốn” đối với các nguồn vốn dự án mà DN đã thực hiện xong; HKD phản nản **giá mặt bằng thuê** đang “ở mức giá cao” nên dẫn đến khó khăn trong quá trình SXKD; DN có quan tâm đến NQ08 của UBND tỉnh thông qua sự hướng dẫn tận tình của cán bộ huyện nhưng cảm thấy chính sách hỗ trợ đi cùng với “nhiều thủ tục và điều kiện phức tạp, hy vọng có cơ chế thông thoáng hơn cho DN”; DN nhận thấy còn thiếu các chính sách hỗ trợ công tác thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt tại các xã trên địa bàn nên “vệ sinh môi trường chưa được đảm bảo”.

3. Huyện Bình Gia

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	77.88	61.75
<i>Xu hướng điểm số 2023-2024</i>		-16.13
Xếp hạng	5	9
<i>Xu hướng thứ hạng 2023-2024</i>		-4

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					2	6
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7.92	4.62		-3.3
		Xếp hạng	8	8		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	9.58	7.04		-2.54
		Xếp hạng	1	4		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.67	4.58		-3.09
		Xếp hạng	5	8		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	6.16	5.69		-0.47
		Xếp hạng	4	8		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7.09	7.71	0.62	
		Xếp hạng	11	3		
6	Tính năng động và hiệu lực của CQĐP	Điểm số		6.59		
		Xếp hạng		7		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	8.98	7.45		-1.53
		Xếp hạng	10	8		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9.59	4.98		-4.61
		Xếp hạng	4	10		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		6.89		
		Xếp hạng		8		
10	Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường	Điểm số	5.32	7.2	1.88	
		Xếp hạng	10	4		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD (nếu có):

Góp ý cải thiện: DN mong muốn “được làm đường vào các xã”; DN/HTX/HKD cảm thấy đang gặp khó khăn trong sản xuất kinh doanh và mong muốn có sự chung tay của CQĐP cũng như các cơ quan ban ngành **hỗ trợ DN** vượt qua khó khăn, đồng thời, thúc đẩy mạnh mẽ cho nền kinh tế địa phương đi lên.

4. Huyện Cao Lộc

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	75.81	66.35
Xu hướng điểm số 2023-2024		-9.46
Xếp hạng	8	5
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		3

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					2	6
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.77	7.09		-1.68
		Xếp hạng	2	4		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	8.04	6.6		-1.44
		Xếp hạng	4	6		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.03	5.65		-1.38
		Xếp hạng	7	6		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	4.82	6.21	1.39	
		Xếp hạng	10	7		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	8.65	6.57		-2.08
		Xếp hạng	2	8		
6	Tính năng động và hiệu lực của CQĐP	Điểm số		6.36		
		Xếp hạng		8		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.12	7.97		-1.15
		Xếp hạng	7	5		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9.14	7.8		-1.34
		Xếp hạng	7	3		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		6.19		
		Xếp hạng		9		
10	Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường	Điểm số	5.09	6.55	1.46	
		Xếp hạng	11	6		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD (nếu có):

Góp ý tích cực: DN ghi nhận hài lòng về bộ phận tiếp dân của Huyện Cao Lộc.

Góp ý cải thiện: Tuy nhiên, DN phản ánh một số cán bộ xã “có thái độ không hợp tác, không chịu tương tác với doanh nghiệp”, dẫn đến gây mất thiện cảm với DN.

5. Huyện Chi Lăng

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	66.57	63.25
<i>Xu hướng điểm số 2023-2024</i>		-3.32
Xếp hạng	10	8
<i>Xu hướng thứ hạng 2023-2024</i>		2

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					1	7
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7.44	6.3		-1.14
		Xếp hạng	10	5		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	5.18	3.22		-1.96
		Xếp hạng	10	11		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.03	3.63		-3.4
		Xếp hạng	7	11		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	4.63	4.41		-0.22
		Xếp hạng	11	10		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	8.15	7.99		-0.16
		Xếp hạng	7	1		
6	Tính năng động và hiệu lực của CQĐP	Điểm số		8.46		
		Xếp hạng		1		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	8.69	7.81		-0.88
		Xếp hạng	11	6		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	6.63	6.56		-0.07
		Xếp hạng	11	6		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		8.75		
		Xếp hạng		1		
10	Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường	Điểm số	5.51	6.42	0.91	
		Xếp hạng	8	7		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD (nếu có):

Góp ý tích cực: DN ghi nhận **môi trường đầu tư kinh doanh** tại địa phương hiện “đáp ứng tốt” cho DN hoạt động; DN đánh giá UBND huyện làm việc tốt, luôn hỗ trợ và ủng hộ HKD phát triển; HTX “đánh giá tốt” về sự tạo điều kiện trong phát triển đơn vị của các phòng ban chuyên môn huyện.

Góp ý cải thiện: DN mong muốn các cơ sở sản xuất tư nhân cũng được quan tâm và đầu tư vốn để có cơ hội phát triển hơn nữa; HKD phản ánh việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất đai còn “gặp nhiều khó khăn”, nhiều HKD “chưa chuyển đổi được mục đích sử dụng đất”; DN phản ánh phong cách làm việc, ngôn ngữ giao tiếp và thái độ **hỗ trợ của CQĐP đối với DN** là không chuẩn mực, gây bức xúc và “nản” cho DN mỗi khi cần làm việc với cơ quan nhà nước; DN chia sẻ các nhu cầu sử dụng sản phẩm của DN tại địa phương là thấp.

6. Huyện Đình Lập

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	78.13	70.02
<i>Xu hướng điểm số 2023-2024</i>		-8.11
Xếp hạng	4	4
<i>Xu hướng thứ hạng 2023-2024</i>		0

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7.84	5.88		-1.96
		Xếp hạng	9	7		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	7.81	6.88		-0.93
		Xếp hạng	5	5		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	8.81	8.84	0.03	
		Xếp hạng	1	1		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	8.04	7.37		-0.67
		Xếp hạng	1	2		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7.48	7		-0.48
		Xếp hạng	9	7		
6	Tính năng động và hiệu lực của CQĐP	Điểm số		6.88		
		Xếp hạng		6		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.47	7.27		-2.2
		Xếp hạng	4	9		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	6.69	5.32		-1.37
		Xếp hạng	10	9		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		7.49		
		Xếp hạng		6		
10	Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường	Điểm số	6.36	6.07		-0.29
		Xếp hạng	4	8		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý tích cực: DN ghi nhận các cơ quan huyện hoạt động tốt, “rất nhiệt tình phổ biến” và “không gây khó khăn” cho DN.

Góp ý cải thiện: HTX mong muốn UBND huyện “cần quan tâm đến DN nhiều hơn” để tạo điều kiện cho DN phát triển; DN phản ánh còn “một số vấn đề bất cập” trong **hoạt động vay vốn**. Cụ thể, chính sách chưa phù hợp thực tế tại địa phương, ví dụ: chỉ hỗ trợ cho vay vốn nếu có 1ha đất trồng cây lâu năm chứ không hỗ trợ cho vay vốn đối với đất rừng sản xuất trong khi tại Huyện Đình Lập đa số các HKD sở hữu đất rừng sản xuất, đất nông nghiệp, chứ khó tìm thấy HKD sở hữu 1ha đất trồng cây lâu năm, tuy nhiên, không hỗ trợ cho vay nhưng CQĐP cũng không trả lời cụ thể bằng văn bản.

7. Huyện Hữu Lũng

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	83.01	72.21
Xu hướng điểm số 2023-2024		-10.8
Xếp hạng	1	2
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		-1

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					2	6
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	9.06	7.35		-1.71
		Xếp hạng	1	3		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	7.59	7.85	0.26	
		Xếp hạng	1	1		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.84	5.59		-2.25
		Xếp hạng	1	7		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	7.12	4.5		-2.62
		Xếp hạng	1	9		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	8.9	7.9		-1
		Xếp hạng	1	2		
6	Tính năng động và hiệu lực của CQĐP	Điểm số		8.04		
		Xếp hạng		2		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.69	9.25		-0.44
		Xếp hạng	1	1		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9.8	8.43		-1.37
		Xếp hạng	1	2		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		8.14		
		Xếp hạng		4		
10	Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường	Điểm số	6.41	6.95	0.54	
		Xếp hạng	3	5		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý cải thiện: DN mong muốn được quan tâm và tạo điều kiện hơn nữa để “môi trường kinh doanh lành mạnh” thông qua việc các cơ quan vừa đi kiểm tra, vừa “phổ biến luật” cho DN được thấu hiểu rõ ràng hơn; DN đề nghị các cán bộ làm việc tại cơ quan Nhà nước cấp huyện cần “không ngừng nâng cao trình độ, nghiệp vụ” để làm việc hiệu quả hơn; DN cho rằng người dân “chưa hiểu kỹ về chính sách, pháp luật” nên DN đề xuất cần **tổ chức thêm các buổi tạo đàm** với người dân địa phương, tăng cường đào tạo về chính sách, pháp luật; DN phản ánh việc **chuyển đổi mục đích sử dụng đất** còn “gặp nhiều khó khăn”, ghi nhận nhiều HKD chưa chuyển đổi được mục đích sử dụng đất; DN đề nghị CQĐP nghiên cứu các phương án tổ chức dịch vụ dọn vệ sinh đường xá đảm bảo tập kết rác thải một cách có quy củ.

8. Huyện Lộc Bình

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	76.21	65.71
Xu hướng điểm số 2023-2024		-10.5
Xếp hạng	7	6
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		1

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					3	5
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.42	4.07		-4.35
		Xếp hạng	4	9		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	7.41	7.56	0.15	
		Xếp hạng	7	2		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.4	6.46		-0.94
		Xếp hạng	6	3		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	5.32	6.25	0.93	
		Xếp hạng	8	5		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	8.17	7.36		-0.81
		Xếp hạng	6	5		
6	Tính năng động và hiệu lực của CQĐP	Điểm số		5.74		
		Xếp hạng		9		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.33	7.75		-1.58
		Xếp hạng	6	7		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9.07	8.54		-0.53
		Xếp hạng	8	1		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		7.41		
		Xếp hạng		7		
10	Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường	Điểm số	5.84	7.38	1.54	
		Xếp hạng	5	2		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý cải thiện: DN đề nghị CQĐP “cần quan tâm sát sao” đến các DN thông qua việc tăng cường “đi khảo sát thực tế” để nắm bắt nhu cầu các DN.

9. Huyện Trảng Định

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	82.69	65.67
Xu hướng điểm số 2023-2024		-17.02
Xếp hạng	2	7
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		-5

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					1	7
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.65	6.13		-2.52
		Xếp hạng	3	6		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	8.46	6.49		-1.97
		Xếp hạng	3	7		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	8.51	4.31		-4.2
		Xếp hạng	2	9		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	6.21	7.82	1.61	
		Xếp hạng	3	1		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	8.56	7.43		-1.13
		Xếp hạng	3	4		
6	Tính năng động và hiệu lực của CQĐP	Điểm số		7.92		
		Xếp hạng		4		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.66	8.37		-1.29
		Xếp hạng	2	4		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9.6	4.04		-5.56
		Xếp hạng	3	11		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		8.37		
		Xếp hạng		2		
10	Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường	Điểm số	6.51	5.3		-1.21
		Xếp hạng	2	9		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý cải thiện: DN phản nản các “thủ tục kiểm tra nhiều”, mong muốn CQĐP nhìn nhận đúng việc kiểm tra phải kiểm tra tại các đầu mối sản xuất để tránh hàng giả, hàng kém chất lượng chứ không phải chỉ kiểm tra tại các đơn vị bán lẻ; HKD nghi ngờ về **sự công bằng trong môi trường kinh doanh** vì cho rằng, trong khi HKD đóng thuế đầy đủ thì vẫn có những HKD “không đăng ký, không nộp thuế” nhưng vẫn được hoạt động trên địa bàn; HKD nông nghiệp trên địa bàn với mong muốn mở rộng SXKD và nâng cao chất lượng sản phẩm nhưng thiếu vốn, đề nghị có các phương án thiết thực để được “tiếp cận các chính sách hỗ trợ của tỉnh”; DN phản ánh cán bộ hướng dẫn các thủ tục tiếp cận đất đai “còn gây khó khăn” trong việc tiếp cận các văn bản mới nhất theo quy định, việc hướng dẫn “thiếu minh bạch” dẫn đến kéo dài thời gian đi lại làm tăng chi phí thời gian và làm “ảnh hưởng đến tâm lý khi đi làm thủ tục” của DN; Bên cạnh đó, DN cho rằng thủ tục cấp mới giấy chứng nhận quyền sử dụng đất lần đầu “quá chậm”; DN bày tỏ sự hài lòng về “cán bộ trẻ” của CQĐP.

10. Huyện Văn Lãng

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	76.29	48.65
Xu hướng điểm số 2023-2024		-27.64
Xếp hạng	6	10
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		-4

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					2	6
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.21	2.66		-5.55
		Xếp hạng	6	11		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	8.79	5.68		-3.11
		Xếp hạng	2	9		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	5.78	6.56	0.78	
		Xếp hạng	10	2		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	5.65	6.74	1.09	
		Xếp hạng	7	4		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	8.38	4.79		-3.59
		Xếp hạng	4	10		
6	Tính năng động và hiệu lực của CQĐP	Điểm số		3.53		
		Xếp hạng		10		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.43	5.23		-4.2
		Xếp hạng	5	10		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9.3	6.07		-3.23
		Xếp hạng	5	8		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		3.23		
		Xếp hạng		10		
10	Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường	Điểm số	5.49	4.64		-0.85
		Xếp hạng	9	10		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý cải thiện: HTX phản ánh gặp khó khăn về vốn sản xuất, mong muốn được nhà nước **hỗ trợ vốn và lãi suất**; DN phản nản về các **thủ tục hành chính** của văn phòng đăng ký đất đai của huyện, đôi khi còn “gây sách nhiễu, phiền hà” đối với DN, có hiện tượng đưa ra “các yêu cầu giấy tờ mà trong thủ tục hành chính không có”; DN cho rằng các thủ tục hành chính “còn khó khăn” vì thủ tục hành chính chuyển đổi số nhưng người thực hiện thì không có các thiết bị điện tử đáp ứng việc thực hiện các dịch vụ công trực tuyến.

11. Huyện Văn Quan

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	65.83	36.4
Xu hướng điểm số 2023-2024		-29.43
Xếp hạng	11	11
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		0

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					2	7
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	5.44	3.61		-1.83
		Xếp hạng	11	10		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	4.39	4.4	0.01	
		Xếp hạng	11	10		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	5.45	6.23	0.78	
		Xếp hạng	11	5		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	5.93	4.39		-1.54
		Xếp hạng	6	11		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7.33	2.51		-4.82
		Xếp hạng	10	11		
6	Tính năng động và hiệu lực của CQĐP	Điểm số		2.21		
		Xếp hạng		11		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.08	1.59		-7.49
		Xếp hạng	9	11		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9.26	6.29		-2.97
		Xếp hạng	6	7		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		1.18		
		Xếp hạng		11		
10	Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường	Điểm số	5.78	3.75		-2.03
		Xếp hạng	6	11		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý cải thiện: HKD khuyến nghị cần có sự ưu tiên và **hỗ trợ các giải pháp tốt** cho HKD nhiều hơn do các HKD trực tiếp đang bị ảnh hưởng bởi việc bán hàng online, ảnh hưởng khí hậu, thiên tai liên tiếp; HKD mong muốn được “giảm thuế”.

Phụ lục 2. Hồ sơ DDCI chi tiết của các Sở Ban Ngành

1. Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	80.45	78.54
Xu hướng điểm số 2023-2024		
Xếp hạng	14	10
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					3	5
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.78	7.68		-1.1
		Xếp hạng	2	14		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	7.66	8.13	0.47	
		Xếp hạng	17	13		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.43	7.38		-0.05
		Xếp hạng	14	11		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	6.21	8.15	1.94	
		Xếp hạng	19	2		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	6.96	7.38	0.42	
		Xếp hạng	16	15		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	9.05	7.79		-1.26
		Xếp hạng	3	11		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.34	8.1		-1.24
		Xếp hạng	15	15		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8.93	8.6		-0.33
		Xếp hạng	12	6		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		8.55		
		Xếp hạng		10		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý tích cực: DN ghi nhận dịch vụ hành chính công một cửa thường nhận kết quả và “trả đúng hạn”.

Góp ý cải thiện: DN cho rằng kết quả thẩm định qua hành chính công một cửa thường “không đạt được yêu cầu của doanh nghiệp”; Bộ phận một cửa vận dụng văn bản “thiếu linh hoạt” thậm chí đưa ra các trích dẫn văn bản “không phù hợp và không có lợi” trong việc hỗ trợ DN; DN mong muốn các DN vừa và nhỏ trong địa bàn tỉnh cần được quan tâm **hỗ trợ** hơn nữa; Đặc biệt, các DN vừa và nhỏ cần được tạo điều kiện để được tiếp cận các nguồn vốn đầu tư tốt hơn.

2. BQL Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng – Lạng Sơn

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	71.07	53.4
Xu hướng điểm số 2023-2024		
Xếp hạng	25	23
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					2	6
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7.17	3.23		-3.94
		Xếp hạng	22	24		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	8.48	6.35		-2.13
		Xếp hạng	5	21		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.55	6.28		-1.27
		Xếp hạng	12	22		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	5.28	6.18	0.9	
		Xếp hạng	25	16		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	5.69	7.63	1.94	
		Xếp hạng	24	11		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	7.18	4.98		-2.2
		Xếp hạng	22	21		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	6.75	4.67		-2.08
		Xếp hạng	25	22		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8.77	4.56		-4.21
		Xếp hạng	20	23		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		3.26		
		Xếp hạng		23		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

3. Công an tỉnh

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	81.49	56.88
Xu hướng điểm số 2023-2024		-24.61
Xếp hạng	12	21
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		-9

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
						8
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7.57	5.24		-2.33
		Xếp hạng	18	22		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	7.85	7.28		-0.57
		Xếp hạng	12	17		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.59	6.96		-0.63
		Xếp hạng	10	15		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	7.76	6.31		-1.45
		Xếp hạng	16	15		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7.65	6.72		-0.93
		Xếp hạng	5	20		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	8.17	4.71		-3.46
		Xếp hạng	13	22		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.57	4.38		-5.19
		Xếp hạng	10	23		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9.03	5.55		-3.48
		Xếp hạng	9	20		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		3.1		
		Xếp hạng		25		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý tích cực: DN ghi nhận “Công an PCCC luôn hỗ trợ tập huấn PCCC, Kiểm tra và nhắc nhở khắc phục các điều kiện PCCC tại chợ” **hỗ trợ DN** tránh các nguy cơ mất an toàn do cháy nổ.

Góp ý cải thiện: Việc Công an không dùng sổ hộ khẩu nữa dẫn đến việc cần xin xác nhận thông tin nơi cư trú phải di chuyển đến Công an phường xin, dẫn đến mất thời gian đi lại, **tăng chi phí thời gian** của DN.

4. Cục Hải Quan

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	73.29	61.11
Xu hướng điểm số 2023-2024		-12.18
Xếp hạng	22	20
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		-2

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					3	5
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	6.54	6.99	0.45	
		Xếp hạng	25	18		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	8.04	7.09		-0.95
		Xếp hạng	9	19		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	6.9	7.6	0.7	
		Xếp hạng	20	10		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	5.32	7.7	2.38	
		Xếp hạng	24	6		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7.24	6.15		-1.09
		Xếp hạng	11	22		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	7.95	4.63		-3.32
		Xếp hạng	14	23		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	8.16	6.51		-1.65
		Xếp hạng	22	19		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8.47	3.5		-4.97
		Xếp hạng	24	25		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		3.59		
		Xếp hạng		22		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý tích cực: DN bày tỏ sự hài lòng về việc “thủ tục hành chính nhanh chóng”, “tạo mọi điều kiện thuận lợi” giúp **hỗ trợ DN** phát triển.

5. Cục Quản lý thị trường

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	81.03	54.82
Xu hướng điểm số 2023-2024		-26.21
Xếp hạng	13	22
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		-9

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
						8
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.33	5.44		-2.89
		Xếp hạng	12	21		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	7.58	5.76		-1.82
		Xếp hạng	18	23		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.57	6.16		-1.41
		Xếp hạng	11	23		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	8.43	5.86		-2.57
		Xếp hạng	11	19		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	6.63	3.33		-3.3
		Xếp hạng	20	25		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	8.19	6.28		-1.91
		Xếp hạng	12	20		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.14	5.14		-4
		Xếp hạng	19	21		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8.95	6.75		-2.2
		Xếp hạng	11	17		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		4.75		
		Xếp hạng		20		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý tích cực: DN bày tỏ sự hài lòng về “khâu giải quyết thủ tục hành chính”.

6. Cục Thuế

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	79.72	79.26
Xu hướng điểm số 2023-2024		-0.46
Xếp hạng	17	9
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		8

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					3	5
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.85	8.45		-0.4
		Xếp hạng	1	9		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	7.91	8.2	0.29	
		Xếp hạng	10	11		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.37	8.15	0.78	
		Xếp hạng	15	6		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	5.78	8.7	2.92	
		Xếp hạng	23	1		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7.11	6.94		-0.17
		Xếp hạng	13	17		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	8.44	7.51		-0.93
		Xếp hạng	8	12		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.42	8.71		-0.71
		Xếp hạng	13	11		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8.89	7.28		-1.61
		Xếp hạng	14	13		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		7.79		
		Xếp hạng		14		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý tích cực: DN ghi nhận Cục thuế giải quyết các thủ tục hành chính “khá nhanh chóng”; DN bày tỏ sự hài lòng về “khâu giải quyết thủ tục hành chính” của cơ quan Thuế.

Góp ý cải thiện: HKD có mong muốn được cơ quan Thuế “hướng dẫn, đào tạo chi tiết hơn” về các chính sách thuế; HKD thương mại điện tử đề nghị “Các nội dung sửa đổi về thuế thương mại điện tử cần được phổ biến hơn và cập nhật thường xuyên” để **hỗ trợ DN/HKD** có thể nắm bắt được các thông tin cũng như quy trình chuẩn mực, tránh trường hợp dẫn đến “nộp phạt thuế thu nhập” do thiếu thông tin hiểu biết về các bộ luật sửa đổi; DN mong muốn các DN vừa và nhỏ được tiếp cận các nguồn vốn đầu tư tốt.

7. Ngân hàng Nhà nước tỉnh

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	82.55	77.25
Xu hướng điểm số 2023-2024		-5.3
Xếp hạng	7	12
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		-5

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					2	6
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.66	8.15		-0.51
		Xếp hạng	4	12		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	7.57	9.32	1.75	
		Xếp hạng	19	4		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.91	7.27		-0.64
		Xếp hạng	6	12		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	6.16	5.84		-0.32
		Xếp hạng	21	20		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7.29	7.65	0.36	
		Xếp hạng	9	10		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	9.78	7.11		-2.67
		Xếp hạng	1	14		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.8	9.37		-0.43
		Xếp hạng	7	7		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8.86	8.74		-0.12
		Xếp hạng	15	3		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		6.74		
		Xếp hạng		17		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý cải thiện: Các DN vừa và nhỏ mong muốn được tạo điều kiện về nguồn vốn để **hỗ trợ DN** phát triển đi lên.

8. Sở Công thương

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	78.9	70.12
Xu hướng điểm số 2023-2024		-8.78
Xếp hạng	19	17
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		2

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					1	7
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.56	8.1		-0.46
		Xếp hạng	6	13		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	8.07	7.05		-1.02
		Xếp hạng	8	20		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.16	6.99		-0.17
		Xếp hạng	18	14		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	6.16	7.51	1.35	
		Xếp hạng	21	8		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7.29	6.39		-0.9
		Xếp hạng	9	21		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	7.86	6.78		-1.08
		Xếp hạng	15	16		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.29	7.82		-1.47
		Xếp hạng	17	17		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8.74	5.29		-3.45
		Xếp hạng	21	21		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		7.17		
		Xếp hạng		15		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý cải thiện: DN bày tỏ Sở phối hợp với DN trong việc xử lý các sự vụ phát sinh tốt, các vấn đề “được giải quyết nhanh chóng”; DN mong muốn năng lực điều hành của Cơ quan Nhà nước luôn được “cải thiện và nâng cao”.

9. Sở Giáo dục và Đào tạo

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	81.99	73.14
Xu hướng điểm số 2023-2024		-8.85
Xếp hạng	10	16
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		-6

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					2	6
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.35	8.49	0.14	
		Xếp hạng	10	8		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	9	8.33		-0.67
		Xếp hạng	1	9		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.14	5.67		-1.47
		Xếp hạng	19	24		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	10	6.78		-3.22
		Xếp hạng	1	12		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	8.52	6.91		-1.61
		Xếp hạng	1	18		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	4.73	8.2	3.47	
		Xếp hạng	25	8		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.9	8.45		-1.45
		Xếp hạng	5	13		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	7.95	6.94		-1.01
		Xếp hạng	25	15		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		5.8		
		Xếp hạng		18		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

10. Sở Giao thông vận tải

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	80.02	82.09
Xu hướng điểm số 2023-2024		2.07
Xếp hạng	16	5
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		11

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					5	3
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.51	9.15	0.64	
		Xếp hạng	7	5		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	6.94	8.17	1.23	
		Xếp hạng	20	12		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.85	8.35	0.5	
		Xếp hạng	7	4		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	6.95	5.52		-1.43
		Xếp hạng	18	21		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7.72	7.4		-0.32
		Xếp hạng	4	14		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	8.33	8.54	0.21	
		Xếp hạng	10	7		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	8.99	9.61	0.62	
		Xếp hạng	20	6		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8.73	8		-0.73
		Xếp hạng	22	8		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		9.43		
		Xếp hạng		5		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý tích cực: DN đánh giá “thủ tục nhanh chóng, thuận tiện”.

Góp ý cải thiện: Có DN phản ánh quy trình làm việc của Sở trong việc xử lý các hồ sơ xử phạt “lâu” và “quy trình chưa cụ thể”, thời gian chờ đợi kết quả xử lý “chậm”, thái độ của cán bộ “chưa tích cực”.

11. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	84.9	77.11
Xu hướng điểm số 2023-2024		-7.79
Xếp hạng	4	13
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		-9

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					3	5
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.59	7.29		-1.3
		Xếp hạng	5	17		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	7.83	7.24		-0.59
		Xếp hạng	13	18		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	8	8.03	0.03	
		Xếp hạng	5	7		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	9.97	7.26		-2.71
		Xếp hạng	4	10		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7.34	7.81	0.47	
		Xếp hạng	7	8		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	7.86	8.09	0.23	
		Xếp hạng	15	9		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.48	8.01		-1.47
		Xếp hạng	12	16		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8.84	7.87		-0.97
		Xếp hạng	17	9		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		7.03		
		Xếp hạng		16		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý tích cực : DN ghi nhận Sở có “hướng dẫn thủ tục cho DN” hỗ trợ DN thực hiện các thủ tục hành chính một cách nhanh nhất; DN đánh giá các **thủ tục hành chính** của Sở “nhanh gọn, có thể làm online”, “nhanh chóng, tạo mọi điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp phát triển”; DN ghi nhận các thủ tục đăng ký kinh doanh được thực hiện qua mạng rất thuận tiện; DN ghi nhận các cán bộ sở hướng dẫn rất nhiệt tình qua điện thoại; DN ghi nhận khi thực hiện các thủ tục hành chính tại trung tâm hành chính công của tỉnh được cán bộ hướng dẫn rất nhiệt tình; DN nhận thấy Sở hỗ trợ DN “rất nhiều”.

Góp ý cải thiện: DN phản ánh việc triển khai nghị quyết đôi khi còn chậm.

12. Sở Khoa học và Công nghệ

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	82.54	80.69
Xu hướng điểm số 2023-2024		-1.85
Xếp hạng	8	6
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		2

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					2	6
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.41	8.35		-0.06
		Xếp hạng	9	10		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	7.76	9.94	2.18	
		Xếp hạng	15	1		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	8.45	8.18		-0.27
		Xếp hạng	2	5		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	7.66	7.31		-0.35
		Xếp hạng	17	9		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7.03	7.01		-0.02
		Xếp hạng	15	16		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	8.45	7.15		-1.3
		Xếp hạng	7	13		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.3	9.76	0.46	
		Xếp hạng	16	4		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8.96	7.77		-1.19
		Xếp hạng	10	10		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		9.68		
		Xếp hạng		2		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý cải thiện: DN mong muốn được **tiếp cận các nguồn vốn** và công trình, dự án của Nhà nước; DN kiến nghị đến Sở trong việc **hướng dẫn các thủ tục hành chính** cho DN cần "tận tình hơn", các **thủ tục hành chính trên cổng thông tin điện tử** "cần hoàn thiện hơn" vì hiện nay vẫn còn "rất nhiều thủ tục phải nộp trực tiếp"; DN đề nghị Sở kiến tạo môi trường đầu tư "năng động hơn nữa, dễ dàng hơn" để **thu hút các nhà đầu tư** đến đầu tư để phát triển kinh tế xã hội của tỉnh.

13. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	87.77	80.03
Xu hướng điểm số 2023-2024		-7.74
Xếp hạng	1	8
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		-7

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					3	5
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.45	8.83	0.38	
		Xếp hạng	8	6		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	8.23	9.11	0.88	
		Xếp hạng	7	6		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	8.82	7.92		-0.9
		Xếp hạng	1	8		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	9.88	7.2		-2.68
		Xếp hạng	5	11		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7.11	8.6	1.49	
		Xếp hạng	13	3		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	8.91	6.65		-2.26
		Xếp hạng	4	17		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.78	8.69		-1.09
		Xếp hạng	8	12		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9.05	7.13		-1.92
		Xếp hạng	8	14		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		8.91		
		Xếp hạng		9		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

14. Sở Ngoại vụ

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	80.09	78.07
Xu hướng điểm số 2023-2024		-2.02
Xếp hạng	15	11
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		4

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					5	3
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7.61	8.35	0.74	
		Xếp hạng	17	10		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	8.71	9.1	0.39	
		Xếp hạng	2	7		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	5.63	6.87	1.24	
		Xếp hạng	23	16		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	10	6.4		-3.6
		Xếp hạng	1	14		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	5.39	7.96	2.57	
		Xếp hạng	25	7		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	7.55	8.01	0.46	
		Xếp hạng	20	10		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	10	8.2		-1.8
		Xếp hạng	1	14		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9.19	7.67		-1.52
		Xếp hạng	5	11		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		8.93		
		Xếp hạng		8		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý cải thiện: DN mong muốn Sở có các phương án “thu hút đầu tư, tạo thêm công ăn việc làm cho nhân dân biên giới” và dành sự quan tâm đến các doanh nghiệp trong tỉnh; đồng thời, tạo mọi điều kiện cho doanh nghiệp đầu tư vào tỉnh; DN đề nghị các thủ tục hành chính cần “nhANH chóng, thông thoáng” để doanh nghiệp phát triển.

15. Sở Nội vụ

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	81.8	88.64
Xu hướng điểm số 2023-2024		6.84
Xếp hạng	11	3
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		8

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					5	3
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7.38	9.32	1.94	
		Xếp hạng	20	3		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	8.71	9.68	0.97	
		Xếp hạng	2	3		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.17	9.93	2.76	
		Xếp hạng	17	1		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	9.09	6.03		-3.06
		Xếp hạng	9	17		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	6.45	9.1	2.65	
		Xếp hạng	22	1		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	7.49	9.47	1.98	
		Xếp hạng	21	4		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	10	9.05		-0.95
		Xếp hạng	1	10		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9.15	7.49		-1.66
		Xếp hạng	6	12		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		9		
		Xếp hạng		7		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

16. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	83.87	73.9
Xu hướng điểm số 2023-2024		-9.97
Xếp hạng	5	14
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		-9

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					1	7
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7.55	7.33		-0.22
		Xếp hạng	19	16		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	7.86	7.5		-0.36
		Xếp hạng	11	15		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	8.26	7.12		-1.14
		Xếp hạng	4	13		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	8.44	6.57		-1.87
		Xếp hạng	10	13		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7.34	8.45	1.11	
		Xếp hạng	7	4		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	8.42	6.61		-1.81
		Xếp hạng	9	18		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.98	9.14		-0.84
		Xếp hạng	4	8		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9.24	6.27		-2.97
		Xếp hạng	3	18		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		7.8		
		Xếp hạng		13		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý tích cực: DN ghi nhận sự **hỗ trợ và tạo điều kiện** của Sở trong việc hỗ trợ các DN quảng bá và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của đơn vị; DN ghi nhận Sở kết hợp cùng DN xử lý các công việc liên quan tốt.

Góp ý cải thiện: DN nhận định việc quảng bá du lịch ẩm thực Tỉnh đang “kém hơn so với các Tỉnh khác”, DN kiến nghị Sở cần quan tâm hơn đến các HTX và DN có tiềm năng, nhiệt tình và tâm huyết trong việc phát triển du lịch, ẩm thực của địa phương mình bằng việc thực hiện nghiêm túc và chuyên nghiệp các hội chợ cấp Tỉnh, các thủ tục mời/thông báo tham gia hội chợ cần được gửi đầy đủ vì có hiện tượng các cơ sở có nhu cầu tham gia nhưng không nhận được thư mời/thông báo; HTX khuyến nghị Sở xem xét tạo điều kiện cho các HTX được phát triển hơn nữa bằng việc cung cấp các **chính sách hỗ trợ** “rõ ràng hơn và ưu tiên nhiều hơn” cho các đơn vị tại địa phương.

17. Sở Tài chính

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	86.79	73.54
Xu hướng điểm số 2023-2024		-13.25
Xếp hạng	3	15
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		-12

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					1	6
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.76	6.45		-2.31
		Xếp hạng	3	20		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	7.77	7.52		-0.25
		Xếp hạng	14	14		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.66	6.71		-0.95
		Xếp hạng	8	18		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	10	5.02		-4.98
		Xếp hạng	1	23		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7.52	7.52	0	
		Xếp hạng	6	13		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	8.69	9.07	0.38	
		Xếp hạng	5	6		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.54	6.49		-3.05
		Xếp hạng	11	20		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9.49	8.74		-0.75
		Xếp hạng	1	3		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		9.81		
		Xếp hạng		1		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

18. Sở Tài nguyên và Môi trường

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	74.79	46.5
Xu hướng điểm số 2023-2024		-28.29
Xếp hạng	21	24
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		-3

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
						8
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7.63	4.63		-3
		Xếp hạng	16	23		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	6.39	5.73		-0.66
		Xếp hạng	23	24		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	6.83	6.56		-0.27
		Xếp hạng	21	21		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	8.43	5.26		-3.17
		Xếp hạng	11	22		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	6.87	5.58		-1.29
		Xếp hạng	18	23		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	7.12	2.68		-4.44
		Xếp hạng	23	24		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	7.89	2.39		-5.5
		Xếp hạng	24	25		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8.66	5.25		-3.41
		Xếp hạng	23	22		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		3.11		
		Xếp hạng		24		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý tích cực: DN nhận định Sở “luôn cập nhật và hướng dẫn cho DN các chính sách, quy định theo đúng pháp luật”; DN bày tỏ sự hài lòng về **dịch vụ công trực tuyến** “nhanh”, tải được các hồ sơ “dung lượng lớn”, đánh giá tốt hơn nhiều tình lân cận;

Góp ý cải thiện: DN mong muốn Sở “sát sao” trong việc **hỗ trợ DN phát triển** trên địa bàn địa phương; DN đề nghị Phòng tài nguyên môi trường thành phố nên xem xét lại về các trường hợp liên quan đến đất cho tặng; DN ghi nhận Sở hỗ trợ và phối hợp DN tốt; DN phản nản các **thủ tục hành chính công** của Sở còn “phức tạp”, đối với các thủ tục **tiếp cận đất đai** đôi khi còn “mất thời gian”, chưa rõ ràng về thủ tục “vừa nộp trực tuyến mà vẫn phải nộp hồ sơ một cửa”; DN phản ánh bộ phận một cửa chưa được trang bị máy móc thiết bị để hỗ trợ nộp hồ sơ trực tuyến, “bắt người nộp thực hiện trên điện thoại cá nhân”.

19. Sở Thông tin và Truyền thông

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	83.12	91.38
Xu hướng điểm số 2023-2024		8.26
Xếp hạng	6	2
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		4

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					7	1
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.23	9.47	1.24	
		Xếp hạng	13	1		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	6.58	9.28	2.7	
		Xếp hạng	21	5		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	8.38	8.71	0.33	
		Xếp hạng	3	3		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	9.49	7.54		-1.95
		Xếp hạng	8	7		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	6.87	8.35	1.48	
		Xếp hạng	18	5		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	8.51	9.75	1.24	
		Xếp hạng	6	2		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.58	10	0.42	
		Xếp hạng	9	1		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8.86	10	1.14	
		Xếp hạng	15	1	1.24	
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		9.55		
		Xếp hạng		3		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

20. Sở Tư pháp

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	87.34	68.39
Xu hướng điểm số 2023-2024		-18.95
Xếp hạng	2	19
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		-17

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					1	7
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.34	6.81		-1.53
		Xếp hạng	11	19		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	8.34	8.39	0.05	
		Xếp hạng	6	8		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.66	6.64		-1.02
		Xếp hạng	8	19		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	9.55	4.01		-5.54
		Xếp hạng	6	24		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	8.36	7.7		-0.66
		Xếp hạng	2	9		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	8.32	7.02		-1.3
		Xếp hạng	11	15		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	10	9.11		-0.89
		Xếp hạng	1	9		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9.31	6.23		-3.08
		Xếp hạng	2	19		-1.53
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		5.18		
		Xếp hạng		19		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý tích cực: DN ghi nhận Sở “thường xuyên cập nhật những thay đổi về quy trình, thủ tục, hồ sơ theo quy định của pháp luật hiện hành”; DN đánh giá việc cập nhật trên các **trang thông tin điện tử** của Sở là “nhanh chóng”; DN cho rằng Sở thực hiện **giải quyết các thủ tục hành chính** “tương đối nhanh, ổn”.

21. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	82.04	69.88
Xu hướng điểm số 2023-2024		-12.16
Xếp hạng	9	18
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		-9

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					1	7
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7.28	7.51	0.23	
		Xếp hạng	21	15		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	8.67	7.49		-1.18
		Xếp hạng	4	16		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.46	6.72		-0.74
		Xếp hạng	13	17		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	8.43	6.01		-2.42
		Xếp hạng	11	18		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	7.13	6.74		-0.39
		Xếp hạng	12	19		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	7.58	6.49		-1.09
		Xếp hạng	19	19		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.86	7.8		-2.06
		Xếp hạng	6	18		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9.22	6.86		-2.36
		Xếp hạng	4	16		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		8.54		
		Xếp hạng		11		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

22. Sở Xây dựng

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	77.2	37.86
Xu hướng điểm số 2023-2024		-39.34
Xếp hạng	20	25
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		-5

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
						8
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	8.22	2.54		-5.68
		Xếp hạng	14	25		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	6.55	5.85		-0.7
		Xếp hạng	22	22		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	7.23	6.63		-0.6
		Xếp hạng	16	20		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	6.2	2.45		-3.75
		Xếp hạng	20	25		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	8.08	5.03		-3.05
		Xếp hạng	3	24		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	7.83	1.31		-6.52
		Xếp hạng	17	25		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	8.81	2.78		-6.03
		Xếp hạng	21	24		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8.83	4.19		-4.64
		Xếp hạng	18	24		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		4.5		
		Xếp hạng		21		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý cải thiện: DN phản ánh một số nhân viên làm việc tại bộ phận một cửa thuộc trung tâm hành chính công “còn lơ là, thiếu trách nhiệm”, gây ra các cảm xúc tiêu cực cho đơn vị, DN mong muốn nhận được sự “hướng dẫn tận tình hơn nữa” khi thực hiện các thủ tục hành chính tại Sở.

23. Sở Y tế

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	72.08	85.73
Xu hướng điểm số 2023-2024		13.65
Xếp hạng	24	4
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		20

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					6	2
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7	9.3	2.3	
		Xếp hạng	24	4		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	6.35	8.22	1.87	
		Xếp hạng	24	10		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	5.94	7.75	1.81	
		Xếp hạng	22	9		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	8.4	8.05		-0.35
		Xếp hạng	14	4		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	5.7	7.6	1.9	
		Xếp hạng	23	12		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	6.2	9.63	3.43	
		Xếp hạng	24	3		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.24	9.67	0.43	
		Xếp hạng	18	5		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8.83	8.25		-0.58
		Xếp hạng	18	7		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		8.45		
		Xếp hạng		12		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Góp ý cải thiện: DN mong muốn các **thủ tục hành chính** của Sở “cần đơn giản, giải quyết nhanh chóng hơn”; cán bộ cần hướng dẫn các thủ tục “tận tình hơn” cho DN; các **thủ tục hành chính trên cổng thông tin điện tử** “cần hoàn thiện” vì vẫn còn “rất nhiều thủ tục phải nộp trực tiếp”; DN mong muốn Sở tạo ra môi trường đầu tư năng động để thu hút các nhà đầu tư với các DN làm việc với Sở.

24. Thanh tra tỉnh

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	79.55	92.26
Xu hướng điểm số 2023-2024		12.71
Xếp hạng	18	1
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		17

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					6	2
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7.94	9.45	1.51	
		Xếp hạng	15	2		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	7.73	9.77	2.04	
		Xếp hạng	16	2		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	5.54	9.21	3.67	
		Xếp hạng	24	2		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	9.52	8.15		-1.37
		Xếp hạng	7	2		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	6.9	8.73	1.83	
		Xếp hạng	17	2		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	7.75	9.87	2.12	
		Xếp hạng	18	1		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	9.35	9.89	0.54	
		Xếp hạng	14	3		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	8.91	8.68		-0.23
		Xếp hạng	13	5		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		9.53		
		Xếp hạng		4		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

25. Tòa án nhân dân tỉnh

a. Điểm số và xếp hạng giai đoạn 2023-2024

Năm	2023	2024
Điểm số	72.68	80.17
Xu hướng điểm số 2023-2024		7.49
Xếp hạng	23	7
Xu hướng thứ hạng 2023-2024		16

(*) Dấu trừ: thể hiện xu hướng giảm; Dấu cộng: thể hiện xu hướng tăng

b. Kết quả 10 chỉ số thành phần DDCI 2023-2024

STT	Chỉ số thành phần	Năm	2023	2024	Số lượng chỉ số	
Xu hướng thay đổi điểm số giai đoạn 2023-2024					Tăng	Giảm
					4	4
1	Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Điểm số	7.05	8.78	1.73	
		Xếp hạng	23	7		
2	Chi phí thời gian	Điểm số	4.45	5.5	1.05	
		Xếp hạng	25	25		
3	Chi phí không chính thức	Điểm số	5.22	4.53		-0.69
		Xếp hạng	25	25		
4	Cạnh tranh bình đẳng	Điểm số	8.29	7.75		-0.54
		Xếp hạng	15	5		
5	Hỗ trợ doanh nghiệp	Điểm số	6.6	8.26	1.66	
		Xếp hạng	21	6		
6	Tính năng động và hiệu lực của SBN	Điểm số	9.48	9.16		-0.32
		Xếp hạng	2	5		
7	Vai trò người đứng đầu	Điểm số	7.93	10	2.07	
		Xếp hạng	23	1		
8	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Điểm số	9.12	8.89		-0.23
		Xếp hạng	7	2		
9	Ứng dụng công nghệ thông tin	Điểm số		9.37		
		Xếp hạng		6		

c. Góp ý từ DN/HTX/HKD:

Phụ lục 3: Bảng xếp hạng DDCI khối UBND cấp huyện, thành phố

Xếp hạng	Tên huyện, thành phố	Chỉ số thành phần và tiêu chí										DDCI (Thang điểm 100)
		Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Tính năng động của chính quyền địa phương	Vai trò người đứng đầu	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Ứng dụng công nghệ thông tin	Tiếp cận đất đai, ổn định trong sử dụng đất và môi trường	
1	Thành Phố Lạng Sơn	7,96	5,83	6,32	6,82	6,49	7,89	8,78	7,52	8,36	7,24	72,74
2	Huyện Hữu Lũng	7,35	7,85	5,59	4,5	7,9	8,04	9,25	8,43	8,14	6,95	72,21
3	Huyện Bắc Sơn	8,49	7,55	3,69	6,22	7,26	7,97	8,83	6,82	7,71	7,41	70,63
4	Huyện Đình Lập	5,88	6,88	8,84	7,37	7	6,88	7,27	5,32	7,49	6,07	70,02
5	Huyện Cao Lộc	7,09	6,6	5,65	6,21	6,57	6,36	7,97	7,8	6,19	6,55	66,35
6	Huyện Lộc Bình	4,07	7,56	6,46	6,25	7,36	5,74	7,75	8,54	7,41	7,38	65,71
7	Huyện Tràng Định	6,13	6,49	4,31	7,82	7,43	7,92	8,37	4,04	8,37	5,3	65,67
8	Huyện Chi Lăng	6,3	3,22	3,63	4,41	7,99	8,46	7,81	6,56	8,75	6,42	63,25
9	Huyện Bình Gia	4,62	7,04	4,58	5,69	7,71	6,59	7,45	4,98	6,89	7,2	61,75
10	Huyện Văn Lãng	2,66	5,68	6,56	6,74	4,79	3,53	5,23	6,07	3,23	4,64	48,65
11	Huyện Văn Quan	3,61	4,4	6,23	4,39	2,51	2,21	1,59	6,29	1,18	3,75	36,4
		6,13	6,6	5,65	6,22	7,26	6,88	7,81	6,56	7,49	6,55	65,71

Phụ lục 4: Bảng xếp hạng DDCI khối sở, ban, ngành

Xếp hạng	Tên SBN	Chỉ số thành phần và tiêu chí									DDCI (Thang điểm 100)
		Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Tính năng động của chính quyền địa phương	Vai trò người đứng đầu	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Ứng dụng công nghệ thông tin	
1	Thanh tra tỉnh	9,45	9,77	9,21	8,15	8,73	9,87	9,89	8,68	9,53	92,26
2	Sở Thông tin và Truyền thông	9,47	9,28	8,71	7,54	8,35	9,75	10	10	9,55	91,38
3	Sở Nội vụ	9,32	9,68	9,93	6,03	9,1	9,47	9,05	7,49	9	88,64
4	Sở Y tế	9,3	8,22	7,75	8,05	7,6	9,63	9,67	8,25	8,45	85,73
5	Sở Giao thông vận tải	9,15	8,17	8,35	5,52	7,4	8,54	9,61	8	9,43	82,09
6	Sở Khoa học và Công nghệ	8,35	9,94	8,18	7,31	7,01	7,15	9,76	7,77	9,68	80,69
7	Tòa án nhân dân tỉnh	8,78	5,5	4,53	7,75	8,26	9,16	10	8,89	9,37	80,17
8	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội	8,83	9,11	7,92	7,2	8,6	6,65	8,69	7,13	8,91	80,03
9	Cục Thuế	8,45	8,2	8,15	8,7	6,94	7,51	8,71	7,28	7,79	79,26
10	Bảo hiểm xã hội tỉnh Lạng Sơn	7,68	8,13	7,38	8,15	7,38	7,79	8,1	8,6	8,55	78,54
11	Sở Ngoại vụ	8,35	9,1	6,87	6,4	7,96	8,01	8,2	7,67	8,93	78,07
12	Ngân hàng Nhà nước tỉnh	8,15	9,32	7,27	5,84	7,65	7,11	9,37	8,74	6,74	77,25
13	Sở Kế hoạch và Đầu tư	7,29	7,24	8,03	7,26	7,81	8,09	8,01	7,87	7,03	77,11
14	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	7,33	7,5	7,12	6,57	8,45	6,61	9,14	6,27	7,8	73,9
15	Sở Tài chính	6,45	7,52	6,71	5,02	7,52	9,07	6,49	8,74	9,81	73,54
16	Sở Giáo dục và Đào tạo	8,49	8,33	5,67	6,78	6,91	8,2	8,45	6,94	5,8	73,14

Xếp hạng	Tên SBN	Chỉ số thành phần và tiêu chí									DDCI (Thang điểm 100)
		Tính minh bạch và tiếp cận thông tin	Chi phí thời gian	Chi phí không chính thức	Cạnh tranh bình đẳng	Hỗ trợ doanh nghiệp	Tính năng động của chính quyền địa phương	Vai trò người đứng đầu	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự	Ứng dụng công nghệ thông tin	
17	Sở Công Thương	8,1	7,05	6,99	7,51	6,39	6,78	7,82	5,29	7,17	70,12
18	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	7,51	7,49	6,72	6,01	6,74	6,49	7,8	6,86	8,54	69,88
19	Sở Tư pháp	6,81	8,39	6,64	4,01	7,7	7,02	9,11	6,23	5,18	68,39
20	Cục Hải quan	6,99	7,09	7,6	7,7	6,15	4,63	6,51	3,5	3,59	61,11
21	Công an tỉnh	5,24	7,28	6,96	6,31	6,72	4,71	4,38	5,55	3,1	56,88
22	Cục Quản lý thị trường	5,44	5,76	6,16	5,86	3,33	6,28	5,14	6,75	4,75	54,82
23	Ban Quản lý Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng - Lạng Sơn	3,23	6,35	6,28	6,18	7,63	4,98	4,67	4,56	3,26	53,4
24	Sở Tài nguyên và Môi trường	4,63	5,73	6,56	5,26	5,58	2,68	2,39	5,25	3,11	46,5
25	Sở Xây dựng	2,54	5,85	6,63	2,45	5,03	1,31	2,78	4,19	4,5	37,86
		8,1	8,13	7,12	6,57	7,52	7,15	8,45	7,28	7,8	77,11